

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

-----

**Nguyễn Phú Tân Hương**

**NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CỦA ASEAN TRONG QUAN HỆ  
VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ  
MÃ SỐ: 62 31 02 06**

**HÀ NỘI – 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ NGOẠI GIAO**

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO**

-----

**Nguyễn Phú Tân Hương**

**NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CỦA ASEAN TRONG QUAN HỆ  
VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 62310206

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1: TS. Đỗ Sơn Hải

2: PGS.TS. Hoàng Khắc Nam

**HÀ NỘI - 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận án Tiến sỹ với tên đề tài: “NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CỦA ASEAN TRONG QUAN HỆ VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi và tôi chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin, số liệu đưa ra trong luận án.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016*

Nghiên cứu sinh

**Nguyễn Phú Tân Hương**

## LỜI CẢM ƠN

Luận án này là kết quả học tập và nghiên cứu trong suốt hơn bốn năm qua của tôi. Để có thể hoàn thành Luận án này, ngoài những nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu của cá nhân, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình và sự động viên tinh thần vô cùng to lớn của nhiều người. Bởi vậy, nhân đây, tôi muốn dành lời cảm ơn này tới những người mà tôi biết ơn nhất và yêu quý nhất.

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc và bày tỏ lòng kính trọng đến hai Thầy hướng dẫn: TS. Đỗ Sơn Hải, Trưởng Khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao, Học viện Ngoại giao và PGS.TS. Hoàng Khắc Nam, Trưởng Khoa Quốc tế học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội - những người đã hướng dẫn, chỉ bảo và luôn theo sát em trong quá trình học tập và nghiên cứu. Em cũng xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới GS. Vũ Dương Ninh, GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương, PGS.TS. Võ Kim Cương, GS. Trần Thị Vinh, PGS.TS. Phạm Quang Minh và các Thầy/Cô trong các Hội đồng bảo vệ Luận án. Những lời nhận xét mang tính xây dựng của các Thầy/Cô đã giúp em nhận ra những thiếu sót trong quá trình viết và hướng dẫn em cách chỉnh sửa để Luận án được hoàn thiện hơn.

Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn đến các chị/em làm việc tại Thư viện Học viện Ngoại giao, Thư viện của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và các anh chị ở Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao, Ban Thư ký ASEAN tại Jakarta, Viện Nghiên cứu chiến lược Ngoại giao, Bộ Ngoại giao, những người đã giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình tìm đọc tài liệu và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn cũng như chia sẻ ý kiến cá nhân. Cảm ơn TS. Đỗ Thị Thanh Bình, Phó Trưởng Khoa Đào tạo sau Đại học, và những đồng nghiệp, những người bạn thân thiết đã động viên, tiếp thêm sức mạnh cho tôi trong quá trình nghiên cứu và viết Luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc nhất đến gia đình. Con xin cảm ơn bố mẹ, những người đã luôn âm thầm che chở, động viên, quan tâm và giúp đỡ con trong suốt mấy chục năm qua. Cảm ơn chồng và hai con đã trở thành điểm tựa tinh thần vững chắc cho em trong công việc và học hành, nghiên cứu trong hơn 4 năm. Chính vì gia đình mà tôi đã luôn nỗ lực phấn đấu, vươn lên và cũng nhờ nền tảng gia đình vững chắc mà tôi có thể yên tâm tập trung vào công việc và nghiên cứu.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016*

Nghiên cứu sinh

**Nguyễn Phú Tân Hương**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH CỦA ASEAN TRONG QUAN HỆ VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH .....</b>	<b>18</b>
<b>1.1. Cơ sở lý luận .....</b>	<b>18</b>
<i>1.1.1. Nhận thức về chính sách đối ngoại và phân tích chính sách đối ngoại.....</i>	<i>18</i>
<i>1.1.2. Sự phối hợp đối ngoại của ASEAN trong quan hệ với Mỹ .....</i>	<i>20</i>
<b>1.2. Cơ sở thực tiễn .....</b>	<b>23</b>
<b>1.2.1. Quan hệ ASEAN - Mỹ từ năm 1967 - 1991.....</b>	<b>23</b>
<i>Giai đoạn 1967 - 1977.....</i>	<i>23</i>
<i>Giai đoạn 1977 - 1991.....</i>	<i>29</i>
<b>1.2.2. Những thay đổi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh.....</b>	<b>35</b>
<i>Tác động của xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển và toàn cầu hóa - khu vực hóa đến QHQT trong khu vực .....</i>	<i>35</i>
<i>Sự thay đổi trong tương quan so sánh lực lượng tại châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt, sự nổi lên của Trung Quốc .....</i>	<i>38</i>
<i>Sự phát triển của các vấn đề an ninh phi truyền thống.....</i>	<i>51</i>
<b>1.2.3. Mục tiêu và lợi ích của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh.....</b>	<b>54</b>
<b>1.2.4. Tính toán chiến lược của Mỹ trong quan hệ với ASEAN từ sau Chiến tranh lạnh.....</b>	<b>57</b>
<i>Quan điểm của Chính quyền Clinton về ASEAN.....</i>	<i>57</i>
<i>Quan điểm của Mỹ về ASEAN dưới thời Tổng thống G. W. Bush .....</i>	<i>58</i>

<i>Chiến lược “Quay trở lại châu Á” của Chính quyền Obama và toan tính với ASEAN</i> .....	59
<b>Tiểu kết chương</b> .....	<b>60</b>
<b>CHƯƠNG 2: ASEAN ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH</b> .....	<b>62</b>
<b>2.1. Điều chỉnh về lập trường chung với Mỹ</b> .....	<b>62</b>
<i>2.1.1. ASEAN cần Mỹ ủng hộ quá trình mở rộng thành viên và xây dựng Cộng đồng</i> .....	62
<i>2.1.2. ASEAN đẩy mạnh hợp tác với Mỹ trên lĩnh vực kinh tế và các vấn đề an ninh phi truyền thống</i> .....	66
<i>2.1.3. ASEAN muốn Mỹ ủng hộ việc nâng cao vai trò, vị thế trong khu vực và trên thế giới</i> .....	68
<b>2.2. Điều chỉnh về nội dung quan hệ</b> .....	<b>70</b>
<i>2.2.1. Giai đoạn từ năm 1991 - 1999</i> .....	70
<i>2.2.2. Giai đoạn từ năm 1999 - 2008</i> .....	72
<i>2.2.3. Giai đoạn từ năm 2008 đến nay</i> .....	75
<b>2.3. Điều chỉnh về phương thức triển khai</b> .....	<b>78</b>
<i>2.3.1. Giai đoạn 1991 - 1999: ASEAN “độc lập, tự chủ” hơn trong quan hệ với Mỹ</i> .....	78
<i>2.3.2. Giai đoạn 1999 - 2008: ASEAN đẩy mạnh hợp tác với Mỹ trên một số lĩnh vực</i> .....	85
<i>2.3.3. Giai đoạn từ năm 2008 đến nay: ASEAN hợp tác toàn diện và tăng cường lôi kéo sự “dính líu” của Mỹ vào khu vực</i> .....	99
<i>Quan hệ song phương: Các thành viên của ASEAN chia thành ba nhóm nước trong quan hệ với Mỹ</i> .....	102
<i>Quan hệ đa phương:</i> .....	106
<b>Tiểu kết chương</b> .....	<b>116</b>
<b>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TRIỂN VỌNG ASEAN ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ VỚI MỸ ĐẾN NĂM 2020</b> .....	<b>118</b>

<b>3.1. Đánh giá sự điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh .....</b>	<b>118</b>
<b>3.1.1. Một vài nhận định tổng quan về sự điều chỉnh của ASEAN.....</b>	<b>118</b>
<b>3.1.2. Tác động.....</b>	<b>120</b>
<b>3.2. Triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ tới năm 2020 .....</b>	<b>127</b>
<b>3.2.1. Một số dự báo về tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương..</b>	<b>127</b>
<b>3.2.2. Những cơ hội đem lại từ việc ASEAN tăng cường lôi kéo sự “dính liú” của Mỹ vào khu vực .....</b>	<b>129</b>
<b>3.2.3. Những thách thức đặt ra cho quan hệ ASEAN - Mỹ.....</b>	<b>130</b>
<b>3.2.4. Triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ .....</b>	<b>134</b>
<i>Kịch bản 1: ASEAN sẽ ngả theo Mỹ chống Trung Quốc .....</i>	<i>134</i>
<i>Kịch bản 2: ASEAN sẽ lạnh nhạt hơn trong quan hệ với Mỹ và nghiêng nhiều hơn về phía Trung Quốc.....</i>	<i>135</i>
<i>Kịch bản 3: ASEAN sẽ tiếp tục giữ vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với Mỹ - Trung Quốc và vươn lên đóng vai trò trung tâm trong kiến trúc khu vực CA-TBD đang định hình .....</i>	<i>136</i>
<b>3.3. Khuyến nghị chính sách của Việt Nam.....</b>	<b>138</b>
<b>3.3.1. Khuyến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn nói chung.....</b>	<b>138</b>
<b>3.3.2. Khuyến nghị chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ và ASEAN.....</b>	<b>141</b>
<i>Trong quan hệ với Mỹ .....</i>	<i>141</i>
<i>Trong quan hệ với ASEAN .....</i>	<i>142</i>
<b>Tiểu kết chương .....</b>	<b>145</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>147</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH, BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ.....</b>	<b>151</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>152</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>169</b>

## DANH MỤC CỤM TỪ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Tiếng Anh</b>	<b>Tiếng Việt</b>
ADMM+	ASEAN Defense Ministerial Meeting Plus	Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng
AEC	ASEAN Economic Community	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
AFTA	ASEAN Free Trade Area	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
AMM	ASEAN Ministerial Meeting	Hội nghị Bộ trưởng ASEAN
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Hợp tác kinh tế khu vực châu Á – Thái Bình Dương
APSC	ASEAN Political Security Community	Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
ASCC	ASEAN Socio-Cultural Community	Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEAN+1	ASEAN Plus One	Hội nghị Cấp cao ASEAN+1
ASEAN+3	ASEAN Plus Three	Hội nghị Cấp cao ASEAN+3
COC	Code of Conduct	Bộ Quy tắc ứng xử trên biển Đông
DOC	Declaration of Conduct	Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông

EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư nước ngoài trực tiếp
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Tự do
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm Quốc nội
JIM	Jakarta Informal Meeting	Cuộc họp không chính thức Jakarta về vấn đề Campuchia
NPT	Non-Proliferation Treaty	Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân
ODA	Official Development Assistance	Viện trợ phát triển chính thức
PMC	Post Ministerial Conference	Hội nghị hậu Hội nghị Bộ trưởng ASEAN
SEANWFZ	Southeast Asia Nuclear Weapon Free Zone	Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không vũ khí hạt nhân
SEATO	Southeast Asia Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á
SOM	Senior Officials Meeting	Hội nghị Quan chức Ngoại giao cao cấp ASEAN
TAC	Treaty of Amity and Cooperation	Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện
TBCN	Capitalism	Tư bản Chủ nghĩa
TPP	Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương

WMDs	Weapons of Mass Destruction	Vũ khí hủy diệt hàng loạt
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới
XHCN	Socialism	Xã hội Chủ nghĩa
ZOPFAN	Zone of Peace, Freedom and Neutrality	Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập tại Đông Nam Á

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Từ sau Chiến tranh lạnh, khu vực châu Á - Thái Bình Dương trở nên năng động và ngày càng thu hút được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Khu vực không những có sự hiện diện về mặt địa lý và gia tăng ảnh hưởng của các cường quốc (như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ), các quốc gia tầm trung (như Australia, Hàn Quốc,..) và tổ chức khu vực khá thành công và năng động như ASEAN, mà còn chứng kiến sự thay đổi đáng kể trong cán cân so sánh lực lượng. Liên Xô tan rã, trật tự thế giới hai cực cũng không còn, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất trên thế giới và ở châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ muốn xây dựng một trật tự khu vực do Mỹ lãnh đạo. Tuy nhiên, vị trí số 1 khu vực đó của Mỹ ngày càng bị thách thức bởi sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, cả về sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc, ASEAN, một mặt, không ngừng phát triển cả về lượng lẫn chất và tăng cường đoàn kết nội khối, mặt khác, giữ vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn và vươn lên, đóng vai trò “trung tâm” trong nhiều cơ chế hợp tác đa phương về an ninh - chính trị và kinh tế trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Về mặt lý luận, nghiên cứu sự điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh sẽ giúp giải đáp những câu hỏi: Liệu ASEAN với vai trò là tổ chức khu vực gồm 10 quốc gia vừa và nhỏ (hợp tác khá “lỏng lẻo”, lại không có lãnh đạo nhóm) có sự chủ động nào không hay luôn ở thế bị động trong quan hệ với siêu cường duy nhất trên thế giới - Mỹ? Nếu có thì ASEAN đã chủ động điều chỉnh quan hệ đối ngoại với Mỹ như thế nào? Trong môi quan hệ giữa nước nhỏ và nước lớn, nước lớn thường giữ vai trò chủ động hơn và chi phối quan hệ nhiều hơn, trong khi đó, nước nhỏ thường bị động hơn và đôi khi bị ép nhiều hơn. “Sự vượt trội về tầm vóc của một nước thường đi cùng với tâm lý

và hành vi nước lớn của nước đó so với các nước khác”. Nước lớn thường có tâm lý “đại quốc” và do vậy, có hành vi coi thường, chèn ép “tiểu quốc” [67]. Trong trường hợp này, tập hợp của các quốc gia vừa và nhỏ, tuy có những thời điểm và trong một số vấn đề, bị chia rẽ, nhưng nhìn chung, đã có những điều chỉnh hợp lý và ứng xử tương đối khôn khéo với siêu cường, góp phần đạt được những mục tiêu trong quan hệ với Mỹ nói riêng và mục tiêu chung của ASEAN.

Sự lớn mạnh của ASEAN, việc tăng dần tính chủ động, tích cực của ASEAN và bối cảnh thế giới thay đổi sau Chiến tranh lạnh đã khiến cho tính chất của mối quan hệ ASEAN - Mỹ biến chuyển rõ rệt. Trong những năm đầu sau khi thành lập, năm nước thành viên ASEAN là những nước nhỏ, mới giành độc lập nên phải dựa vào sự viện trợ, đầu tư của Mỹ về mặt kinh tế và ô bảo hộ về mặt an ninh, đặc biệt, đối với các nước đồng minh truyền thống của Mỹ, sự lệ thuộc này càng cao hơn. Sang thập kỷ 80 của thế kỷ XX, ASEAN giảm dần sự phụ thuộc vào Mỹ. Từ sau Chiến tranh lạnh, tính độc lập, tự chủ trong các quan hệ đối nội và đối ngoại của ASEAN ngày càng tăng lên. ASEAN có sự chủ động nhất định trong quan hệ với Mỹ. Hiện nay, đa số các nước thành viên ASEAN đều muốn đẩy mạnh hợp tác với Mỹ cả về mặt song phương và đa phương. ASEAN đã chủ động lôi kéo Mỹ vào các cơ chế hợp tác đa phương trên nhiều lĩnh vực khác nhau trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương do ASEAN đóng vai trò người cầm lái.

Trong bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang vận động để hình thành một trật tự khu vực mới, phù hợp hơn với tương quan so sánh lực lượng và sự cạnh tranh Mỹ - Trung trên các lĩnh vực, việc nghiên cứu những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh là cần thiết, có ý nghĩa thiết thực trong quá trình đề xuất những khuyến nghị chính sách trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc và ASEAN. Việt Nam là một trong những thành viên chủ chốt của ASEAN, đã có nhiều sáng kiến và đóng góp trong việc tăng cường hợp tác và đoàn kết nội khối, cũng như trong các quan hệ đối ngoại

song phương và đa phương của ASEAN. Tuy nhiên, trong cuộc chạy đua Mỹ - Trung mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam sẽ dễ trở thành đối tượng bị lôi kéo. Trung Quốc đang thúc đẩy chiến lược “Hương Nam” nhằm vươn ra biển Đông, mà Việt Nam là cửa ngõ quan trọng. Trong khi đó, Mỹ không muốn Việt Nam rơi vào vòng ảnh hưởng của Trung Quốc, hơn nữa, tìm cách có được sự hiện diện quân sự ở đây để hoàn thiện tuyến bao vây Trung Quốc, trải dài từ Nhật Bản, Hàn Quốc, xuống Đông Nam Á. Nếu nghiên cứu và học hỏi được những ứng xử khôn khéo của ASEAN trong quan hệ với các nước lớn, Việt Nam sẽ không những không bị rơi vào thế “tiến thoái lưỡng nan” trong quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, mà còn tận dụng được “cơ hội” này để phát triển quan hệ hơn nữa với Mỹ, ASEAN và Trung Quốc.

Với những ý nghĩa lý luận và thực tiễn nêu trên, tôi quyết định chọn đề tài: *“Những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”* để viết luận án Tiến sỹ, chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là phân tích, làm rõ những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Để đạt được mục tiêu này, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án bao gồm: (i) Làm sáng tỏ những nội dung ASEAN đã điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh; (ii) ASEAN đã triển khai trên thực tế những điều chỉnh này như thế nào; (iii) Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới việc ASEAN có những điều chỉnh đó và (iv) Đánh giá tác động của việc thay đổi này đến mối quan hệ ASEAN - Mỹ, đến ASEAN, đến Mỹ và rộng hơn là quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là phản ứng của các nước lớn khác trong khu vực.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự điều chỉnh quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh.

ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung, nhưng có quan hệ đối ngoại (*external relations*) với các đối tác đối thoại và các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế như các quốc gia khác, các tổ chức quốc tế và tổ chức khu vực. Dựa trên hai nguyên tắc cơ bản của ASEAN là đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, các quốc gia thành viên ASEAN có sự phối hợp đối ngoại, tạo ra những định hướng đối ngoại, thể hiện rõ nhất qua những Thông cáo chung của các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (ASEAN Summit) hàng năm.

Trong phạm vi luận án, khi nghiên cứu những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ qua từng giai đoạn, tác giả sẽ chỉ nghiên cứu ASEAN với tư cách là một thực thể (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á hoặc Cộng đồng ASEAN từ tháng 12/2015). Song, khi triển khai những điều chỉnh này trên thực tế và xem xét những tác động của việc điều chỉnh đó, tác giả sẽ nghiên cứu cả trên bình diện song phương (các mối quan hệ của những nước thành viên ASEAN với Mỹ) và đa phương (quan hệ ASEAN - Mỹ). Độc giả sẽ thấy có những lúc là sự kết hợp hiệu quả quan hệ song phương và đa phương (trong giai đoạn từ 2008), nhưng cũng có khi, các quan hệ song phương lại nổi trội hơn (trong giai đoạn từ 1991 - 1999).

Về thời gian nghiên cứu, luận án sẽ tập trung phân tích những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Trong 25 năm đó, tác giả lấy hai mốc lớn là năm 1999 và 2008 để chia luận án thành ba giai đoạn chính: từ 1991 - 1999, từ 1999 - 2008 và từ 2008 đến nay. Lý do tác giả lấy mốc năm 1999 là bởi vì ASEAN đã hoàn thành việc phát triển về lượng (mở rộng từ ASEAN-6 thành ASEAN-10) vào năm 1999. Theo đó, những mục tiêu phát triển, cách thức bàn bạc để xử lý vấn đề phát sinh và quan hệ đối ngoại của ASEAN-10 cũng thay đổi so với ASEAN-6 trước kia. Trong quan hệ với Mỹ, nếu như ASEAN-6 gồm các quốc gia có cùng hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa với Mỹ và muốn tranh thủ Mỹ về kinh tế và an ninh để phát triển, thì ASEAN-10

bao gồm cả các nước có hệ tư tưởng và hệ thống chính trị khác, ASEAN-10 tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, trong đó, Mỹ vẫn là một trong những ưu tiên và Mỹ là một đối trọng trong quan hệ của ASEAN với các nước lớn khác.

Năm 2008 đánh dấu mốc ASEAN thực sự thay đổi về chất. Sau khi 10 quốc gia thành viên ASEAN ký kết Hiến chương ASEAN năm 2007, sang năm 2008, Hiến chương ASEAN được phê chuẩn và chính thức có hiệu lực. Hiến chương trao cho ASEAN tư cách pháp nhân, thể hiện rõ tình đoàn kết và quyết tâm hướng tới xây dựng một Cộng đồng chung, do đó, thay đổi địa vị pháp lý của tổ chức ASEAN trong quan hệ với các nước thành viên và trong quan hệ của ASEAN với các đối tác khác. Đồng thời, năm 2008 cũng bắt đầu chứng kiến sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương dưới thời chính quyền của Tổng thống Barack Obama, theo đó, chính sách của Mỹ với Đông Nam Á cũng thay đổi đáng kể theo chiều hướng tích cực. Sự điều chỉnh quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ không chỉ chịu tác động nhiều bởi những biến đổi về lượng và chất từ bên trong, mà còn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố bên ngoài, như chính sách của Mỹ với Đông Nam Á thay đổi theo từng giai đoạn, sự vận động của tương quan so sánh lực lượng ở châu Á - Thái Bình Dương và những vấn đề an ninh phi truyền thống như cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu năm 2008 - 2009,...

Về không gian nghiên cứu, quan hệ ASEAN - Mỹ sẽ được xem xét trong phạm vi địa lý khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ sau Chiến tranh lạnh, thuật ngữ “châu Á - Thái Bình Dương” ngày càng được sử dụng rộng rãi, đặc biệt trong nghiên cứu về quan hệ quốc tế, song chưa được thống nhất, bởi mỗi quốc gia đưa ra khái niệm về khu vực này phù hợp với lợi ích của mình. Mỹ, Nhật Bản và Australia hiểu là “nổi bật Đông châu Á với khu vực Tây Thái Bình Dương”. Từ khía cạnh địa - chính trị, khái niệm châu Á - Thái Bình Dương giúp hợp pháp hóa sự dính líu của Mỹ vào công việc của Đông Á, bởi nếu xét về mặt

địa lý thuần túy thì Mỹ không phải là một cường quốc ở châu Á. Khái niệm khu vực “châu Á - Thái Bình Dương” thông dụng bao gồm: Đông Á, các cường quốc phương Tây của Thái Bình Dương (Mỹ, Australia, Canada và New Zealand) và toàn bộ vùng đảo Thái Bình Dương. Nếu nhìn vào Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) thì các nước thành viên gồm cả Mỹ, Canada, các nước Mỹ La-tinh ở bờ Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ, Pakistan. Trong phạm vi luận án này, để phù hợp với góc độ đánh giá từ Việt Nam, châu Á - Thái Bình Dương là khu vực địa lý gồm toàn bộ Đông Á, bờ Tây Thái Bình Dương, vùng đảo Thái Bình Dương và châu Đại Dương, trong đó có các cường quốc như: Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ.

#### **4. Tình hình nghiên cứu vấn đề**

Có thể nói, “*Những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh*” là đề tài tương đối mới và chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu và riêng biệt nào về vấn đề này được công bố cả trong và ngoài nước. Tiếp cận quan hệ ASEAN - Mỹ từ góc độ ASEAN khó hơn nhiều so với từ phía Mỹ, bởi ASEAN là một tổ chức liên Chính phủ, hợp tác còn khá lỏng lẻo nên ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung.

Trong số các công trình nghiên cứu về quan hệ ASEAN - Mỹ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, nổi bật nhất là cuốn sách: “Michael Leifer: Selected Works on Southeast Asia” (Chọn lọc những tác phẩm xuất sắc nhất của Michael Leifer viết về Đông Nam Á) do Chin Kin Wah và Leo Suryadinata tập hợp và sắp xếp lại, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Singapore, 2005. Michael Leifer, một trong những học giả nổi tiếng nhất thế giới về Đông Nam Á trong Chiến tranh lạnh, đã phân tích quan hệ song phương của 5 nước thành viên sáng lập ASEAN với Mỹ suốt cuộc chiến tranh Việt Nam. Mức độ ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam của 5 nước Đông Nam Á này không giống nhau. Philippines và Thái Lan, hai đồng minh truyền thống của Mỹ, ủng hộ Mỹ nhiệt tình trong cuộc chiến tranh Việt Nam để đổi lại Mỹ sẽ giúp đỡ họ khi cần thiết. Chính phủ Thái Lan đã

gửi 11.000 quân đến Sài Gòn tháng 7/1967, đồng thời, cho Mỹ thiết lập và sử dụng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ của đất nước mình. Từ năm 1965 đến 1968, khoảng 75% máy bay ném bom miền Bắc Việt Nam xuất phát từ các căn cứ không quân tại Thái Lan. Philippines không lo ngại nguy cơ an ninh từ cuộc chiến tranh Việt Nam và sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản như Thái Lan, nhưng muốn dựa vào cái ô bảo hộ của Mỹ.

Sự ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam của Malaysia chỉ dừng ở việc nhận huấn luyện cho lực lượng cảnh sát của chính quyền miền Nam Việt Nam và cung cấp xe máy cho họ. Mặc dù tuyên bố là nước không liên kết, sau khi giành độc lập tháng 8/1965, nhưng năm 1966, Singapore vẫn được xem như trung tâm để lính Mỹ nghỉ ngơi và giải trí. Dưới thời của Tổng thống Sukarno, Indonesia theo đuổi chính sách trung lập về chính trị, song muốn Mỹ ủng hộ quá trình tái thiết kinh tế đất nước. Tháng 4/1954, sau trận Điện Biên Phủ, đại diện của 5 quốc gia châu Á, bao gồm Indonesia và Myanmar, đã gặp nhau tại Colombo và khuyến Mỹ không nên can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam, vì nguy cơ dẫn đến một cuộc đối đầu trực tiếp khác với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tháng 11/1972, sau khi Hiệp định hòa bình cho Việt Nam dự kiến sẽ sớm đạt được, Indonesia chấp nhận yêu cầu của Mỹ tham gia vào Ủy ban quốc tế về kiểm soát và giám sát quá trình thực thi trên thực tế.

Xem xét các bài viết và công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về mối quan hệ ASEAN - Mỹ sau Chiến tranh lạnh, có thể chia thành ba cách tiếp cận khác nhau. *Thứ nhất*, rất nhiều học giả trong nước và quốc tế đã và đang nghiên cứu những đề tài liên quan đến mối quan hệ ASEAN - Mỹ trong và sau Chiến tranh lạnh. Trong số đó, tác phẩm nổi bật nhất là cuốn sách “Quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN 2001-2020”, nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, năm 2012 của GS.TS. Nguyễn Thiết Sơn, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Tác giả nghiên cứu thực trạng và triển vọng của quan hệ Mỹ - ASEAN, thời gian nghiên cứu là từ 2001 đến 2020 nhưng không chia thành các giai đoạn tương ứng

với những mức độ phát triển của quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN trong suốt 20 năm. Tác giả tiếp cận quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN từ góc độ phía Mỹ nhiều hơn, không phân tích những toan tính của ASEAN trong quan hệ với Mỹ. Tiếp đến, không thể không nhắc đến cuốn sách: “Quan hệ Mỹ - ASEAN (1967 – 1997): Lịch sử và triển vọng” của PGS.TS Lê Văn Anh, nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, năm 2009. Tác giả đã rất đúng đắn và hợp lý trong việc chia khoảng thời gian nghiên cứu từ 1967 - 1997 thành ba giai đoạn nhỏ: 1967-1977, 1977-1991 và 1991-1997. Tuy tác giả phân tích khá đầy đủ quan hệ Mỹ - ASEAN trong Chiến tranh lạnh, từ 1967-1991, nhưng chỉ dừng ở năm 1997, 6 năm sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

Đề tài “Quan hệ ASEAN - Mỹ từ những năm đầu thập niên 90 đến nay” được tác giả Trần Lê Minh Trang, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, hoàn thành tháng 7 năm 2001 [63]. Khi nghiên cứu quan hệ ASEAN - Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến 2001, tác giả chia thành hai giai đoạn nhỏ: từ 1991 - 1995 và từ 1995 - 2001. Tuy nhiên, năm 1995 không được coi là mốc đánh dấu bước chuyển trong quan hệ ASEAN - Mỹ, dù 1995 là năm ASEAN bắt đầu mở rộng từ ASEAN-6 thành ASEAN-10. Hơn nữa, đây là đề tài nghiên cứu về quan hệ ASEAN - Mỹ nên tác giả tập trung chủ yếu vào mối quan hệ này hợp tác trên các lĩnh vực: chính trị, an ninh và kinh tế, so sánh quan hệ ASEAN - Mỹ trong và sau Chiến tranh lạnh, và với quan hệ ASEAN - Nhật Bản, ASEAN - Trung Quốc. Đề tài có nêu chính sách của Mỹ với châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, nhưng không đề cập đến những lợi ích của ASEAN trong quan hệ với Mỹ.

Luận văn Thạc sỹ “Quan hệ Mỹ - ASEAN từ 2000 đến nay” của Vũ Thị Lan Hương, tháng 7 năm 2010 [24], chia thành hai giai đoạn chính khi nghiên cứu mối quan hệ này trong vòng 10 năm, từ 2000 đến 2010, dựa trên hai nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ George W. Bush và Barack Obama. Điểm đặc biệt là tác giả đã nghiên cứu chính sách đối ngoại của các quốc gia thành viên ASEAN với Mỹ

dưới từng nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ, chứ không xem xét quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ trong tư cách là một Hiệp hội, một thực thể thống nhất. Cách tiếp cận này vừa khiến bài viết dài dòng, tản mạn, người đọc dễ nhầm chán, vừa nêu và phân tích không đầy đủ được chính sách đối ngoại của từng nước thành viên ASEAN với Mỹ.

Ngoài ra, có thể kể đến một vài bài viết của các học giả nước ngoài như: “Overview of ASEAN - US relations” [142], tháng 6/2013 và “US - ASEAN” [156] của Trung tâm nghiên cứu Đông - Tây. Các bài viết này cập nhật hơn về thời gian, song cũng chỉ là những bài phân tích ngắn gọn, nêu quan điểm và đánh giá của tác giả về đề tài này, khoảng 2-3 trang, không phải là công trình nghiên cứu sâu.

*Thứ hai*, các học giả nghiên cứu chính sách đối ngoại của Mỹ với Đông Nam Á nói chung và với ASEAN nói riêng từ sau Chiến tranh lạnh. Trong số các công trình nghiên cứu này, nổi bật nhất là cuốn sách: “Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN: Trong và sau Chiến tranh lạnh” của TS. Lê Khương Thuỳ, nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2003. Tuy nhiên, việc chia thời gian nghiên cứu từ 1967 - 1995 thành ba giai đoạn nhỏ: 1967-1975, 1975-1991, và 1991-1995 là không hợp lý. Năm 1975 có ý nghĩa vô cùng to lớn trong quan hệ Mỹ - Việt Nam và có tác động đến mối quan hệ Việt Nam - ASEAN, song không phải là dấu mốc đánh dấu sự thay đổi đáng kể trong quan hệ Mỹ - ASEAN. Bên cạnh đó, cũng nên kể đến một số bài viết như: Phạm Cao Cường, “Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á từ sau sự kiện 11/9”, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 6/2005; Lê Đình Tĩnh - Bùi Quốc Khánh, “Đông Nam Á và chiến lược “tái cân bằng” của Mỹ”, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 3 (94), tháng 9/2013; John West, “President Obama’s Pivot to Asia is All About China” [164], Asian Century Institute, 24 May 2014; Bonnie S. Glaser, “Pivot to Asia: Prepare for Unintended Consequences” [118]. Những bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí này tập trung vào một khoảng thời gian ngắn và chỉ xem xét chiều từ phía Mỹ

đối với Đông Nam Á và với ASEAN, không cân nhắc những tính toán lợi ích và chủ động điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ.

*Thứ ba*, một vài bài viết cũng tiếp cận từ phía ASEAN, song hoặc là ứng xử của ASEAN trong quan hệ với các nước lớn nói chung, không tập trung riêng vào quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ, hoặc là chỉ nghiên cứu trong một giai đoạn ngắn, một vấn đề, không nghiên cứu một cách hệ thống. Trong cuốn sách: “Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh”, xuất bản cuối năm 2014, do PGS.TS. Trần Khánh chủ biên, các tác giả phân tích một phần nhỏ về phản ứng chiến lược của ASEAN trước sự cạnh tranh của hai nước lớn này. Trong vòng năm trang sách, tác giả đã chứng tỏ được sự “chủ động” của ASEAN thúc đẩy quan hệ đối thoại với Mỹ lên tầm quan hệ đối tác chiến lược trên tất cả các mặt, từ kinh tế đến an ninh, chính trị.

Trong cuốn sách: “ASEAN centrality and the ASEAN - US economic relationship” (Vai trò trung tâm của ASEAN và quan hệ kinh tế ASEAN-Mỹ), East - West Center, Policy Studies 69, 2014, hai tác giả Peter A.Petri và Michael G.Plummer nhấn mạnh vào vai trò trung tâm của ASEAN trong kiến trúc an ninh, kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Bài nghiên cứu cố gắng đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Trong tương quan so sánh lực lượng hiện nay tại châu Á - Thái Bình Dương, liệu ASEAN có thể đẩy mạnh hơn quan hệ với Mỹ mà vẫn giữ được vai trò trung tâm này? ASEAN hiện là đối tác chiến lược và đối tác kinh tế quan trọng của Mỹ và điều này hy vọng sẽ được thúc đẩy trong tương lai. Các tác giả tiếp cận chủ yếu từ góc độ hợp tác kinh tế: 4 nước thành viên ASEAN đã tham gia vào TPP và triển vọng hầu hết các nền kinh tế chủ chốt của ASEAN sẽ đều là thành viên của TPP khi hiệp định này được hiện thực hóa; nhiều nước ASEAN tham gia RCEP và các FTA. Vai trò trung tâm của ASEAN sẽ chỉ được củng cố thông qua mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác bên ngoài cũng như tăng hội nhập sâu rộng nội khối ASEAN.

Giáo sư Amitav Acharya cũng chia sẻ quan điểm với hai học giả trên trong bài viết: “ASEAN’s Dilemma: Courting Washington without Hurting Beijing” (Thế tiến thoái lưỡng nan của ASEAN: đẩy quan hệ với Washington nhưng không làm méch lòng Bắc Kinh), đăng trên Bản tin châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Bulletin), số 133, ngày 18/10/2011. Khi Trung Quốc công khai thể hiện tham vọng nước lớn, đặc biệt là tuyên bố chủ quyền hình lưỡi bò trên biển Đông từ 2009, ASEAN nên cân nhắc kỹ sẽ đẩy quan hệ với Mỹ đi xa đến đâu. Chính quyền Obama muốn thông qua Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) để giải quyết những căng thẳng giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Về phía Trung Quốc, nước này sẽ chẳng bao giờ muốn vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông được đưa ra thảo luận tại EAS, mà sẽ đàm phán song phương với từng bên có tranh chấp. Cả Indonesia và Singapore đều không muốn Mỹ ép Trung Quốc quá mạnh. Hơn nữa, việc Mỹ tăng cường dính líu với khu vực qua EAS nên được hiểu theo nghĩa rộng, trên các lĩnh vực như: kinh tế, chính trị và an ninh, chứ Mỹ không nên dẫn dắt các vấn đề an ninh của EAS.

Bên cạnh đó, còn có vài bài phân tích ngắn khác tiếp cận từ góc độ ASEAN như: Evelyn Goh, “Evaluating Southeast Asian Strategies for Managing Great Power Resurgence”, tham luận trình bày tại Hội thảo: “The Growth of Chinese Power and Changing Security Dynamics in Asia”, S.Rajaratnam School of International Studies, 22/02/2013; Michael Leifer, “ASEAN and the security of South East Asia”, (NXB Routledge, London, 1989); Rizal Sukma, “ASEAN and Regional Security in East Asia”, Panorama - KAS, 2010; Nguyễn Thu Mỹ, “Phản ứng chính sách của ASEAN trước sự biến động địa chính trị Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI”, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (121)/2010.

Luận văn Thạc sĩ: “ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung từ sau Chiến tranh lạnh đến nay” của Hoàng Đình Nhân, tháng 7/2009 [37], chủ yếu nêu khái quát quan hệ Mỹ - Trung sau Chiến tranh lạnh, ASEAN trong hợp tác Mỹ - Trung, ASEAN trong cạnh tranh Mỹ - Trung, gồm: ASEAN trong chiến lược tranh

giành ảnh hưởng và bao vây kiềm chế Trung Quốc của Mỹ, ASEAN trong chiến lược của Trung Quốc nhằm tranh giành ảnh hưởng và phá thế bao vây, kiềm chế của Mỹ. Phần “Thái độ của ASEAN đối với Mỹ sau Chiến tranh lạnh” chỉ dài hơn một trang và nhìn hơi bi quan, tiếp cận một chiều. “Đối với Mỹ, đa số các nước ASEAN đều có thái độ vừa trông cậy vừa đề phòng. Tâm lý chung của các nước ASEAN là luôn cảnh giác với Mỹ...”. “Nhiều nước ASEAN bất đồng với chính sách đối ngoại ngày càng độc đoán của Mỹ, Mỹ luôn can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia trong vấn đề dân chủ, nhân quyền và môi trường”. “Các nước ASEAN nhận thấy quá trình toàn cầu hóa đã bị Mỹ lợi dụng, gây ra sự thua thiệt cho các nước trong khối”.

Trong tờ tạp chí nghiên cứu về quan hệ quốc tế nổi tiếng “The Diplomat” (Nhà ngoại giao) phát hành ngày 30/8/2016, Giáo sư Satu Limaye, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Đông-Tây ở Washington, đã đăng bài: “Why ASEAN is here to stay and what that means for the US” (Tại sao ASEAN lại ở đây và điều đó có ý nghĩa gì với Mỹ). Trong bối cảnh các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cạnh tranh quyền lực và vị thế, ASEAN chủ động tối ưu hóa lợi ích của mình và tránh trường hợp bị rơi vào cuộc ganh đua giữa hai siêu cường như thời Chiến tranh lạnh, bằng cách lôi kéo sự dính líu của nhiều cường quốc vào khu vực. Đồng thời, ASEAN cũng cố gắng tạo lập vị thế trung tâm thông qua việc phát huy vai trò lãnh đạo các tổ chức khu vực như ARF, EAS và ADMM+. Tuy nhiên, với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và những khó khăn, thách thức mà ASEAN đang phải đối mặt (như các lực lượng, phe phái đối lập trong những quốc gia thành viên đòi quay trở lại mức độ hợp tác liên Chính phủ hơn là xây dựng Cộng đồng ASEAN, mức độ cam kết và thống nhất của lãnh đạo các nước thành viên giảm đi khi một loạt các vấn đề trong nước nổi lên và môi trường an ninh khu vực căng thẳng hơn), ASEAN có thể sẽ chỉ trở thành một sân chơi cho các nước lớn, chứ không thể trở thành người điều phối. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, nhiều ý kiến chỉ trích rằng ASEAN chỉ

đóng vai trò trung tâm trong các tổ chức trong lĩnh vực an ninh - chính trị, chứ không phải trong các tổ chức khu vực về kinh tế như: sáng kiến “một vành đai, một con đường”, ngân hàng đầu tư hạ tầng châu Á (AIIB), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Trước những thách thức nêu trên, ASEAN càng muốn lôi kéo mức độ cam kết và sự hiện diện của Mỹ vào khu vực và điều này cũng phù hợp với lợi ích của Mỹ. Mỹ tiếp tục ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN trong kiến trúc khu vực đang định hình và vai trò kết nối của ASEAN ở Đông Bắc Á.

Nhìn chung, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài tập trung phân tích quan hệ ASEAN - Mỹ từ năm 1967 đến nay, thậm chí, một số tác giả đã dự báo chiều hướng phát triển của mối quan hệ này đến năm 2020 và trong tương lai dài hạn. Ngoài ra, cũng không ít học giả đã nghiên cứu chính sách đối ngoại của Mỹ với ASEAN trong và sau Chiến tranh lạnh, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI đến nay, khi Đông Nam Á trở thành mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố trên thế giới do Mỹ phát động. Nếu trực tiếp liên quan đến đề tài, xem xét những nỗ lực của ASEAN và sự chủ động của ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ thì có thể nói, chưa có công trình nghiên cứu có hệ thống nào, cả trong và ngoài nước, được công bố. Một vài bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành có đề cập đến vấn đề này, nhưng nghiên cứu chưa sâu và khoảng thời gian nghiên cứu ngắn, thường chú trọng vào giai đoạn hiện nay, khi Mỹ và Trung Quốc gia tăng cạnh tranh chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy, tác giả nhận thấy đây là khoảng trống để có thể tập trung khai thác. Luận án sẽ đi sâu nghiên cứu những nội dung điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, những nguyên nhân và tác động của sự điều chỉnh này.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế cơ bản để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu. Lý luận Mác - Lênin, phép duy vật biện

chúng, duy vật lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận và phương pháp luận chính trong quá trình nghiên cứu đề tài này. Lý luận về chính sách đối ngoại, phân tích chính sách đối ngoại và sự phối hợp đối ngoại giữa các quốc gia thành viên ASEAN được xây dựng thành nền tảng lý thuyết để nghiên cứu và soi chiếu vào quan hệ ASEAN - Mỹ, từ đó, thấy được sự chủ động điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ và những nguyên nhân bên trong và bên ngoài khiến ASEAN điều chỉnh, nhằm đạt được những mục tiêu đã đề ra của ASEAN.

Ngoài ra, các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế khác cũng được sử dụng trong luận án như: phương pháp tiếp cận lịch sử và logic, phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh. Đặc biệt, phương pháp so sánh, đối chiếu quan hệ của ASEAN với Mỹ giai đoạn trước với giai đoạn sau được sử dụng xuyên suốt và hiệu quả trong luận án nhằm làm nổi bật những điều chỉnh của ASEAN theo từng vấn đề hoặc từng thời kỳ. Trong quá trình nghiên cứu, người viết đã tham gia một số cuộc hội thảo quốc tế liên quan đến đề tài và có cơ hội phỏng vấn các chuyên gia, các chính trị gia nước ngoài về vấn đề nghiên cứu.

## **6. Đóng góp của luận án**

Khi hoàn thành luận án này, tác giả hy vọng sẽ đóng góp một công trình nghiên cứu có hệ thống đầu tiên ở trong nước về những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh và dự báo chiều hướng ASEAN sẽ thay đổi quan hệ với Mỹ đến năm 2020. Trên cơ sở đó, đề xuất khuyến nghị chính sách của Việt Nam trong quan hệ với ASEAN và Mỹ.

*Đóng góp về phương pháp nghiên cứu* của luận án là dựa vào khái niệm về chính sách đối ngoại của các chủ thể trong quan hệ quốc tế và cách thức phân tích chính sách đối ngoại, từ đó đối chiếu vào quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ. Do hợp tác trong ASEAN còn khá lỏng lẻo nên ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung. Tuy vậy, ASEAN có quan hệ đối ngoại rất đa dạng với các đối tác đối thoại, trong đó, Mỹ là một trong những đối tác chính. Nhờ phương pháp này mà tác giả tìm ra được nguyên nhân tại sao hay với những yếu tố đầu vào

như thế nào, ASEAN sẽ điều chỉnh quan hệ với Mỹ, ASEAN đã điều chỉnh về nội dung quan hệ đối ngoại, các biện pháp sử dụng và triển khai các nội dung quan hệ ấy trên thực tế ra sao.

*Đóng góp về học thuật* của luận án là thúc đẩy nghiên cứu vai trò của tập hợp các nước vừa và nhỏ trong quan hệ quốc tế, khẳng định các nước vừa và nhỏ không hoàn toàn bị động, mà vẫn có sự chủ động nhất định và khôn khéo tận dụng những cơ hội trong quan hệ với các nước lớn nhằm tối đa hóa lợi ích của quốc gia hoặc của cả nhóm.

Luận án là công trình nghiên cứu vừa mang tính tổng kết vừa mang tính dự báo. Sau khi bảo vệ cấp Học viện xong, Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên, nghiên cứu sinh và sinh viên học chuyên ngành Quan hệ Quốc tế, chuyên sâu Nghiên cứu ASEAN.

## **7. Bố cục của Luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và các Phụ lục, để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận án có bố cục gồm ba chương như sau:

### **Chương 1: Cơ sở điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh**

Chương 1 phân tích những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, từ đó hiểu được những điều kiện bên trong và bên ngoài khiến ASEAN điều chỉnh quan hệ đối ngoại với Mỹ. Vì ASEAN là tập hợp của 10 quốc gia vừa và nhỏ, hơn nữa, tính cố kết chưa cao, nên quá trình hoạch định ra lập trường chung của ASEAN với Mỹ vẫn chịu sự tác động nhiều hơn từ các nhân tố bên ngoài, gồm: bối cảnh quốc tế và khu vực, đặc biệt là sự thay đổi trong tương quan so sánh lực lượng ở châu Á - Thái Bình Dương, với vai trò đang lên của Trung Quốc và chính sách đối ngoại của Mỹ đối với ASEAN. Dựa vào đó, ASEAN sẽ “phản ứng” cho phù hợp với những biến đổi của tình hình bên ngoài.

## **Chương 2: ASEAN điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh**

Trong chương này, luận án tập trung làm rõ việc ASEAN điều chỉnh lập trường chung với Mỹ, sau đó là những tuyên bố bằng văn bản. Những nội dung chính trong quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh được thể hiện qua Thông cáo chung của các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN và Tuyên bố chung của các cuộc họp cấp cao ASEAN - Mỹ từ 1991 đến nay. Theo đó, ASEAN lựa chọn những biện pháp hợp lý nhằm tối ưu hóa lợi ích trong quan hệ với Mỹ và triển khai mối quan hệ này trên thực tế, trên các lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng, văn hóa - giáo dục và theo ba giai đoạn phát triển của quan hệ ASEAN - Mỹ.

## **Chương 3: Đánh giá sự điều chỉnh và triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ đến năm 2020**

Phần đầu chương đánh giá sự điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh theo hướng ngày càng độc lập, tự chủ hơn khi quyết định những quan hệ đối nội và đối ngoại của mình, chủ động và tích cực lôi kéo Mỹ “dính líu” vào hơn nữa vào khu vực Đông Nam Á là đúng đắn, về cơ bản đạt được những mục tiêu trong quan hệ với Mỹ nói riêng và mục tiêu chung của ASEAN. Tiếp đó, luận án phân tích những tác động của sự điều chỉnh này đến ASEAN, đến Mỹ và tương quan so sánh lực lượng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phần cuối cùng dự đoán triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ đến năm 2020 và đưa ra một số khuyến nghị chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ và ASEAN trong tương lai gần.

Trong luận án, tác giả đã cố gắng tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách khoa học, dựa trên phương pháp phân tích quan hệ quốc tế, sử dụng những nguồn tài liệu tin cậy nhất có thể. Tuy nhiên, đây là đề tài còn khá mới mẻ cả trong và ngoài nước, tiếp cận từ góc độ ASEAN, những điều chỉnh của ASEAN

trong quan hệ với Mỹ. Mặc dù thời gian gần đây, số lượng sách báo và bài viết về quan hệ ASEAN - Mỹ tăng lên đáng kể, nhưng đa phần tập trung phân tích mối quan hệ này hoặc tìm hiểu chính sách đối ngoại của Mỹ đối với ASEAN, chưa có công trình nào nghiên cứu hệ thống về đề tài này. Do đó, luận án chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được các ý kiến đóng góp quý báu từ các Thầy/Cô và độc giả để luận án được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn!

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH CỦA ASEAN TRONG QUAN HỆ VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

### 1.1. Cơ sở lý luận

#### *1.1.1. Nhận thức về chính sách đối ngoại và phân tích chính sách đối ngoại*

Trên thế giới, hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về chính sách đối ngoại. Theo “Từ điển Thuật ngữ Ngoại giao Việt - Anh - Pháp” của Học viện Ngoại giao, chính sách đối ngoại là “chủ trương, chiến lược, kế hoạch và các biện pháp thực hiện cụ thể do một quốc gia đề ra liên quan đến các mối quan hệ quốc tế mà quốc gia đó thiết lập với các quốc gia và chủ thể khác nhằm tăng cường và bảo vệ lợi ích quốc gia của mình” [17]. Lion Noel cho rằng: “Chính sách đối ngoại là nghệ thuật chỉ đạo quan hệ của một quốc gia với các quốc gia khác” [39]. Ngoài ra, còn một vài khái niệm khác như: Chính sách đối ngoại của một quốc gia là sự kéo dài của chính sách đối nội; hay: Chính sách đối ngoại là sự phản ứng của một quốc gia trước những thay đổi của tình hình thế giới bên ngoài,...

Trong những khái niệm trên đây, chủ thể của chính sách đối ngoại đều là quốc gia. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng phát triển nhanh và sâu rộng sau Chiến tranh lạnh, ngoài các quốc gia, chủ thể của chính sách đối ngoại còn có thể là các Nhà nước siêu quốc gia, các tập đoàn đa quốc gia hay tổ chức khu vực,... Vì vậy, Christopher Hill đưa ra định nghĩa với các chủ thể của chính sách đối ngoại mở hơn: “Chính sách đối ngoại là chuỗi các hành động nhằm tối đa hóa lợi ích của một thực thể chính trị đơn nhất hoặc quốc gia” [77, 285].

Chính sách đối nội và chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Cả hai loại chính sách này được hoạch định ra nhằm một mục đích duy nhất là tối đa hóa lợi ích quốc gia - dân tộc mình trên trường quốc tế. Các nhân tố bên trong quyết định khả năng hành động ở bên

ngoài, ngược lại, các sự kiện quốc tế và các diễn biến mới trong quan hệ quốc tế tác động trở lại, buộc mỗi quốc gia đề ra chính sách và biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối thiểu những ảnh hưởng tiêu cực và tận dụng, phát huy thời cơ. Tuy nhiên, trong mỗi quan hệ đó, chính sách đối nội vẫn nổi trội hơn chính sách đối ngoại. Chính sách đối ngoại phải xuất phát từ những mục tiêu và nhu cầu phát triển của đất nước. “Không thể có chính sách đối ngoại chung chung, xa rời hoàn cảnh thực tế đất nước. Càng không có chính sách đối ngoại hy sinh lợi ích dân tộc vì một lợi ích khác. Và như vậy, chính sách đối ngoại chỉ có thể phục tùng chính sách đối nội, hay cụ thể hơn, phục vụ lợi ích dân tộc” [39,43]. Bộ trưởng Quan hệ đối ngoại Pháp đã phát biểu trong cuộc họp báo ngày 8/9/1981: “Không có chính sách đối ngoại nữa, mà chỉ có sự thể hiện ở bên ngoài những chính sách đối nội và khả năng vươn ra bên ngoài những ưu tiên trong nước”.

Việc hoạch định chính sách đối ngoại của mỗi nước phụ thuộc vào các yếu tố: (i) sức mạnh của quốc gia, gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm; (ii) sứ mệnh của quốc gia; (iii) chế độ chính trị của quốc gia; (iv) vị trí địa-chính trị của quốc gia; (v) các yếu tố nội bộ; (vi) các yếu tố quốc tế và khu vực; (vii) chính sách đối ngoại của các quốc gia khác. Những tham biến cần tính đến khi phân tích chính sách đối ngoại gồm: (i) môi trường quốc tế; (ii) môi trường trong nước; (iii) nội dung chính sách đối ngoại: chính sách chung, mục tiêu và nhiệm vụ của đối ngoại, chính sách đối với từng đối tượng cụ thể, và phương châm thực hiện; (iv) công cụ thực hiện chính sách đối ngoại: chính trị - ngoại giao, quân sự và kinh tế [39,33].

Phân tích chính sách đối ngoại là việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các chủ thể khác nhau trong quan hệ quốc tế, chủ yếu là các quốc gia, trên nhiều lĩnh vực: ngoại giao, thương mại, trao đổi văn hóa,... Trọng tâm của việc phân tích là nghiên cứu quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, những cá nhân lãnh đạo có ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạch định đó, những nhân tố tác động và kết quả đạt được. Khi phân tích chính sách đối ngoại, cần chú ý đến mối quan hệ

giữa môi trường quốc tế và môi trường bên trong. Phân tích chính sách đối ngoại và nghiên cứu quan hệ quốc tế đều xem xét mối quan hệ giữa các quốc gia hoặc các chủ thể chính trị khác. Tuy nhiên, học giả về quan hệ quốc tế cố gắng giải thích những đặc điểm của hệ thống quốc tế, trong khi những nhà phân tích chính sách đối ngoại tập trung vào các hành động thực tế của các chủ thể và nghiên cứu quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, nhằm lý giải tại sao các chủ thể lại ứng xử như vậy. Hơn nữa, các nhà phân tích chính sách đối ngoại xem công việc của họ là nhằm cải tiến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại sao cho các chủ thể có thể phản ứng hợp lý hơn, góp phần tạo ra mối quan hệ hòa bình, hữu nghị hơn giữa các quốc gia hoặc các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế [107].

### ***1.1.2. Sự phối hợp đối ngoại của ASEAN trong quan hệ với Mỹ***

ASEAN tuy đã có Hiến chương từ năm 2007 và có hiệu lực từ cuối năm 2008 nhưng mô hình liên kết vẫn là liên Chính phủ và hợp tác khá lỏng lẻo. Sau 47 năm phát triển và mở rộng, ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung, mà chỉ có “quan hệ đối ngoại” (external relations) với các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế. Trong quan hệ với Mỹ, ASEAN không có chính sách đối ngoại chung với Mỹ, nhưng có lập trường chung và những định hướng đối ngoại cụ thể được nêu rõ trong các Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (ASEAN Summit) hàng năm. Những lập trường chung và định hướng đối ngoại trong quan hệ với Mỹ được hoạch định ra thông qua sự phối hợp về đối ngoại giữa các quốc gia thành viên ASEAN, trên cơ sở nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Từ khi mở rộng thành ASEAN-10 đến nay, ASEAN giữ vị trí tương đối cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, không ngả theo một nước lớn nào chống lại nước lớn khác. Cả 10 quốc gia thành viên ASEAN, dù nghiêng nhiều hơn về phía Mỹ, phía Trung Quốc hay cân bằng, đều có chung lợi ích trong việc phát triển quan hệ với Mỹ. Việc xác định và xác định lại lợi ích quốc gia trong

công tác đối ngoại là một hoạt động chính trị thường xuyên của tất cả các chính quyền kể từ khi xuất hiện các quốc gia dân tộc có quyền tự quyết về đối ngoại. Xác định lợi ích quốc gia là bước đầu để thực hiện lợi ích quốc gia. Lợi ích quốc gia bản thân nó bao gồm các mục tiêu chiến lược, đôi khi cả các công cụ thực hiện mục tiêu, mà quốc gia theo đuổi trên trường quốc tế. Lợi ích quốc gia của một nước sẽ chỉ đạo các nguyên tắc, phương châm, chính sách đối ngoại và các hoạt động bang giao của nước đó.

Có thể nói, lợi ích quốc gia của mỗi nước thành viên ASEAN trong quan hệ với Mỹ là khác nhau, song tất cả cùng đồng quan điểm phát triển hơn nữa quan hệ với Mỹ. Trong Tuyên bố chung của cuộc gặp lần thứ 4 giữa lãnh đạo cấp cao ASEAN - Mỹ năm 2012, những người đứng đầu Chính phủ của 10 nước thành viên ASEAN và Mỹ đã nhất trí nâng cấp quan hệ ASEAN - Mỹ lên tầm đối tác chiến lược và nâng cuộc họp thường niên giữa lãnh đạo cấp cao của các nước ASEAN và Mỹ thành Hội nghị Thượng đỉnh thường niên ASEAN - Mỹ [135]. Lãnh đạo các quốc gia thành viên ASEAN cũng đánh giá cao những nỗ lực của Mỹ tăng cường can dự (engagement) vào những diễn đàn an ninh – chính trị mà ASEAN đóng vai trò trung tâm như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) và cuộc họp Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ hai ASEAN - Mỹ tổ chức tại Myanmar tháng 11/2014, Tổng thống Mỹ Obama đã khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ Mỹ - ASEAN như một nhân tố quan trọng trong chiến lược tái cân bằng của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và đánh giá cao những hoạt động hợp tác giữa Mỹ và ASEAN dựa trên ba trụ cột: kinh tế, an ninh - chính trị và văn hóa - xã hội [117].

Một mặt, ASEAN phát triển quan hệ với Mỹ với tư cách là một Hiệp hội, mặt khác, tất cả các quốc gia thành viên ASEAN muốn đẩy mạnh quan hệ song phương với Mỹ. Bối cảnh quốc tế thay đổi, xu thế khu vực hoá và vai trò của các thể chế liên khu vực ngày càng tăng trong quan hệ quốc tế. Quan trọng hơn cả,

nhân tố Trung Quốc phát triển nhanh cả về sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, khiến tương quan so sánh lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thay đổi và đe dọa đến kiến trúc an ninh khu vực đã định hình. Chính điều này làm cho cả Mỹ và ASEAN nói chung và các quốc gia thành viên nói riêng đều nhận thấy cần thiết xích lại gần nhau hơn, vì lợi ích quốc gia - dân tộc của mỗi bên. Mỹ muốn bảo vệ ngôi vị số 1 của mình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ngăn sự nổi lên và cạnh tranh của các nước lớn khác và Mỹ không muốn Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng ra khu vực láng giềng Đông Nam Á. Mười quốc gia thành viên ASEAN, dù là đồng minh truyền thống của Mỹ, đối tác toàn diện của Mỹ, hay nghiêng nhiều hơn về phía Trung Quốc, đều muốn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, không muốn bị rơi vào vòng ảnh hưởng, thậm chí bị lệ thuộc vào Trung Quốc. “Các nước ASEAN hoan nghênh sự có mặt của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, coi Mỹ như một nhân tố để giữ cân bằng lực lượng trong khu vực” [1,239].

Sự gặp nhau và tương hỗ về lợi ích quốc gia chính là nhân tố quan trọng nhất khiến các nước thành viên ASEAN và Mỹ xích lại gần nhau. Tuy nhiên, những điểm trùng trong lợi ích này lên xuống khác nhau theo từng thời kỳ. Trong giai đoạn đầu, từ 1967 - 1977, mối quan hệ Mỹ - ASEAN chỉ dừng ở quan hệ song phương giữa Mỹ với 5 thành viên sáng lập ASEAN và các nước này lệ thuộc vào Mỹ. Thời điểm ASEAN ra đời năm 1967 cũng là lúc Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam và mở rộng quy mô chiến tranh ra toàn Đông Dương. Lúc này, các nước ASEAN vẫn là những nước có nền kinh tế kém phát triển, hầu hết phải phụ thuộc vào các khoản đầu tư và viện trợ của Mỹ và các đồng minh để phát triển kinh tế. Nhiều nước ASEAN giai đoạn này ủng hộ Mỹ với các mức độ khác nhau trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương [31,13] và theo đuổi chính sách chống cộng và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, chủ yếu dựa vào ô bảo hộ an ninh của Mỹ.

Phải đến 10 năm sau khi ASEAN được thành lập, Mỹ mới có cuộc đối thoại đa phương đầu tiên với cả Hiệp hội ASEAN, đánh dấu việc chuyển từ các mối quan hệ song phương sang kết hợp giữa quan hệ song phương và đa phương Mỹ - ASEAN. Trong giai đoạn 1977 - 1991, đặc điểm của quan hệ song phương Mỹ - các nước thành viên ASEAN là sự lệ thuộc vào Mỹ giảm dần và các nước ASEAN-5 độc lập, tự chủ hơn trong quan hệ với Mỹ. Sau Chiến tranh Việt Nam, đặc biệt là vào giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh lạnh, Mỹ giảm dần sự hiện diện ở khu vực Đông Nam Á. Các quốc gia thành viên ASEAN vẫn muốn tiếp tục nhận được các khoản viện trợ về kinh tế và quân sự từ Mỹ và nằm dưới ô bảo hộ an ninh của Mỹ, song dần nhận thức rõ sự phụ thuộc về kinh tế vào các nước tư bản phát triển tất sẽ dẫn đến sự phụ thuộc về chính trị. ASEAN cũng nhận thức rõ lợi ích quốc gia của họ là phát triển kinh tế, xây dựng đất nước giàu mạnh để giữ vững nền độc lập, tự chủ của mình và giảm dần sự chi phối từ bên ngoài. Mặc dù phải dựa vào Mỹ để phát triển, nhưng trên thực tế, vẫn tồn tại những mâu thuẫn về kinh tế và an ninh giữa Mỹ và các nước ASEAN.

Từ sau Chiến tranh lạnh, vấn đề “ý thức hệ” giảm đi, ASEAN ngày càng lớn mạnh cả về lượng và chất, đoàn kết nội khối và tinh thần độc lập, tự chủ tăng. Trong bối cảnh trật tự thế giới hai cực không còn nữa, ASEAN tiến hành đa phương hóa các quan hệ đối ngoại với tất cả các nước lớn. Quan hệ Mỹ - ASEAN giai đoạn này có nhiều bước tiến mới, theo chiều hướng ngày một bình đẳng hơn cho ASEAN và giảm dần sự lệ thuộc vào Mỹ.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn**

### ***1.2.1. Quan hệ ASEAN - Mỹ từ năm 1967 - 1991***

#### ***Giai đoạn 1967 - 1977***

#### ***Quá trình hình thành và phát triển ASEAN giai đoạn 1967 - 1977***

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á đã có dự định thành lập một tổ chức khu vực nhằm tạo nên sự hợp tác phát triển trên các lĩnh vực

kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hóa; đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các nước lớn đang tìm cách biến Đông Nam Á thành sân sau của họ. Trong quá trình tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á, nhiều tổ chức khu vực đã xuất hiện và một số hiệp ước giữa các nước trong khu vực được ký kết. Tháng 1/1959, Hiệp ước Hữu nghị và Kinh tế Đông Nam Á (SEAFET), gồm Malaysia và Philippines ra đời. Ngày 31/7/1961, Hiệp hội Đông Nam Á (ASA) - gồm Thái Lan, Philippines và Malaysia - được thành lập. Tháng 8/1963, một tổ chức gồm Malaysia, Philippines và Indonesia, gọi tắt là MAPHILINDO, được thành lập. Tuy nhiên, những tổ chức và Hiệp ước trên đây đều không tồn tại được lâu do những bất đồng giữa các nước về vấn đề lãnh thổ và chủ quyền. Song nhu cầu về một tổ chức hợp tác khu vực rộng lớn hơn ở Đông Nam Á ngày càng lớn.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập ngày 08/8/1967, bao gồm 5 quốc gia đi theo con đường Tư bản chủ nghĩa. Việc ASEAN ra đời là phù hợp với chủ nghĩa khu vực đang phát triển nhanh trên phạm vi toàn cầu. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành như: Liên đoàn Arab (1945), Tổ chức các nước Trung Mỹ - OCAS (1951), Hiệp ước về Nhất thể hoá 5 nước Trung Mỹ (1960), Cộng đồng Kinh tế châu Âu - EEC (1957), Tổ chức thống nhất châu Phi - OAU (1963).

Vào thời điểm cuộc chiến tranh Việt Nam đang diễn ra quyết liệt, khu vực Đông Nam Á được xem là nơi thực thi chiến lược “ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản”. Là một siêu cường thế giới, hiểu được các nước ASEAN mới được thành lập vẫn là những quốc gia kém phát triển, đang rất cần đầu tư và viện trợ, nên Mỹ đã lôi kéo các nước ASEAN đi theo con đường của mình. Như vậy, “ASEAN được thành lập với mục tiêu công khai là hợp tác kinh tế và văn hoá - xã hội, nhưng thực chất là một tập hợp chính trị nhằm đối phó với tác động của cuộc chiến tranh ở Việt Nam khi đó và ngăn chặn nguy cơ chủ nghĩa cộng sản (cả từ bên ngoài và bên trong)” [146], nên sự ra đời của ASEAN phù hợp với lợi ích của Mỹ tại khu vực. Mỹ lôi kéo ASEAN vào quỹ đạo của mình, muốn biến

ASEAN thành một tổ chức phụ thuộc, chịu sự chi phối của Mỹ, tạo thành một mắt xích trong hệ thống chiến lược toàn cầu của Mỹ. Do vậy, Mỹ đẩy mạnh liên kết quân sự với một số nước đồng minh trong ASEAN và lôi kéo họ tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh Việt Nam [55,81].

### *Thái độ của ASEAN đối với Mỹ*

Thời điểm ASEAN ra đời năm 1967 cũng là lúc Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam và mở rộng quy mô chiến tranh ra toàn Đông Dương. Lúc này, các nước ASEAN vẫn là những nước có nền kinh tế kém phát triển, phải phụ thuộc vào các khoản đầu tư và viện trợ của Mỹ và các cường quốc tư bản khác. Hầu hết các nước ASEAN giai đoạn này đã ủng hộ Mỹ với các mức độ khác nhau trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương và theo đuổi chính sách đối ngoại thù địch với các nước Đông Dương bằng chính sách “chống cộng” [31,16] và đi theo con đường TBCN, chủ yếu dựa vào ô bảo hộ an ninh của Mỹ, lệ thuộc vào Mỹ và các nước phương Tây để phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, tình hình thay đổi ở Đông Nam Á từ cuối thập kỷ 60, đầu thập kỷ 70, đã khiến các nước ASEAN điều chỉnh lại chính sách với Mỹ và các nước Đông Dương. Việc Mỹ sa lầy ở cuộc chiến tranh Đông Dương làm cho các nước ASEAN lo ngại bị lôi kéo vào cuộc chiến, vì như vậy là đi ngược lại với lợi ích của họ. Mỹ không còn là một sự đảm bảo tuyệt đối về quân sự hay chỗ dựa về kinh tế của họ nữa. Các nước ASEAN thấy cần phải có chính sách độc lập hơn và giữ khoảng cách với Mỹ. Trước tình hình đó, ASEAN đưa ra đề nghị thiết lập Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do và trung lập - ZOPFAN - năm 1971, với mong muốn “cùng tồn tại hoà bình” với các nước Đông Dương. Theo xu hướng này, sau khi Hiệp định Paris về đình chỉ chiến sự tại Việt Nam được ký kết năm 1973, ASEAN đã thúc đẩy quan hệ với các nước XHCN, trước tiên là với Liên Xô và Trung Quốc, đồng thời bắt đầu cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương.

Sau thất bại của Mỹ ở Việt Nam, các nước ASEAN phần nào lo ngại trước những ảnh hưởng của CNXH và phong trào giải phóng dân tộc đang lan rộng khắp khu vực này. Trước những biến động mạnh mẽ đó, ASEAN đã suy nghĩ về một định hướng đối ngoại độc lập hơn với Mỹ và theo chiều hướng tích cực hơn. Năm 1976, các nước thành viên đã nhóm họp tại Bali và cùng ký kết Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC), đề ra cho ASEAN các quy chế của một tổ chức kinh tế - chính trị, xác định mối quan hệ của tổ chức này với các quốc gia trên thế giới, mà chủ yếu là với các nước lớn và nước láng giềng khu vực. Đối với Mỹ, mục đích trong hoạt động đối ngoại của ASEAN giai đoạn này là tìm mọi cách duy trì Mỹ ở Đông Nam Á để ngăn chặn ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Quốc. Thực chất, thông qua Hiệp ước Bali, các nước ASEAN tỏ rõ thái độ thân thiện, muốn cải thiện quan hệ với Việt Nam và các nước Đông Dương, đồng thời, ngăn chặn Trung Quốc nhảy vào lấp chỗ trống sau khi Mỹ rút đi. Vào thời điểm giữa thập kỷ 70 này, quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam được cải thiện theo tinh thần của Hiệp ước Bali, với mục đích chung của cả hai bên là cùng sống trong hoà bình và hợp tác.

***Triển khai quan hệ song phương giữa các nước ASEAN với Mỹ giai đoạn 1967 - 1977***

Trong 10 năm đầu sau khi ASEAN thành lập (1967 - 1977), Mỹ chưa đặt quan hệ với ASEAN. Mỹ muốn lôi kéo ASEAN vào quỹ đạo của mình, biến ASEAN thành một tổ chức phụ thuộc, chịu sự chi phối của Mỹ, tạo thành một mắt xích trong hệ thống chiến lược toàn cầu của Mỹ. Từ đó, sẽ đẩy mạnh liên kết quân sự với tất cả các quốc gia thành viên ASEAN để họ tham gia trực tiếp vào cuộc chiến tranh Việt Nam. “Tuy nhiên, ở thời kỳ đầu, Mỹ nhận thấy điều này chưa làm được, mà cũng khó thực hiện nên chưa chính thức có quan hệ với khối này” [1,180].

Vì vậy, trong giai đoạn này, Mỹ không đánh giá cao ASEAN và chủ trương phát triển quan hệ song phương với các nước thành viên. Nhiều nước

ASEAN từ 1967 - 1977 phát triển theo xu hướng thân Mỹ. Trong số 5 nước thành viên sáng lập ASEAN, có tới hai nước là đồng minh truyền thống của Mỹ là Philippines và Thái Lan và một nước đồng minh (không ký Hiệp ước quân sự) là Singapore. Quan hệ ASEAN - Mỹ từ 1967 - 1977 chủ yếu là dưới hình thức viện trợ của Mỹ cho ASEAN, đổi lại các nước ASEAN theo đuổi chính sách đối ngoại thù địch với ba nước Đông Dương và ủng hộ Mỹ với các mức độ khác nhau trong cuộc chiến tranh tại Đông Dương. Về kinh tế, Mỹ đã giữ được vai trò to lớn của mình ở Đông Nam Á, chạy đua với các nước phương Tây và Nhật Bản. Từ 1968 - 1970, Mỹ đã viện trợ cho các nước ASEAN khoảng 2 tỷ USD. Vào năm 1975, đầu tư trực tiếp của các công ty Mỹ vào các nước ASEAN chiếm 20% toàn bộ đầu tư của nước ngoài vào khu vực ASEAN. Mỹ trở thành bạn hàng lớn thứ hai của ASEAN sau Nhật Bản. Năm 1973, kim ngạch buôn bán Mỹ - ASEAN là 4,5 tỷ USD; năm 1976 là 9,5 tỷ USD; năm 1977 là 10,9 tỷ USD [1,192].

Trong thư của Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân M. Taylor gửi Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R. McNamara nói rõ: “Mỹ không thể đạt được các mục tiêu ở Đông Nam Á chỉ bằng các phương tiện kinh tế, chỉ bằng các phương tiện chính trị, hoặc chỉ bằng các phương tiện quân sự. Cả ba hướng này phải được kết hợp với nhau thành một chương trình thống nhất, rộng rãi của Mỹ đối với Đông Nam Á” [104]. Để thực hiện các mục tiêu của mình ở Đông Nam Á, viện trợ quân sự và kinh tế được Mỹ xem như biện pháp tối ưu. Mỹ dành gần 2/3 tổng số viện trợ cho Đông Nam Á, trong đó, viện trợ quân sự lại chiếm đa số. Thông qua viện trợ quân sự, Mỹ cung cấp thiết bị quân sự, vũ khí và các phương tiện chiến tranh cho các nước này để giúp họ chống lại các phong trào chống đối trong nước. Viện trợ của Mỹ nhằm phục vụ cho mục tiêu chiến lược của Mỹ, hay nói cách khác là để Mỹ có thể chi phối các nước thân Mỹ theo ý đồ chiến lược của Mỹ.

Thái Lan và Philippines là hai nước đồng minh truyền thống của Mỹ cho phép Mỹ xây dựng và sử dụng các căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình để tiến

hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Hơn nữa, hai nước này còn gửi quân sang tham chiến cùng với lính Mỹ trên chiến trường Việt Nam. Singapore là căn cứ hậu cần và sửa chữa, lắp ráp các máy bay quân sự Mỹ. Malaysia giúp Mỹ đào tạo hàng nghìn sĩ quan tình báo. Duy nhất chỉ có Indonesia là nước không dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, nhưng từ khi Soeharto lên nắm quyền sau cuộc đảo chính năm 1965 thì chính quyền nước này có xu hướng thân Mỹ, ủng hộ sự có mặt của Mỹ ở Đông Nam Á cả về quân sự, kinh tế, viện trợ. Theo tờ Washington Post ngày 21/6/1975, “Chính phủ Soeharto cho rằng, Thái Lan và Philippines nên để cho Mỹ đóng một vài căn cứ quân sự ở hai nước này. Indonesia rất muốn Hoa Kỳ vẫn có mặt vững vàng ở Đông Nam Á về mặt kinh tế, buôn bán, viện trợ và cả hải quân nữa” [19].

#### ***Đánh giá mối quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn 1967 - 1977***

Tóm lại, quan hệ ASEAN - Mỹ thời kỳ này chủ yếu vẫn dựa trên cơ sở các mối quan hệ song phương giữa từng nước thành viên ASEAN với Mỹ và Mỹ chưa thiết lập quan hệ với cả Hiệp hội ASEAN. Trong những năm đầu mới thành lập, các cơ chế hoạt động của ASEAN còn khá lỏng lẻo, sự phối hợp giữa các nước thành viên chưa cao. Do muốn tận dụng ô bảo hộ về an ninh của Mỹ và các khoản đầu tư, viện trợ của Mỹ nên các nước ASEAN vẫn chịu sự chi phối của Mỹ về các mặt chính trị, quân sự và kinh tế, đặc biệt, một số nước ASEAN còn bị lôi kéo tham gia vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Trong đó, viện trợ quân sự và kinh tế là công cụ chủ yếu giúp Mỹ thực hiện các ý đồ chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á.

Tuy nhiên, từ giữa thập kỷ 70, do sự thay đổi của tình hình quốc tế và khu vực, Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam và theo đó, giảm đáng kể sự hiện diện về quân sự trong khu vực Đông Nam Á, nên các nước ASEAN đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo chiều hướng độc lập hơn và tự chủ hơn trong quan hệ với Mỹ. Một mặt, các nước ASEAN tìm cách cải thiện quan hệ với các nước láng giềng Đông Dương với lợi ích là cùng chung sống trong hoà bình và

hợp tác, mặt khác, vẫn muốn Mỹ hiện diện về quân sự và kinh tế trong khu vực, để ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa cộng sản ra toàn khu vực do Liên Xô và Trung Quốc tiến hành.

### ***Giai đoạn 1977 - 1991***

#### ***Những nhân tố tác động đến quan hệ ASEAN - Mỹ 1977 - 1991***

##### ***Tình hình quốc tế và khu vực Đông Nam Á nửa sau thập kỷ 70***

Cuộc Chiến tranh lạnh chuyển từ trạng thái “hoà dịu” vào giữa thập kỷ 70 sang “đôi đầu gay gắt” và chạy đua vũ trang đầu thập kỷ 80 giữa hai siêu cường Mỹ và Liên Xô đứng đầu hai phe TBCN và XHCN. Trong khi đó, Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối ngoại từ chống cả Liên Xô và Mỹ trong thập kỷ 60 sang ngả theo Mỹ chống Liên Xô trong thập kỷ 70. Từ 1978, Trung Quốc tiến hành “bốn hiện đại hoá”, cải cách nền kinh tế và đổi mới về tư duy đối ngoại với thuyết mèo trắng – mèo đen của Đặng Tiểu Bình năm 1982, do đó, Trung Quốc rất cần sự hỗ trợ về vốn, đầu tư, công nghệ tiên tiến của Mỹ và phương Tây. Sau Thông cáo chung Thượng Hải năm 1972, Mỹ - Trung bình thường hoá quan hệ tháng 01/1979 và cùng chung mục tiêu chống Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Trong nửa cuối của thập kỷ 70, thế kỷ XX, nước Mỹ suy giảm tương đối về kinh tế và uy tín chính trị trên thế giới bị ảnh hưởng sau thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam, điều này đã buộc Mỹ điều chỉnh mục tiêu chiến lược toàn cầu của mình. Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973 đã khiến Mỹ lâm vào cuộc khủng hoảng và suy thoái kéo dài đến năm 1982. Nền kinh tế của Mỹ bị sụt giảm một cách tương đối, so với chính nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ II và so với cường quốc mới nổi khác như Nhật Bản. Tuy Mỹ vẫn đứng đầu thế giới về sự phát triển kinh tế, nhưng tỉ trọng kinh tế Mỹ thấp dần trong tổng sản phẩm kinh tế thế giới. Nếu như những năm 1945 - 1950, tỉ trọng này chiếm gần 40% thì đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX, chỉ còn 23%. Sau Chiến tranh thế giới II, Mỹ là chủ nợ của nhiều nước, đến cuối những năm

1980s, Mỹ đã trở thành một trong những con nợ lớn nhất thế giới. Năm 1988, Mỹ nợ nước ngoài 263 tỉ USD, đến năm 1989, tăng lên 285 tỉ USD [1,199].

Tình hình kinh tế - xã hội bất ổn đã buộc Chính phủ Mỹ điều chỉnh chiến lược toàn cầu trong học thuyết Reagan và chiến lược “Đổi đầu trực tiếp” dưới thời Tổng thống Reagan (1981 - 1988), chiến lược “Vượt trên ngăn chặn” thời Tổng thống G. Bush (1989 - 1992). Mục tiêu chủ yếu của các chiến lược này là ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản, đàn áp phong trào công nhân quốc tế, phong trào hoà bình, dân chủ trên thế giới, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh theo đường lối, chính sách và sự chỉ đạo của Mỹ [5,282].

*Vấn đề Campuchia bị quốc tế hoá và tác động đến quan hệ ASEAN - Mỹ từ 1979:* Những năm cuối thập kỷ 70 chứng kiến những biến động lớn trong khu vực Đông Nam Á: rạn nứt lớn trong quan hệ Việt - Trung, đỉnh điểm là chiến tranh biên giới phía Bắc tháng 2/1979, và bè lũ Pol Pot - với sự hậu thuẫn của Chính quyền Bắc Kinh - thực hiện chính sách diệt chủng bên trong và bên ngoài xâm lấn Việt Nam từ tháng 5/1975. Pol Pot phát động cuộc chiến tranh chống Việt Nam ở vùng biên giới Tây Nam: khiêu khích, xâm phạm biên giới trên bộ và trên biển của Việt Nam, tấn công 13 xã thuộc tỉnh An Giang năm 1977, tàn sát dân thường vô tội. Đáp lại lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, đồng thời, thực hiện “Quyền tự vệ chính đáng” để bảo vệ Tổ quốc, tháng 12/1978, quân đội tình nguyện Việt Nam đã giúp đỡ nhân dân Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng Pol Pot, thành lập nước Cộng hoà nhân dân Campuchia. Tình hình khu vực Đông Nam Á ngày càng phức tạp khi Việt Nam và Liên Xô ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác ngày 03/11/1978 và tháng 2/1979, Trung Quốc đưa quân vượt qua biên giới phía Bắc Việt Nam, tấn công 6 tỉnh. Trung Quốc đe dọa dạy cho Việt Nam “một bài học” nhằm cứu vãn tay sai Pol Pot và thể hiện cho Mỹ thấy thiện chí của Trung Quốc khi xích lại gần Mỹ.

Sau khi vấn đề Campuchia bị quốc tế hóa, Mỹ cùng Trung Quốc lôi kéo các nước phương Tây, Nhật Bản và ASEAN bao vây, cô lập Việt Nam về chính

trị và cấm vận Việt Nam về kinh tế. Đối với vấn đề Campuchia, Mỹ chủ trương giữ vững cam kết an ninh, nhưng không dính líu trực tiếp bằng quân sự. Mỹ công khai ủng hộ các hoạt động chống Việt Nam của các nước ASEAN và trên cơ sở đó, hoạch định chính sách mới đối với Đông Nam Á và ASEAN.

### ***Toan tính của ASEAN trong quan hệ với Mỹ***

Là các quốc gia nhỏ đang phát triển, từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, các nước ASEAN vẫn lệ thuộc nhiều vào viện trợ và hợp tác kinh tế - quân sự của Mỹ và phương Tây. Về chính trị, ASEAN cần sự hiện diện của Mỹ trong khu vực Đông Nam Á để ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc với phần thắng nghiêng về phía Việt Nam và sau khi Việt Nam đưa quân tình nguyện vào Campuchia và Lào cuối thập kỷ 70. Về kinh tế, các nước ASEAN cần Mỹ như một thị trường quan trọng để xuất khẩu nguyên liệu, nông phẩm và khoáng sản, và cần khoản viện trợ, đầu tư lớn của Mỹ. Về quân sự, các nước ASEAN muốn tiếp tục nhận được các khoản viện trợ quân sự khổng lồ từ Mỹ và nằm dưới cái ô bảo hộ an ninh của Mỹ, nhất là khi các nước này đang đặt ưu tiên cho phát triển kinh tế đất nước.

Dần dần, các nước ASEAN nhận thức rõ sự phụ thuộc về kinh tế vào các nước tư bản phát triển tất sẽ dẫn đến sự phụ thuộc về chính trị. Vì vậy, các nước này tìm cách thực hiện chính sách độc lập hơn để phát triển nền kinh tế dựa vào trật tự kinh tế thế giới mới. ASEAN cũng nhận thấy lợi ích của quốc gia là phát triển kinh tế, xây dựng đất nước giàu mạnh, giữ vững nền độc lập tự chủ của mình, không có sự chi phối của các nước lớn bên ngoài. Dù phải dựa vào Mỹ, song trên thực tế, vẫn có sự ngăn cách và mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa Mỹ và các nước ASEAN. Do sức ép từ cuộc đấu tranh của nhân dân trong nước đòi chống lại sự xâm phạm quyền lợi dân tộc nên các nước ASEAN có sự độc lập nhất định với Mỹ khi mà lợi ích của đất nước, của bản thân giai cấp cầm quyền bị xâm phạm [1,219].

### ***Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á***

Trong bối cảnh thế giới và khu vực như đã trình bày trên đây, Chính quyền của Tổng thống Reagan (1981 - 1988) đã đề ra chính sách đối ngoại với Đông Nam Á gồm các điểm: (i) “Củng cố Thái Lan thông qua việc tăng cường đáng kể viện trợ quân sự và kinh tế; (ii) Tăng thêm viện trợ quân sự và kinh tế ở mức độ cần thiết cho các nước ASEAN để củng cố sự ổn định cho tình hình của các bên (Mỹ và ASEAN) trên trường quốc tế nói chung; (iii) Nhanh chóng tăng cường sức mạnh và sự có mặt của hải quân Mỹ trong khu vực; (iv) Củng cố các căn cứ trong khu vực và thiết lập thêm những tiện nghi cần thiết. Tiếp tục thương lượng với Australia về những đóng góp đột xuất đó; (v) Thuyết phục Nhật Bản tăng ngân sách quốc phòng để đóng góp cho ASEAN nhằm bảo vệ lợi ích cho cả Mỹ và Nhật Bản tại đây; (vi) Hợp tác với Trung Quốc về các vấn đề an ninh tại khu vực Đông Nam Á; (vii) Vận động các tổ chức quốc tế và các tổ chức cứu trợ của Mỹ ngừng viện trợ cho Việt Nam, Lào, Campuchia; (viii) Ủng hộ mọi lập trường của ASEAN về Campuchia; (ix) Tích cực ủng hộ các cố gắng hiện nay nhằm phát triển một liên minh giữa các thủ lĩnh không cộng sản và Khmer Đỏ với mục tiêu thành lập Mặt trận thống nhất; và (x) Thăm dò một khả năng Mỹ sẽ sắp xếp lại sự phòng thủ tại Đông Nam Á và Thái Bình Dương” [2].

### ***Sự phát triển của quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn 1977 - 1991***

#### ***Quan hệ song phương***

Triển khai quan hệ song phương giữa các nước thành viên ASEAN với Mỹ giai đoạn 1977 - 1991 đã thu được nhiều thành công đáng kể:

*Trên lĩnh vực quân sự*, các nước ASEAN tăng chi phí quân sự để phòng thủ đất nước và ngăn chặn mối đe dọa bành trướng của chủ nghĩa cộng sản trong khu vực. Năm 1980, ngân sách quân sự của ASEAN là 5,5 tỷ USD, tăng 45% so với năm 1979 và gấp 2 lần so với năm 1975 [1,212]. Đồng thời, Mỹ không ngừng viện trợ quân sự cho ASEAN, đặc biệt là Philippines và Thái Lan, hai đồng minh truyền thống và được coi là tuyến đầu trong chiến dịch ngăn chặn chủ nghĩa cộng

sản ở Đông Nam Á. Các nước đồng minh này cũng thường xuyên thực hiện các cuộc tập trận trùng với Mỹ và thông qua đó, khuyến khích các nước ASEAN không phải là đồng minh tham gia vào các hoạt động quân sự của mình.

Vấn đề Campuchia được Mỹ nhìn nhận ở khía cạnh chính trị nhằm tăng tiếng nói chung với các nước ASEAN và Nhật Bản, Trung Quốc để chống lại chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô và Việt Nam. Mỹ cũng rất cần có chỗ đứng vững chắc trong vấn đề Campuchia, thông qua việc thắt chặt quan hệ giữa Mỹ và ASEAN, tạo cho ASEAN không bị chi phối bởi Trung Quốc và Nhật Bản, cũng không thể lấn át được ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực. Bên cạnh đó, hợp tác Mỹ - Trung thời điểm này là nhằm làm cho vấn đề Campuchia trở nên căng thẳng, duy trì sự đối đầu giữa hai nhóm nước ASEAN TBCN và Đông Dương XHCN, tạo nên tình hình bất ổn có lợi cho Mỹ.

*Trên lĩnh vực kinh tế*, ASEAN - Mỹ đã có những bước phát triển nhất định. Vào những năm 80, ASEAN đã trở thành bạn hàng quan trọng thứ 5 của Mỹ, là khu vực chủ yếu cung cấp nguyên nhiên liệu cho nền công nghiệp Mỹ. Để duy trì và đẩy mạnh sự có mặt của mình, năm 1979, ASEAN cùng Mỹ đã thành lập Ủy ban thương mại ASEAN - Mỹ. Theo đó, viện trợ kinh tế của Mỹ cho ASEAN ngày càng tăng. Về phía ASEAN, các nước này đều nhận thức được những hậu quả từ sự lệ thuộc kinh tế vào Mỹ nên đều cố gắng thực hiện chính sách độc lập hơn. Song vẫn chưa thể thoát khỏi sự phụ thuộc ít nhiều vào nền kinh tế số 1 thế giới này.

*Trên lĩnh vực chính trị*, ý thức được sự lệ thuộc về kinh tế sẽ dẫn được lệ thuộc về chính trị, nên trong quan hệ với Mỹ, các nước ASEAN luôn chú trọng việc giữ vững độc lập chủ quyền. Để không bị chi phối bởi một nước lớn nào, các nước ASEAN cho rằng việc đoàn kết, hợp tác thống nhất trong toàn khu vực sẽ là một các giải quyết hiệu quả. Thông cáo báo chí chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ hai năm 1977 đã khẳng định sự hoà hợp của ASEAN, và nhất trí rằng tình hình lúc đó tạo cơ hội cho các nước trong khu vực tự quyết

định vận mệnh của mình mà không có sự dính líu, can thiệp của các nước lớn. Vì vậy, ASEAN rất muốn nhanh chóng giải quyết các vấn đề trong khu vực, đặc biệt là vấn đề Campuchia. Thông qua Hiệp ước Bali, ASEAN muốn cải thiện quan hệ với Việt Nam và các nước Đông Dương, đồng thời, muốn tạo ra một khoảng cách nhất định với Mỹ và ngăn cản ảnh hưởng của những nước lớn khác tới khu vực.

#### *Quan hệ đa phương ASEAN - Mỹ*

Mười năm sau khi thành lập, ASEAN và Mỹ mới bắt đầu thiết lập quan hệ ngoại giao đa phương chính thức. Cuộc đối thoại ASEAN - Mỹ lần đầu tiên được tổ chức tại Manila từ ngày 8-10/9/1977 với kết quả là một bản Tuyên bố chung. Hai bên mong muốn Mỹ sẽ tăng cường hợp tác với khu vực trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Cả Mỹ và ASEAN đều thừa nhận sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, tuy vẫn còn khó khăn do chính sách bảo hộ của Mỹ và phương Tây. Thách thức này sẽ được tháo gỡ khi hai bên đàm phán thành công Hiệp định thương mại đa phương và Mỹ sẽ có những ưu đãi trong thương mại với ASEAN. Mỹ đánh giá cao những thành công của ASEAN với tư cách là một tổ chức khu vực hoạt động hiệu quả và tích cực phấn đấu vì hoà bình và thịnh vượng chung của cả khu vực Đông Nam Á [128].

#### ***Đánh giá mối quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn 1977 - 1991***

Việc nghiên cứu mối quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn này đã cho thấy, nhằm thực hiện mục tiêu chống lại mối đe dọa của chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc trên khắp thế giới và Đông Nam Á là tiêu điểm, Mỹ đã lôi kéo các nước ASEAN vào quỹ đạo của mình và duy trì con đường phát triển TBCN thông qua các biện pháp viện trợ kinh tế và chính trị. Các quan hệ quân sự, kinh tế và chính trị, trong đó, nhân tố quân sự là chủ đạo đã chi phối quan hệ quốc tế giai đoạn này, tuy các biện pháp kinh tế cũng nhằm phục vụ cho các mục tiêu quân sự. Cùng mục tiêu “chống cộng”, song ASEAN và Mỹ có những lợi ích khác nhau. Mỹ muốn thông qua ASEAN để tập hợp lực lượng TBCN chống

lại phe XHCN. Trong khi đó, các nước ASEAN muốn dựa vào ô an ninh, vốn đầu tư và kỹ thuật của Mỹ để phát triển kinh tế đất nước.

Trong giai đoạn 1977 - 1991, quan hệ đa phương giữa Hiệp hội ASEAN và Mỹ bắt đầu được thiết lập, hoạt động song song với các mối quan hệ song phương giữa từng nước thành viên ASEAN và Mỹ. Tuy cả quan hệ đa phương và song phương của các nước ASEAN vẫn còn lệ thuộc khá nhiều vào Mỹ, song từ nửa cuối thập kỷ 80, ASEAN ngày càng hoạt động độc lập và tự chủ hơn, thể hiện rõ nhất trong việc chủ động cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương XHCN và cùng phối hợp giải quyết vấn đề Campuchia.

### ***1.2.2. Những thay đổi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh***

#### ***Tác động của xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển và toàn cầu hóa - khu vực hóa đến QHQT trong khu vực***

Chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô tan rã, cùng với sự chấm dứt của trật tự thế giới hai cực, hai phe XHCN - TBCN do Liên Xô và Mỹ đứng đầu. Mỹ trở thành siêu cường duy nhất và đã tự cho mình trọng trách to lớn trong việc lãnh đạo thế giới và đảm bảo hoà bình thế giới. Hoà bình và phát triển trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Phương cách giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp thương lượng hoà bình và ưu tiên cho phát triển kinh tế được đặt lên hàng đầu. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với những thành tựu to lớn đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới các quốc gia, làm thay đổi về cơ bản bộ mặt kinh tế và chính trị của thế giới hiện đại. Sự ưu tiên cho hợp tác và liên kết để phát triển kinh tế, phụ thuộc lẫn nhau tăng, cũng ảnh hưởng mạnh đến quan hệ quốc tế.

Mặc dù vậy, trên thế giới vẫn tồn tại những nhân tố gây mất ổn định như xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, tranh chấp biên giới lãnh thổ và tài nguyên. Nhu cầu hợp tác chi phối trong quan hệ giữa các nước hơn bao giờ hết để đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống. Các thách thức hết sức đa dạng và phức tạp, từ vấn đề cải cách hệ thống tài chính toàn cầu, nạn khủng bố

đến vấn đề ngăn chặn sự lan rộng của vũ khí hủy diệt hàng loạt và nhất là quá trình đàm phán để giải quyết hiện tượng nóng lên của trái đất nhằm đạt được thoả thuận về mục tiêu cắt giảm lượng khí thải nhà kính. Bên cạnh đó, các nước lớn có xu hướng điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình theo hướng chú trọng hơn đến các thể chế đa phương trên phạm vi khu vực và toàn cầu, hạn chế sử dụng sức mạnh quân sự và tăng cường sử dụng sức mạnh mềm hay sức mạnh thông minh để giải quyết các vấn đề và điểm nóng quốc tế.

Tuy nhiên, thế giới những năm cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI đã chứng kiến một bức tranh âm đạm về kinh tế. Khủng hoảng tài chính bùng phát tại Mỹ và lan rộng ra các nền kinh tế lớn nhỏ toàn cầu. Cuộc khủng hoảng đã làm sụp đổ hệ thống tiền tệ của các ngân hàng lớn trên thế giới và dẫn đến sự phá sản của hàng loạt tập đoàn kinh tế. Song dù biến động và bất ổn đến đâu, hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển vẫn là xu thế lớn không thể đảo ngược. Xu thế này góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi để ASEAN có thể điều chỉnh quan hệ với Mỹ theo hướng nồng ấm hơn, cả trên bình diện đa phương và các quan hệ song phương, đặc biệt khi ASEAN đã mở rộng, bao gồm cả các quốc gia không phát triển theo định hướng TBCN.

Sau Chiến tranh lạnh, toàn cầu hóa trở thành xu thế ngày càng rõ nét, thể hiện ở ba điểm chính: Thứ nhất, nền thương mại thế giới phát triển nhanh chóng. Có thể nói, thương mại thế giới tăng nhanh hơn sự tăng trưởng của kinh tế thế giới và ngoại thương chiếm một vị trí quan trọng. 24 nước công nghiệp phát triển của tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) chỉ chiếm 14,5% dân số thế giới nhưng sản xuất ra 71,4% tổng sản phẩm trên thế giới và nắm 60% xuất khẩu thế giới. Ngoại thương chiếm từ 40-60% tổng sản phẩm của các nước Tây Âu [122]. Sự phát triển của khoa học công nghệ, thông tin liên lạc và giao thông vận tải đã hình thành hệ thống mạng toàn cầu, với tốc độ thông tin nhanh. Đây chính là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển tài chính, thành lập các công ty xuyên quốc gia và quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

Thứ hai, vai trò của các Công ty xuyên quốc gia (TNC) ngày càng lớn trong nền kinh tế thế giới. Từ sau Chiến tranh lạnh, số lượng các TNC tăng nhanh chóng, từ 37.000 đầu thập kỷ 90 lên gần 70.000 năm 2004. Đồng thời, mức độ quốc tế hóa của chúng cũng phát triển chưa từng thấy với số lượng chi nhánh nước ngoài tăng gần 4 lần, từ 170.000 đầu thập kỷ 90 lên gần 690.000 năm 2004. Sức mạnh kinh tế của TNC rất lớn, với tài sản trong năm 2003 của 100 TNC lớn nhất thế giới là 8.023 tỉ USD, trị giá kinh doanh là 5.551 tỉ USD. Các TNC thực hiện hơn 80% thương mại thế giới [138]. Sự phát triển của các TNC thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa, và ngược lại, toàn cầu hóa cũng ảnh hưởng đến các TNC. Gần đây, làn sóng sát nhập các TNC tăng lên nhanh chóng, tác động cả tích cực và tiêu cực đến nền kinh tế thế giới. Thứ ba, quá trình quốc tế hóa nền tài chính thế giới diễn ra nhanh chóng với các tổ chức kinh tế quốc tế quan trọng trên thế giới hiện nay như: Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF),...

Bên cạnh đó, quá trình khu vực hóa cũng phát triển nhanh chóng. Các tổ chức liên khu vực với quy mô lớn, nhỏ xuất hiện khắp nơi. Liên minh châu Âu (EU) được thành lập năm 1993 (với mốc Hiệp ước Maastricht có hiệu lực từ ngày 01/11/1993) và hiện có 28 quốc gia thành viên. Ở châu Mỹ, Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), có hiệu lực từ 01/01/1994, giúp cho quan hệ thương mại giữa 3 nước Mỹ, Canada và Mexico được dễ dàng hơn và nâng cao khả năng cạnh tranh với các tổ chức kinh tế khu vực khác. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967, hiện có 10 quốc gia thành viên và đang hướng tới xây dựng Cộng đồng ASEAN đến cuối năm 2015. Tại châu Á - Thái Bình Dương, Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) được thành lập năm 1989 với 12 thành viên sáng lập và hiện có 21 quốc gia thành viên [163] ...

Các xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, và xu thế toàn cầu hóa - khu vực hóa đã tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi, thúc đẩy ASEAN đa phương hóa,

đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, trong đó, đẩy mạnh hơn quan hệ với Mỹ. Do có những lợi ích chung về kinh tế, chính trị và an ninh nên cả ASEAN và Mỹ đều đặt ưu tiên cho phát triển và tăng cường hợp tác.

***Sự thay đổi trong tương quan so sánh lực lượng tại châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt, sự nổi lên của Trung Quốc***

***Khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động***

Ngày nay, nhiều học giả trên thế giới cho rằng: Trọng tâm quyền lực của chính trị thế giới đang dần chuyển dịch từ Tây sang Đông. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton cũng từng tuyên bố thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ Thái Bình Dương của Mỹ, bởi nếu khu vực châu Á - Thái Bình Dương không ngày càng phát triển năng động và đan xen những lợi ích cốt lõi của các nước lớn như hiện nay thì Mỹ sẽ không tiến hành một cuộc chuyển đổi từ những thách thức trước mắt và khó chịu của Trung Đông sang các vấn đề lâu dài và có ảnh hưởng sâu sắc ở châu Á [48]. Thật vậy, châu Á - Thái Bình Dương là khu vực sở hữu nhiều cái “nhất”: khu vực đông dân nhất (chiếm khoảng 1/2 dân số thế giới), có nền kinh tế phát triển năng động nhất, tập trung nhiều của cải nhất (tới 54% tổng GDP toàn cầu và 40% tổng thương mại quốc tế) [159] và cũng tồn tại nhiều điểm nóng nhất của thế giới (vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông và biển Hoa Đông,...). Hơn nữa, đây là khu vực có vị trí địa lý đặc biệt trải dài từ bán đảo Ấn Độ cho tới bờ Tây Hoa Kỳ, kéo dài qua hai đại dương - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, lại sở hữu một vùng biển - Biển Đông - có tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ hai của thế giới, nằm trên tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, Trung Đông - châu Á.

Quan trọng hơn, khu vực này có sự hiện diện và đan xen lợi ích của năm cường quốc: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ. Các nước lớn này đều muốn nâng cao ảnh hưởng của mình tại khu vực cũng như tăng cường tối đa lợi ích và sự can thiệp vào các vấn đề khu vực. Đặc biệt, với sự trỗi dậy mạnh mẽ

của các nền kinh tế mới như Trung Quốc, siêu cường Mỹ đang phải chịu sức ép của việc chia sẻ quyền lực cho các cường quốc mới nổi này trong các thể chế quốc tế và khu vực.

Trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mối quan hệ giữa ba cường quốc Mỹ - Trung - Nhật là nhân tố chủ yếu chi phối kiến trúc an ninh khu vực nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Liên minh Mỹ - Nhật đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các chiến lược gia Mỹ đã tính đến việc sử dụng Nhật Bản để củng cố sự ổn định chính trị của các quốc gia thân phương Tây ở khu vực, trước hết là các nước ASEAN. Quan hệ Mỹ - Trung đóng vai trò then chốt, mang tính chi phối sự ổn định của cả khu vực. Sau Chiến tranh lạnh, nền kinh tế của Trung Quốc rất năng động và phát triển nhanh nhất thế giới. Từ đó, Trung Quốc đầu tư mạnh cho an ninh - quốc phòng, khiến sức mạnh quân sự, đặc biệt là hải quân Trung Quốc, ngày càng tăng lên. Mỹ vừa xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, đồng thời tìm cách áp đặt các giá trị của Mỹ lên Trung Quốc, cũng như ngăn chặn việc mở rộng ảnh hưởng của nước này ở khu vực mà Mỹ cho là đe dọa đến lợi ích quốc gia của Mỹ.

Nhìn lại khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh lạnh, ta thấy nổi lên một số điểm đáng chú ý như sau: Về vấn đề Campuchia đã tồn tại từ 1979, việc đạt được một giải pháp hoà bình cho toàn bộ vấn đề thông qua Hiệp định Paris về Campuchia ngày 23/10/1991, cùng với chính sách Đổi mới của Việt Nam và những nỗ lực của các nước thành viên ASEAN đã khiến cho sự đối đầu giữa hai nhóm nước Đông Dương - xã hội chủ nghĩa và ASEAN - tư bản chủ nghĩa không còn nữa, thay vào đó, ASEAN và Đông Dương ngày càng xích lại gần nhau và phát triển quan hệ, mở rộng hợp tác về mọi mặt. Đây chính là điều kiện tốt để ASEAN hiện thực hoá mục tiêu mở rộng thành viên, bao gồm tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. ASEAN từ 5 thành viên sáng lập ban đầu là Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, đến năm 1999 đã kết

nap thêm 5 thành viên mới nữa là Brunei (gia nhập năm 1984), Việt Nam (năm 1995), Lào (năm 1997), Myanmar (năm 1997) và Campuchia (năm 1999). Sau hơn 30 năm thành lập và không ngừng phát triển, ASEAN đã trở thành tổ chức lớn nhất khu vực, quy tụ cả 10 quốc gia Đông Nam Á. ASEAN giờ đây là một Hiệp hội thống nhất trong đa dạng, gồm các quốc gia phát triển theo các định hướng chính trị khác nhau, tôn giáo, văn hoá và trình độ phát triển kinh tế khác nhau. ASEAN độc lập tự chủ hơn và năng động hơn trong quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong quan hệ với các nước lớn, khác với ASEAN-5 trước kia, phải lệ thuộc nhiều vào sự viện trợ to lớn của Mỹ về kinh tế - quân sự và dựa vào chiếc ô an ninh của Mỹ.

Đông Nam Á đã trở thành một khu vực hòa bình và ổn định tương đối. Tuy nhiên, môi trường an ninh còn chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn khiến ở Đông Nam Á xuất hiện hai xu hướng thu hút sự quan tâm của Mỹ. *Một là*, các nước tăng cường mua sắm vũ khí, khiến Đông Nam Á là một trong số ít khu vực trên thế giới đi ngược lại xu hướng giải trừ quân bị, giảm chi tiêu quốc phòng sau Chiến tranh lạnh. *Hai là*, các nước Đông Nam Á thúc đẩy sự hợp tác và đối thoại về an ninh. Một mặt, hợp tác song phương trong giải quyết các vấn đề an ninh tiếp tục được coi trọng. Mặt khác, xu hướng hợp tác đa phương về an ninh cũng đã xuất hiện và tiến triển tương đối nhanh. Tháng 7/1993, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN họp ở Singapore đã thống nhất thành lập Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF) với sự tham gia của hầu hết các nước lớn và nội dung thảo luận không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ các vấn đề an ninh ở Đông Nam Á mà còn thảo luận các vấn đề an ninh ở các khu vực khác rộng lớn hơn như Đông Bắc Á và Châu Á – Thái Bình Dương khiến Mỹ không thể không quan tâm.

Về kinh tế, sang thập niên 90, Đông Nam Á với tiềm năng phát triển kinh tế cao, đã trở thành một khu vực có sức hấp dẫn mạnh mẽ về thương mại và đầu tư với nước ngoài. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước khu vực là: Singapore 10,1%, Việt Nam 9,5%, Indonesia 7,8%, Malaysia 7,4%, Thái Lan 6,8% [6,38]...

Sở dĩ các nước ASEAN đạt được tốc độ tăng trưởng cao là do phát triển kinh tế đã trở thành ưu tiên hàng đầu. Hơn nữa, ASEAN bắt đầu mở rộng ra toàn khu vực Đông Nam Á và từng bước thúc đẩy “khu vực mậu dịch tự do” ở Đông Nam Á. Những biến đổi này rất phù hợp với mục tiêu tiếp cận và mở rộng thị trường trong chiến lược kinh tế của Mỹ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Bước sang đầu thế kỷ XXI, Đông Nam Á nổi lên như một địa bàn cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. ASEAN-10 với tổng dân số hơn 600 triệu người và tổng thu nhập quốc nội 2.310 tỷ USD [160], là điểm thu hút sự quan tâm hàng đầu của các cường quốc cũng như những trung tâm chính trị - kinh tế lớn trên thế giới. ASEAN đóng vai trò ngày càng tích cực, thậm chí trở thành “trung tâm” trong nhiều cơ chế hợp tác kinh tế và chính trị đa phương trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương như ASEAN+3, Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+). Cộng đồng ASEAN được hình thành vào cuối năm 2015 tạo "sân chơi" cho các quốc gia có cam kết chung hướng tới sự phát triển bền vững cũng như hòa bình, ổn định và thịnh vượng cho khu vực này. Các cường quốc đều đang thực hiện các chính sách hướng về châu Á - Thái Bình Dương với quy mô và cường độ mới để phù hợp với tình hình của khu vực, trong đó, dành ưu tiên cao củng cố và thúc đẩy quan hệ với ASEAN. Trung Quốc luôn nhấn mạnh coi trọng quan hệ đối tác chiến lược, mong muốn gắn kết chặt chẽ, ưu tiên hợp tác phát triển kinh tế với ASEAN. Đối với Mỹ, trong quá trình triển khai chiến lược “xoay trục” sang châu Á, Mỹ ngày càng chú trọng phát triển quan hệ cả đa phương với ASEAN và song phương với các quốc gia thành viên ASEAN. Nhật Bản luôn khẳng định ASEAN là đối tác đặc biệt quan trọng trong chính sách đối ngoại của nước này. Với Ấn Độ, ASEAN là trọng tâm trong chính sách hướng Đông và là đối tác toàn diện.

*Sự thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực Đông Nam Á*

Bước sang thế kỷ XXI, tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn đã có những thay đổi đáng kể. Mỹ vẫn là siêu cường số một thế giới, nhưng không hoàn toàn vượt trội như trước. Bên cạnh đó, các cường quốc khác trong khu vực đã có những biến chuyển mạnh mẽ, khiến sự chênh lệch giữa các nước này bị thu hẹp. Tuy không phải là một nước láng giềng gần gũi như Trung Quốc nhưng Nhật Bản có nhiều lợi ích kinh tế ở khu vực Đông Nam Á. Khu vực này nằm trên tuyến đường vận chuyển nhiên liệu quan trọng của Nhật Bản từ Trung Đông, là nơi cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp của nước này và cũng là thị trường lớn của Nhật Bản. Vì thế, trong nhiều thập kỷ qua, Nhật Bản tích cực duy trì quan hệ hợp tác với các nước ASEAN, phục vụ những lợi ích kinh tế to lớn của Nhật Bản trong khu vực. Nhật Bản coi Đông Nam Á là cửa ngõ để phát triển và ảnh hưởng ra toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương và thế giới [16].

Ngược lại, Nhật Bản là chỗ dựa công nghệ cho các nước ASEAN trong hợp tác ASEAN+3 nhằm tăng cường ảnh hưởng trong khu vực và tạo đối trọng với Trung Quốc. Nhật Bản ủng hộ cạnh tranh kinh tế trong khu vực châu Á thông qua trợ giúp hình thành mạng Thương mại điện tử ASEAN. Đây là kế hoạch kết nối hàng hóa nông sản không chỉ của 700 triệu nông dân Trung Quốc mà còn của 200 triệu người làm nông nghiệp ASEAN. Rõ ràng, những hoạt động này của Nhật Bản báo trước một triển vọng hợp tác sâu rộng với ASEAN nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, tìm kiếm lợi ích cho các công ty Nhật Bản, và củng cố tiếp tục vai trò cường quốc cũng như uy tín của họ trong khu vực Đông Nam Á.

Chính quyền Bush đã chỉ ra mối đe dọa tiềm ẩn từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, coi nước này là một “kẻ cạnh tranh và một đối thủ tiềm tàng trong khu vực”, thách thức lợi ích quốc gia của Mỹ. Những động thái của Trung Quốc

trong quan hệ với các nước ASEAN làm cho chính quyền Bush phải quan ngại. Trung Quốc đang tích cực thay đổi cục diện thế giới, họ đang mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á bằng cách nâng cao sự có mặt về ngoại giao, tăng viện trợ cho nước ngoài và ký các thoả thuận song phương và khu vực mới. Trung Quốc tìm mọi cách giành giật ảnh hưởng với Mỹ ở Đông Nam Á. Một mặt, Trung Quốc mở rộng tầm kiểm soát xuống Đông Nam Á ở cả hai hướng Myanmar và Biển Đông. Mặt khác, Trung Quốc ra sức tranh thủ lôi kéo, thâm nhập sâu vào ASEAN nhằm duy trì lợi ích của Trung Quốc ở khu vực, tạo thế cân bằng với Mỹ, chống lại mưu đồ Mỹ sử dụng ASEAN để bao vây, kiềm chế Trung Quốc [38,23]. Chỉ trong hai năm 1999 - 2000, tổng giá trị đầu tư trực tiếp vào ASEAN do Chính phủ Trung Quốc phê chuẩn đã tăng 50%, từ 72 triệu USD lên 108 triệu USD. Tháng 11/2001, Trung Quốc đã ký kết riêng với ASEAN một hiệp định hợp tác kinh tế và bày tỏ ý định thành lập một khu vực thương mại tự do hai bên với dung lượng thị trường lên đến gần hai tỷ người tiêu dùng [54,23].

Một trong những chủ đề đáng được quan tâm nhất trên thế giới trong những năm gần đây chính là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và chiến lược mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Với nguồn lực dồi dào cả về thiên nhiên lẫn nhân sự, Trung Quốc đã nhanh chóng thực hiện được mục tiêu chiến lược là phấn đấu trở thành một quốc gia hùng mạnh, hiện đại, thống nhất và giàu có, có chỗ đứng ngang hàng với các cường quốc khác trên thế giới. Được biết đến như một "Con rồng Châu Á", Trung Quốc đặt mục tiêu biến khu vực Đông Nam Á trở thành sân sau của mình và thực sự đã trở thành đối thủ cạnh tranh số một với Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI đã chứng kiến rất nhiều kỷ lục liên quan đến tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc: (i) Năm 2002, Trung Quốc được biết đến như một nước thu hút FDI lớn nhất thế giới, sau khi FDI vào nước này vượt mức FDI của Mỹ; (ii) Trung Quốc được xếp vào nhóm các nước tăng trưởng cao nhất thế giới. Cuối thập kỷ, năm 2009, trong khi toàn thế giới bị chìm sâu trong

khủng hoảng, trì trệ - với nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm, Trung Quốc vẫn duy trì mức tăng trưởng khá lý tưởng là 8,7% - mức tăng trưởng cao nhất thế giới; (iii) Nhờ có mức tăng trưởng lý tưởng trong nhiều năm (từ năm 2001-2009, nền kinh tế Trung Quốc phát triển trung bình từ 7-8%/năm) nên Trung Quốc cũng lập kỷ lục rượt đuổi về quy mô kinh tế với nhiều cường quốc của thế giới. Năm 2001, Trung Quốc được gia nhập vào câu lạc bộ có GDP 1 ngàn tỷ USD. Năm 2005, tổng GDP của Trung Quốc vượt Anh. Năm 2008 Trung Quốc trở thành nền kinh tế đứng thứ 3 thế giới. Năm 2010, Trung Quốc vượt Nhật để trở thành cường quốc đứng thứ 2 về kinh tế. Dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc năm 2010 trên 2,65 nghìn tỷ đô la [110]. Trung Quốc cũng đã thúc đẩy chuyển biến phương thức phát triển kinh tế và điều chỉnh kết cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng bền vững và những điều chỉnh này đã góp phần không nhỏ đưa kinh tế Trung Quốc vượt qua khủng hoảng và phát triển ổn định.

Từ một cường quốc về kinh tế, thời gian gần đây, Trung Quốc không ngừng tăng cường năng lực quân sự, đặc biệt là vũ khí chiến lược, hải quân và không quân. Trung Quốc đã là cường quốc nguyên tử, lại là nước bán vũ khí, kể cả những vũ khí tối tân [110]. Theo “Sách trắng Quốc phòng Trung Quốc năm 2006”, từ 1990 - 2005, chi phí quốc phòng của Trung Quốc bình quân tăng 15,36%. Năm 2006 là 36 tỷ đôla, năm 2007 là 45 tỷ đô la, năm 2008 là 58 tỷ đô la, tăng 17,6% so với năm 2007 [110], đến năm 2010 là 71 tỷ đô, lớn nhất Châu Á, lớn thứ ba trên thế giới, sau Mỹ và Anh. Ngày 05/03/2014, Trung Quốc tuyên bố tăng ngân sách quốc phòng 12,2% trong năm 2014 lên mức 808,23 tỷ nhân dân tệ (tương đương 131,57 tỷ USD) [114].

Để lý giải cho sự gia tăng trong ngân sách quân sự của mình, Trung Quốc đưa rằng lập luận rằng “Quy mô dân số lớn, tuyến bờ biển dài và lãnh thổ rộng bao la và tăng sức mạnh quốc phòng chỉ với mục tiêu duy nhất là bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, không gây nguy hại cho bất kỳ nước nào” [155]. Tuy nhiên, nhiều nhà quan sát cho rằng mục tiêu thực sự của Bắc Kinh lại

là nhằm ngăn cản sự trở lại Thái Bình Dương của Mỹ và cảnh báo các nước láng giềng đang có tranh chấp lãnh thổ. Thêm vào đó, với việc tăng cường sức mạnh hải quân, Trung Quốc đã bắt đầu thể hiện rõ hơn vai trò như một cường quốc hải quân ở khu vực, đặt chân vào lĩnh vực mà suốt nửa thế kỷ qua nằm dưới quyền kiểm soát của Mỹ và các đồng minh. Sự hiện đại hoá quân sự rất đáng chú ý và chế độ chính trị của Trung Quốc đã làm dấy lên mối nghi ngờ và cảnh giác của các nước láng giềng. Hơn nữa, việc Trung Quốc luôn từ chối tham gia các cuộc gặp cấp cao trong nhiều năm qua giữa các nhà lãnh đạo quốc phòng tại Diễn đàn Shangri-la được tổ chức hàng năm tại Singapore giữa Mỹ và các nước châu Á khác, cũng khiến các nước láng giềng cảm thấy bất an. Hành động này của Trung Quốc lại càng làm gia tăng mối lo ngại về tình hình an ninh khu vực.

Bên cạnh sức mạnh cứng, Trung Quốc ngày càng nhận thức được vai trò của sức mạnh mềm trong phát triển sức mạnh tổng hợp của mình. Trung Quốc cho rằng việc thúc đẩy các khái niệm như: “phát triển hòa bình”, “thế giới hài hòa”, “xã hội hài hòa”, “giải pháp cùng thắng (win-win)”, “đôi tác chiến lược” sẽ góp phần làm tăng sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc. Hơn nữa, các giá trị văn hóa truyền thống của Trung Quốc với bề dày lịch sử 5.000 năm, vốn được coi là những đóng góp quan trọng cho nhân loại, sẽ được Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh. Trung Quốc tăng cường sức mạnh mềm của mình thông qua quảng bá văn hóa, viện trợ và chính sách đối ngoại không gán với gây sức ép trong lĩnh vực dân chủ nhân quyền ở nhiều khu vực.

Dần dần, người ta thấy xuất hiện “hiện tượng Trung Quốc” với văn hóa Trung Hoa ngày càng có ảnh hưởng lớn: từ văn học đến điện ảnh, từ nghệ thuật đến võ thuật, từ y học truyền thống đến Khổng giáo, Lão giáo. Các trường đại học ở Trung Quốc với các giảng đường đại học và trung tâm thí nghiệm hiện đại có chất lượng với những công trình nghiên cứu khoa học cao cấp, đang trở thành “nam châm” thu hút chất xám từ các nơi trên thế giới. Nhu cầu học tiếng Trung trên toàn thế giới tăng cao trong thời gian qua và sẽ tiếp tục tăng lên thông qua

các viện Không giáo trên thế giới. Đến cuối năm 2009 đã có 282 viện Không giáo và 272 lớp học Không giáo trên 88 quốc gia [119]. Sự kết hợp giữa những hứa hẹn tốt đẹp và những hành động mang tính xây dựng của Trung Quốc đã hấp dẫn những quốc gia ở Đông Nam Á, châu Phi và Mỹ La-tinh..., góp phần củng cố sức mạnh mềm của Trung Quốc.

Quan hệ ASEAN - Trung Quốc phát triển rất nhanh và khá toàn diện, cả trên phương diện song phương (giữa Trung Quốc với từng nước thành viên ASEAN) lẫn trên phương diện đa phương (giữa khối ASEAN với Trung Quốc trong các khuôn khổ hợp tác ASEAN và ASEAN với các đối tác bên ngoài). Từ sau khi chính thức thiết lập quan hệ đối thoại với ASEAN năm 1991, bước tiến triển và thành tựu trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc đã được thể hiện qua lời phát biểu của Thủ tướng Ôn Gia Bảo: “Là nước lớn ngoài khu vực, Trung Quốc là nước đầu tiên tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác của ASEAN, nước đầu tiên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN, nước đầu tiên thành lập Khu thương mại tự do với ASEAN, đi đầu cam kết ký Nghị định thư về Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân, kiên định ủng hộ ASEAN phát huy vai trò chủ đạo trong hợp tác Đông Á” [50]. Đặc biệt, trong lĩnh vực kinh tế, quan hệ ASEAN - Trung Quốc gặt hái những thành công rực rỡ. Hai bên đã xây dựng khu mậu dịch tự do lớn nhất giữa các nước đang phát triển, kim ngạch thương mại vượt qua 360 tỷ đôla Mỹ vào năm 2011, tăng hơn 40 lần trong vòng 20 năm. Hiện nay, Trung Quốc là bạn hàng lớn nhất của ASEAN, ASEAN là bạn hàng lớn thứ 3 của Trung Quốc.

Sự phát triển của Trung Quốc vừa mang tới cơ hội hợp tác vừa đem lại những nguy cơ an ninh cho các nước ASEAN, song hiện nay, các nguy cơ an ninh tiềm tàng từ Trung Quốc đang ngày càng tăng. Trái với tuyên bố về sự “trỗi dậy hòa bình” hay “phát triển hòa bình”, Trung Quốc ngày càng có nhiều hành động khiêu khích và bộc lộ khuynh hướng bành trướng nước lớn. Trên mặt trận chính trị, Trung Quốc thể hiện tham vọng bá quyền trong cuộc chạy đua giành

ảnh hưởng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương thông qua các nỗ lực hát căng Mỹ và cạnh tranh vai trò lãnh đạo với Nhật Bản cũng như các cường quốc, tổ chức khác tại các cơ chế hợp tác khu vực. Điều này đã và đang đặt ra hai hệ lụy: Thứ nhất, cuộc đua giành ảnh hưởng giữa các cường quốc tại khu vực càng căng thẳng càng gây khó khăn cho ASEAN trong việc xử lý quan hệ với các nước lớn, thách thức vai trò “trung lập” và vị trí của ASEAN trong kiến trúc an ninh khu vực. Thứ hai, do những ràng buộc lợi ích kinh tế, chính trị với Trung Quốc, phản ứng của các quốc gia khu vực đối với những biểu hiện tham vọng của Trung Quốc chịu nhiều chi phối và vì thế, Trung Quốc trở thành nhân tố gây nên những khác biệt trong nhận thức của các nước ASEAN, thậm chí, gây chia rẽ giữa các nước thành viên. Ngoài ra, không chỉ tuyên truyền gia tăng sức mạnh mềm, Trung Quốc còn tăng cường phô diễn sức mạnh cứng qua nhiều cuộc tập trận quân sự trên biển Đông và quanh eo biển Đài Loan. Với mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia mà Trung Quốc cho là chính đáng, các hành động của Trung Quốc đi từ không khoan nhượng đối với vấn đề Đài Loan đến không ngần ngại gây hấn với các láng giềng Đông Nam Á như Việt Nam, Philippines về tranh chấp chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

*Việc ASEAN lớn mạnh cả về lượng và chất góp phần thay đổi tính chất của quan hệ ASEAN - Mỹ*

Từ sau Chiến tranh lạnh, ASEAN có sự thay đổi đáng kể, cả về số lượng thành viên (từ ASEAN-6 lên ASEAN-10) và cách thức hợp tác nội khối theo chiều hướng tích cực: hướng tới xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột: kinh tế, an ninh - chính trị và văn hóa - xã hội, ASEAN có tư cách pháp nhân. Nhờ vậy, vai trò và vị thế của ASEAN trong quan hệ đối ngoại được cải thiện đáng kể. ASEAN đóng vai trò trung tâm trong nhiều cơ chế hợp tác đa phương trên lĩnh vực kinh tế và an ninh - chính trị trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong quan hệ với Mỹ, ASEAN không còn bị lệ thuộc vào Mỹ về kinh tế và không núp dưới sự bảo hộ về an ninh của Mỹ như trong Chiến tranh

lạnh nữa. Sau khi tiến hành đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại với các quốc gia, các tổ chức quốc tế và các tổ chức liên Chính phủ, ASEAN cố gắng giữ vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Trung - Mỹ gia tăng. Việc tăng nhanh cả về lượng và chất này đã tạo thế và lực vững chắc để ASEAN có thể ngày càng độc lập, tự chủ hơn và thậm chí, chủ động hơn trong quan hệ với Mỹ.

Việc ASEAN thông qua và thực thi Hiến chương ASEAN là một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN, vừa phản ánh sự phát triển của ASEAN trước những biến đổi nhanh chóng của môi trường khu vực và quốc tế, vừa phản ánh sự trưởng thành của tiến trình hợp tác giữa các nước ASEAN từ bên trong. Mốc phát triển này, một mặt, làm thay đổi tổ chức ASEAN, mặt khác, cũng sẽ có tác động mạnh tới cách nhìn nhận về triển vọng, vai trò và vị trí của ASEAN. Hiến chương ASEAN được Lãnh đạo các nước ASEAN ký tháng 11/2007 nhân dịp Cấp cao ASEAN-13 và chính thức có hiệu lực từ ngày 15/12/2008, sau khi 10 nước ASEAN hoàn thành thủ tục phê chuẩn và gửi văn kiện phê chuẩn cho Tổng thư ký ASEAN.

Quyết định xây dựng Hiến chương sau gần 40 năm tồn tại và vào lúc tổ chức đang ở giai đoạn chuyển tiếp “then chốt”,<sup>1</sup> các Lãnh đạo ASEAN mong muốn văn kiện pháp lý cơ bản này sẽ giúp ASEAN có khả năng tận dụng cơ hội và ứng phó với các thách thức trong tương lai. “Hiến chương đóng vai trò là nền tảng vững chắc để ASEAN đạt tới một Cộng đồng ASEAN thông qua việc tạo dựng một khuôn khổ thể chế được tăng cường cũng như mang lại tư cách pháp nhân cho ASEAN” [152].

Hiến chương được đặt nhiều kỳ vọng sẽ mang lại những chuyển biến cho ASEAN. Nhiều ý kiến đã được nêu ra, cả từ phía quan chức Chính phủ lẫn học giả. Ý kiến thứ nhất là từ nguyên Tổng thư ký ASEAN Ong Keng Yong. Vị cựu

<sup>1</sup> Theo Báo cáo của Nhóm những Nhân vật nổi tiếng (EPG) về Hiến chương ASEAN, “Sau 40 năm, ASEAN đang ở thời điểm chuyển tiếp then chốt. Cho dù ngày nay, ASEAN vẫn là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất, vẫn không có gì để bảo đảm rằng sự phù hợp của ASEAN sẽ tiếp tục và ASEAN sẽ duy trì vai trò động lực chính trong hợp tác khu vực trong những thập kỷ tới”.

Tổng thư ký ASEAN cho rằng Hiến chương có 3 tác dụng với ASEAN như sau: (i) Hiến chương trao cho ASEAN tư cách pháp nhân, do đó, thay đổi địa vị pháp lý của tổ chức ASEAN trong quan hệ với các nước thành viên và trong quan hệ của ASEAN với các đối tác của nó; (ii) Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi, do vậy tính chất của hợp tác ASEAN có sự thay đổi về chất: nghĩa vụ, quyền hạn của thành viên ASEAN có sự thay đổi, cách thức tham gia hợp tác ASEAN của các nước thành viên do vậy, cũng có sự thay đổi; (iii) Tăng cường vai trò của ASEAN trong kiến trúc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Ý kiến thứ hai là từ Đại sứ Tommy Koh, Đại diện Singapore tại Nhóm Đặc trách cao cấp ASEAN về soạn thảo Hiến chương. Theo ông Tommy Koh, Hiến chương sẽ biến ASEAN thành một tổ chức “đoàn kết hơn, mạnh hơn và hiệu quả hơn” thông qua việc: (i) Hướng ASEAN thành một tổ chức hoạt động theo luật lệ chặt chẽ hơn. Phương cách ASEAN, vốn chủ yếu dựa vào tham vấn, nhân nhượng lẫn nhau và đồng thuận, sẽ được bổ sung thêm bằng “văn hóa” tuân thủ luật lệ; (ii) Tăng cường thể chế của ASEAN. Một trong những mục tiêu của việc này là giúp ASEAN ứng phó hữu hiệu và kịp thời hơn với các thách thức; (iii) Giúp tăng cường văn hóa thực thi, thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát việc tuân thủ, thực thi các hiệp định, thỏa thuận, và giải quyết tranh chấp; (iv) Cải tiến bộ máy - tổ chức của ASEAN cũng như tiến trình ra quyết định; (v) Tăng cường quyền hạn cho Ban Thư ký ASEAN; (vi) Mở rộng và làm sâu sắc hơn liên kết ASEAN; (vii) Bảo đảm ASEAN tiếp tục duy trì chủ đạo tại các diễn đàn khu vực; (viii) đưa ASEAN đến gần hơn với người dân [88]. Tuy khác nhau về cách trình bày, nhưng nhìn chung, các kỳ vọng trên đều tập trung ở thay đổi của ASEAN trên 3 mảng: khuôn khổ thể chế (giúp cho công tác điều phối, bảo đảm thực thi hiệu quả hơn), khung pháp lý (ASEAN ngày càng hoạt động trên cơ sở luật lệ và đề cao văn hóa thực thi) và vị thế của ASEAN trong quan hệ đối ngoại.

Ngoài các tác động nội bộ, Hiến chương ASEAN cũng tác động nhiều tới quan hệ đối ngoại của ASEAN, cả về mặt cách thức tiến hành quan hệ đối ngoại

của ASEAN cũng như về vị trí của ASEAN trong chính sách của các đối tác. Việc ký kết Hiến chương đã thể hiện một ASEAN quyết tâm gắn kết, thống nhất, cam kết mạnh mẽ hướng tới tầm nhìn chung là Cộng đồng ASEAN. Những điều này đã giúp củng cố vị thế của ASEAN trong quan hệ với các đối tác bên ngoài.

Khi Hiến chương được ký kết cũng như khi có hiệu lực, nhiều đối tác, gồm cả các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga... đều lên tiếng hoan nghênh và bày tỏ ủng hộ một ASEAN mạnh, liên kết chặt chẽ, đồng thời, kỳ vọng ASEAN sẽ tiếp tục đóng góp vào hòa bình, ổn định ở khu vực. Trung Quốc đánh giá “việc ký kết Hiến chương là dấu mốc quan trọng kể từ khi ASEAN được thành lập và là kết quả có ý nghĩa then chốt trong tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Chúng tôi tin rằng trong khuôn khổ Hiến chương, ASEAN sẽ tiếp tục đẩy nhanh liên kết nhằm củng cố hơn nữa hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng ở khu vực và trên thế giới” [111]. Ngoại trưởng Mỹ gọi ASEAN là một “điểm tựa” cho kiến trúc khu vực đang định hình.

Một điểm mới trong quan hệ đối ngoại của ASEAN sau Hiến chương là việc ASEAN có thể chấp thuận Đại sứ do các nước ngoài ASEAN và các tổ chức liên Chính phủ tiến cử, theo quy định của Điều 46. Để tạo thuận lợi cho việc này, ASEAN đã xây dựng Thủ tục về tiếp nhận Đại sứ tại ASEAN từ các nước ngoài ASEAN và các tổ chức liên Chính phủ khác. Đến tháng 10/2010, Điều này tiếp tục được sửa đổi thành Thủ tục tiếp nhận Đại sứ và thiết lập Phái đoàn Ngoại giao tại ASEAN từ các nước ngoài ASEAN và các tổ chức liên Chính phủ khác. Tính đến tháng 9/2011, đã có 62 Đại sứ tại ASEAN được chấp thuận. Số lượng đông đảo này phần nào đã nói lên sự coi trọng của các đối tác dành cho ASEAN.

Trong cách thức tiến hành quan hệ đối ngoại, nhiều mục tiêu, thông lệ, tập quán của ASEAN đã được “luật hóa” trong Hiến chương, trong đó có nguyên tắc ASEAN cần duy trì vai trò trung tâm và là động lực chính trong kiến trúc khu vực; quy định ASEAN, trên cơ sở đoàn kết và thống nhất, sẽ điều phối và phấn đấu có lập trường chung và theo đuổi các hành động chung; tăng cường

phối hợp ở các nước thứ 3. Điều này càng củng cố cơ sở cho các nỗ lực của ASEAN nhằm duy trì vai trò trung tâm trong kiến trúc khu vực. Tháng 7/2009, ASEAN đã thông qua Kế hoạch công tác nhằm duy trì và nâng cao vai trò trung tâm. Trong năm 2010, ASEAN đã thống nhất quan điểm về kiến trúc khu vực đang định hình dựa trên các cơ chế hiện có, không lập mới, đồng thời, quyết định mời Nga và Mỹ tham gia Cấp cao Đông Á để gắn kết hai nước này sâu sắc hơn vào kiến trúc khu vực. ASEAN cũng đã nỗ lực để duy trì tiếng nói chung trên nhiều vấn đề khu vực và quốc tế, như vấn đề Biển Đông, biến đổi khí hậu, ứng phó với thảm họa, thiên tai...

### ***Sự phát triển của các vấn đề an ninh phi truyền thống***

*Khủng bố quốc tế và cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động sau sự kiện 11/9 ở Đông Nam Á*

Bước vào thế kỷ XXI, các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên phổ biến và đa dạng, như: khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, năng lượng, biến đổi khí hậu,... đe dọa trực tiếp đến an ninh các quốc gia. Trong số các vấn đề an ninh phi truyền thống đó, khủng bố quốc tế có lẽ là nguy cơ lớn nhất. Mặc dù chủ nghĩa khủng bố đã tồn tại từ lâu, nhưng cho đến nay nó mới trở thành một chiến lược chủ chốt của chủ nghĩa cực đoan. Ở khía cạnh hình thức, khủng bố quốc tế đã từng xuất hiện trong lịch sử cổ đại bằng các cuộc ám sát, bắt con tin, phá hoại hậu phương. Nó cũng không khác gì các cuộc tấn công du kích có quy mô hay không có quy mô từ xưa đến nay, nói chung, khủng bố là hình thức mà một nhóm có vũ trang tấn công vào một mục tiêu ít phòng bị của đối phương. Sự kiện ngày 11/09/2001 đã mở ra một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên của chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Đồng thời nó cũng mở ra một kỷ nguyên cho sự hợp tác quốc tế chống khủng bố [10,12].

Sự kiện 11/9 đã buộc Chính quyền G.W.Bush phải xem xét lại chiến lược toàn cầu nói chung, cũng như chính sách với Đông Nam Á nói riêng. Trước sự kiện này, vị trí đứng đầu về an ninh của Mỹ được xem là tất yếu. Cuộc khủng bố

ngày 11/9 đã gây thiệt hại vật chất cho nước Mỹ khoảng 40 tỷ đô la, và cướp đi sinh mạng của trên 3 nghìn công dân của khoảng 86 nước, có 343 lính cứu hỏa và nhân viên y tế, 60 sỹ quan cảnh sát đã hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ cứu nạn tại Trung tâm Thương mại Thế giới. Công cuộc cứu hộ đã được tiến hành khẩn trương ở New York, song kết quả thu được rất bi quan bởi đồng hồ nát quá lớn [10,50]. Có thể khẳng định rằng vụ khủng bố ngày 11/9/2001 là vụ khủng bố lớn nhất trong lịch sử nhân loại xét trên tất cả các phương diện: thiệt hại về tính mạng con người, về tài sản, về tinh thần, về niềm tin, về mức độ ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, về sự phát triển kinh tế.

Sau sự kiện 11/9, Đông Nam Á được Mỹ coi như mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, vì khu vực có Indonesia là quốc gia có số dân theo đạo Hồi đông nhất thế giới và các nhóm khủng bố Hồi giáo cực đoan hoạt động tại Malaysia, Indonesia, miền Nam Thái Lan và Nam Philippines. Mỹ đã triển khai các hoạt động hợp tác song phương và đa phương với nhiều nước thành viên ASEAN trong cuộc chiến chống khủng bố. Mỹ đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ về quân sự và kinh tế đối với các quốc gia Đông Nam Á, tạo điều kiện để các nước này ủng hộ và cộng tác tích cực hơn với Mỹ trong mục tiêu chống khủng bố và nhằm đảm bảo an ninh kinh tế của Mỹ tại khu vực. Thông qua cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Đông Nam Á, Mỹ đã thực hiện chính sách “tái định lú” ở khu vực. Hơn nữa, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ không chỉ đơn thuần là làm giảm nguy cơ đe dọa đối với an ninh của nước Mỹ mà còn bao hàm ý đồ lớn hơn trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở châu Á - Thái Bình Dương, không chế tuyến đường hàng hải quan trọng nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, đi qua eo biển Malacca và lợi ích dầu lửa.

#### *Khủng hoảng kinh tế 2008 - 2009 khiến ASEAN và Mỹ xích lại gần hơn*

Một trong những xu hướng phát triển then chốt của thế giới trong khoảng vài thập niên vừa qua là sự toàn cầu hoá bao trùm khắp các lĩnh vực của đời sống nhân loại, trong đó, toàn cầu hoá kinh tế là yếu tố cấu thành cơ bản. Toàn cầu

hoá, với tư cách là một nhân tố tạo dựng then chốt bộ mặt mới của thế giới ngày nay, tác động đến tất cả các quốc gia trên thế giới dù khác nhau, lớn nhỏ thế nào, kể cả đối với những siêu cường như Mỹ. Toàn cầu hoá biểu hiện trước hết ở sự quốc tế hoá đã đạt đến trình độ cao của các lĩnh vực sản xuất và tài chính ở tất cả các quốc gia. Từ năm 2001 - 2010, giá trị tổng sản phẩm quốc gia (GDP) của toàn thế giới tính theo giá thực tế ước tính đạt 463,7 tỷ USD, gấp 1.63 lần tổng GDP giai đoạn 1991 - 2000. Tốc độ tăng trưởng trung bình ước tính của cả giai đoạn này là 3.2%/năm (so với 3.1%/năm trong giai đoạn 10 năm 1991 - 2000) [44,9].

Cuộc khủng hoảng kinh tế 2008 - 2009 đã tác động lớn đến nền kinh tế Mỹ. Cuộc suy thoái của kinh tế Mỹ bắt đầu từ tháng 12/2007 và chỉ chấm dứt vào tháng 6/2009, khi GDP bắt đầu tăng trưởng trở lại. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, đến cuối năm 2011, quy mô nền kinh tế nước này vẫn thấp hơn mức của năm 2007, trước khi xảy ra khủng hoảng [120]. Chính quyền Obama đã tung ra hàng loạt các gói cứu trợ, song tình hình kinh tế Mỹ năm 2013 được cho là không mấy sang sủa hơn cho dù tăng trưởng đã kéo dài hơn 40 tháng. Tỉ trọng kinh tế của Mỹ trong tổng lượng kinh tế thế giới đã sụt giảm khoảng một nửa, tỷ lệ thất nghiệp liên tục tăng cao, ảnh hưởng về mặt tài chính trên toàn cầu giảm sút, đồng USD sụt giá liên tục... Về mặt chiến lược, Mỹ cố gắng thoát khỏi tình cảnh khó khăn trong thời gian ngắn, trong khi những vấn đề của Mỹ trong thế giới Hồi giáo vẫn nghiêm trọng, và Mỹ vẫn phải tiếp tục trong cuộc chiến chống khủng bố. Vì thế, một số học giả cho rằng: Thời kỳ đỉnh cao của bá quyền Mỹ đã qua đi, Mỹ đang ở điểm thấp nhất về quốc gia và vị trí chiến lược. Nguyên nhân là do không kiểm soát được việc quản lý kinh tế, sự dấn sâu vào cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan cùng với sự trôi dạt liên tục của các quốc gia khác và toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh bị tác động tiêu cực bởi cuộc khủng hoảng, các báo cáo của Quốc hội Mỹ đã chỉ ra những nguy cơ thách thức Mỹ trong việc duy trì vị thế và ảnh hưởng. Về quan hệ quốc tế, sự suy yếu giá trị của đồng Đô-la Mỹ như

một đơn vị dự trữ ngoại tệ phổ biến khiến vai trò tài chính của Mỹ tại các tổ chức như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) bị giảm sút. Trong khi đó, các nước có nguồn dự trữ ngoại tệ lớn như Trung Quốc lại có cơ hội vươn lên, đóng góp vào quá trình khôi phục của nền kinh tế toàn cầu.

Sự suy yếu tương đối của Mỹ sau khủng hoảng và nhu cầu phục hồi kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng khiến Mỹ phải điều chỉnh lại toàn bộ chiến lược toàn cầu của mình, trong đó đặc biệt là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á. ASEAN, với thị trường rộng lớn hơn 600 triệu dân, ngày càng trở thành một trong những đối tác kinh tế quan trọng của Mỹ. Trong khi đó, các nước ASEAN đều đặt ưu tiên cho mục tiêu phát triển. ASEAN đã tìm thấy điểm đồng lợi ích trong phát triển quan hệ kinh tế với Mỹ nên đã thu hút Mỹ trở thành một trong những nhà đầu tư chính vào khu vực Đông Nam Á và Mỹ cũng là đối tác thương mại quan trọng của ASEAN. Kim ngạch thương mại ASEAN - Mỹ gia tăng đáng kể. Năm 2012, tổng kim ngạch thương mại hàng hóa giữa Mỹ và ASEAN đạt 198,8 tỷ USD, chiếm 9% tổng kim ngạch thương mại ASEAN. Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của ASEAN, xếp sau Trung Quốc, EU và Nhật Bản. ASEAN là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư và đối tác thương mại lớn thứ năm của Mỹ [145].

### ***1.2.3. Mục tiêu và lợi ích của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh***

An ninh, phát triển và ảnh hưởng luôn là ba mục tiêu của bất cứ quốc gia nào trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Ba mục tiêu này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau và bổ sung cho nhau. Mục tiêu này là nền tảng cho mục tiêu kia, không thể tách rời. Chẳng hạn như không thể chỉ đặt mục tiêu phát triển mà không cần đến an ninh quốc gia, hay nếu muốn tăng cường ảnh hưởng, không thể không dựa trên sự ổn định về an ninh và phát triển. Tùy từng giai đoạn, do những nhân tố bên ngoài tác động và ý muốn chủ

quan, nhận thức của lãnh đạo các quốc gia, một mục tiêu nào đó có thể được đặt ở vị trí ưu tiên hơn so với hai mục tiêu còn lại [29,70].

Mục tiêu chung của ASEAN, từ sau Chiến tranh lạnh, luôn là phát triển (các nước thành viên ASEAN tập trung phát triển kinh tế đất nước và xây dựng khu vực thịnh vượng chung, thu hẹp khoảng cách giàu – nghèo giữa các quốc gia thành viên), an ninh (gồm cả an ninh truyền thống và phi truyền thống, không có chiến tranh xảy ra giữa các nước thành viên, hạn chế xung đột, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp thương lượng hòa bình và cùng hợp tác để phòng chống và đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống như: dịch bệnh, thiên tai, chống chủ nghĩa khủng bố và chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt) và ảnh hưởng (nâng cao vị thế của ASEAN trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói riêng và trên trường quốc tế nói chung, đóng vai trò “người cầm lái” trong các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và gần đây là phân đầu trở thành “trung tâm” trong trật tự khu vực đang định hình). Nhằm đạt được những mục tiêu trên đây, ASEAN đã triển khai quan hệ đối nội và đối ngoại tương đối hợp lý.

Theo đó, mục tiêu của ASEAN trong quan hệ với Mỹ cũng phải phù hợp và phục vụ đắc lực cho những mục tiêu chung của ASEAN đã đề ra. ASEAN cố gắng tận dụng mối quan hệ với một trong những đối tác hàng đầu này, siêu cường số 1 thế giới, để đạt các mục tiêu phát triển, an ninh và ảnh hưởng.

Trong bối cảnh các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ, không ngừng cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á, ASEAN đã có những tính toán chiến lược riêng khi thực hiện chiến lược cân bằng trong quan hệ với các nước lớn. ASEAN sẽ không ngả về một nước lớn nào để chống lại một nước lớn khác. Ở vị trí địa lý sát cạnh người khổng lồ Trung Quốc, ASEAN không có lựa chọn nào tốt hơn ngoài việc cố gắng sống trong hoà bình với Trung Quốc và tìm cách thích nghi với kiểu “nói một đằng, làm một nẻo” của Trung Quốc. Tuy nhiên, với sự lớn mạnh không ngừng cả về kinh tế và quân sự, Trung Quốc ngày càng tỏ ra hiếu chiến hơn và tỏ rõ mưu đồ mở rộng ảnh hưởng ra toàn khu vực Đông

Nam Á. Trong bối cảnh đó, ASEAN muốn Mỹ “tăng cường can dự” vào khu vực, vì một số lý do:

*Về mặt chính trị*, sự có mặt của Mỹ ở Đông Nam Á được coi như một sức mạnh nhằm cân bằng lại ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc. Đối với Mỹ, ASEAN nhận thức rõ rằng Mỹ không có tham vọng về chủ quyền ở khu vực này như Trung Quốc. Song, ASEAN cũng ý thức được rằng ASEAN sẽ không đẩy mối quan hệ ASEAN - Mỹ đi quá xa, dễ gây méch lòng người láng giềng khổng lồ - Trung Quốc. Trong một lần trả lời phỏng vấn báo “Dân tộc” của Thái Lan, Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc từng nhấn mạnh: “ASEAN là một mối quan tâm không thể bị nghi ngờ của Trung Quốc, song trong bối cảnh Mỹ thực hiện chiến lược tiếp cận mới với Đông Nam Á, ASEAN không nên nghiêng về một bên nào, vì điều đó sẽ làm mất đi giá trị của ASEAN” [49].

*Về mặt kinh tế*, Mỹ ngày càng trở thành đối tác quan trọng trong kim ngạch xuất nhập khẩu và đầu tư của ASEAN. Hai bên đã đồng ý cùng hợp tác để mở rộng quan hệ thương mại vốn cũng đang phát triển mạnh. ASEAN có dân số hơn 600 triệu người, GDP năm 2012 đạt 2.300 tỷ USD, tổng kim ngạch thương mại đạt 2.400 tỷ USD, đã trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của mạng lưới sản xuất quốc tế. Mỹ là nền kinh tế lớn nhất trên thế giới, GDP đạt 15.600 tỷ USD, là quốc gia thương mại lớn nhất trên thế giới, tổng kim ngạch thương mại năm 2011 đạt 3.700 tỷ USD. Hiện Mỹ và ASEAN là đối tác thương mại chủ yếu của nhau. Năm 2012, tổng kim ngạch thương mại hàng hóa giữa Mỹ và ASEAN đạt 198,8 tỷ USD, chiếm 9% tổng kim ngạch thương mại ASEAN. Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của ASEAN, xếp sau Trung Quốc, EU và Nhật Bản. ASEAN là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư và đối tác thương mại lớn thứ năm của Mỹ [139].

*Về mặt an ninh*, ASEAN và Mỹ thúc đẩy hợp tác trong vấn đề chống khủng bố, các nỗ lực ngăn chặn nạn buôn lậu ma túy, cam kết chống phổ biến vũ khí hạt nhân và nỗ lực tìm các giải pháp hòa bình cho vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông. Các nước đồng minh của Mỹ trong ASEAN đẩy mạnh

hợp tác song phương về an ninh – quốc phòng với Mỹ, với việc nhận viện trợ các trang thiết bị vũ khí, tiến hành tập trận chung và đón tàu hải quân Mỹ.

Về mặt ảnh hưởng, sang thế kỷ XXI, ASEAN mong muốn Mỹ ủng hộ ASEAN đóng vai trò “người cầm lái” trong các cơ chế đa phương trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và vị trí “trung tâm” trong kiến trúc khu vực đang định hình. Các lãnh đạo ASEAN cũng hoan nghênh sự ủng hộ của Mỹ đối với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN và Kết nối ASEAN nhằm củng cố hợp tác nội khối.

#### ***1.2.4. Tính toán chiến lược của Mỹ trong quan hệ với ASEAN từ sau Chiến tranh lạnh***

##### ***Quan điểm của Chính quyền Clinton về ASEAN***

Chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Clinton đối với Đông Nam Á diễn ra theo các hướng sau: *Thứ nhất*, Mỹ tiếp tục sự hiện diện quân sự ở khu vực qua việc duy trì các hiệp ước an ninh song phương với các nước đồng minh. *Thứ hai*, Mỹ ủng hộ hợp tác đa phương về an ninh ở khu vực, đặc biệt là đối thoại an ninh trong khuôn khổ ARF, nhằm bổ sung cho những quan hệ song phương và những mục tiêu rộng lớn hơn ở Châu Á - Thái Bình Dương. *Thứ ba*, Mỹ cố gắng tham gia, dù là gián tiếp, quá trình xử lý các vấn đề an ninh khu vực. Bên cạnh đó, khuyến khích hợp tác khu vực để giải quyết những thách thức toàn cầu như môi trường, ma túy, không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, người tị nạn [90],... *Thứ tư*, củng cố APEC như hòn đá tảng của sự hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương. *Thứ năm*, ủng hộ dân chủ và nhân quyền, phục vụ cho các lý tưởng và các quyền lợi của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á.

Trong việc duy trì vai trò của Mỹ trong kiến trúc an ninh khu vực, cơ chế “trực và nan hoa” với các đồng minh thân cận của Mỹ tại Đông Nam Á vẫn được Tổng thống Bill Clinton coi là nòng cốt. Mỹ tiếp tục duy trì sự hiện diện quân sự của mình bằng việc triển khai quân ở các căn cứ quân sự chủ yếu tại Philippines và Thái Lan và thực hiện các cuộc tập trận chung với hai nước này. Bên cạnh việc sử dụng phương thức truyền thống trên để củng cố vai trò của mình trong

kiến trúc khu vực, Mỹ cũng tích cực tham gia và xây dựng các cơ chế hợp tác đa phương tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong đó, APEC và ARF là các diễn đàn được Mỹ coi trọng. Mỹ tham gia các diễn đàn này một phần vì lợi ích của chính nước Mỹ, ngoài ra nhằm mục tiêu kiềm chế các nước khác nổi lên, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ tại khu vực và khẳng định vai trò số một của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng.

Tuy nhiên, trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, vai trò của Mỹ tại Đông Nam Á đã suy giảm tương đối, do Đông Nam Á không còn là khu vực được ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ như thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Giai đoạn này chứng kiến quá trình mở rộng ASEAN từ 6 lên 10 nước thành viên và sự ra đời của hàng loạt các cơ chế hợp tác mới trong khu vực do ASEAN làm chủ đạo như: AFTA, ASEAN+1, ASEAN+3,... Ảnh hưởng của Mỹ trong ASEAN và các cơ chế hợp tác đa phương do ASEAN đóng vai trò “người cầm lái” đã thể hiện rõ sự suy giảm nói trên. Ngoài việc ủng hộ PMC và ARF, nước Mỹ dưới thời Tổng thống Bill Clinton dường như đã đứng ngoài cuộc và chưa thể hiện rõ vai trò đối với những cơ chế hợp tác đa phương tại khu vực.

#### ***Quan điểm của Mỹ về ASEAN dưới thời Tổng thống G. W. Bush***

Nhiệm vụ cốt lõi của chính sách đối ngoại dưới thời Chính quyền Tổng thống G.W. Bush là nước Mỹ sẽ sử dụng mọi biện pháp để duy trì địa vị thống trị của mình trên thế giới. Với địa vị đó, Mỹ sẽ tăng cường chi phối thế giới hơn nữa, thông qua thể chế an ninh mới mang tính toàn cầu, kết hợp việc triển khai lực lượng Mỹ ở tuyến trước với việc sử dụng lực lượng đồng minh và liên minh quốc tế khi cần thiết. Mỹ sẽ tăng cường quan hệ với các nước công nghiệp chủ chốt, mở rộng quan hệ với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, khẳng định vai trò chi phối đối với an ninh khu vực này [38,18]. Mục tiêu chính trị của Mỹ trong mối quan hệ với ASEAN giai đoạn này là hợp tác trên một số lĩnh vực với ASEAN và ở mức độ vừa phải nhằm mở rộng tầm ảnh hưởng của mình tại khu vực Đông Nam Á, ngăn chặn sự bành trướng của các nước lớn tại khu vực này.

Sau sự kiện 11/9, với vị trí địa chiến lược của mình, Đông Nam Á được Mỹ quan tâm hơn. Mỹ coi đây là mặt trận thứ hai chống khủng bố, chủ yếu vì hai nguyên nhân cơ bản: *Thứ nhất*, Đông Nam Á tập trung một số nước có cộng đồng Hồi giáo đông đảo và Hồi giáo đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị khu vực. *Thứ hai*, sự tồn tại của một số nhóm Hồi giáo cực đoan, có liên hệ với mạng lưới Al Qaeda ở khu vực này [30,155]. Thông qua hoạt động chống khủng bố, Mỹ tăng cường sự hiện diện quân sự tại khu vực, đồng thời lôi kéo với các nước nhằm tập hợp lực lượng hình thành "liên minh chống khủng bố" do Mỹ cầm đầu. Trong Thông điệp Liên bang ngày 29/1/2002, Tổng thống Bush tuyên bố Mỹ sẽ tiến hành cuộc chiến tranh chống lại tất cả các lực lượng khủng bố trên thế giới, trong đó có Đông Nam Á. Theo quan điểm của Tổng thống Bush, việc tiến công các lực lượng khủng bố trên thế giới chính là bảo vệ an ninh của nước Mỹ bằng "những hành động mạnh mẽ ở nước ngoài" [9,23].

***Chiến lược “Quay trở lại châu Á” của Chính quyền Obama và toan tính với ASEAN***

Tổng thống Barack Obama đã đặt châu Á - Thái Bình Dương vào vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trong bài phát biểu trước Quốc hội Úc ngày 17/11/2011, Tổng thống Obama phát biểu: “Tôi đã có một quyết định sáng suốt: Là một quốc gia Thái Bình Dương, Mỹ sẽ đóng vai trò lớn hơn trong việc định hình lại kiến trúc khu vực và sẽ thắt chặt hơn mối quan hệ với các đồng minh và đối tác” [164]. Phá vỡ tiền lệ, chuyến thăm chính thức đầu tiên của Ngoại trưởng Mỹ Clinton là đến châu Á. Năm 2010, Mỹ liên tiếp cùng Hàn Quốc, Nhật Bản tổ chức các cuộc tập trận quân sự quy mô lớn, nâng cao toàn diện quan hệ đồng minh quân sự Mỹ - Nhật, Mỹ - Hàn. Về ngoại giao, Mỹ luôn tuyên bố công khai chính sách châu Á nhằm phát huy “vai trò lãnh đạo”, lần đầu tiên tham dự Hội nghị cấp cao Đông Á, đồng thời tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao con thoi tới các nước châu Á. Về kinh tế, Mỹ tham gia “Hiệp định

quan hệ đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương”, đồng thời lôi kéo, vận động Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều nước khác tham gia.

Với khu vực Đông Nam Á, Mỹ đã có một thái độ khác hẳn so với thời chính quyền Bush, theo hướng ngày một coi trọng vai trò của khu vực trong kiến trúc an ninh Châu Á - Thái Bình Dương. Trong chính sách của nước Mỹ dưới chính quyền Bush, do Mỹ bận rộn với chủ nghĩa khủng bố, và hai cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan, nên khu vực Đông Nam Á không nằm ở vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Bà Condoleezza Rice, Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống George W. Bush, đã không quan tâm nhiều đến khu vực này.

Tổng thống Obama, sau khi nhậm chức, đã có những chính sách và hành động tỏ rõ quan điểm coi trọng Đông Nam Á của chính quyền mình. Tháng 7/2010, bà Hillary Clinton tham dự Diễn đàn An ninh Khu vực tại Thái Lan đã tuyên bố với các nước ASEAN rằng “Chúng tôi trở lại”. Ngoài việc tham gia vào các cuộc họp quan trọng của ASEAN, trong chuyến thăm Đông Nam Á đó, bà Clinton cũng đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác với các nước Đông Nam Á, đây là hiệp ước tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ mới giữa ASEAN và Mỹ, cũng như đảo ngược chính sách của Chính phủ tiền nhiệm trước đây đối với ASEAN. Sau chuyến thăm của bà Clinton, Tổng thống Obama cũng đã đến Singapore tham dự Hội nghị Các lãnh đạo (Leaders Meeting) Mỹ và ASEAN. Đây là lần đầu tiên ông Obama gặp lãnh đạo của mười nước Đông Nam Á, và hai bên cũng đã thảo luận các cam kết cụ thể của Chính phủ Mỹ dành cho khu vực này. Sự xuất hiện của Tổng thống Obama tại Hội nghị Các lãnh đạo ASEAN - Mỹ, cho thấy sự hiện diện của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á ngày càng rõ hơn.

### **Tiểu kết chương**

Trong chương này, tác giả đã xây dựng được khung lý thuyết cho luận án, lý giải tại sao ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung, mức độ hợp tác còn khá lỏng lẻo, nhưng lại có những định hướng đối ngoại cụ thể trong quan hệ với Mỹ. Các nước thành viên ASEAN có sự phối hợp đối ngoại trên cơ sở đồng

thuận tại các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM), Hội nghị hậu Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (PMC) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (ASEAN Summit) để đưa ra được những định hướng đối ngoại đó. Sau khi tiếp cận lý thuyết, tác giả xem xét những cơ sở thực tiễn tác động đến quá trình hoạch định quan hệ đối ngoại của ASEAN, gồm lịch sử của mối quan hệ trong Chiến tranh Lạnh, bối cảnh quốc tế và khu vực thay đổi sau Chiến tranh Lạnh và tính toán lợi ích của cả hai bên, đồng thời, nghiên cứu ASEAN đã điều chỉnh về nội dung quan hệ đối ngoại với Mỹ, những định hướng đối ngoại trong quan hệ với Mỹ, các biện pháp sử dụng và quá trình triển khai mối quan hệ này trên thực tế qua ba giai đoạn phát triển khác nhau từ 1991 đến nay.

Quá trình ASEAN điều chỉnh “quan hệ đối ngoại” với Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay chịu sự tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài. Trong mỗi quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ, nước lớn thường chi phối quan hệ nhiều hơn, ngược lại, nước nhỏ thường bị động hơn và đôi khi bị ép nhiều hơn. Vì ASEAN là tập hợp của 10 quốc gia vừa và nhỏ, hơn nữa, tính cố kết chưa cao, nên quá trình hoạch định định hướng đối ngoại của ASEAN với Mỹ vẫn chịu sự tác động nhiều từ các nhân tố bên ngoài, gồm: bối cảnh quốc tế và khu vực, đặc biệt là tương quan so sánh lực lượng ở châu Á - Thái Bình Dương, và chính sách đối ngoại của Mỹ đối với ASEAN. Dựa vào những nhân tố khách quan, ASEAN sẽ “phản ứng” cho phù hợp với những biến đổi của tình hình bên ngoài. Tuy vậy, xuyên suốt luận án, tác giả muốn chứng minh tính chủ động một cách tương đối và độc lập, tự chủ của ASEAN trong quan hệ với siêu cường số 1 thế giới, nhằm đạt được những mục tiêu của ASEAN nói chung và mục tiêu trong quan hệ với Mỹ nói riêng.

## CHƯƠNG 2

### ASEAN ĐIỀU CHỈNH TRONG QUAN HỆ VỚI MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Quan hệ ASEAN - Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, nhìn chung, phát triển theo chiều hướng tốt đẹp dần lên, gồm cả quan hệ song phương và đa phương. Một trong những nguyên nhân quan trọng là việc ASEAN điều chỉnh quan hệ đối ngoại với Mỹ. Tuy ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung, nhưng có định hướng đối ngoại và lập trường chung trong quan hệ với Mỹ, trên cơ sở nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Các nước thành viên ASEAN phối hợp về đối ngoại dựa trên những điểm đồng lợi ích trong quan hệ với siêu cường này. Chương 2 sẽ được chia làm ba phần chính, tương ứng với việc ASEAN điều chỉnh lập trường chung với Mỹ, nội dung quan hệ thể hiện qua các văn bản của ASEAN và phương thức triển khai cụ thể trên thực tế. Mỗi phần sẽ xem xét việc ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ theo từng giai đoạn: từ 1991 - 1999, từ 1999 - 2008 và từ 2008 đến nay. Hai mốc năm 1999 (ASEAN thay đổi về “lượng” từ ASEAN-6 thành ASEAN-10) và 2008 (ASEAN phát triển về “chất”) có tác động lớn tới sự điều chỉnh quan hệ của ASEAN với Mỹ.

#### **2.1. Điều chỉnh về lập trường chung với Mỹ**

##### ***2.1.1. ASEAN cần Mỹ ủng hộ quá trình mở rộng thành viên và xây dựng Cộng đồng***

Trong thập niên 70 và 80 của thế kỷ XX, các nước ASEAN đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, trở thành một trong những nhóm nước có nền kinh tế phát triển năng động nhất thế giới. Nhằm tăng cường mở rộng hợp tác phát triển kinh tế, các nước ASEAN cho rằng cần phải đảm bảo môi trường an ninh và ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Trong khi đó, ba nước Đông Dương đều tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước và đặt mục tiêu nhanh chóng phục hồi

nền kinh tế sau thời gian dài bị chiến tranh tàn phá. Đặc biệt, với những nỗ lực của Việt Nam và sự hỗ trợ của các nước láng giềng, Việt Nam đã hoàn thành việc rút quân đội khỏi Campuchia tháng 9/1989 và vấn đề Campuchia đã được giải quyết thông qua biện pháp thương lượng hòa bình và Hiệp định Paris về Campuchia được ký kết ngày 23/10/1991 [4,340]. Việc ký kết Hiệp định Paris đã chính thức chấm dứt tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa Việt Nam với các nước đã lợi dụng vấn đề Campuchia để thực hiện chính sách bao vây, cấm vận Việt Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm làm suy yếu Việt Nam. Như vậy, “cái có” mà Mỹ và các nước ASEAN đưa ra để bao vây, cô lập Việt Nam đã mất đi, tạo tiền đề cho việc Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Mỹ và các nước ASEAN trong thập kỷ 90.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô tan rã, Liên bang Nga không còn sự hiện diện ở Đông Nam Á, Mỹ cũng rút quân khỏi hai căn cứ quân sự ở Philippines, xuất hiện “khoảng trống quyền lực” trong khu vực, khiến các nước ASEAN lo ngại một số cường quốc ở châu Á sẽ nhảy vào lấp “khoảng trống” đó. Đây chính là nguy cơ gây mất ổn định an ninh khu vực. Trước những diễn biến của tình hình thế giới và khu vực thay đổi nhanh chóng, ASEAN cho rằng hợp tác phát triển là cơ sở quan trọng nhất để ASEAN tăng cường bảo đảm an ninh, ổn định tình hình khu vực. Vì thế, một mặt, ASEAN quyết tâm thúc đẩy tiến trình hợp tác khu vực trên một bình diện mới, chuyển từ hợp tác kinh tế giữa các nước lên liên kết kinh tế khu vực, đồng thời, mở rộng ASEAN, đưa các nước Đông Dương tham gia Hiệp hội, chấm dứt tình trạng chia cắt Đông Nam Á thành hai khối: Đông Dương - xã hội chủ nghĩa và ASEAN - tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, ASEAN chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó thúc đẩy quan hệ với Mỹ. Các nước ASEAN hoan nghênh sự có mặt của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, coi Mỹ như một nhân tố để giữ cân bằng lực lượng trong khu vực. Tuy nhiên, ASEAN cũng không muốn bị ràng buộc với bất cứ một nước lớn nào đang gia tăng ảnh hưởng, sức ép đến ASEAN hay Đông Nam Á.

Dưới thời Chính quyền Bill Clinton, Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu mới “cam kết và mở rộng”, nhưng Đông Nam Á không còn là khu vực trọng tâm như thời kỳ chiến tranh Việt Nam nữa. Hơn nữa, Mỹ rút sự hiện diện về quân sự ở khu vực, song lại không muốn một cường quốc châu Á nào như Trung Quốc hay Nhật Bản thế vào “khoảng trống quyền lực” đó. Vì thế, Mỹ muốn mở rộng và củng cố ASEAN thành một lực lượng đủ mạnh ở Đông Nam Á để không bị dễ dàng rơi vào vòng ảnh hưởng của cường quốc châu Á nào, đặc biệt khi Trung Quốc đang không ngừng lớn mạnh cả về kinh tế và quân sự. Như vậy, trong giai đoạn 1991 - 1999, lợi ích của ASEAN và Mỹ là song trùng trong việc mở rộng ASEAN thành một Hiệp hội có thể độc lập, tự chủ và không bị chi phối bởi nước lớn nào từ bên ngoài.

Khi mới thành lập, ASEAN-5 phụ thuộc vào Mỹ về kinh tế và sự bảo hộ về an ninh để tập trung phát triển. Giai đoạn cuối của Chiến tranh lạnh, sự lệ thuộc của ASEAN-6 vào Mỹ giảm dần và sau Chiến tranh lạnh, ASEAN cần Mỹ ủng hộ trong việc mở rộng thành viên thành ASEAN-10 và phát triển lớn mạnh hơn. Sau khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước và vấn đề Campuchia được giải quyết, Việt Nam nỗ lực đáp ứng “Lộ trình bốn điểm” mà Mỹ đưa ra từ năm 1991 và bình thường hóa quan hệ với Mỹ tháng 7/1995. Song song trong quá trình đó, Việt Nam tham gia Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (TAC), trở thành quan sát viên của ASEAN và chính thức gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995 với tư cách là thành viên thứ 7 của Hiệp hội. Việc một nước có chế độ chính trị khác (Xã hội chủ nghĩa) tham gia vào ASEAN đã làm thay đổi tính chất vốn có của Hiệp hội, ASEAN không còn mục tiêu “chống cộng” như trước nữa và “ý thức hệ” không còn là rào cản trong hợp tác khu vực. Sau khi trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội, Việt Nam đã nỗ lực vận động để các nước còn lại trong khu vực, cho dù chế độ chính trị khác và trình độ kinh tế chênh lệch giữa ASEAN-6 và ASEAN-4, như Lào, Campuchia và Myanmar lần lượt trở thành các thành viên thứ 8, 9 và 10 của ASEAN.

Từ khi ASEAN bao gồm cả 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, ASEAN đã có những thay đổi mang tính căn bản. Sức mạnh chính trị và tốc độ phát triển kinh tế của khu vực này tăng lên nhanh chóng, khẳng định được vị trí quan trọng của mình với các khu vực khác trên thế giới. Năm 2003, sáng kiến xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN được thông qua. Hiện nay, các nước thành viên ASEAN vẫn đang nỗ lực không ngừng để hoàn thiện Cộng đồng ASEAN, được thành lập từ ngày 31/12/2015.

Sang thế kỷ XXI, ASEAN đã tạo dựng được quan hệ hợp tác nhiều mặt với nhiều đối tác quan trọng trên thế giới, không những thế, ASEAN còn là người “cầm lái chính” trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương qua việc khởi xướng thành công và giữ vai trò chủ đạo trong một số khuôn khổ hợp tác khu vực như ASEAN+1, ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Ngoài ra, ASEAN còn là nhân tố quan trọng của các khuôn khổ hợp tác khu vực và liên khu vực khác như Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương, Hội nghị Á-Âu (ASEM) và Diễn đàn Hợp tác Đông Á-Mỹ Latinh (FEALAC). Thông qua quan hệ đối ngoại, ASEAN đã tranh thủ được sự hợp tác và hỗ trợ thiết thực từ các đối tác bên ngoài, phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển của Hiệp hội.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tương quan so sánh lực lượng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang có nhiều biến đổi, muốn tiếp tục khẳng định được vai trò “người cầm lái” trong các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực, một mặt, ASEAN cần duy trì vị trí cân bằng một cách tương đối trong quan hệ với các nước lớn hiện diện trong khu vực, mặt khác, cần củng cố tình đoàn kết và thống nhất trong bản thân Hiệp hội. Là tập hợp của mười quốc gia vừa và nhỏ trong khu vực Đông Nam Á, rất đa dạng về văn hoá, tôn giáo, trình độ phát triển kinh tế... ASEAN rất cần nâng cao tính cố kết trong nội khối và nỗ lực xây dựng

thành công Cộng đồng ASEAN đến 2015, đặc biệt, trong bối cảnh khu vực đang bị các nước lớn tranh giành ảnh hưởng.

Đối với ASEAN, Mỹ là một đối tác có tầm quan trọng chiến lược. Trong bối cảnh tương quan so sánh lực lượng trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương đang có nhiều chuyển biến, Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế và mạnh mẽ ý đồ mở rộng ảnh hưởng ra khu vực Đông Nam Á, ASEAN trông chờ Mỹ sẽ là một lực lượng giúp “cân bằng” quyền lực trong khu vực.

### ***2.1.2. ASEAN đẩy mạnh hợp tác với Mỹ trên lĩnh vực kinh tế và các vấn đề an ninh phi truyền thống***

Trong lĩnh vực hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, ASEAN xem Mỹ như đối tác quan trọng, do Mỹ là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất và một trong những nhà đầu tư nhiều nhất vào khu vực. Ngoài ra, ASEAN muốn đa dạng hoá quan hệ, không muốn nền kinh tế của khu vực quá lệ thuộc vào người láng giềng khổng lồ Trung Quốc hay Nhật Bản. Sang thế kỉ XXI, Trung Quốc đã đẩy mạnh cạnh tranh với Mỹ trên lĩnh vực kinh tế ở Đông Nam Á. Theo thông tin của hải quan Trung Quốc năm 2011, kim ngạch thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN đã đạt 21,48 tỷ USD, tăng 80% so với cùng kì năm 2009 [3;14]. Trung Quốc hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào ASEAN và đã ký được rất nhiều hợp đồng có giá trị thương mại cao. Tại ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc quan tâm đặc biệt tới dự án khai thác nguyên liệu và khoáng sản. Viện trợ là một trong những biện pháp hữu hiệu của Trung Quốc để gia tăng ảnh hưởng đối với Đông Nam Á. Thậm chí Philippines, đồng minh truyền thống của Mỹ, cũng nhận viện trợ từ Trung Quốc. Năm 2006, viện trợ của Trung Quốc cho Philippines nhiều gấp 4 lần viện trợ của Mỹ cho nước này [3;18]. Trung Quốc được coi là “nhà bảo trợ kinh tế chính” của Campuchia, Lào và Myanmar. Nếu như Mỹ thường đưa ra điều kiện trong quan hệ với các nước thành viên ASEAN là cải thiện tình hình dân chủ, nhân quyền và thúc đẩy các lợi ích an ninh của Mỹ thì Trung Quốc luôn nhấn mạnh nguyên tắc “không can thiệp

vào công việc nội bộ” đối với các nước trong khu vực. Bằng cách đó, Trung Quốc đã tạo dựng được một hình ảnh thân thiện trong mắt các quốc gia láng giềng Đông Nam Á, từ đó gia tăng ảnh hưởng đối với các vấn đề chính trị, an ninh trong khu vực. Cuối cùng, quan hệ tốt với Mỹ cũng sẽ giúp ASEAN dễ dàng tiếp cận với các tổ chức tài chính - tiền tệ toàn cầu hơn.

Khái niệm an ninh phi truyền thống khá đa dạng và trở nên phổ biến kể từ sau Chiến tranh lạnh, bao gồm: khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, dịch bệnh truyền nhiễm, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực,... và các thảm họa thiên nhiên như động đất, sóng thần, bão lụt. Các nước thành viên ASEAN đã và đang phải đối mặt với những thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng. Với tiềm năng kinh tế và thực lực quân sự của từng nước thành viên, cũng như sự hợp tác lỏng lẻo của ASEAN, các nước Đông Nam Á không thể tự mình giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống này, cần sự chung tay hợp tác của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là của các nước lớn. Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh, kinh nghiệm chống khủng bố và là nước đi đầu chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nên ASEAN rất mong muốn nhận được sự hỗ trợ của Mỹ để giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống. Khu vực này có khoảng 250 triệu người Hồi giáo, chiếm khoảng 20-25% tín đồ Hồi giáo trên thế giới [83,32]. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-98 tác động mạnh đến tình hình chính trị - kinh tế khu vực. Hoạt động chính trị của các Đảng phái Hồi giáo dưới mọi hình thức bạo động hay phi bạo động tăng mạnh trong khu vực, đặc biệt ở Indonesia sau khi Chính quyền Suharto sụp đổ năm 1998. Ngoài ra, sau khi chủ nghĩa khủng bố quốc tế hoạt động mạnh hơn và đa dạng về hình thức, nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt cũng được đặt ra cho các nước Đông Nam Á. Từ nay đến năm 2030, nhiều nước trong khu vực đang có kế hoạch phát triển năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình. Vấn đề an ninh và an toàn hạt nhân được các nước ASEAN

quan tâm nghiên cứu, đồng thời, ngăn các loại vũ khí hóa học, sinh học, rơi vào tay lực lượng khủng bố. Điều này phù hợp với lợi ích của Mỹ trong khu vực.

### ***2.1.3. ASEAN muốn Mỹ ủng hộ việc nâng cao vai trò, vị thế trong khu vực và trên thế giới***

Đông Nam Á là một phần quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, là nơi có quốc gia Hồi giáo lớn nhất thế giới, có các đường biên chiến lược nhất thế giới và là nơi có 50% lưu lượng thương mại toàn cầu và 1/3 nguồn cung cấp dầu lửa thế giới được vận chuyển qua đây [56]. Ra đời từ năm 1967, trải qua gần 5 thập kỷ với những bước phát triển thăng trầm, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay đã trở thành một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ bao gồm 10 quốc gia Đông Nam Á, là một thực thể chính trị - kinh tế quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương và là đối tác không thể thiếu trong chính sách khu vực của các nước lớn và các trung tâm quan trọng trên thế giới. Nếu 10 nền kinh tế ASEAN gộp lại với nhau, với tổng dân số trên 600 triệu người, khu vực này đạt GDP là 3.076 tỉ USD và lớn hơn quy mô kinh tế của nước Đức [91].

ASEAN ngày càng tham gia tích cực vào nền chính trị - an ninh và kinh tế khu vực và quốc tế thông qua việc thành lập các cơ chế hợp tác đa phương trong khuôn khổ châu Á - Thái Bình Dương. Cho đến nay, có khoảng 130 cơ chế hợp tác khác nhau trên mọi lĩnh vực do ASEAN làm chủ đạo, trong đó liên kết kinh tế và hợp tác về quân sự và an ninh là hai bộ phận chủ yếu. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) có một vị trí đặc biệt quan trọng. Trong một khu vực vốn ít có lịch sử hợp tác an ninh, ARF đã trở thành một diễn đàn quan trọng nhất về hợp tác an ninh ở châu Á. Diễn đàn này đã bổ sung vào các cơ chế liên minh song phương và đối thoại khác nhau hiện có ở châu Á, củng cố thêm viễn cảnh hợp tác an ninh ở khu vực này. Bên cạnh ARF, các khuôn khổ hợp tác ASEAN+1, ASEAN+3 hay Cộng đồng Đông Á (EAS) với ASEAN giữ vai trò chủ đạo và điều phối cũng hoạt động hiệu quả. Không những thế, ASEAN còn là nhân tố

quan trọng của các khuôn khổ hợp tác khu vực và liên khu vực khác như Diễn đàn hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị Á - Âu (ASEM) và Diễn đàn Hợp tác Đông Á - Mỹ Latinh (FEALAC).

Việc các sáng kiến thành lập cơ chế hợp tác của ASEAN được các nước trong và ngoài khu vực nhiệt tình ủng hộ giúp cho ASEAN vươn lên, đóng vai trò trung tâm trong khu vực. Lý giải cho điều này, Tổng thư ký Surin Pitsuwan trong một cuộc trả lời phỏng vấn năm ngoái đã nói “thực tế việc thế giới quan tâm đến các diễn đàn của ASEAN và sân khấu ASEAN mà chúng tôi mang đến có nghĩa rằng chúng tôi đã phục vụ đúng mục đích của các bên tham gia và có những giá trị từ vai trò quản lý kiến trúc hợp tác đó của ASEAN” [84]. Chính từ sự sẵn sàng mở cửa đối với thế giới rộng lớn bên ngoài của các nước ASEAN mà ASEAN đã là một điểm đến để tất cả các nước cùng gặp gỡ, đối thoại, chia sẻ quan điểm với nhau về mọi vấn đề, mọi lĩnh vực mà các nước quan tâm. Hay nói như cách của học giả Benjamin Ho - Trường Nghiên cứu các vấn đề quốc tế (RSIS) Singapore thì: “Vị trí trung tâm của ASEAN đã thành hiện thực bởi chính các nước thành viên đã xếp vận mệnh của họ cùng dòng chảy với phần còn lại của thế giới và với cách làm như vậy, đã dẫn đến kết quả là sự thành công tập thể của Cộng đồng ASEAN” [84]. Còn nhìn từ bản chất của tổ chức khu vực này, có thể lý giải “ASEAN là quan trọng, bởi tập hợp được hầu hết các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á, nhưng vì là một nhóm nên không thể hoặc không sẵn sàng đi tiên phong trong việc xác định và theo đuổi các lợi ích chủ quyền một cách tập thể”. ASEAN tạo ra các diễn đàn chung để các nước đối tác, nhất là các nước lớn, có thể đối thoại, chia sẻ quan điểm và bàn luận.

Tuy nhiên, do hợp tác nội khối ASEAN còn lỏng lẻo và ASEAN không có lãnh đạo nên ASEAN cần sự ủng hộ của Mỹ trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đồng thời ủng hộ vị trí trung tâm của ASEAN trong kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á, một mặt, ASEAN tiến hành đa

phương hóa - đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, mặt khác, ASEAN muốn Mỹ tăng cường dính líu vào khu vực để tránh không bị rơi vào vòng ảnh hưởng của người láng giềng khổng lồ Trung Quốc, đảm bảo vị trí trung tâm trong khu vực.

## **2.2. Điều chỉnh về nội dung quan hệ**

Từ những mục tiêu chung của ASEAN trong từng giai đoạn sau Chiến tranh lạnh và lập trường chung trong quan hệ với Mỹ, ASEAN đã điều chỉnh về nội dung quan hệ đối ngoại với Mỹ. Những nội dung này được thể hiện trong các Thông cáo chung của các cuộc họp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM), Hội nghị hậu Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (PMC), Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN không chính thức (Informal ASEAN Summit) và Hội nghị Thượng đỉnh (ASEAN Summit) từ năm 1991 đến nay. Những nội dung quan hệ của ASEAN với Mỹ, sau đó, được triển khai trên thực tế, đáng chú ý là tổ chức các cuộc gặp gỡ cấp cao ASEAN - Mỹ hàng năm và cụ thể hóa hơn trong các Thông cáo báo chí chung của Đối thoại ASEAN - Mỹ qua các năm từ 1991 đến 2006, các Tuyên bố chung ASEAN - Mỹ nhằm tăng cường quan hệ đối tác, Tuyên bố chung của các cuộc họp Lãnh đạo cấp cao ASEAN - Mỹ từ 2009 đến 2012, Tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ nhất năm 2013, lần thứ hai năm 2014, lần thứ ba năm 2015 và lần thứ tư tại Sunnylands, California, Mỹ, ngày 15-16/02/2016.

### **2.2.1. Giai đoạn từ 1991 - 1999**

Thông cáo chung của các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) hàng năm và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN trong giai đoạn từ 1991 - 1999 không đề cập đến đối tác Mỹ trong phần “quan hệ đối ngoại” (external relations) của ASEAN cũng như trong toàn văn các Thông cáo chung này. Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Mỹ chưa phải là một trong những đối tác đối thoại (Dialogue Partners) của ASEAN. Điều này có thể lý giải là do: Thời gian này, ASEAN tập trung vào việc mở rộng thành viên và củng cố nội khối, tăng cường hợp tác kinh tế như xây dựng khu vực mậu dịch tự do (AFTA), và hợp tác trong

các vấn đề an ninh phi truyền thống như tạo khu vực không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Về quan hệ đối ngoại song phương, ASEAN mới chỉ có vài nước đối tác đối thoại như: Trung Quốc, Ấn Độ, và một số nước phi đối tác đối thoại. Về đa phương, ASEAN tham gia một số tổ chức kinh tế, chính trị - an ninh trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, gồm: Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Nhóm Hợp tác Kinh tế Đông Á (EAEG), Gặp gỡ Á - Âu (ASEM). Trong khi đó, Đông Nam Á nói chung và ASEAN nói riêng, sau Chiến tranh Lạnh, không còn là khu vực ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ.

Tuy nhiên, nội dung quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ giai đoạn 1991 - 1999 lại được thể hiện rõ trong Thông cáo báo chí chung của Đối thoại lần thứ 10 ASEAN - Mỹ tổ chức tại thủ đô Washington, Mỹ, ngày 20-21/6/1991 [129]. Trên lĩnh vực kinh tế, sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa - khu vực hóa phát triển và tự do thương mại, ASEAN và Mỹ khẳng định tăng cường hợp tác về kinh tế, thương mại. ASEAN xem Mỹ như một thị trường xuất khẩu lớn, một trong những nhà đầu tư lớn nhất vào ASEAN và có khả năng hỗ trợ ASEAN về vốn, công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực. Các thành phần kinh tế tư nhân được khuyến khích tham gia vào Đối thoại và là động lực quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế ASEAN - Mỹ [129].

Với mục tiêu xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định, không còn bị chia cắt thành hai nhóm nước TBCN và XHCN đối đầu nhau, ASEAN mong muốn Mỹ ủng hộ việc giải quyết vấn đề Campuchia bằng biện pháp thương lượng hòa bình, với những giải pháp được đưa ra tại Hội nghị hòa bình Paris cuối năm 1991, nhằm khôi phục hòa bình và độc lập cho Campuchia trên cơ sở Hiến chương Liên Hợp Quốc và Nghị quyết số 668 của Hội đồng Bảo an. Sáng kiến của Hoàng thân Sihanouk và thỏa thuận đạt được giữa các Đảng phái Campuchia và những đồng chủ trì Hội nghị hòa bình Paris đã mở ra khả năng

giải quyết vấn đề quốc tế này thông qua con đường đàm phán hòa bình và các giải pháp chính trị.

Trong Thông cáo Báo chí chung của Đối thoại ASEAN – Mỹ lần thứ XI tại Brunei, ngày 15-16/3/1993, ông Lim Jock Seng, người dẫn đầu đoàn đại biểu Bruinei, nhấn mạnh tầm quan trọng của các cuộc đối thoại ASEAN – Mỹ và quá trình tham vấn về những vấn đề hai bên cùng quan tâm như một cơ chế chung nhằm củng cố quan hệ ASEAN - Mỹ [130]. Đại sứ Winston Lord, người dẫn đầu đoàn đại biểu Mỹ, cam kết rằng Mỹ sẽ vẫn tiếp tục là một trong những đối tác hàng đầu của ASEAN về kinh tế và chính trị. Quan hệ thương mại song phương ASEAN - Mỹ không ngừng tăng lên và Mỹ ủng hộ sáng kiến AFTA của ASEAN và APEC, điều sẽ làm tăng tự do hóa thương mại trong khu vực. Mỹ có lợi ích lớn trong việc đóng góp vào ổn định chính trị tại Đông Nam Á. Trên lĩnh vực an ninh, Mỹ, một mặt, sẽ tiếp tục phát triển quan hệ song phương với các đồng minh truyền thống trong khu vực, mặt khác, tham gia vào các đối thoại đa phương về an ninh.

### **2.2.2. Giai đoạn từ 1999 - 2008**

Bước sang giai đoạn từ 1999 đến 2008, ASEAN đã có những điều chỉnh rõ rệt về nội dung quan hệ với Mỹ. Nếu dựa vào khái niệm: Chính sách đối ngoại là sự phản ứng của một chủ thể trong quan hệ quốc tế trước những thay đổi của tình hình thế giới bên ngoài, có thể thấy sự điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ phần nào là do tác động của những nhân tố bên ngoài như tương quan so sánh lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thay đổi, đặc biệt với sự lớn mạnh của nhân tố Trung Quốc, với mốc từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính ở Đông Nam Á năm 1997 - 1998, cùng những tham vọng mở rộng ảnh hưởng trong khu vực, vấn đề khủng bố toàn cầu nổi lên và đòi hỏi sự gia tăng hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố, từ sau sự kiện 11/9. Lý do quan trọng hơn tác động đến quá trình hoạch định những định hướng đối ngoại của ASEAN với Mỹ là sự phát triển nhanh chóng của ASEAN về “lượng”, từ ASEAN-6 thành

ASEAN-10, và việc tăng cường đoàn kết nội khối, thể hiện rõ nhất là quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột APSC, AEC và ASCC từ năm 2003. Chính việc nâng cao sức mạnh bản thân này đã khiến ASEAN có thể độc lập, tự chủ hơn và tăng tính chủ động hơn trong quan hệ với Mỹ.

Trong giai đoạn này, quan hệ đối ngoại ASEAN - Mỹ tập trung vào ba nội dung chính sau: Thứ nhất, ASEAN – Mỹ hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố. Trong Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng ASEAN lần thứ 35, tháng 7/2002, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN nhận thức: “Chủ nghĩa khủng bố quốc tế là mối đe dọa an ninh mới, một trong những nhân tố tác động đến tình hình khu vực, buộc ASEAN phải phản ứng gấp và quyết liệt. Chúng tôi cam kết đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương trong phạm vi khu vực và quốc tế nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố dưới mọi dạng thức, hướng tới xây dựng một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và an ninh, như đã nêu trong Tuyên bố của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 7” [123]. Thông cáo chung của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 37, tháng 6/2004, một lần nữa, nêu rõ: “Chúng tôi cực lực phản đối chủ nghĩa khủng bố dưới tất cả các dạng thức. Chúng tôi quyết tâm tăng cường hợp tác với cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu và đánh giá cao quá trình triển khai Kế hoạch hợp tác chống khủng bố ASEAN - Mỹ, nhằm hiện thực hóa Tuyên bố chung ASEAN – Mỹ tăng cường hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế” [124].

Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Richard L. Armitage, tại Đối thoại ASEAN – Mỹ lần thứ 16, ngày 29/11/2001 tại Washington D.C, nêu bật tầm quan trọng của ASEAN trong việc duy trì hòa bình và an ninh tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại Mỹ tăng lên, đặc biệt khi ASEAN thể hiện thái độ kiên quyết chống chủ nghĩa khủng bố [131]. ASEAN cam kết tăng cường hợp tác nhằm ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa khủng bố tại Tuyên bố của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN năm 2001. Sau khi ký kết “Tuyên bố chung ASEAN - Mỹ hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố quốc

tế” ngày 01/8/2002 tại Brunei, hai bên đã đề ra kế hoạch hành động cụ thể, bao gồm nhiều hoạt động phối hợp chung, chẳng hạn như thành lập nhóm chuyên gia trong khuôn khổ ADMM mở rộng, diễn tập chống khủng bố,...

*Thứ hai*, ASEAN tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN. Tại Đối thoại ASEAN - Mỹ lần thứ 17, Trợ lý Ngoại trưởng Thái Lan, Tej Bunnag, bày tỏ mong muốn Mỹ ủng hộ và tăng cường hợp tác khi ASEAN đang trong quá trình xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN [132]. Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách các vấn đề ở Đông Á - Thái Bình Dương, Christopher R. Hill, tại Đối thoại ASEAN - Mỹ lần thứ 19, đã hoan nghênh và bày tỏ sự ủng hộ những nỗ lực của ASEAN trong quá trình xây dựng Cộng đồng, thúc đẩy hội nhập ASEAN và thu hẹp khoảng cách phát triển [133].

*Thứ ba*, ASEAN tăng cường hợp tác với Mỹ trong lĩnh vực kinh tế và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác. Đối với các vấn đề về đầu tư và thương mại, lãnh đạo ASEAN và Mỹ ghi nhận những tiến triển trong quá trình hội nhập kinh tế ASEAN, đặc biệt là thông qua Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN và Kế hoạch hợp tác công nghiệp ASEAN. ASEAN mong muốn Mỹ sớm trao quy chế quan hệ thương mại bình thường cho Lào để tất cả các nước ASEAN đều có thể hưởng lợi từ quan hệ thương mại song phương ASEAN – Mỹ. Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, James A. Kelly, chỉ ra những lợi ích chung của ASEAN và Mỹ trong việc phối hợp cùng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống xuyên quốc gia như: chủ nghĩa khủng bố, nạn buôn người, vận chuyển trái phép ma túy, các dịch bệnh như HIV-AIDS và bảo vệ môi trường [132]. Ngày 08/11/2005, lãnh đạo ASEAN và Mỹ đã ký kết “Tuyên bố chung về Tầm nhìn nhằm nâng cao quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ” và Chương trình hành động để triển khai Tuyên

bổ chung đó được Ngoại trưởng các nước ASEAN và Mỹ thông qua ngày 27/7/2006 tại Kuala Lumpur [133].

### **2.2.3. Giai đoạn từ năm 2008 đến nay**

Nếu như trong giai đoạn 1991 - 1999, siêu cường Mỹ không được đề cập đến lần nào trong các Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) thường niên và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (ASEAN Summit), giai đoạn tiếp theo từ 1999 - 2008, các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN chỉ nhấn mạnh đến hợp tác với Mỹ trong nỗ lực của ASEAN tăng cường hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, thì từ 2008, ASEAN - Mỹ luôn là một phần trong mục “Quan hệ đối ngoại” của ASEAN và được nêu tại các Thông cáo chung này. Khác với việc quan hệ song phương giữa các nước thành viên ASEAN với Mỹ nổi trội hơn quan hệ đa phương ASEAN - Mỹ và ASEAN không nằm trong số các đối tác được ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh Lạnh, trong giai đoạn 1999 - 2008, ASEAN mới chỉ phát triển quan hệ với Mỹ trên một số lĩnh vực như hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác và lĩnh vực kinh tế - thương mại - đầu tư thì từ 2008, quan hệ ASEAN - Mỹ được nâng lên một tầm cao mới.

Những định hướng đối ngoại của ASEAN với Mỹ, trong giai đoạn này, được điều chỉnh theo kiểu đa dạng hóa quan hệ trên các lĩnh vực và đẩy các mối quan hệ hợp tác theo chiều sâu, hướng tới xây dựng quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Mỹ. Bên cạnh những nhân tố khách quan tác động đến quá trình phối hợp đối ngoại của ASEAN (như xu thế toàn cầu hóa - khu vực hóa, tương quan so sánh lực lượng tại châu Á - Thái Bình Dương thay đổi khi Trung Quốc trỗi dậy và Mỹ “xoay trục về châu Á” và các vấn đề an ninh phi truyền thống nổi lên), việc ASEAN chủ động hơn trong quan hệ với Mỹ còn bị chi phối bởi các nhân tố chủ quan. Đáng chú ý là sự phát triển về “chất” của ASEAN với việc Hiến chương ASEAN ra đời năm 2007 và có hiệu lực từ 2008, hợp tác nội khối của ASEAN có chiều hướng tăng lên khi ASEAN quyết định đẩy nhanh quá

trình xây dựng Cộng đồng ASEAN sớm lên 5 năm, đến 31/12/2015, và vai trò của Mỹ tăng lên trong những tính toán lợi ích của ASEAN trên bình diện chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - giáo dục.

Các Ngoại trưởng ASEAN, tại AMM lần thứ 42 được tổ chức tháng 7/2009, hoan nghênh việc Mỹ tham gia TAC và ký Hiệp định củng cố quan hệ đối tác ASEAN – Mỹ. Điều này sẽ thúc đẩy hợp tác ASEAN - Mỹ và đóng góp tích cực cho những nỗ lực xây dựng Cộng đồng của ASEAN. ASEAN - Mỹ sẽ phối hợp chặt chẽ để ký kết thành công Hiệp định về hợp tác Khoa học và Kỹ thuật [125]. “Chúng tôi nhất trí thúc đẩy hơn nữa quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ, đặc biệt trên 8 lĩnh vực hợp tác được ưu tiên. Chúng tôi mong đợi phiên ASEAN PMC+1 với Mỹ sẽ thông qua Kế hoạch hành động triển khai Hiệp định củng cố quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ vì hòa bình và thịnh vượng chung (2011-2015), hướng tới nâng cấp quan hệ ASEAN - Mỹ lên tầm đối tác chiến lược” [126].

Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 48, tháng 8/2015, các Ngoại trưởng bổ sung thêm: “Chúng tôi cam kết tiếp tục củng cố quan hệ của ASEAN với các đối tác đối thoại và các chủ thể khác vì lợi ích chung. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò trung tâm của ASEAN (ASEAN Centrality) trong kiến trúc khu vực đang định hình và sẽ phối hợp chặt chẽ với các đối tác trong khuôn khổ các cơ chế đa phương do ASEAN lãnh đạo, như ASEAN+1, ASEAN+3, ARF, ADMM+, EAS, nhằm đảm bảo khu vực hòa bình, ổn định, an ninh và thịnh vượng chung. Chúng tôi đánh giá cao sự tiếp tục ủng hộ của Mỹ trong quá trình ASEAN xây dựng Cộng đồng thông qua các chương trình hợp tác phát triển, bao gồm Liên kết ASEAN qua Dự án về đầu tư và thương mại (ACTI) và Đối tác ASEAN - Mỹ vì quản trị tốt, bình đẳng, phát triển bền vững và an ninh (ASEAN - US Progress) [127].

Có thể nói, những nội dung chính trong quan hệ ASEAN - Mỹ, từ 2008 đến nay, có những thay đổi lớn, khi mối quan hệ này được nâng cấp lên tầm Đối tác toàn diện. Mỹ điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng tăng cường can dự

vào khu vực trên cơ sở chia sẻ những mục tiêu và giá trị chung. Cụ thể, Mỹ đã tham gia Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện (TAC) ở Đông Nam Á năm 2009, mở Phái đoàn Mỹ tại ASEAN đầu năm 2010 và chỉ định Đại sứ Mỹ tại ASEAN [141]. Việc nâng cấp mối quan hệ ASEAN - Mỹ cũng được thể hiện qua những cuộc họp giữa lãnh đạo cấp cao ASEAN - Mỹ hàng năm, kể từ cuộc họp lần thứ nhất tại Singapore ngày 15/11/2009.

Lãnh đạo các nước ASEAN ủng hộ Mỹ tham gia một cách tích cực vào các diễn đàn khu vực như ARF và ADMM+, đồng thời, đánh giá cao chính sách can dự của Mỹ đối với Chính phủ Myanmar, thể hiện qua chuyến thăm Myanmar gần đây của các quan chức cấp cao Mỹ. Hy vọng rằng những nỗ lực nêu trên từ cả phía Mỹ và ASEAN sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình cải cách về kinh tế và chính trị ở Myanmar. Sự hòa hợp dân tộc và cuộc tổng tuyển cử tại Myanmar năm 2010 sẽ phải được tổ chức tự do, dân chủ và minh bạch nhằm nâng cao uy tín trên trường quốc tế. Ngoài ra, các lãnh đạo ASEAN và Mỹ cũng nhất trí đưa vào chiều sâu mối quan hệ trên những lĩnh vực như: hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại, đối ngoại nhân dân, trao đổi giáo dục, khoa học và công nghệ, và cùng phối hợp nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Trong Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ II, tổ chức tại Myanmar, ngày 13/11/2014, những nội dung chính của quan hệ ASEAN - Mỹ được các lãnh đạo nhất trí gồm ba điểm sau: *Một là*, hướng tới nâng cấp quan hệ ASEAN - Mỹ lên tầm đối tác chiến lược, tiếp tục tăng cường hợp tác theo cả bề rộng và chiều sâu, bao gồm các lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội [109]. *Hai là*, ASEAN hoan nghênh sự tiếp tục ủng hộ của Mỹ trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN và vai trò trung tâm của ASEAN trong kiến trúc an ninh khu vực đang định hình. ASEAN và Mỹ cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định khu vực, thông qua các cơ chế đa phương do ASEAN đóng vai trò “người cầm lái” như ASEAN+1, Hội nghị Cấp cao Đông Á, ARF, ADMM+ và Diễn đàn biển ASEAN mở rộng. *Ba là*, ASEAN

và Mỹ tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại - đầu tư và cùng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống. Các lãnh đạo khẳng định tầm quan trọng của việc đảm bảo an ninh, an toàn và tự do hàng hải, bao gồm cả việc qua lại và bay trên bầu trời khu vực biển Đông. Các nguyên tắc được ghi trong DOC và các nguyên tắc 6 điểm của ASEAN (ASEAN's Six-Point Principles) về biển Đông sẽ tiếp tục được tôn trọng và triển khai trên thực tế, trong khi hướng tới ký kết COC. Lãnh đạo ASEAN và Mỹ nhấn mạnh việc tuân thủ những cam kết tập thể của DOC trong việc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với các nguyên tắc của Luật Quốc tế đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, bao gồm Công ước 1982 của Liên Hợp Quốc về Luật Biển, và không đe dọa sử dụng vũ lực [109].

Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ III, được tổ chức ngày 21/11/2015, tại Kuala Lumpur, Malaysia, đánh dấu một mốc quan trọng khi ra Tuyên bố chung nâng cấp quan hệ đối thoại ASEAN – Mỹ lên mức đối tác chiến lược ASEAN – Mỹ đầy triển vọng và toàn diện. Hội nghị cũng thông qua Kế hoạch hành động để hiện thực hóa quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Mỹ giai đoạn 2016-2020. Hai bên cùng đưa ra những ưu tiên và biện pháp nhằm tăng cường hợp tác về an ninh - chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội. Tại Hội nghị, các nhà Lãnh đạo ASEAN cũng đánh giá cao sự ủng hộ của Mỹ đối với việc hình thành Cộng đồng ASEAN cuối năm 2015 và vai trò trung tâm của ASEAN trong kiến trúc khu vực vận hành dựa trên luật pháp đang được định hình, thông qua các cơ chế hợp tác đa phương do ASEAN dẫn dắt.

### **2.3. Điều chỉnh về phương thức triển khai**

#### **2.3.1. Giai đoạn 1991-1999: ASEAN “độc lập, tự chủ” hơn trong quan hệ với Mỹ**

Có thể nói, giai đoạn 1991 - 1999 là thời kỳ mà quan hệ ASEAN - Mỹ giảm xuống ở mức thấp nhất nếu tính từ khi bắt đầu xây dựng quan hệ ASEAN - Mỹ năm 1967 đến nay (bao gồm cả quan hệ song phương và đa phương). Nếu vẽ ra một đồ thị mô tả mối quan hệ ASEAN - Mỹ từ năm 1967 đến nay, ta sẽ thấy

trong giai đoạn đầu (từ 1967-1977), quan hệ ASEAN-5 - Mỹ tương đối chặt chẽ, nhưng chỉ dừng ở quan hệ song phương và tính chất của mối quan hệ là đa số các nước thành viên ASEAN phụ thuộc vào Mỹ cả về kinh tế và an ninh. Trong số 5 nước thành viên ASEAN thì có đến hai nước là đồng minh truyền thống của Mỹ (Thái Lan và Philippines). Trong giai đoạn thứ hai, từ 1977 - 1991, quan hệ ASEAN-6 và Mỹ phát triển hơn, bao gồm cả quan hệ song phương và đa phương. Tính chất của mối quan hệ trong giai đoạn này chủ yếu vẫn là ASEAN-6 phụ thuộc nhiều vào Mỹ, cả trên lĩnh vực kinh tế và an ninh. Các nước ASEAN và Mỹ có những điểm đồng lợi ích, song mỗi bên có những toan tính riêng. ASEAN-5 bị Mỹ lôi kéo vào cuộc chiến tranh Việt Nam và làm hậu thuẫn cho Mỹ, ngược lại, các quốc gia này nhận được những khoản đầu tư và viện trợ kinh tế lớn từ Mỹ và dựa vào cái ô bảo hộ an ninh của Mỹ để có thể tập trung phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, từ nửa cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, ASEAN-6 có sự chủ động hơn, giảm dần sự lệ thuộc vào Mỹ, minh chứng rõ nhất là việc khối ASEAN - tư bản chủ nghĩa - đã có những động thái xích lại gần hơn với khối Đông Dương - xã hội chủ nghĩa - và cùng thảo luận nhằm tìm ra giải pháp chung cho vấn đề Campuchia.

Đồ thị biểu diễn mối quan hệ ASEAN - Mỹ có chiều hướng đi xuống trong giai đoạn 1991 - 1999, do sau Chiến tranh lạnh, khu vực mà Mỹ đặt ở vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại là Trung Đông, chứ không còn là Đông Nam Á như giai đoạn Chiến tranh Việt Nam nữa. So với giai đoạn trong Chiến tranh lạnh, tính chất của mối quan hệ này đã thay đổi hẳn: Sự lệ thuộc của ASEAN vào Mỹ giảm đáng kể, thay vào đó, ASEAN ngày càng tỏ ra độc lập tự chủ hơn và chủ động hơn trong những công việc của Hiệp hội. Trong quá trình mở rộng thành viên từ ASEAN-6 thành ASEAN-10, một mặt, ASEAN vẫn cần sự ủng hộ của Mỹ (thể hiện rõ nhất qua việc ASEAN kết nạp thành viên thứ 7, Việt Nam, một nước có chế độ chính trị khác biệt với ASEAN-6), mặt khác, ASEAN có sự độc lập và quyết đoán nhất định (điển hình như việc ASEAN kết nạp Myanmar

là thành viên thứ 9, trong khi Mỹ vẫn đang bao vây, cấm vận Myanmar vì vấn đề dân chủ, nhân quyền).

Một số lý do giải thích cho việc ASEAN có thể “độc lập, tự chủ” hơn trong quan hệ với Mỹ giai đoạn 1991 - 1999 bao gồm: (i) Mục tiêu của ASEAN, sau Chiến tranh lạnh, đã thay đổi: ASEAN cần một môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển. Sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ rút sự hiện diện quân sự khỏi khu vực, ASEAN không muốn bị rơi vào vòng ảnh hưởng của nước lớn nào; (ii) Mỹ không coi Đông Nam Á như một trong những trọng tâm chiến lược như trong thập kỷ 60, 70 của thế kỷ XX nữa; (iii) Thế và lực của ASEAN đang dần tăng lên so với giai đoạn trước. Nền kinh tế của các nước thành viên ASEAN phát triển nhanh và không còn lệ thuộc vào sự viện trợ và đầu tư của Mỹ, đặc biệt trong giai đoạn toàn cầu hóa, khu vực hóa đang diễn ra; (iv) Trong bối cảnh mới, ASEAN tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại với tất cả các nước lớn và khẳng định vị trí “trung lập” một cách tương đối trong quan hệ với các nước lớn, các trung tâm kinh tế lớn; (v) Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới không còn bị chia thành hai phe, hai cực nữa, đồng nghĩa với việc ý thức hệ giảm đi, vì vậy, ASEAN có thể kết nạp những nước không cùng chế độ chính trị.

#### *Quan hệ song phương và đa phương ASEAN - Mỹ*

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, vị trí chiến lược của Đông Nam Á trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Tổng thống Bill Clinton có chiều hướng giảm dần. Điều này thể hiện ở việc Mỹ bắt đầu cắt giảm sự hiện diện quân sự tại khu vực. Năm 1992, Mỹ rút hết quân khỏi hai căn cứ quân sự lớn của Philippines là Subic và Clark. Đây là minh chứng cho tính mờ nhạt trong sự can dự của Mỹ ở Đông Nam Á [105]. Tuy Tổng thống Bill Clinton đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, đặc biệt là ba nước Đông Dương, song do sau Chiến tranh lạnh, trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Mỹ chuyển sang khu vực Trung Đông, không còn là khu vực Đông

Nam Á như thời kỳ chiến tranh Việt Nam nữa. Mỹ gần như “lãng quên” khu vực Đông Nam Á nên quan hệ đa phương giữa Mỹ và Hiệp hội ASEAN không mấy phát triển.

Thay vào đó, Mỹ thiết lập quan hệ song phương với các nước ASEAN riêng lẻ, và tập trung vào việc duy trì quan hệ an ninh - quân sự với các đồng minh từ thời Chiến tranh Lạnh như Thái Lan và Philippines. Với các quốc gia còn lại thì Mỹ chỉ dừng ở mức độ “không thù địch”, riêng với Myanmar, Mỹ vẫn tiếp tục chính sách cấm vận, do Mỹ không ủng hộ Chính quyền quân sự cầm quyền. Dưới thời Tổng thống Bill Clinton, nỗ lực đáng ghi nhận nhất của Mỹ trong việc cải thiện quan hệ với khu vực Đông Nam Á là việc duy trì tham gia đối thoại an ninh trong Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Trong chiến lược toàn cầu “can dự và mở rộng”<sup>2</sup> của mình, Mỹ chỉ xem Đông Nam Á như một bộ phận nhỏ của châu Á - Thái Bình Dương, nơi mà mối quan tâm thực sự của Mỹ chỉ đặt vào Đông Bắc Á như bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc.

Khi mà Trung Đông đang là trọng tâm trong chính sách đối ngoại, bên cạnh khu vực châu Âu truyền thống, cùng sự nổi lên của các vấn đề quốc tế và khu vực mà Mỹ không thể không để tâm đến thì khu vực Đông Nam Á cũng như ASEAN chưa giành được nhiều sự quan tâm của Mỹ. Vì thế, quan hệ ASEAN - Mỹ trong thập niên 90 của thế kỷ XX không có nhiều bước phát triển đáng chú ý.

### ***Về mặt chính trị***

Nhằm duy trì sự lãnh đạo của mình ở khu vực, Mỹ tiếp tục quan hệ với ASEAN thông qua các Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM), Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (PMC), đối thoại ASEAN - Mỹ thường niên và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Đặc biệt, Mỹ muốn dùng ASEAN làm đối trọng ngăn cản sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nhật Bản trong khu vực nhằm lấp “khoảng trống quyền lực” sau khi Liên Xô và Mỹ không còn sự hiện

---

<sup>2</sup> Chiến lược “*Cam kết và mở rộng*” được Bill Clinton nêu trong diễn văn trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ngày 27/9/1993, với 3 nội dung chính là: Bảo vệ vững chắc an ninh của Mỹ bằng một lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu cao; hỗ trợ cho sự hồi sinh kinh tế của nước Mỹ; thúc đẩy dân chủ ở nước ngoài.

diện về quân sự ở đây. Trong vấn đề xây dựng trật tự thế giới mới ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, các nước lớn như Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc đều muốn khẳng định vai trò “lãnh đạo” của mình. Đứng trước cơ hội chưa từng có này, ASEAN đã chủ động điều chỉnh chiến lược chỉ dựa vào Mỹ và phương Tây như trong thời kỳ Chiến tranh lạnh sang thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ với tất cả các nước lớn.

Việc Mỹ không thể độc quyền gây ảnh hưởng trong khu vực, không dễ dàng áp đặt mô hình của mình ở Đông Nam Á như trong thời kỳ Chiến tranh lạnh chứng tỏ ASEAN đã tăng cường được sức mạnh nội tại và đoàn kết nội khối, độc lập tự chủ hơn trong quan hệ với các nước lớn. Theo quan điểm của Mỹ, nhân quyền là một trong ba trụ cột chính sách của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương. Chính sách của chính quyền Mỹ đối với việc thúc đẩy nhân quyền trong thực tế đã đi đến chỗ chỉ tập trung vào các biện pháp trừng phạt gây sức ép để đạt được những thay đổi ngắn hạn trong quan hệ với các nước châu Á. Điều này đã gây những phản ứng phê phán Mỹ từ phía nhiều nước châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Nhân quyền luôn là vấn đề không nhỏ trong quan hệ giữa ASEAN và Mỹ. Mỹ vẫn luôn nêu các vấn đề dân chủ, nhân quyền của Indonesia, Myanmar và Việt Nam,... Việc các nước ASEAN kết nạp Myanmar làm thành viên thứ 9 của Hiệp hội bất chấp sự phản đối của Mỹ và phương Tây cho thấy tính độc lập tự chủ của ASEAN tăng lên rõ rệt trong quan hệ với Mỹ.

#### ***Về mặt an ninh - quân sự***

Bên cạnh việc ngày càng tỏ ra tự chủ hơn khi giải quyết các tranh chấp bên trong và ngoài khu vực, các nước ASEAN vẫn tiếp tục duy trì hợp tác an ninh với Mỹ. Quan hệ an ninh giữa Mỹ với một số nước thành viên ASEAN như Philippines, Thái Lan vẫn được tiến hành thông qua các cuộc tập trận đa phương hay song phương hàng năm. Thậm chí, Singapore và Indonesia cũng đã tiến hành các cuộc tập trận với lực lượng vũ trang của Mỹ.

Năm 1994, khi Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) được thành lập, Mỹ đã nhanh chóng coi đây như một trong những ưu tiên trong hoạt động hợp tác an ninh của mình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. ARF cũng như cơ chế đối thoại đa phương về an ninh là “một bộ phận quan trọng trong chính sách an ninh toàn diện của Mỹ, là sự bổ sung cho các quan hệ an ninh song phương, cho sự có mặt về quân sự ở khu vực và cho sự tham gia tích cực” [60,46] của Mỹ trong các vấn đề khu vực. Mỹ cũng tin tưởng rằng ARF sẽ thúc đẩy ngoại giao phòng ngừa và phát triển các biện pháp xây dựng lòng tin, đem lại sự ổn định cho khu vực và thế giới. Về phía ASEAN, khi sáng lập ra ARF và tham gia vào tiến trình ARF, ASEAN hy vọng qua đây để lôi kéo các cường quốc vào một cơ chế đối thoại hợp tác đa phương, nhằm cân bằng lợi ích giữa các nước lớn đối với khu vực, tạo nên “vai trò hoà hoãn trong xung đột, cân bằng và điều hoà giữa các nước lớn với nhau” [60,52]. ASEAN muốn giành được thế chủ động hơn trong việc điều hoà an ninh khu vực, đồng thời, khuyến khích đối thoại và tham khảo có tính xây dựng các vấn đề về chính trị và an ninh liên quan tới lợi ích chung. Ngoài ra, ASEAN cũng muốn thông qua ARF để có thể đóng góp vào những cố gắng hướng tới việc xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa ở châu Á - Thái Bình Dương, qua đó, kiến tạo một nền hoà bình lâu dài, bền vững cho khu vực.

### ***Về mặt kinh tế***

Việc duy trì và tăng cường các quan hệ kinh tế ngày càng có hiệu quả với ASEAN là một trong những định hướng ưu tiên trong chính sách kinh tế của Mỹ trong thập kỷ 90. Mỹ rất quan tâm đến thị trường các nước ASEAN, một thị trường có tiềm năng lớn. Quan hệ thương mại ASEAN - Mỹ đạt tỉ lệ tăng trưởng là 13,89%, từ 45,6 tỉ USD năm 1989 đến 76,64 tỉ USD năm 1993. Mỹ cũng chiếm gần 18% thị trường toàn cầu của ASEAN, trong khi tỉ lệ xuất khẩu sang Mỹ của ASEAN tăng 13% từ năm 1989 đến 1993, vượt trội hơn hẳn so với tỉ lệ xuất khẩu của ASEAN sang Nhật trong cùng thời kỳ [74,177].

ASEAN là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Mỹ, sau Nhật Bản và EU. Xuất khẩu của Mỹ sang ASEAN tăng 155% từ năm 1990 đến 1997, đạt hơn 48 tỉ USD. Mặc dù Đông Nam Á bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực năm 1997, song xuất khẩu của Mỹ sang ASEAN tăng 11%, vượt con số của năm 1996. Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào ASEAN đạt 35,6 tỉ USD năm 1996, tăng 17,3% so với năm 1995 [13,64]. Mỹ là một trong số những nhà đầu tư hàng đầu ở hầu hết các nước ASEAN. Khối lượng đầu tư của Mỹ trong khu vực cũng tăng lên nhanh chóng. Tuy nhiên, Mỹ luôn ép các nước trong khu vực mở cửa thị trường cho Mỹ và điều này luôn khiến các nước ASEAN bất bình. Để khắc phục tình trạng này, ASEAN - Mỹ tổ chức đối thoại, đàm phán qua nhiều Hội nghị giữa quan chức kinh tế cấp cao ASEAN với Mỹ và Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN - Mỹ.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho các nước ASEAN tận dụng có hiệu quả thị trường Mỹ là việc được hưởng quy chế Tối huệ quốc. Đây là phương tiện thuận lợi, có hiệu quả lớn trong quan hệ thương mại giữa các nước ASEAN với Mỹ, vì nó cho phép hàng hoá của các nước này thâm nhập và cạnh tranh được với hàng hoá nhập từ các nước khác, kể cả một số hàng nội địa do Mỹ sản xuất. Nhờ đó, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều ASEAN - Mỹ luôn tăng lên.

Tóm lại, mặc dù khu vực Đông Nam Á không được xếp ở vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Clinton (từ 1993 đến 2001), nhưng xét trên các lĩnh vực cụ thể, quan hệ ASEAN - Mỹ đã có những bước tiến mới, và theo chiều hướng ngày càng bình đẳng hơn với ASEAN. Thật vậy, ASEAN đã tỏ ra có khả năng tự mình giải quyết được các vấn đề nội bộ của mình, mà không cần sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài, như trong vấn đề kết nạp Myanmar trở thành thành viên thứ 9 của Hiệp hội. Nhờ việc gia tăng năng nội lực, đoàn kết nội khối và tinh thần độc lập tự chủ hơn trong việc quyết định những vấn đề của chính mình, ASEAN có thể giảm bớt sự phụ thuộc vào

Mỹ như trong Chiến tranh lạnh và giữ một vai trò ngày càng quan trọng hơn trong các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự thay đổi của tình hình thế giới và vị thế ngày càng được khẳng định của ASEAN đã buộc Mỹ nói lỏng dần sự ràng buộc nhiều mặt với ASEAN, đặt cơ sở cho sự phát triển mối quan hệ giữa hai bên trong thời gian tới.

### ***2.3.2. Giai đoạn 1999 - 2008: ASEAN đẩy mạnh hợp tác với Mỹ trên một số lĩnh vực***

Chính sách đối ngoại là sự phản ứng của chủ thể trong quan hệ quốc tế với những thay đổi của môi trường bên ngoài. Khái niệm này phần nào đúng với ASEAN trong quan hệ với Mỹ khi bước sang thế kỷ XXI. Có thể nói, việc Mỹ quan tâm nhiều hơn đến khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh Lạnh, coi đây là mặt trận thứ hai chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu và sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống đã tác động đến ASEAN, khiến ASEAN điều chỉnh những định hướng trong quan hệ với Mỹ. Việc ASEAN kết nạp thêm các thành viên mới, mạnh hơn về “lượng”, không phải là nguyên nhân chính dẫn đến những thay đổi lớn trong quan hệ với Mỹ. Tuy vậy, ASEAN vẫn có phần chủ động thúc đẩy hợp tác với Mỹ trên một số lĩnh vực cụ thể.

Kể từ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, ASEAN tăng cường hợp tác an ninh với Mỹ. Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 36 diễn ra tại Phnom Penh, ngày 16-17/6/2003, khẳng định: “Chúng tôi, các nước ASEAN, một lần nữa lên án mạnh mẽ chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức và biểu hiện. Đồng thời, chúng tôi nhấn mạnh sự cần thiết phải diệt trừ tận gốc chủ nghĩa khủng bố và bác bỏ mọi mưu toan gắn chủ nghĩa khủng bố với bất kỳ một tôn giáo, chủng tộc, quốc tịch hoặc nhóm dân tộc nào” [10, 49]. ASEAN ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố quốc tế do Mỹ lãnh đạo, tăng cường hợp tác để giữ gìn hòa bình, ổn định trong khu vực, song nhấn mạnh phải dựa vào thực lực của bản thân là chính, phản đối sự dính líu quá nhiều của quốc gia khác vào công việc nội bộ của Hiệp hội.

Hợp tác chống khủng bố giữa ASEAN và Mỹ bắt đầu từ khá sớm, đánh dấu bằng việc ký kết “Tuyên bố chung về hợp tác chống khủng bố” ngày 01/8/2002. Tháng 6/2003, hai bên tham gia cuộc họp hậu Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (PMC), trong đó lên kế hoạch cụ thể nhằm triển khai Tuyên bố này. ASEAN và Mỹ bày tỏ quan điểm sẵn sàng chia sẻ thông tin, đặc biệt là những thông tin về hoạt động và nguồn tài trợ của các tổ chức khủng bố, cũng như bất cứ thông tin nào cần thiết để bảo vệ cuộc sống, tài sản và an ninh cho tất cả người dân và các phương tiện giao thông, ngăn chặn các hoạt động rửa tiền của các phần tử khủng bố, tăng cường hợp tác xuyên quốc gia, định ra các điều kiện chặt chẽ ngăn chặn quân khủng bố sử dụng giấy tờ giả mạo để nhập cảnh [30,47]. Các thông tin tình báo cần tập trung làm sáng tỏ: (i) Xác định mục đích của khủng bố. Đây là căn cứ để xác định mục tiêu có khả năng dễ bị tấn công nhất mà các tổ chức khủng bố sẽ thực hiện; (ii) Xác định khả năng của các tổ chức khủng bố và các nguồn lực mà quân khủng bố có thể sử dụng; (iii) Xác định phương pháp mà quân khủng bố có thể sử dụng nhằm tấn công các mục tiêu.

Về các lợi ích an ninh và chiến lược, ASEAN có hai trong số năm đồng minh của Mỹ ở Châu Á là Philippines và Thái Lan. Singapore hợp tác rất chặt chẽ với Mỹ, tạo sự tiếp cận quan trọng với các phương tiện quân sự. Các nước khác như Indonesia và Việt Nam có những lợi ích chung quan trọng với Mỹ và nhiều khả năng sẽ trở thành các đối tác an ninh và chiến lược gần gũi hơn trong những năm tới. Ngoài ra, một số tuyến đường vận tải biển quan trọng nhất trên thế giới nằm ở Đông Nam Á, như eo biển Malacca và Biển Đông liên quan trực tiếp đến lợi ích chiến lược trên biển của Mỹ. Khu vực này cũng có các nguồn tài nguyên quan trọng, trong đó có dầu lửa cũng như các nguồn đa dạng sinh học phong phú nhất thế giới.

Về kinh tế, các nước ASEAN hiện là nơi tiếp nhận đầu tư của Mỹ nhiều hơn hẳn so với Trung Quốc, Ấn Độ. ASEAN chiếm 153 tỷ USD đầu tư của Mỹ - nhiều gấp ba lần mức 45 tỷ USD vào Trung Quốc và gần 10 lần mức 16 tỷ vào

Ấn Độ. Con số này thậm chí còn chưa tính tới đầu tư vào ngành dầu khí, với số lượng có thể làm tổng số tiền tăng gấp đôi. Mỹ là thị trường lớn nhất của ASEAN và ASEAN là thị trường lớn thứ tư của Mỹ, sau NAFTA, EU và Nhật Bản [47,23].

Trong buôn bán với Mỹ, ASEAN đạt thặng dư thương mại và nhận được lượng đầu tư khác lớn. Với Singapore, Malaysia và Philippines, Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng khi tuần tự chiếm tới 25%, 18% và 10% tổng giá trị xuất khẩu của họ. Hai năm sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ, chính nhu cầu công nghiệp thông tin ở Mỹ đã góp phần quan trọng cho sự phục hồi của ngành xuất khẩu chủ lực - ngành điện tử - của nhiều nước trong khối. Gần đây, những tín hiệu phục hồi kinh tế Mỹ kể từ sau sự kiện khủng bố ngày 11/9 cũng đã hứa hẹn một tốc độ xuất khẩu tốt hơn trong năm 2002 đối với Philippines là 11%, với Malaysia là 7,4% [15,52]...

#### *Quan hệ song phương giữa các nước thành viên ASEAN với Mỹ giai đoạn 1999-2008*

Trong giai đoạn này, quan hệ song phương giữa các nước thành viên ASEAN và Mỹ nổi trội hơn là đa phương. Mỹ muốn hình thành khu vực thương mại tự do với ASEAN nhưng thông qua quá trình từ dưới lên (kí các thỏa thuận song phương riêng rẽ với từng nước thành viên sau đó mới kí với cả Hiệp hội). Tại Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC) tổ chức tại Los Cabos (Mexico) tháng 10/2002, Tổng thống Mỹ đã đưa ra "Sáng kiến vì một ASEAN năng động" (EAI). Sáng kiến này được khởi đầu bằng việc Mỹ kí Hiệp định thương mại tự do song phương với một số nước ASEAN như Singapore, Thái Lan, Philippines. Bên cạnh những thỏa thuận song phương đã đạt được với từng nước thành viên, tháng 8/2006, tại Kuala Lumpur, Mỹ và ASEAN đã kí Hiệp định khung về đầu tư và thương mại (TIFA). Hiệp định này là nền tảng cho các quan hệ thương mại và đầu tư giữa Mỹ và ASEAN đi vào chiều sâu và có phạm vi rộng hơn nữa đồng thời, nó cũng là bước ngoặt lớn

để tiến tới Hiệp định thương mại tự do (FTA) toàn phần giữa Mỹ và ASEAN. Việc hình thành FTA trong tương lai chắc chắn không chỉ thúc đẩy quan hệ kinh tế ASEAN - Mỹ mà còn đưa ASEAN trở thành trung tâm của khu vực thương mại tự do toàn Đông Á [51,4].

*Trong lĩnh vực an ninh - quân sự:*

Kể từ sau thời điểm 11/9/2001, hợp tác chống khủng bố đã trở thành ưu tiên hàng đầu trong quan hệ của các nước ASEAN với Mỹ. Đối với các nước ASEAN, hoạt động khủng bố được coi là một loại tội phạm phi truyền thống và là một nhân tố gây mất ổn định trong khu vực. Vì vậy, ASEAN đã nhanh chóng ủng hộ quan điểm chống khủng bố quốc tế của Mỹ. Các nhóm Hồi giáo cực đoan Jamaah Islamiyah ở Indonesia, Abu Sayyaf và Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro ở Philippines, Kumpulan Mujahideen ở Malaysia được Mỹ xác định là có liên hệ với mạng lưới khủng bố Al Qaeda và là mục tiêu tấn công trong cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ ở Đông Nam Á.

Các nước ASEAN (điển hình là Indonesia và Philippines) và Mỹ thúc đẩy mạnh quan hệ, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh - quân sự. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ ký hàng loạt các thỏa thuận quân sự mới với các nước đồng minh truyền thống và cho họ hưởng quy chế “Đồng minh chiến lược ngoài NATO” như ký với Philippines “Thỏa thuận về các lực lượng viếng thăm” (VFA) vào năm 1999, “Hiệp định cùng nhau chi viện hậu cần” (2002); ký với Thái Lan thỏa thuận thiết lập căn cứ hải quân mới tại gần Sataship và Utapao, lập Trung tâm chống khủng bố (CTIC) (2003); ký với Singapore “Thỏa thuận khung về hợp tác đối tác chiến lược trong Phòng thủ và An ninh” (2003) [3,39].

Sau khi chiến dịch “Tự do bền vững” ở Afganistan đã loại bỏ được Taliban và tiêu diệt được phần lớn cơ sở của Al Qaeda, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ đã bước sang giai đoạn hai với tuyên bố điều 650 quân trong lực lượng chống khủng bố của Mỹ sang Philippines tiêu diệt Abu Sayyaf, một nhóm khủng bố mà Mỹ cho là có liên hệ với mạng lưới Al Qaeda. Trong khi đó,

Philippines đồng ý cho Mỹ sử dụng không phận Philippines và tiếp cận các căn cứ quân sự Mỹ trước đây tại Philippines là Subic và Clark. Tổng thống Bush đã cam kết viện trợ kinh tế và quân sự cho Indonesia trị giá hơn 700 triệu USD để đổi lại sự hợp tác của nước này trong chiến dịch chống khủng bố. Quốc hội Mỹ bỏ qua các điều khoản cấm viện trợ vũ khí cho Indonesia. Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho Indonesia để đổi lại sự ủng hộ của nước này đối với cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ. Vai trò của Indonesia, với tư cách là một nước có số dân theo Đạo Hồi đông nhất thế giới, cũng rất quan trọng đối với Mỹ vì tăng cường hợp tác với những nước Hồi giáo ôn hòa là một thành tố chính sách quan trọng của Mỹ khiến cho cuộc chiến chống khủng bố không trở thành “cuộc xung đột giữa các nền văn minh” [30,197].

Đối với Indonesia, sau Chiến tranh lạnh, Mỹ đã dừng Chương trình huấn luyện quân sự quốc tế - IMET (10/1992), cấm bán vũ khí nhỏ (1994), huỷ bỏ các cuộc diễn tập quân sự chung và buôn bán vũ khí (1999), cắt viện trợ quân sự (2001). Trong chuyến thăm của Tổng thống Bush đến Indonesia, tháng 10/2003, hai nước đã ra Tuyên bố chung cam kết đẩy mạnh hợp tác song phương chống khủng bố. Sau đó, Mỹ cung cấp thêm 157 triệu USD cho chương trình nâng cấp các trường học công của Indonesia nhằm hạn chế ảnh hưởng của các trường học nội trú của các tổ chức Hồi giáo cấp tiến ở quốc gia Hồi giáo đông dân này [10, 76]. Ngoài viện trợ cho các hoạt động chống khủng bố, Mỹ nối lại các cuộc tập trận chung với quân đội Indonesia. Mở đầu là cuộc tập trận được tổ chức vào tháng 7/2005 tại vùng biển Java của Indonesia. Cuộc tập trận này có ý nghĩa quan trọng, thể hiện việc chấm dứt tình trạng “tạm ngừng” quan hệ quân sự giữa hai nước kéo dài suốt 4 năm qua. Sau chuyến thăm Mỹ của Tổng thống Indonesia Yudhoyono vào năm 2005, Mỹ bắt đầu nới lỏng lệnh cấm vận đối với Indonesia, cho phép các công ty Mỹ bán cho Indonesia các loại vũ khí phi sát thương.

Các nhà phân tích cho rằng, việc Mỹ cải thiện quan hệ với Indonesia vì những lý do chủ yếu sau: *Thứ nhất*, trong cuộc chiến chống khủng bố hiện nay,

Indonesia có vị trí rất quan trọng đối với Mỹ, vì Indonesia là một quốc gia đạo Hồi đông nhất thế giới. *Thứ hai*, Indonesia có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm an ninh đường biển của Mỹ từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, đi qua eo biển Malacca. Theo đó, Mỹ sẽ giúp Indonesia xây dựng hệ thống cảnh báo sóng thần trị giá 1 triệu USD [65]. *Thứ ba*, thông qua các hoạt động kể trên, Chính quyền Bush có cơ sở để gia tăng sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Indonesia.

Là nước đồng minh truyền thống của Mỹ từ thập kỷ 50 của thế kỷ XX, Philippines đóng vai trò rất quan trọng trong chiến lược quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, với hai căn cứ quân sự ở Clark (không quân) và Subic (hải quân). Mặc dù buộc phải rút khỏi các căn cứ quân sự ở Philippines năm 1991, song Mỹ vẫn duy trì sự có mặt về quân sự ở quốc gia này dưới danh nghĩa trợ giúp quân sự trong cuộc chiến chống khủng bố. Sau sự kiện nước Mỹ bị tấn công khủng bố ngày 11/9/2001, Mỹ đã liệt nhóm Abu Sayyaf hoạt động chủ yếu ở miền Nam Philippines vào danh sách các tổ chức khủng bố.

Philippines là trọng điểm chống khủng bố thứ hai của Mỹ tại Đông Nam Á. Hoạt động của các nhóm Hồi giáo vũ trang ở miền Nam Philippines, trong nhiều năm qua, luôn là vấn đề nhức nhối và gây mất ổn định. Từ sau sự kiện 11/9, các hoạt động đánh bom khủng bố, bắt cóc người nước ngoài gia tăng đáng kể ở Philippines. Vì vậy, cũng dễ hiểu khi ngay từ đầu, Chính phủ của Tổng thống G. Arroyo đã bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ cho cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế do Mỹ phát động. Ngày 20/11/2001, Mỹ tuyên bố cung cấp cho Philippines 92 triệu USD viện trợ quân sự và 55 triệu USD viện trợ kinh tế cho các khu vực có người Hồi giáo sinh sống. Hợp tác quân sự Philippines – Mỹ được tiến hành theo hai bước: Bước I từ tháng 01/2002 đến tháng 7/2002, Mỹ triển khai khoảng 1.200 nhân viên quân sự trên đảo Basilan ở miền Nam Philippines [65]. Mỹ đã thành lập Lực lượng đặc nhiệm hỗn hợp tác chiến đặc biệt Philippines (JOSTFP), bao gồm cả thành phần hải quân đánh bộ, không

quân, hải quân và lực lượng tác chiến đặc biệt làm nhiệm vụ trợ giúp và huấn luyện các đơn vị chống khủng bố của Philippines. Quân đội hai nước cũng thường xuyên phối hợp tổ chức cuộc diễn tập chung thường niên mang tên Balikatan.<sup>3</sup> Bước II bắt đầu từ cuối năm 2002, gồm khoản viện trợ quân sự cả gói trị giá 25 triệu USD cho việc huấn luyện và trang bị cho các đơn vị chống khủng bố của quân đội Philippines. Kế hoạch này nhằm vào trung tâm của tổ chức Abu Sayyaf trên đảo Jolo, phía Nam Phillipines, và có sự phối hợp của các đơn vị tham chiến Mỹ.

Phản ứng của Philippines đối với kế hoạch nói trên của Mỹ là khác nhau. Trong khi Chính phủ của Tổng thống Aroyo và các tướng lĩnh quân sự ủng hộ kế hoạch này, công luận Philippines lại phản đối vì sự hiện diện trở lại của quân đội Mỹ trên lãnh thổ đất nước. Nhiều người dân đã đi biểu tình khi Ngoại trưởng Mỹ C. Powell đến thăm Philippines đầu tháng 8/2002 và không muốn tham gia các hoạt động quân sự của quân đội Mỹ theo kế hoạch phối hợp bước II. Sự phản đối này đã làm trì hoãn việc triển khai phối hợp hoạt động quân sự giữa Mỹ và Philippines. Mặc dù vậy, trong chuyến thăm Mỹ tháng 5/2003 của Tổng thống Aroyo, Mỹ đã tuyên bố một chương trình viện trợ mới trị giá 65 triệu USD cho việc huấn luyện các lực lượng chống khủng bố của quân đội Philippines và 30 triệu USD viện trợ kinh tế cho các chương trình dân sự trên đảo Mindanao của Philippines [65]. Ngoài ra, Philippines được Mỹ cấp quy chế “đồng minh chủ chốt ngoài NATO”. Trong chuyến thăm Philippines tháng 10/2003, Tổng thống Bush mô tả sự hợp tác quân sự Mỹ - Philippines là nền tảng vững chắc cho sự ổn định của khu vực Thái Bình Dương và tiếp tục cam kết hỗ trợ hiện đại hóa quân đội Philippines, phục vụ cho cuộc chiến chống khủng bố trong khu vực.

Đối với Thái Lan - “đồng minh chiến lược tin cậy” của Mỹ, chỉ tính riêng trong lĩnh vực quân sự, từ năm 1951 đến năm 1975, Mỹ đã viện trợ cho Thái Lan

---

<sup>3</sup> “Balikatan” nghĩa là: vai kẻ vai. Cuộc diễn tập Balikatan 2007 đã được tiến hành ngày 19/02/2007 với các nội dung chủ yếu là hoạt động cứu trợ nhân đạo như xây dựng trường học, xây dựng sửa chữa cầu, cống, đường sá và các cơ sở y tế địa phương.

khoảng 2,5 tỷ USD. Hợp tác chống khủng bố của Thái Lan với Mỹ được bắt đầu ngay từ cuối năm 2001, giữa Cơ quan tình báo Trung ương Mỹ (CIA) và Trung tâm tình báo chống khủng bố của Thái Lan (CTIC). Mỹ đã thành lập Trung tâm CTIC năm 2001 và năm 2002, cung cấp trang thiết bị trị giá 10-15 triệu USD cho trung tâm này.<sup>4</sup> Hoạt động chính của CTIC là bắt giữ những phần tử bị nghi vấn tham gia các kế hoạch khủng bố thuộc tổ chức Hồi giáo JI. Từ tháng 5/2003, Thái Lan công khai đẩy mạnh chiến dịch chống khủng bố. Tuy nhiên, trái với kết quả mong đợi, từ đầu năm 2004, Thái Lan phải đối mặt với sự gia tăng các vụ bạo lực tại phía Nam, nơi đạo Hồi là tôn giáo chính. Những vụ bạo lực này bao gồm tấn công trường học, đánh bom liều chết tấn công các đồn cảnh sát và sát hại các quan chức, khiến hàng trăm người chết.

Do những hoạt động tích cực của Thái Lan trước kia, cũng như những hoạt động gần đây trong việc ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, Thái Lan được công nhận là “đồng minh ngoài NATO” của Mỹ. Thái Lan đã có rất nhiều động thái trong việc giúp đỡ Mỹ thực hiện chiến dịch chống khủng bố toàn cầu, như: bắt giữ trùm khủng bố Hambali của tổ chức Jemaah Islamiyah, gửi quân và trợ giúp Mỹ trong các chiến dịch quân sự ở Afghanistan và Iraq.

Đối với Malaysia, trong chiến tranh lạnh, quan hệ song phương giữa Mỹ và Malaysia ở mức “bình thường”, vì Malaysia không quan tâm nhiều đến các vấn đề khu vực và quốc tế. Gần đây, Malaysia đã có nhiều đóng góp tích cực hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực. Từ sau sự kiện 11/9/2001, Mỹ bắt đầu chú ý nhiều hơn và coi Malaysia là nhân tố quan trọng trong cuộc chiến chống khủng bố. Trong những thập kỷ qua, hợp tác quân sự giữa Malaysia và Mỹ đã từng bước được tăng cường. Quân đội Malaysia thường xuyên tham gia các cuộc diễn tập quân sự với Mỹ. Malaysia đã cung cấp căn cứ huấn luyện tác chiến rừng

---

<sup>4</sup> Hàng năm, Thái Lan và Mỹ phối hợp tổ chức hơn 40 cuộc diễn tập quân sự, trong đó có cuộc diễn tập “Hổ mang vàng” với sự tham gia của một số nước khác. Thái Lan là quốc gia ASEAN duy nhất được Mỹ bán cho tên lửa không đối không tầm trung tiên tiến trang bị cho các máy bay tiêm kích F-16. Thái Lan đã mở cửa trở lại và cho phép Mỹ sử dụng căn cứ không quân Utao và căn cứ hải quân Sataship để cung cấp hậu cần cho các chiến dịch quân sự ở Afghanistan và Trung Đông. Thái Lan cũng là nước nhận viện trợ quân sự lớn nhất từ chương trình IMET trị giá 2,5 triệu/năm.

núi cho Mỹ, các tàu chiến Mỹ thường xuyên thăm viếng các cảng của Malaysia. Hàng năm, nhiều sĩ quan quân đội Malaysia tham gia chương trình IMET. Mỹ đã quyết định xây dựng Trung tâm chống khủng bố khu vực (SERCCT) ở Malaysia. Năm 2005, quân đội hai nước đã ký Hiệp định về bảo đảm hậu cần trong thời hạn 10 năm, theo đó quân đội hai nước cùng chia sẻ nguồn lực hậu cần. Tuy nhiên, bất đồng chủ yếu đang tồn tại giữa hai nước là việc Malaysia chỉ trích chính sách của Mỹ trong cuộc xung đột Israel - Palestine, chiến tranh Iraq và vấn đề toàn cầu hoá, trong khi Mỹ phê phán Malaysia về vấn đề nhân quyền, nhất là việc thực hiện Đạo luật an ninh trong nước (ISA) [21].

Như vậy, ASEAN hợp tác chống khủng bố với Mỹ trên cơ sở lấy nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ và không xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của nhau làm điều kiện tiên quyết. Trong hợp tác chống khủng bố với Mỹ, các nước ASEAN cũng tuân thủ nghiêm túc ranh giới cuối cùng không thể vượt qua về việc không can thiệp và xâm phạm chủ quyền, đồng thời chủ trương nắm quyền chủ đạo trong hợp tác chống khủng bố.

*Trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao:*

Vấn đề Myanmar vốn là một điểm nóng trong quan hệ chính trị, ngoại giao giữa Mỹ và ASEAN dưới thời Tổng thống G. Bush. Từ đầu thập niên 1990, Myanmar bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận với lý do nước này vi phạm nhân quyền và dân chủ, đặc biệt là việc quản thúc lãnh tụ Đảng Dân chủ đối lập Aung San Suu Kyi. Các nước ASEAN đã phải vượt qua sự cản trở của Mỹ và phương Tây để kết nạp Myanmar vào ASEAN năm 1997. Với nguyên tắc chủ đạo là đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, các nước ASEAN đã chủ động khuyến khích Myanmar tham gia đầy đủ vào các hoạt động của khối, bất chấp sức ép ngăn cản của Mỹ và phương Tây.

Đối với Myanmar thì quan hệ giữa Mỹ và Myanmar lại đang ở thời điểm tồi tệ nhất. Mặc dù có một số ảnh hưởng nhất định về kinh tế và lợi ích chiến lược, cũng như chính sách chống buôn lậu ma túy của Mỹ, nhưng Myanmar

chưa được coi là mối quan tâm lớn trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Mỹ đã rút đại sứ quán khỏi Myanmar từ năm 1990, cũng từ đó, Mỹ luôn chống lại tư cách thành viên của Myanmar trong các tổ chức tài chính đa phương. Năm 1997, Mỹ đã đơn phương áp đặt lệnh cấm vận kinh tế đối với Myanmar, thậm chí ngày càng siết chặt lệnh cấm vận này. Mỹ đã phong toả các tài sản của chính phủ Myanmar ở Mỹ và từ chối cấp visa cho các quan chức Myanmar. Tuy nhiên, các nhà phân tích cho rằng, Mỹ đã thất bại trong việc áp đặt lệnh cấm vận đối với Myanmar, làm ảnh hưởng đến lợi ích chiến lược và kinh tế của Mỹ và càng làm cho Myanmar gần Trung Quốc hơn. Tháng 01/2007, Mỹ đã thất bại trong việc thuyết phục Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc thông qua nghị quyết về Myanmar và đã bị Nga và Trung Quốc phủ quyết [20].

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự gia tăng sức ép của Mỹ đối với ASEAN trong vấn đề Myanmar đã tác động tới nguyên tắc hoạt động của khối này. Mỹ muốn nắm chặt vấn đề Myanmar. Mỹ lấy lý do Myanmar là Nhà nước quân sự và giam giữ các nhà lãnh đạo phe chống đối để trừng phạt Myanmar. Hành động này được cho là sự can thiệp thô bạo đối với công việc nội bộ của Myanmar. Tại Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN ở Campuchia tháng 6/2003 với sự tham dự của Ngoại trưởng Mỹ C. Powell, ASEAN đã đưa ra một tuyên bố chung kêu gọi Myanmar trả tự do cho Aung San Suu Kyi. Chính quyền Bush thực hiện chính sách gây sức ép mạnh đối với Myanmar, không những trừng phạt nghiêm Chính quyền Myanmar, mà còn gây sức ép đối với các nước ASEAN, muốn các nước này thuận theo chính sách và hành động của Mỹ về vấn đề Myanmar. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau đã bị vi phạm. Kết quả chính sách cứng rắn của Mỹ không những không có hiệu quả, mà còn chịu sự phê phán và chống lại của các nước ASEAN khiến Mỹ rơi vào thế bị động. Chính sách can thiệp này của Mỹ đã phủ bóng đen lên mối quan hệ giữa Mỹ và ASEAN [9,33].

*Trong lĩnh vực kinh tế:*

Về kinh tế - thương mại, Mỹ cũng vấp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ của Trung Quốc và Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á. Mặc dù vậy, quan hệ thương mại ASEAN - Mỹ đã phát triển nhanh chóng trong 10 năm trở lại đây. Các số liệu thống kê cho thấy trong mấy năm đầu thế kỷ XXI, Mỹ vẫn là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu của ASEAN. Mỹ cũng là một trong những quốc gia có nhiều chương trình hỗ trợ các nước ASEAN trong thời gian này. Năm 2002, Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID) đã đầu tư 16,5 triệu USD vào các dự án phát triển thương mại, đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đông Nam Á nhằm bổ sung vào các chương trình phát triển thể chế và con người và kích thích tăng trưởng kinh tế của ASEAN.

Chính quyền Bush vẫn áp ủ các thị trường tự do, tự do hóa thương mại và phát triển kinh tế. Mỹ đã tái cơ cấu và gia tăng cam kết viện trợ nước ngoài, tăng cường hỗ trợ kinh tế từ 13 tỷ USD Mỹ năm 2000 lên đến 34 tỷ USD năm 2008. Theo Bộ Ngoại giao Mỹ, trong năm 2006, thương mại ASEAN - Mỹ đạt 179 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2005. Cũng trong năm này, ASEAN đã thu hút được một lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đáng kể với khoảng 52 tỷ USD, tăng gấp hơn hai lần so với năm 2004 [46,35]. Đến năm 2007, ASEAN đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Mỹ, thêm vào đó, các công ty của Mỹ cũng đầu tư đáng kể vào thị trường các nước ASEAN, với tổng số vốn lên tới gần 90 tỷ USD.

***Đánh giá mối quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn 1999-2008***

*Thành tựu:*

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ ASEAN - Mỹ trong lĩnh vực an ninh - chính trị vẫn đóng vai trò chủ đạo. Mỹ đang từng bước khẳng định lại vai trò nổi bật trong các vấn đề an ninh - chính trị ở Đông Nam Á. Trong quá trình ASEAN hoạch định ra những lập trường chung đối với các vấn đề trong khu vực, Mỹ vẫn luôn là nhân tố hàng đầu mà ASEAN phải tính đến. Điều này

thể hiện rõ qua việc Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của Myanmar. Vấn đề chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt,... tiếp tục là những chủ đề chính cho sự hợp tác giữa Mỹ và ASEAN trong lĩnh vực an ninh - chính trị. Trên phương diện kinh tế - thương mại, những văn kiện đã được ký kết giữa ASEAN và Mỹ sẽ là cơ sở pháp lý thúc đẩy sự hợp tác nhiều hơn của hai bên. Việc thực hiện những văn kiện hợp tác kinh tế đã ký kết giữa ASEAN với Mỹ cũng như với các cường quốc khác sẽ làm cho Đông Nam Á trong những năm tới trở thành một khu vực kinh tế năng động và có sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa [35,14].

Nhìn chung, các nước ASEAN phải giải bài toán trong việc cân bằng mối quan hệ của ASEAN với Mỹ và các cường quốc khác có nhiều ảnh hưởng ở khu vực. Việc tiếp tục đề cao nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đồng thời thực hiện đoàn kết, tôn trọng chủ quyền và lợi ích của nhau sẽ là một công cụ hiệu quả cho các nước ASEAN trong việc giải quyết những vướng mắc trong quan hệ với Mỹ cũng như với các cường quốc khác. Chính sách hợp tác của Mỹ với ASEAN ở các phương diện khác nhau trước hết xuất phát từ lợi ích của Mỹ trong khu vực. Ngoài những lợi ích cụ thể từ những hợp tác song phương và đa phương, mục tiêu của Mỹ nhằm cân bằng lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực, tập hợp lực lượng theo hướng có lợi cho Mỹ, phục vụ cho chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ. Trong quá trình thực hiện mục tiêu này, Mỹ sẽ vấp phải những thách thức từ các đối thủ và ở mức độ nhất định sẽ tác động tới quan hệ của Mỹ với ASEAN.

#### *Hạn chế:*

*Thứ nhất*, quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN mới và cũ với Mỹ mất cân bằng nghiêm trọng. Trong giai đoạn 1999 - 2008, Mỹ chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước thành viên ASEAN cũ, bao gồm: Thái Lan, Philippines, Indonesia và Malaysia, trong lĩnh vực hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố và thêm Singapore trong lĩnh vực hợp tác về kinh tế.

*Thứ hai*, Mỹ muốn can thiệp vào công việc nội bộ của Myanmar. Chính quyền G. Bush không để ý đến những thay đổi của tình hình Đông Nam Á, kiên trì tư duy chiến tranh lạnh và theo đuổi chính sách tăng cường ảnh hưởng của Mỹ trong các công việc khu vực mà Mỹ chủ đạo, điều này đã khiến các nước ASEAN không hài lòng. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, về an ninh, các nước ASEAN dựa vào sự bảo hộ của Mỹ và chính sách đối ngoại của đa số các thành viên ASEAN nghiêng về Mỹ. Khi Chiến tranh lạnh kết thúc, các nước ASEAN đã tăng cường ý thức độc lập, tự chủ và tự lực tự cường, không còn phụ thuộc vào Mỹ về mặt an ninh. Hơn nữa, các nước ASEAN còn thực hiện chính sách ngoại giao toàn diện và cân bằng trong quan hệ với các nước lớn, cố gắng xác lập vị thế chủ đạo của mình đối với các công việc khu vực và phát huy vai trò độc lập trong tình hình đa cực ở Châu Á - Thái Bình Dương. Chính quyền G.W.Bush từ chối ký “Hiệp ước hợp tác hữu nghị Đông Nam Á” do ASEAN khởi xướng, thậm chí có thái độ phủ định đối với cơ chế “10+3”, “10+1” và Hội nghị thượng đỉnh Đông Á... Điều này đối lập với chủ trương chiến lược của ASEAN [18,17].

*Thứ ba*, Mỹ ở vị trí bất lợi trong cuộc cạnh tranh mở rộng ảnh hưởng của các nước lớn ở Đông Nam Á. Xét thấy sức mạnh, vai trò và ảnh hưởng ngày càng lớn mạnh của ASEAN cũng như vị trí chiến lược của khu vực, các nước lớn đều rất quan tâm, tăng cường mở rộng quan hệ với ASEAN. Trong khi đó, quan hệ giữa Mỹ và các nước ASEAN phát triển tương đối chậm. Tuy trong ngoại giao “cân bằng nước lớn” của ASEAN, Mỹ hiện vẫn chiếm vị thế quan trọng, thậm chí ở mức độ nhất định được các nước ASEAN cho là “vũ khí cân bằng và ổn định” chủ yếu của an ninh khu vực, nhưng cùng với môi quan hệ giữa các nước lớn và ASEAN ngày càng chặt chẽ, trong khi chính sách của Mỹ với ASEAN còn tồn tại hạn chế thì ảnh hưởng và tầm quan trọng của Mỹ đối với ASEAN cũng như vị thế của họ đối với ASEAN giảm đi.

*Thứ tư*, Mỹ không theo kịp đà trong hợp tác khu vực Đông Á. Những cơ chế hợp tác khu vực Đông Á do ASEAN đứng đầu, như cơ chế “10+3”, “10+1”, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á cũng như việc gần đây ASEAN và ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc phối hợp thành lập Quỹ dự trữ ngoại tệ Châu Á là những bước đi quan trọng để các nước Đông Á thực hiện điều chỉnh và nhất thể hoá khu vực.

Về phía ASEAN, thách thức lớn nhất của ASEAN là tìm lại vai trò và ảnh hưởng của một tổ chức khu vực đối với cả khu vực nói chung và với từng thành viên nói riêng. Vai trò ấy đã từng có trong Chiến tranh lạnh, nhưng bị mai một đi thời gian gần đây bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Cái khó đối với ASEAN trong việc xử lý vấn đề này là phải kết hợp giữa duy trì các nguyên tắc hoạt động vốn đã trở thành bản sắc và cội nguồn sức mạnh của ASEAN một thời với việc tranh thủ đối tác bên ngoài, tạo thế và tạo giá trong hợp tác với các đối tác bên ngoài. Hiện nay, một số nước thành viên ASEAN gặp phải khó khăn nội bộ đã gây ảnh hưởng đến tốc độ liên kết và mức độ hợp tác trong Hiệp hội. Sự ưu tiên đối nội khác nhau ở các nước thành viên dẫn đến việc không ít dự án và chương trình hợp tác và liên kết đã được thông qua, nhưng lại bị trì trệ trong triển khai thực hiện và không ít nước thành viên đã tìm kiếm những lối đi riêng rẽ có lợi cho chính mình nhiều hơn có lợi cho Hiệp hội. Nói cách khác, chưa khi nào mà sự gắn kết nội bộ, đoàn kết và đồng thuận trong Hiệp hội lại bị đe dọa như hiện tại. Chính sự gắn kết nội bộ lỏng lẻo này đã dẫn đến việc không thống nhất trong lập trường chung của ASEAN, đặc biệt là với một đối tác lớn như Mỹ.

Một thách thức lớn khác đối với ASEAN đến từ chính các đối tác của ASEAN, trong đó một trong hai đối tác quan trọng nhất là Mỹ. Điều này đặt ASEAN trước sự cần thiết phải vừa tăng cường mức độ hợp tác, mở rộng ra thêm nhiều lĩnh vực, nhưng đồng thời phải giữ vai trò chủ động thì mới có thể tranh thủ được cái thuận và hạn chế được tác động bất lợi đối với ASEAN cũng như đối với một số thành viên. Chính sách hai mặt của các đối tác này đối với

ASEAN luôn bao hàm ý đồ gây phân rẽ trong nội bộ ASEAN, hoặc ít nhất giữa một số thành viên nhất định, để từ đó tạo dựng vai trò và ảnh hưởng.

### ***2.3.3. Giai đoạn từ 2008 đến nay: ASEAN hợp tác toàn diện và tăng cường lôi kéo sự “dính líu” của Mỹ vào khu vực***

Do những nhận thức và toan tính nêu trên của các nhà lãnh đạo ASEAN, nên từ 2008, ASEAN đã tích cực đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với Mỹ. Nhìn lại mối quan hệ ASEAN - Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, có thể nói, chưa bao giờ quan hệ ASEAN - Mỹ nồng ấm như giai đoạn này. Là một Hiệp hội bao gồm 10 quốc gia vừa và nhỏ, quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ bị tác động nhiều bởi chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á và tương quan so sánh lực lượng giữa các nước lớn trong khu vực. Song, tính độc lập và chủ động của ASEAN trong quan hệ với Mỹ ngày càng được thể hiện rõ hơn khi ASEAN không ngừng chủ động lôi kéo Mỹ “dính líu” nhiều hơn vào khu vực, do không muốn Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng quá nhiều ở đây.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ hai ASEAN – Mỹ được tổ chức tại Myanmar, ngày 13/11/2014, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhấn mạnh: “tăng cường hơn nữa mối quan hệ đối tác đối thoại (Dialogue Partnership) ASEAN-Mỹ. ASEAN hoan nghênh sự ủng hộ của Mỹ đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN cũng như vai trò trung tâm của ASEAN trong kiến trúc an ninh khu vực... Chúng tôi cho rằng Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN-Mỹ là một bước quan trọng để nâng cấp mối quan hệ ASEAN-Mỹ lên tầm đối tác chiến lược (a strategic level)” [109].

Tuy nhiên, ASEAN cũng đủ tỉnh táo để điều chỉnh mối quan hệ ASEAN - Mỹ phát triển trong khuôn khổ nhất định, sao cho ASEAN vẫn giữ được ở thế tương đối cân bằng trong quan hệ với các nước lớn nói chung và trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc nói riêng. ASEAN đã học được bài học về sự bất cân bằng, dẫn đến phụ thuộc, trong quá khứ. Cho nên, trong trường hợp này, lý thuyết “cân bằng quyền lực” của chủ nghĩa hiện thực theo trường phái cổ điển

không thể giải thích một cách hiệu quả cách ứng xử của ASEAN. Khi một cường quốc nổi lên, thách thức kiến trúc an ninh đã định hình trong khu vực, ASEAN sẽ không liên minh với một cường quốc khác để chống lại cường quốc mới nổi đó, cũng không ngả hẳn theo cường quốc mới nổi để trục lợi.

Ernest Z. Brown, cố vấn cao cấp kiêm giám đốc Chương trình Đông Nam Á thuộc Trung tâm nghiên cứu chiến lược quốc tế, và là nhà đồng sáng lập Brooks BowerAsia LLC và cựu chủ tịch Hội đồng kinh doanh ASEAN - Mỹ đã đưa ra một nhận định rất đúng về ASEAN: “Lịch sử của ASEAN là một lịch sử cân bằng cẩn trọng giữa các cường quốc lớn.” Thật vậy, với đặc điểm là Hiệp hội của các nước vừa và nhỏ trong một khu vực mà ở đó hội tụ rất nhiều cường quốc (Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc) thì việc cân bằng quan hệ giữa các nước lớn sẽ là lựa chọn thích hợp nhất để vừa đạt được nhiều lợi ích trong quan hệ nhưng đồng thời không bị quá lệ thuộc vào nước nào. ASEAN sẽ luôn tìm kiếm sự cân bằng khi một cường quốc lớn đã mở rộng quá mức ảnh hưởng tại khu vực. Như những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Mỹ đạt được nhiều kết quả trong quan hệ kinh tế với các nước ASEAN, ASEAN là bạn hàng quan trọng thứ 5 của Mỹ trên thế giới và là thị trường cung cấp nguyên liệu thiết yếu cho nền công nghiệp Mỹ. Song, các nước ASEAN muốn kiềm chế sự độc quyền, o ép, chi phối của chính phủ Mỹ, vì nhận thức được lệ thuộc vào kinh tế sẽ dẫn đến lệ thuộc về chính trị, nên đã đẩy mạnh quan hệ với các nước lớn khác trong khu vực như Nhật Bản, các nước EEC,... Hay trong hai thập kỷ đầu của thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh, quan hệ Trung Quốc – ASEAN phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. So với các quan hệ của ASEAN với các nước đối tác bên ngoài khác thì hợp tác ASEAN - Trung Quốc đã phát triển nhanh hơn cả [64]. Trung Quốc luôn nỗ lực tìm kiếm vị thế không thể thay thế trong ASEAN. Trong những năm gần đây, để đẩy mạnh những nỗ lực này, Trung Quốc đã có những hành động rất đáng lo ngại như khai thác dầu và khí đốt ngoài khơi Việt Nam, hay đòi thâm nhập vào các đường ống và các căn cứ ở ngoài khơi biển Andaman ở Myanmar. Để không

bị thống trị bởi Trung Quốc, ASEAN phải tìm cách ngăn chặn những nỗ lực đó, và cách thức hiệu quả hơn cả là lấy Mỹ để cân bằng với Trung Quốc.

Cân bằng giữa các nước lớn, do vậy, là mục tiêu và cũng là một đặc điểm quan trọng của tổ chức ASEAN. Trong khi cục diện thế giới nói chung và cục diện khu vực đang thay đổi, quan hệ Trung - Mỹ đang có phần căng lên, Mỹ ngày càng muốn củng cố chỗ đứng và vị thế ở khu vực, trong khi ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực cả về kinh tế, thương mại và chính trị tăng lên nhanh chóng, ASEAN đang nỗ lực để không bị cuốn vào cuộc tranh giành Trung - Mỹ, đồng thời cố gắng xúc tác cho hai bên đối thoại và hợp tác với nhau, nhất là trong những vấn đề liên quan trực tiếp tới khu vực như Biển Đông. ASEAN nhiều lần khẳng định không muốn Trung - Mỹ đối đầu để dẫn tới việc ASEAN phải chọn một trong hai. Tuy duy trì cân bằng ảnh hưởng giữa các nước lớn ở khu vực luôn là một mong muốn chung mang tính quy luật của tổ chức ASEAN nói chung, trạng thái của sự cân bằng này hết sức “động” do luôn chịu sự tác động, giằng – co bởi các lợi ích và tính toán của các nước thành viên ASEAN.

#### *Đặc điểm của mối quan hệ ASEAN - Mỹ từ 2008*

Những đặc điểm rõ rệt nhất của mối quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn từ 2009 đến nay là vì lợi ích quốc gia - dân tộc, hợp tác đôi bên cùng có lợi và Mỹ vừa phát triển quan hệ với ASEAN với tư cách là một Hiệp hội, vừa đẩy mạnh quan hệ song phương với tất cả các quốc gia thành viên. Bối cảnh quốc tế thay đổi, xu thế khu vực hoá và vai trò của các thể chế liên khu vực ngày càng tăng trong quan hệ quốc tế. Quan trọng hơn cả, nhân tố Trung Quốc phát triển nhanh cả về sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, khiến tương quan so sánh lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thay đổi và đe dọa đến kiến trúc an ninh khu vực đã định hình. Chính điều này làm cho cả Mỹ và ASEAN nói chung và các quốc gia thành viên nói riêng đều nhận thấy cần thiết xích lại gần nhau hơn, vì lợi ích quốc gia - dân tộc của mỗi bên. Mỹ muốn bảo vệ ngôi vị số 1 của mình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, ngăn sự nổi lên và cạnh tranh của các nước lớn khác và Mỹ không muốn Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng ra khu vực láng giềng Đông Nam Á. Mười quốc gia thành

viên ASEAN, dù là đồng minh truyền thống của Mỹ, đối tác toàn diện của Mỹ, hay nghiêng nhiều hơn về phía Trung Quốc, đều muốn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, không muốn bị rơi vào vòng ảnh hưởng, thậm chí bị lệ thuộc vào Trung Quốc. Từ sau Chiến tranh lạnh, vấn đề “ý thức hệ” giảm đi, ASEAN ngày càng lớn mạnh cả về lượng và chất, đoàn kết nội khối và tinh thần độc lập, tự chủ tăng, ASEAN tiến hành đa phương hóa các quan hệ đối ngoại với tất cả các nước lớn. Quan hệ ASEAN - Mỹ giai đoạn này có nhiều bước tiến mới, theo chiều hướng ngày một bình đẳng hơn cho ASEAN và giảm dần sự lệ thuộc vào Mỹ.

*Triển khai quan hệ đối ngoại ASEAN - Mỹ từ 2008*

***Quan hệ song phương: Các thành viên của ASEAN chia thành ba nhóm nước trong quan hệ với Mỹ***

*Thứ nhất, nhóm các nước có quan hệ đồng minh và đối tác chiến lược*

Đối với các đồng minh truyền thống trong khu vực Đông Nam Á (như Philippines, Thái Lan) và đối tác chiến lược (Singapore), Mỹ không những duy trì mối quan hệ có từ những năm 1950 của thế kỷ XX, mà còn không ngừng cải thiện, nâng cấp. Quan hệ với Philippines, được coi là "đồng minh đặc biệt", vẫn tiếp tục là trọng tâm trong công cuộc chống khủng bố của Mỹ ở Đông Nam Á. Mỹ đã khôi phục lại quan hệ quân sự chặt chẽ với Philippines, coi Philippines là "điều phối viên đặc biệt" của Mỹ trong quan hệ với ASEAN, vì vai trò của nước này trong khối, cũng như những quan điểm gần gũi về các vấn đề an ninh – chính trị của khu vực [140]. Năm 2011, Philippines và Mỹ ký Tuyên bố Manila nhằm tái khẳng định hiệu lực của Hiệp ước quân sự hỗ trợ năm 1951. Khi tình hình tranh chấp tại biển Đông trở nên căng thẳng năm 2012, Philippines và Mỹ đã có những động thái thắt chặt hơn quan hệ quân sự thông qua các chuyến viếng thăm cấp cao và ký kết các thỏa thuận mới. Tháng 8/2013, Bộ Ngoại giao Philippines cho biết Chính quyền Obama đã quyết định tăng viện trợ quân sự cho nước này lên 60% so với trước đó. Về hợp tác kinh tế, Mỹ tiếp tục là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Philippines và cho quốc gia đồng minh này hưởng

mức cao nhất trong số các nước đang phát triển đối với Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Về an ninh - quân sự, Mỹ tăng cường hợp tác với các nước đồng minh và đối tác chiến lược ở Đông Nam Á. Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Thái Bình Dương (USPACOM) đã xây dựng những mối liên hệ chuyên môn sâu với các nước Philippines, Thái Lan và Singapore. Hàng năm, USPACOM đều có các cuộc tập trận chung với những nước này, như cuộc diễn tập Hồ Mang Vàng. Năm 2012, Mỹ và đồng minh đã tiến hành nhiều cuộc tập trận chung, điển hình như cuộc tập trận giữa Mỹ - Philippines, Mỹ và Indonesia tại phía Nam biển Đông. Từ 11-21/02/2013, tại Chiềng Mai, Thái Lan, đã diễn ra cuộc tập trận “Hồ Mang Vàng 2013”, với khoảng 13.000 quân nhân từ Mỹ và 6 quốc gia châu Á gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan tham gia diễn tập trên bộ, trên biển và trên không, với các nội dung huấn luyện chiến đấu, cứu trợ thiên tai, phản ứng nhanh với các cuộc tấn công hóa học, sinh học và hạt nhân [42].

Quan hệ Singapore - Mỹ phát triển nhanh từ đầu thế kỷ XXI. Việc ký kết Hiệp định Thương mại tự do năm 2002 là một dấu mốc quan trọng trong việc củng cố quan hệ song phương. Tháng 7/2005, Singapore và Mỹ ký Hiệp định khung chiến lược, theo đó, mở rộng hơn nữa các mối quan hệ vốn có về an ninh, chính trị và kinh tế giữa hai nước [99,157]. Trong chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Lý Hiển Long vào tháng 4/2013, lãnh đạo hai nước đã đạt thỏa thuận tăng cường hơn nữa hợp tác quân sự với việc Mỹ sẽ triển khai bốn tàu chiến hoạt động gần bờ của Singapore. Về kinh tế, Mỹ đầu tư vào Singapore với tổng số vốn hơn 115 tỷ USD, gấp 2 lần đầu tư vào Trung Quốc và ngang với đầu tư vào Nhật Bản. Thương mại hai chiều có giá trị hơn 50 tỷ USD, tăng 80% so với trước khi FTA song phương có hiệu lực năm 2004. Trong quá trình đàm phán TPP hiện nay, Mỹ đánh giá cao vai trò của Singapore, thậm chí coi Singapore như “quốc gia đi đầu về tự do hóa thương mại” [100].

*Thứ hai, nhóm các nước có quan hệ đối tác toàn diện và đối tác mới*

Từ sau 2009, triển khai chính sách “Quay trở lại châu Á”, Chính quyền Tổng thống Obama cũng chủ trương cải thiện và mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực với các nước trong khu vực Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Tổng thống Barack Obama từng nói: “Quan hệ với Indonesia được coi là "quan hệ đặc biệt" và là "sự khởi đầu" cho quan hệ Mỹ - Đông Nam Á”. Là nước Hồi giáo ôn hòa, một thành viên của G20 và thành viên sáng lập quan trọng trong ASEAN, rõ ràng, Indonesia có vai trò và ảnh hưởng nhất định trong khu vực. Vì thế, Mỹ coi trọng việc tăng cường quan hệ với Indonesia trên mọi mặt, lập quan hệ “đối tác chiến lược” năm 2010 và tạo điều kiện cho Indonesia tiếp cận các vũ khí tối tân của Mỹ. Chính quyền Obama cho rằng, Indonesia có thể đóng vai trò cầu nối giữa phương Tây và thế giới Hồi giáo bởi vì đó là nền dân chủ lớn thứ 3 trên thế giới đã chứng minh được rằng Hồi giáo, dân chủ và hiện đại không những chỉ tồn tại được cùng nhau mà còn có thể gắn kết được với nhau. Từ năm 2002, Mỹ đã nối lại đối thoại an ninh với Indonesia và đến cuối 2005, lệnh cấm vận vũ khí và hợp tác quân sự của Mỹ với nước này thi hành từ 1994 được chính thức bãi bỏ. Với tư cách là một trong năm “đối tác toàn diện” của Mỹ, Indonesia bắt đầu tham gia các cuộc tập trận Hổ Mang Vàng và cuộc tập trận Garuda Shield năm 2013. Quan hệ kinh tế - thương mại giữa Mỹ và Indonesia cũng đang tăng lên, Mỹ hiện trở thành nhà đầu tư lớn thứ ba tại Indonesia.

Với Malaysia, Mỹ tiếp tục chú trọng quan hệ với nước này do vị trí chiến lược của Malaysia tại eo biển Malacca và phía Nam biển Đông. Chính quyền Obama tìm thấy lợi ích trong việc tăng cường quan hệ với Malaysia: (i) Mỹ sẽ có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai chính sách duy trì tự do hàng hải; (ii) chống cướp biển và chống khủng bố ở khu vực biển giao thoa giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương; (iii) góp phần kiềm chế việc Malaysia và Trung Quốc xích lại gần nhau. Vì vậy, Mỹ đã tạo điều kiện để Malaysia lọt vào danh sách 30 đối tác

thương mại lớn nhất của Mỹ, đứng thứ hai trong ASEAN sau Singapore. Mỹ trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Malaysia từ năm 2011.

Đối với Việt Nam, quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt được bình thường hóa năm 1995 và ký kết Hiệp định Thương mại song phương (BTA) năm 2001. Từ sau 2009, hợp tác giữa hai nước được cải thiện khá nhanh trên các mặt, từ chính trị, kinh tế đến an ninh - quốc phòng. Đã có rất nhiều những chuyến viếng thăm cấp cao giữa Chính phủ hai nước, thậm chí, tàu hải quân Mỹ cũng từng cập cảng của Việt Nam. Về kinh tế, Mỹ hiện là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam và Việt Nam cũng là thị trường nhiều tiềm năng cho các nhà đầu tư Mỹ. Do Việt Nam ở vị trí án ngữ cửa ngõ đi vào Đông Dương, có thể đóng vai trò cầu nối giúp Mỹ triển khai ảnh hưởng với các nước Đông Nam Á lục địa khác như Lào, Campuchia và Myanmar, ngoài ra, do nằm sát cạnh người láng giềng khổng lồ Trung Quốc, Mỹ không muốn Việt Nam bị rơi vào vòng ảnh hưởng của Trung Quốc, nên Chính quyền Obama đã chủ động đề xuất nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ. Trong chuyến thăm Mỹ của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tháng 7/2013, lãnh đạo hai nước đã nhất trí nâng cấp quan hệ hai nước lên tầm “đối tác toàn diện”. Theo đó, ngoài việc mở rộng hợp tác ra tất cả các lĩnh vực, mối quan hệ Việt - Mỹ sẽ phát triển theo cả chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn trong thời gian tới, kể cả thông qua việc triển khai các cơ chế mới như Đối thoại Bộ trưởng Ngoại giao thường niên [151].

*Thứ ba, nhóm các nước nghiêng hơn về phía Trung Quốc và vẫn giữ quan hệ song phương và đa phương với Mỹ*

Nhóm này gồm các nước Đông Nam Á như Lào, Campuchia và Myanmar, trong đó, Myanmar vốn được coi là đồng minh truyền thống của Trung Quốc, còn Lào và Campuchia, trong mấy năm gần đây, chịu ảnh hưởng khá nhiều từ Trung Quốc, cả về chính trị và kinh tế. Từ 1994, Trung Quốc đã đầu tư vào Campuchia với tổng giá trị 9,1 tỉ USD, trong đó, riêng năm 2011 là 1,2 tỉ USD, gấp 8 lần con số Mỹ đầu tư vào Campuchia [144]. Đây cũng là

nguyên nhân khiến nhiều người chỉ trích Campuchia đã lợi dụng chức Chủ tịch luân phiên của ASEAN năm 2012 nhằm ủng hộ Trung Quốc, đặc biệt là vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông. Đối với Lào, Trung Quốc là đối tác thương mại quan trọng và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đều không ngừng tăng lên. Năm 2010, tổng giá trị thương mại song phương đạt 1 tỉ USD và tăng lên 1.728 tỉ USD năm 2012. Trung Quốc là một trong những nhà đầu tư lớn nhất ở Lào, chủ yếu trong các lĩnh vực như thủy điện, khai thác quặng và nông nghiệp [158].

Myanmar là đồng minh truyền thống của Trung Quốc từ trong Chiến tranh lạnh, tuy nhiên, gần đây, Myanmar thay đổi theo hướng mở cửa hơn và dân chủ hơn do sức ép từ cộng đồng quốc tế và sự thay đổi chế độ lãnh đạo từ quân sự sang dân sự. Vì vậy, gần đây, Mỹ đã điều chỉnh chính sách đối ngoại với Myanmar từ biệt lập sang tăng cường can dự.

#### ***Quan hệ đa phương:***

*Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*, ASEAN và Mỹ không ngừng cải thiện và nâng cấp quan hệ. Mỹ đã tham gia Hiệp ước Hợp tác và Thân thiện ở Đông Nam Á (TAC) của ASEAN năm 2009, đã bổ nhiệm không chỉ Đại sứ mà một phái đoàn đại diện tại Jakarta - nơi có trụ sở của Ban Thư ký ASEAN. Ngoài ra, Mỹ có một cơ chế riêng biệt với ASEAN bằng việc thiết lập các cuộc đối thoại cấp cao thường niên với lãnh đạo các nước ASEAN, trong đó, cuộc gặp cấp cao đầu tiên diễn ra tại Singapore ngày 15/11/2009. Các Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Mỹ diễn ra hàng năm và thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Với tư cách là Tổng thống Mỹ đầu tiên tham dự cuộc họp Thượng đỉnh Đông Á, tổ chức tại Bali năm 2011, Tổng thống Obama nhấn mạnh: Mỹ cam kết đảm bảo tự do hàng hải tại Biển Đông và nhắc lại sự cần thiết phải giải quyết những tranh chấp chủ quyền trên biển Đông theo luật quốc tế (UNCLOS). Mỹ thúc đẩy liên kết ASEAN theo hướng thể chế hóa, coi việc thực hiện Hiến chương ASEAN, xây dựng cơ chế nhân quyền và triển khai các cơ chế giải quyết tranh chấp của

ASEAN là các điều kiện tiên tiến việc nâng tầm quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ [11]. Trong Tuyên bố chung của cuộc họp lần thứ 4 giữa các lãnh đạo cấp cao ASEAN - Mỹ ngày 20/11/2012, hai bên nhất trí sẽ nâng cấp mối quan hệ ASEAN - Mỹ lên thành đối tác chiến lược. Mỹ ủng hộ ASEAN đóng vai trò trung tâm trong kiến trúc an ninh khu vực đang định hình [162].

*Trên lĩnh vực kinh tế*, Mỹ tiếp tục chính sách kinh tế của Tổng thống tiền nhiệm ở khu vực: khuyến khích các cải cách kinh tế theo hướng thị trường ở các nước Đông Dương và Myanmar, triển khai thực hiện những hiệp định kinh tế đã được phê chuẩn, từng bước thúc đẩy thương mại tự do với ASEAN, cải thiện môi trường đầu tư nhằm mở rộng thị trường cho hàng hóa và đầu tư của Mỹ. Để cạnh tranh với Trung Quốc, Mỹ tăng cường quan hệ thương mại, đầu tư với các nước trong khu vực.

Quan hệ đầu tư ASEAN - Mỹ hầu như mang tính chất một chiều. Với tiềm lực kinh tế to lớn của mình, Mỹ đóng vai trò là một trong các nhà đầu tư lớn nhất của ASEAN cùng với Nhật Bản, Trung Quốc. Từ năm 2008, đầu tư của Mỹ vào ASEAN là gần 100 tỷ đôla và con số đó lớn hơn đầu tư của Mỹ ở Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan cộng lại với nhau [157]. Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), dòng vốn sơ bộ từ Mỹ đến các nước thành viên ASEAN là 7,5 tỷ USD trong năm 2010, chiếm 12,6% tổng số FDI trong khu vực. Tổng số vốn đầu tư của các doanh nghiệp Mỹ vào ASEAN từ 2007 đến 2010 là 23,2 tỷ USD [141]. Hiện Mỹ đã đầu tư 153 tỷ USD vào ASEAN, gấp ba lần mức 45 tỷ USD đầu tư vào Trung Quốc và gần 10 lần so với mức 16 tỷ USD đầu tư vào Ấn Độ. Nếu cộng cả các khoản đầu tư vào lĩnh vực dầu khí, khối lượng vốn đầu tư của Mỹ vào ASEAN có thể gấp đôi [161].

Mỹ cũng chủ động đề xuất Sáng kiến vì sự Năng động ASEAN (EAI) về kinh tế - thương mại và Kế hoạch Hợp tác ASEAN (ACP) về hợp tác phát triển. Hai bên cũng đang xây dựng Chương trình Hỗ trợ và Đào tạo Kỹ thuật ASEAN - Mỹ giai đoạn 2 (TATF) trị giá 20 triệu USD để hỗ trợ ASEAN xây dựng Cộng

đồng vào năm 2015; triển khai các hoạt động hợp tác trong Chương trình Viễn cảnh Phát triển ASEAN (ADVANCE) trị giá 150 triệu USD nhằm hỗ trợ các chương trình khu vực và song phương của ASEAN cũng như hỗ trợ nỗ lực liên kết kinh tế và xây dựng cộng đồng của ASEAN.

*Trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng*, Mỹ tích cực hơn với các hợp tác an ninh đa phương ở khu vực bằng việc tham dự đầy đủ các hội nghị của ARF trong 3 năm trở lại đây (từ 2009). Song, các quan hệ song phương với các đồng minh ASEAN và sự có mặt quân sự của Mỹ ở một số điểm chủ chốt trong khu vực vẫn là những trụ cột cơ bản.

Trong lĩnh vực quân sự, một mặt Mỹ hợp tác với ASEAN trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+). Với cơ cấu 10 nước ASEAN và 8 nước đối tác, đối thoại chủ chốt (gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, New Zealand, Úc, Nga, Mỹ), ADMM+ là cơ chế hợp tác quốc phòng mang ý nghĩa chiến lược. Đây là một trong những diễn đàn đối thoại, tham vấn chiến lược nhằm xây dựng một nhận thức chung về an ninh khu vực, xây dựng lòng tin, xác định các lĩnh vực hợp tác thiết thực về quốc phòng. ADMM+ là cơ chế hợp tác ở cấp cao nhất (cấp bộ trưởng) về quốc phòng của khu vực, định hướng và chỉ đạo các chương trình hoạt động thực tiễn nhằm giải quyết có hiệu quả các thách thức an ninh chung, nhất là an ninh phi truyền thống đang nổi lên hiện nay. Các nước ASEAN xác định 5 lĩnh vực ưu tiên hợp tác là hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa, an ninh biển, quân y, chống khủng bố, các hoạt động gìn giữ hòa bình.

Mặt khác, Mỹ đã không ngừng thúc đẩy vấn đề hợp tác quân sự với từng thành viên ASEAN và coi mỗi quan hệ về quân sự là con đường đi tới hợp tác toàn diện và bền vững. Quan điểm về hợp tác quân sự với Đông Nam Á của chính quyền Washington đã được cụ thể hóa qua nhiều hành động thiết thực như các chuyến viếng thăm quân sự cấp cao, viếng thăm của các tàu quân sự Mỹ tới khu vực và đặc biệt là các hoạt động diễn tập song và đa phương với Đông Nam

Á. Kể từ đầu năm 2010, các chuyến viếng thăm qua lại giữa các giới chức quân sự Mỹ và khu vực đã liên tục được duy trì, đạt được nhiều thành quả khả quan trong đối thoại hợp tác an ninh chung trong khu vực. Đặc biệt, các thành viên trong khu vực đã hướng được sự quan tâm của Mỹ tới vấn đề hóc búa của khu vực như hợp tác giải quyết vấn đề chống khủng bố chống cướp biển hay vấn đề tranh chấp biển Đông giữa Trung Quốc với một số nước thành viên ASEAN. Hay vấn đề hợp tác diễn tập quân sự giữa Mỹ với một số nước trong khu vực cũng không ngừng được củng cố cả về quy mô và đối tượng.

Song song với các hoạt động diễn tập quân sự chung, Mỹ đã liên tục điều động nhiều tàu chiến, tàu ngầm và cả hàng không mẫu hạm tới ghé thăm và giao lưu với nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Những hoạt động hợp tác quân sự trên của Mỹ đối với khu vực là thể hiện sự hợp tác hòa bình, hữu nghị và cùng phát triển. Tuy nhiên, những lợi ích đằng sau sự hợp tác quốc phòng này có thể coi là quan trọng đối với Mỹ và khu vực. Những lợi ích trước mắt đối với Mỹ là sự hiện diện về quân sự, vai trò ảnh hưởng, vị thế và sự tự do đi lại trong khu vực. Lợi ích Mỹ mong muốn đạt được hiện nay là kiềm chế sự gia tăng cả về quân sự và kinh tế của Trung Quốc. Bên cạnh đó, các quốc gia có quan hệ quân sự với Mỹ cũng đạt được nhiều lợi ích thiết thực như hợp tác, huấn luyện và nâng cao trình độ tác chiến cho quân đội, được Mỹ ủng hộ và trợ giúp về chống khủng bố, phòng chống thiên tai, cứu trợ nhân đạo, mua sắm vũ khí và nhiều lợi ích khác.

***Trường hợp nghiên cứu cụ thể:*** ASEAN tăng cường hợp tác với Mỹ, góp phần giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông giữa một số nước thành viên ASEAN và Trung Quốc.

Tranh chấp chủ quyền trên biển Đông giữa Trung Quốc và bốn nước ASEAN bắt đầu từ năm 1947, khi Trung Quốc công bố bản đồ với “đường lưỡi bò” hay “đường đứt khúc 9 đoạn” trong biển Đông [45]. Đặc biệt, tranh chấp này nổi lên từ sau Chiến tranh lạnh, khi Trung Quốc gia tăng cả về sức mạnh cứng và

sức mạnh mềm, đồng thời, có những hành động tỏ ra cứng rắn hơn trong khu vực tranh chấp. Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, ASEAN chưa kêu gọi Mỹ ủng hộ trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông. Một số nguyên nhân có thể lý giải cho việc này gồm: (i) Quan hệ ASEAN - Mỹ đang ở mức thấp, tính từ cuộc chiến tranh Việt Nam đến nay; (ii) Mỹ chưa có nhiều lợi ích trên biển Đông và khu vực nằm trong trọng tâm chiến lược của Mỹ thời gian này là Trung Đông chứ không còn là Đông Nam Á; (iii) Ưu tiên mà ASEAN đặt ra trong quan hệ với Mỹ không phải là vấn đề tranh chấp chủ quyền, ASEAN mong muốn Mỹ ủng hộ quá trình mở rộng thành viên từ ASEAN-6 lên ASEAN-10 và thúc đẩy hợp tác kinh tế. Vì thế, trong các Thông cáo báo chí chung của Đối thoại ASEAN - Mỹ hàng năm, suốt thập kỷ 90, không đề cập đến vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông.

Trong giai đoạn từ 1999 đến 2008, khi ASEAN “khởi động” quan hệ với Mỹ trên một số lĩnh vực như: hợp tác chống khủng bố và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, tăng cường hợp tác kinh tế, lần đầu tiên vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông được đề cập đến, tuy rất hạn chế, trong Thông cáo báo chí chung của Đối thoại ASEAN - Mỹ lần thứ 17, diễn ra tại Băng-cốc, tháng 1/2004: “Cuộc họp hoan nghênh các hành động triển khai Tuyên bố về ứng xử của các bên trên biển Đông” [132].

Từ năm 2008 đến nay, trong quan hệ với Mỹ, ASEAN đã chủ động nêu vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông và mong muốn Mỹ dính líu vào và ủng hộ quá trình giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Thông cáo chung của Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 48, tháng 8/2015, nhấn mạnh: “Chúng tôi đã thảo luận những vấn đề liên quan đến tranh chấp chủ quyền trên biển Đông và bày tỏ sự lo ngại trước những diễn biến mới làm gia tăng căng thẳng trong khu vực, điều sẽ gây xói mòn lòng tin và đe dọa đến hòa bình, an ninh và ổn định trên biển Đông”. “Chúng tôi yêu cầu các bên cần thực hiện đầy đủ và hiệu quả DOC ở biển Đông, bao gồm: xây dựng lòng tin, kiềm chế các

hành động có thể làm gia tăng căng thẳng, không đe dọa sử dụng vũ lực,...” [127].

Tuyên bố của Chủ tịch Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ 2, được tổ chức tại Myanmar, ngày 13/11/2014, cũng nêu rõ: “Các lãnh đạo khẳng định tầm quan trọng của việc đảm bảo an ninh, an toàn và tự do hàng hải, bao gồm cả việc qua lại và bay trên bầu trời khu vực biển Đông. Các nguyên tắc được ghi trong DOC và các nguyên tắc 6 điểm của ASEAN (ASEAN’s Six-Point Principles) về biển Đông sẽ tiếp tục được tôn trọng và triển khai trên thực tế, trong khi hướng tới ký kết COC. Lãnh đạo ASEAN và Mỹ nhấn mạnh việc tuân thủ những cam kết tập thể của DOC trong việc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với các nguyên tắc của Luật Quốc tế đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, bao gồm Công ước 1982 của Liên Hợp Quốc về Luật Biển và không đe dọa sử dụng vũ lực” [109].

Có thể khẳng định rằng ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, đặc biệt từ khi vấn đề này được đưa vào chương trình nghị sự của các cuộc họp cấp cao ASEAN. Các diễn đàn khu vực ASEAN tạo cơ hội tốt để thảo luận và góp phần tìm giải pháp cho cuộc xung đột này. Hoạt động ngoại giao của ASEAN qua 20 năm trong vấn đề biển Đông phản ánh sự vận động của tổ chức này, mặt mạnh, điểm yếu và giới hạn của tổ chức khu vực này, cũng như khả năng “kháng bệnh” của ASEAN trước sự tấn công của các tác nhân bên ngoài [150].

Biển Đông là vùng biển có vị trí rất quan trọng trong chiến lược của các quốc gia trong khu vực cũng như một số cường quốc trên thế giới. Với hệ thống các đảo và quần đảo, biển Đông được cho là cầu nối quan trọng giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, án ngữ nhiều tuyến đường hàng hải quan trọng. Vai trò của các tuyến đường này ngày càng tăng lên khi khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới. Bên cạnh đó, biển Đông có một nguồn tài nguyên khoáng sản với số lượng lớn, đặc biệt là

nguồn nguyên liệu năng lượng. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra tranh chấp ở biển Đông giữa các quốc gia trong khu vực hiện nay. Ngoài ra, biển Đông còn là nơi tập trung các mâu thuẫn kinh tế và chính trị - an ninh quốc tế, có ảnh hưởng đến hòa bình và phát triển của khu vực.

Trung Quốc, một cường quốc đang trỗi dậy, với sức mạnh cả về quân sự, kinh tế, chính trị, ngoại giao và không che giấu tham vọng kiểm soát biển Đông. Có thể thấy, thời gian gần đây, Trung Quốc đang sử dụng cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm để có thể đạt được ý đồ của mình trên biển Đông. Điển hình như vụ tàu Trung Quốc cắt cáp đối với tàu Viking II vào năm 2011 và tàu Bình Minh II vào năm 2012 của Việt Nam, hay những tranh chấp với Philippines. Năm 2012, lần đầu tiên trong lịch sử 45 năm của ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM lần thứ 45) đã không ra được một bản Tuyên bố chung. Qua đó, có thể thấy các nước thành viên ASEAN vẫn bị chia rẽ khi bàn về vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông và ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực là không nhỏ.

Bất đồng trong nội bộ ASEAN xuất hiện là do lợi ích của các nước có tranh chấp chủ quyền trên biển và không có tranh chấp không giống nhau. Họ lại chịu sự tác động của chiến thuật bẻ bó đĩa từng chiếc và “chia để chiếm” của Trung Quốc, cũng như của sức mạnh ngoại giao kinh tế. Những nước có tranh chấp biển Đông mong muốn thúc đẩy đa phương hóa, quốc tế hóa vấn đề này, nhưng các nước không bị tranh chấp trực tiếp sẵn sàng đi với Trung Quốc để hưởng lợi về an ninh và kinh tế. Một số quốc gia Đông Nam Á bị Trung Quốc tranh chấp chủ quyền biển đảo hoan nghênh Mỹ “trở lại châu Á” như lực lượng giúp cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc.

Trong vòng bốn năm trở lại đây, Mỹ quyết định tăng cường sự hiện diện và can thiệp sâu hơn vào vùng biển này. Là siêu cường duy nhất, Mỹ có lợi ích trực tiếp tại Biển Đông trên nhiều khía cạnh: (i) Duy trì trật tự trên biển do Mỹ làm chủ đạo, bao gồm cả luật biển quốc tế theo cách giải thích của Mỹ, đặc biệt

là về tự do hàng hải - trong đó có tự do hoạt động của tàu quân sự Mỹ; (ii) Bảo vệ lợi ích các đồng minh, đặc biệt là các tuyến đường biển chiến lược của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Philippines; (iii) Kiểm soát sự lớn mạnh của hải quân Trung Quốc để đảm bảo rằng sự phát triển của quốc gia này không đảo lộn hệ thống hiện tại do Mỹ chi phối; (iv) Bảo đảm lợi ích của các tập đoàn dầu khí Mỹ trong khu vực. Những lợi ích này đều mang tính căn bản và bất biến; sẽ rất khó cho Mỹ thỏa hiệp với Trung Quốc vì tất cả những lợi ích đó đều gắn chặt với vị thế lãnh đạo mà Mỹ mong muốn duy trì trong hệ thống toàn cầu hiện nay [149]. Vì thế, trước 2009, nếu Mỹ vẫn còn duy trì thái độ tương đối trung lập, hầu như không có quan điểm rõ ràng về tuyên bố đòi hỏi chủ quyền và không ủng hộ yêu sách từ bên nào cả, thì từ năm 2010, Mỹ đã trở nên tích cực can dự và công khai chỉ trích những hành động cứng rắn của Trung Quốc ở biển Đông.

Với tư cách là một tổ chức khu vực có liên quan trực tiếp đến tranh chấp biển Đông, ASEAN đã có nhiều phản ứng được cho là khá xây dựng góp phần giải quyết tranh chấp. Lập trường chung đầu tiên của các nước ASEAN về vấn đề biển Đông được thể hiện trong Tuyên bố ASEAN của các Ngoại trưởng của các nước thành viên về biển Đông, đưa ra tại Manila năm 1992. Bản Tuyên bố này đề cập 5 nguyên tắc đối với vấn đề biển Đông: (i) Nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết mọi vấn đề chủ quyền và tài phán ở biển Đông bằng các biện pháp hoà bình và không sử dụng vũ lực. (ii) Kêu gọi các bên liên quan kiềm chế để tạo bầu không khí thuận lợi cho giải pháp cuối cùng đối với các tranh chấp. (iii) Kêu gọi tìm kiếm khả năng hợp tác ở biển Đông liên quan đến giao thông hàng hải, bảo vệ môi trường biển, điều phối các hoạt động tìm kiếm và cứu nạn, các nỗ lực chống cướp biển và cướp có vũ trang cũng như sự hợp tác chống buôn bán ma tuý. (iv) Kiến nghị các bên liên quan áp dụng các nguyên tắc trong Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á để làm cơ sở cho việc lập Bộ Quy tắc ứng xử quốc tế ở biển Đông. (v) Mời tất cả các bên liên quan tham gia Tuyên bố của ASEAN về biển Đông. Đáng chú ý là văn kiện chính thức này khẳng định

nhận thức của ASEAN rằng “mọi diễn biến bất lợi ở biển Đông ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và ổn định của khu vực” [147]. Xét từ diễn biến các sự kiện ở biển Đông 20 năm qua có thể thấy, chưa văn kiện nào của ASEAN hay giữa ASEAN với Trung Quốc vượt qua được sự sắc bén của văn kiện này.

Sau đó, ASEAN đã phản ứng một cách quyết liệt và tuyên bố rằng: “ASEAN sẽ tiếp tục tìm kiếm một giải pháp và hòa bình cho tranh chấp ở biển Đông và sẽ tiếp tục tìm kiếm các biện pháp và cách thức để ngăn ngừa xung đột và thúc đẩy hợp tác ở biển Đông” vào năm 1995 sau sự kiện dẫy đảo Vành Khăn bị Trung Quốc chiếm. Đến năm 2002, ASEAN đã cùng Trung Quốc thông qua “Tuyên bố chung về cách ứng xử của các bên về vấn đề biển Đông” (DOC) và ký “Quy tắc hướng dẫn thực hiện DOC” vào tháng 7/2011 làm cơ sở để hai bên có thể bước vào giai đoạn mới, đó là xác định các nội dung cơ bản của “Bộ quy tắc về ứng xử của các bên ở Biển Đông” (COC) dự kiến vào năm 2012 để tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp ở biển Đông giữa Trung Quốc và ASEAN một cách hòa bình. Có thể nói, đây là một nỗ lực tập thể không mệt mỏi của ASEAN trong việc thương lượng với Trung Quốc. Tuy nhiên, việc thực hiện DOC được đánh giá là chưa có hiệu quả cao. Năm 2012, ASEAN và Trung Quốc cũng chưa thống nhất chung được một bộ quy tắc ứng xử ở biển Đông. Trong khi đó, từ năm 2009, khi Trung Quốc càng ngày càng tỏ ra “hiếu chiến” trong khu vực này, ASEAN đã có sự thay đổi trong những hành động của mình thay vì chỉ tin tưởng vào những ký kết và tuyên bố.

Đúng như giáo sư Carlyle Thayer, một chuyên gia về Đông Nam Á tại Học viện quốc phòng Australia, đã nhận xét rằng hiện các nước ASEAN đang bị chia thành ba nhóm chính liên quan đến vấn đề biển Đông. Nhóm thứ nhất là các quốc gia tích cực phản đối tuyên bố chủ quyền trên biển Đông của Trung Quốc và hợp tác sâu hơn với Mỹ như Philippines. Nhóm thứ hai gồm các nước có thái độ trung lập. Singapore và Indonesia là hai trong số những nước không có yêu sách, không ủng hộ một bên tranh chấp nào. Singapore đã từng tuyên bố quan

tâm đến tự do hàng hải trên tất cả các tuyến đường biển quốc tế, đặc biệt bao gồm là vùng biển Đông. Còn với Indonesia, nước có truyền thống làm trung gian hòa giải, hơn 20 năm qua đã tích cực thúc đẩy quan điểm chung về vấn đề biển Đông. Điều đó đã giúp tạo dựng một hình ảnh tích cực cho quốc gia trong khu vực cũng như trên thế giới. Lào, Brunei và Myanmar không có lợi ích trực tiếp ở khu vực biển Đông nên cũng ít khi họ thể hiện quan điểm. Còn lại là nhóm nước thứ ba gồm Campuchia và Thái Lan. Dường như trong thời gian gần đây, hai quốc gia này có xu hướng xích gần về phía Trung Quốc và không lên tiếng phản đối Trung Quốc trong các vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, do có mối quan hệ kinh tế và chính trị gắn bó với cường quốc này.

ASEAN mặc dù có sự chia rẽ trong vấn đề biển Đông, nhưng bản thân ASEAN cũng nhận ra rằng việc cần có một sự thống nhất nếu không muốn mất đi giá trị của mình đã tạo ra. ASEAN luôn tích cực thúc đẩy Trung Quốc tiến tới việc cam kết thực hiện đầy đủ DOC và tiến hành thúc đẩy việc xây dựng COC để có thể tìm ra các cách giải quyết những tranh chấp trên biển Đông một cách hòa bình. Vào 9/2013, hai bên đã có cuộc họp lần 6 Quan chức Cao cấp ASEAN - Trung Quốc và Cuộc họp lần 9 Nhóm công tác chung ASEAN - Trung Quốc về triển khai tuyên bố về ứng xử các bên ở biển Đông. Tuy có những hành động nhằm tăng cường hợp tác phát triển hòa bình với Trung Quốc trên khu vực biển tranh chấp này, nhưng các nước thành viên cũng không đặt trọn niềm tin vào bộ quy tắc đó. Một mặt, ASEAN vẫn tiếp tục hợp tác phát triển hòa bình cùng với Trung Quốc. Trong lúc đó, ASEAN tiếp tục tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía Mỹ như một thế lực để cân bằng lại quyền lực tại khu vực. Trước sự cạnh tranh chiến lược quyết liệt Mỹ - Trung ở vùng biển này, ASEAN đã đạt được những thành quả nhất định. Trước hết, đó chính là đảm bảo được sự hòa bình, an ninh khu vực, dù vẫn còn xảy ra những vụ đụng độ, nhưng vẫn chưa có khả năng gây ra chiến tranh. Bên cạnh đó, ASEAN cũng vừa tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với Mỹ, vừa tiếp tục thúc đẩy hợp tác phát triển với Trung Quốc. Đó được coi là

một bước đi khôn ngoan của ASEAN trong thời điểm hiện tại và trong tương lai nếu ASEAN có thể đảm bảo được những lợi ích của hai cường quốc kia, ASEAN vẫn sẽ tiếp tục trở thành đối tác quan trọng của hai nước.

### **Tiểu kết chương**

Dựa trên những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn đã phân tích ở chương 1, trong chương này, tác giả nêu rõ những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ năm 1991. ASEAN điều chỉnh từ lập trường chung của cả Hiệp hội đối với Mỹ, đến nội dung quan hệ, thể hiện qua các Thông cáo chung của các Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (AMM) thường niên, Hội nghị hậu Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN (PMC) và các Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (ASEAN Summit) và phương thức triển khai những nội dung đó trên thực tế qua từng giai đoạn. Nhằm đạt được những mục tiêu chung đã đề ra, ASEAN có những bước chủ động trong quan hệ với Mỹ, cả trên bình diện song phương và đa phương. ASEAN đã tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ, với tư cách là siêu cường duy nhất trên thế giới, có ưu thế vượt trội trên lĩnh vực kinh tế, an ninh và tầm ảnh hưởng lớn, góp phần đạt được những mục tiêu cụ thể của ASEAN như: mở rộng thành viên và xây dựng Cộng đồng ASEAN, thúc đẩy phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống, và nâng cao vai trò, vị thế của ASEAN trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Nhìn lại lịch sử 49 năm tồn tại và phát triển của ASEAN, có thể nói, chưa bao giờ ASEAN lại có nhiều cơ hội đến thế để nâng cao vai trò, vị thế trên trường quốc tế nói chung và trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng. Từ năm 2009 đến nay, tương quan so sánh lực lượng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nhiều thay đổi rõ rệt, Trung Quốc trỗi dậy nhanh chóng cả về kinh tế và quân sự, không giấu diếm mưu đồ mở rộng ảnh hưởng ra khu vực Đông Nam Á và đe dọa ngôi vị số 1 của Mỹ trong kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, buộc Chính quyền Tổng thống Obama thi hành

chính sách “Quay trở lại châu Á”. Ngoài ra, các nước lớn khác trong khu vực như Nhật Bản cũng thúc đẩy hơn quan hệ với Đông Nam Á và Ấn Độ tăng cường “chính sách hướng Đông”, vì không muốn thấy Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng tại khu vực này. Bối cảnh quốc tế trên đây đưa lại những cơ hội lớn chưa từng có cho ASEAN nhằm củng cố vị trí “người cầm lái” trong các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thậm chí là vị trí trung tâm trong kiến trúc khu vực, nếu ASEAN biết nắm lấy cơ hội, ứng xử khéo léo trong quan hệ với các nước lớn, đồng thời, tăng cường liên kết nội khối. Ngược lại, ASEAN sẽ đứng trước những thách thức to lớn, nếu không giữ được vị trí “cân bằng tương đối” trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc hoặc không duy trì được sự đoàn kết, thống nhất trong nội khối.

Do đó, hoạt động đối ngoại của ASEAN nên là “đưa các cường quốc lớn - đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc - lại với nhau và gắn họ vào trong một khuôn khổ hợp tác”, đồng thời, tìm cách duy trì một trạng thái cân bằng tương đối. Nhà lãnh đạo Singapore Lý Hiển Long đã từng phát biểu: “Singapore sẽ không và không bao giờ đứng về phe với Mỹ để chống lại Trung Quốc. Không nghi ngờ gì, Singapore cảm thấy những ảnh hưởng của một nước Trung Quốc đang nổi lên, nhưng những gì họ sẽ làm là thúc đẩy Mỹ bắt tay với Trung Quốc. Singapore hiện rất thực tế và không có bất kỳ rắc rối nào về tư tưởng với việc này” [98]. Đây không chỉ là chính sách đối ngoại của Singapore mà cũng chính là con đường mà tất cả các quốc gia Đông Nam Á, tựu chung trong ASEAN đang theo đuổi.

### CHƯƠNG 3

## ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TRIỂN VỌNG ASEAN ĐIỀU CHỈNH QUAN HỆ VỚI MỸ ĐẾN NĂM 2020

### 3.1. Đánh giá sự điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh

#### 3.1.1. Một vài nhận định tổng quan về sự điều chỉnh của ASEAN

So với những mục tiêu chung mà ASEAN đã đặt ra từ sau Chiến tranh lạnh và mục tiêu cụ thể trong quan hệ với Mỹ, có thể nói, đến nay, ASEAN đã cơ bản đạt được. Điều này chứng tỏ chiến lược đối nội và đối ngoại của ASEAN là sáng suốt và hợp lý, đồng thời, quá trình triển khai các quan hệ này được thực hiện tương đối tốt. ASEAN thi hành chính sách cân bằng trong ứng xử với các nước lớn và nỗ lực thúc đẩy thiết lập, mở rộng các khuôn khổ hợp tác đa phương với các đối tác bên ngoài, nhằm hình thành một kiến trúc khu vực mới với ASEAN đóng vai trò trung tâm. Trong quan hệ đối ngoại với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, do bối cảnh bên ngoài thay đổi, tác động đến mối quan hệ ASEAN - Mỹ và do nhu cầu hợp tác của hai bên với nhau tăng giảm theo từng giai đoạn, ASEAN đã điều chỉnh quan hệ với Mỹ theo hướng ngày càng chủ động hơn và giảm dần sự phụ thuộc về kinh tế và an ninh.

Hơn hai thập kỷ qua, ASEAN phát triển đáng kể cả về “lượng” và “chất”, trên cơ sở đó, điều chỉnh quan hệ đối nội và đối ngoại, ASEAN hiện nay đã có được vị thế đáng kể trong kiến trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Một mặt, ASEAN tỏ ra độc lập, tự chủ hơn đối với các vấn đề nội khối, hạn chế dần sự ảnh hưởng từ bên ngoài, mặt khác, chủ động hơn trong quan hệ đối ngoại, đáng chú ý là với Mỹ, một trong những đối tác quan trọng nhất của ASEAN. Suốt thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh, ASEAN và các nước thành viên có phần không hài lòng với sự lơ là của Mỹ đối với Đông Nam Á, nhưng vẫn luôn muốn Mỹ là người “cung cấp an ninh công cộng” và là nguồn lực cho phát triển

kinh tế. Mỹ có khả năng và tiềm lực lớn có thể giúp các nước ASEAN đảm bảo an ninh, tự do hàng hải, hàng không, nhất là ở biển Đông, và trong các vấn đề an ninh phi truyền thống như: cảnh báo và cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, chống chủ nghĩa khủng bố và chống phổ biến các vũ khí hủy diệt hàng loạt. Trong hợp tác kinh tế, Mỹ là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu của ASEAN, góp phần thúc đẩy các nước ASEAN cải cách và hội nhập quốc tế.

Tương quan so sánh lực lượng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương thay đổi, do các nước lớn (như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Nga) đều điều chỉnh chính sách đối ngoại sau Chiến tranh Lạnh. Sự nổi lên của Trung Quốc cả về kinh tế, quân sự và những “yêu sách” đòi chủ quyền quá đáng thời gian gần đây đã khiến ASEAN thúc đẩy hơn quan hệ với Mỹ, xem Mỹ như một “đối trọng” để cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn tại khu vực, đồng thời, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các đối tác khác. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, ASEAN và các nước thành viên đã hưởng ứng tích cực cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động trên thế giới nói chung và ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, bằng việc ra các Tuyên bố chung ASEAN - Mỹ về chống khủng bố và Philippines, Thái Lan tham gia tập trận chung diễn tập chống khủng bố.

Khi Tổng thống Barack Obama lên cầm quyền và thi hành chính sách “xoay trục” về châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, ASEAN đã chủ động hơn trong việc thúc đẩy quan hệ đối tác với Mỹ trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, an ninh và văn hóa - giáo dục. ASEAN hoan nghênh việc Mỹ ký kết TAC tại Hội nghị Diễn đàn ARF lần thứ 16 được tổ chức tại Thái Lan tháng 7/2009 và cùng Mỹ tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ hàng năm, bắt đầu từ 2009. ASEAN cũng đánh giá cao việc Tổng thống Obama tuyên bố chiến lược tái cân bằng ở châu Á - Thái Bình Dương tại Hội nghị cấp cao Đông Á, tổ chức tại Indonesia năm 2011. Trong quan hệ đa phương, ASEAN ủng hộ Mỹ tăng cường dính líu vào các tổ chức khu vực do ASEAN đóng vai trò “người cầm lái”, như Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á

(EAS), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Hợp tác Kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC), và các hợp tác đa phương trong khu vực do Mỹ khởi xướng như: Sáng kiến hợp tác Mỹ - Hạ nguồn sông Mê-kong (2012), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Quan hệ song phương giữa các nước thành viên ASEAN với Mỹ, theo đó, cũng được cải thiện đáng kể. Các nước đồng minh với Mỹ như Thái Lan và Philippines thúc đẩy quan hệ với Mỹ, đặc biệt trên lĩnh vực hợp tác an ninh - quốc phòng. Hai nước này đã đón tiếp các tàu quân sự Mỹ viếng thăm và tập trận chung với Mỹ phòng chống các vấn đề an ninh phi truyền thống. Indonesia, Malaysia và Việt Nam trở thành những “đối tác mới” của Mỹ, trong khi Myanmar khai thông quan hệ ngoại giao với Mỹ sau khi tiến hành cải cách về chính trị - kinh tế và dân chủ hóa. Tổng thống Obama đã đến thăm Myanmar năm 2012, sau hơn nửa thế kỷ quan hệ hai nước bị ngưng trệ.

Đối với việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia và tự do hàng hải trên biển Đông, ASEAN hoan nghênh lập trường của Mỹ: giải quyết tranh chấp bằng biện pháp thương lượng hòa bình và tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước về Luật Biển UNCLOS 1982. Gần đây, Chính phủ Mỹ đã tuyên bố rõ ràng rằng cái gọi là “đường lưỡi bò 9 đoạn” của Trung Quốc trên vùng biển Đông là bất hợp pháp, trái với luật pháp quốc tế, và cảnh báo Trung Quốc không có những hành động mới làm leo thang xung đột ở vùng biển này (chẳng hạn như việc thiết lập ADIZ) và nhấn mạnh ASEAN và Trung Quốc cần nhanh chóng ký kết COC.

### **3.1.2. Tác động**

#### ***Tác động của việc ASEAN độc lập, tự chủ hơn trong quan hệ với Mỹ giai đoạn 1991 - 1999***

Có thể thấy tác động rõ nhất là ASEAN dần khẳng định được vị trí “trung lập” và cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn, không bị rơi vào vòng ảnh hưởng của một nước lớn nào và cũng không đi với một nước lớn nào

chống lại nước lớn khác. Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh kết thúc, hai phe XHCN và TBCN không còn nữa, xu thế hòa bình, ổn định và phát triển cùng với xu thế toàn cầu hóa - khu vực hóa đã giúp cho ASEAN tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Việc chuyển trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Mỹ sang khu vực Trung Đông và rút sự hiện diện về mặt quân sự khỏi Đông Nam Á năm 1992 tạo ra khoảng trống quyền lực trong khu vực. Trong khi đó, việc ASEAN tăng nhanh về “lượng”, mở rộng thành viên từ ASEAN-6 thành ASEAN-10, và phát triển kinh tế hơn trước giúp ASEAN giảm dần sự lệ thuộc vào Mỹ cả về kinh tế và an ninh.

Tác động tiếp theo là ASEAN có quyền tự chủ hơn trong các vấn đề đối nội và đối ngoại của mình. Nếu như trong chiến tranh lạnh, ASEAN-6 nghiêng về phe Tư bản chủ nghĩa và đa số các nước thành viên ASEAN phụ thuộc vào Mỹ về kinh tế, dẫn đến không có sự độc lập về chính trị, thì trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, ASEAN tỏ ra có khả năng tự mình giải quyết được các vấn đề nội bộ của mình, bất chấp việc Mỹ không đồng ý, như trong quá trình kết nạp Myanmar trở thành thành viên thứ 9 của Hiệp hội. Về đối ngoại, ASEAN đã mở rộng quan hệ với các chủ thể khác nhau trong quan hệ quốc tế như: các quốc gia đối tác đối thoại và các quốc gia khác, các tổ chức phi Chính phủ, công ty đa quốc gia.

Cuối cùng là tác động đến tình hình quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á. Trong Chiến tranh Lạnh, khu vực Đông Nam Á bị chia làm hai: ASEAN – Tư bản Chủ nghĩa và Đông Dương – Xã hội Chủ nghĩa, trong đó, 6 nước thành viên ASEAN chịu sự ảnh hưởng nhiều của Mỹ, 3 nước Đông Dương chịu ảnh hưởng từ phía Liên Xô và phần nào là Trung Quốc, trong thập kỷ 50, 60 và nửa đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Sau chiến tranh lạnh, do xuất hiện khoảng trống quyền lực ở Đông Nam Á và ASEAN độc lập, tự chủ hơn nên Đông Nam Á có điều kiện để xây dựng thành một khu vực hòa bình, an ninh và thịnh vượng chung, và các nước lớn khác như Nhật Bản, Ấn Độ có cơ hội mở rộng ảnh hưởng ở khu vực.

Các nước lớn (gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ) vừa hợp tác vừa cạnh tranh trên các lĩnh vực ở Đông Nam Á.

***Tác động của việc ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ giai đoạn 1999 - 2008***

*Tác động tới ASEAN*

Đối với ASEAN, Mỹ là một nước có thể tạo thế cân bằng để duy trì nền hòa bình, ổn định về an ninh chính trị ở khu vực, đồng thời là nước có khả năng đáp ứng nhu cầu to lớn về vốn, kỹ thuật công nghệ và thị trường cho các nước ASEAN. Vì vậy, ASEAN luôn coi quan hệ với Mỹ là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình.

Về mặt an ninh chính trị, thông qua quan hệ với Mỹ, ASEAN đã phát huy được vai trò và ảnh hưởng của mình. ASEAN đã cân bằng được quan hệ với các cường quốc khác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nhờ đó mà an ninh khu vực được duy trì ổn định, đồng thời địa vị của ASEAN trên trường quốc tế cũng không ngừng được nâng lên, trở thành một bên đối thoại không thể thiếu trong các vấn đề an ninh chính trị ở Châu Á - Thái Bình Dương.

Về kinh tế, nhờ mở rộng quan hệ với Nhật Bản, EU, Đông Á, đặc biệt là với Mỹ, nền kinh tế các nước ASEAN đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nước ASEAN bình quân hàng năm luôn đạt mức trên 7% [20,15].

Như vậy, có thể thấy rằng, mối quan hệ ASEAN - Mỹ đã đi qua rất nhiều giai đoạn với những bước phát triển thăng trầm. Nhận thức rõ ràng được đặc điểm và tính chất của quá trình phát triển này sẽ giúp chúng ta đánh giá được rõ ràng hơn những ưu, nhược điểm của mối quan hệ; từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cần thiết.

*Tác động tới Mỹ*

Đối với Mỹ, ASEAN là tổ chức mà Mỹ có thể thông qua đó để phát huy ảnh hưởng, củng cố địa vị của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương. Thông qua quan hệ an ninh chính trị song phương và đa phương

với ASEAN, Mỹ đã đạt được phần nào mục đích kiềm chế sự nổi lên của một đối thủ ở khu vực có thể thách thức, đe dọa địa vị của Mỹ ở Châu Á - Thái Bình Dương, tạo được thế cân bằng và hòa bình, ổn định cần thiết để Mỹ tập trung khôi phục sức mạnh tổng hợp quốc gia.

Các quan hệ kinh tế với ASEAN cũng đem lại cho Mỹ những lợi ích không nhỏ. Đầu tư vào ASEAN đã đem lại nguồn thu nhập lớn cho Mỹ, đồng thời qua đó làm tăng khả năng cạnh tranh hàng hóa Mỹ trên thị trường thế giới, thúc đẩy tự do hóa thương mại của ASEAN... Những lợi ích đó đã góp phần không nhỏ vào việc phục hồi nền kinh tế của Mỹ.

*Tác động tới tương quan so sánh lực lượng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương*

Việc Mỹ điều chỉnh chiến lược toàn cầu, coi Đông Nam Á như “mặt trận thứ hai” chống chủ nghĩa khủng bố và ASEAN nắm bắt được thời cơ này, thúc đẩy quan hệ với Mỹ đã ít nhiều tác động đến tương quan so sánh lực lượng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nếu như trước thời điểm 2001, siêu cường Mỹ giữ vai trò lãnh đạo thế giới nói chung và vai trò số 1 trong kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng, và Mỹ duy trì mối quan hệ theo hình thức “trục và nan hoa” với các nước đồng minh truyền thống từ trong Chiến tranh lạnh, thì sau 2001, đứng trước sự cạnh tranh chiến lược của Trung Quốc, Nhật Bản và mục tiêu chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, Mỹ bắt đầu “can dự” nhiều hơn vào khu vực Đông Nam Á. Chính điều này tạo cơ hội hiếm có để ASEAN có thể nâng cao vai trò, vị trí trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Và ASEAN đã thành công khi lôi kéo được sự dính líu ngày càng nhiều của các nước lớn vào khu vực và phát huy được vai trò “người cầm lái” trong các cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực, bước đầu thực hiện mục tiêu trở thành “trung tâm” của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Trước những động thái đó, Trung Quốc tất nhiên là không muốn chứng kiến mối quan hệ ASEAN - Mỹ được đẩy đi quá xa, sẽ góp phần kiềm chế quá

trình mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Điều này sẽ có thể khiến Trung Quốc có những hành động lôi kéo các nước thành viên ASEAN, chia rẽ đoàn kết trong nội khối, thông qua những viện trợ về kinh tế và ảnh hưởng về mặt chính trị đối với các nước láng giềng Đông Nam Á. Nếu sự đoàn kết giữa các nước thành viên ASEAN không được đảm bảo, ASEAN khó tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề của quốc tế và khu vực thì không những quan hệ ASEAN - Mỹ sẽ bị ảnh hưởng, mà cả vị trí “người cầm lái” trong các cơ chế hợp tác đa phương cũng sẽ bị đe dọa.

***Tác động của việc ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ từ năm 2008***

*Tác động tích cực*

Thành tựu lớn nhất trong quan hệ ASEAN - Mỹ trong nhiệm kỳ Tổng thống Obama là hai bên đã đạt được sự tin tưởng lẫn nhau để đi đến cơ chế đối thoại cấp cao hàng năm giữa hai bên là Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ. Đồng thời, hai bên đã thiết lập được quan hệ một cách đầy đủ và toàn diện, bổ nhiệm Đại sứ đầu tiên của Mỹ tại ASEAN và đang hướng tới nâng cấp quan hệ đối tác ASEAN-Mỹ lên tầm chiến lược. Ngoài ra, hai bên cũng nghiêm túc hướng đến những kế hoạch dài hơi bằng việc thông qua Kế hoạch hành động 2011 - 2015.

Đáng chú ý là ASEAN và Mỹ đã đạt được sự nhất trí trong vấn đề từng là mâu thuẫn giữa hai bên - vấn đề Myanmar. Nhìn lại lịch sử, đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Myanmar bị Mỹ và các nước phương Tây cấm vận với lý do nước này vi phạm nhân quyền và dân chủ, đặc biệt là việc quản thúc lãnh tụ Đảng Dân chủ đối lập Aung San Suu Kyi. Vượt qua sự cản trở của Mỹ và phương Tây, các nước ASEAN đã kết nạp Myanmar vào ASEAN năm 1997 và chủ động khuyến khích Myanmar tham gia đầy đủ vào các hoạt động của khối. Tuy nhiên, đầu những năm 2000, Mỹ đã gia tăng sức ép mạnh mẽ đối với ASEAN trong vấn đề Myanmar. Tại Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN ở Campuchia tháng 6/2003 với sự tham dự của Ngoại trưởng Mỹ C. Powell, ASEAN

đã đưa ra một tuyên bố chung kêu gọi Myanmar trả tự do cho Aung San Suu Kyi. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau đã bị vi phạm. Ngoại trưởng Singapore nhận xét rằng “đây là một bước lùi không chỉ của riêng Myanmar mà của cả ASEAN” [143].

Ngoài việc gây sức ép với cả khối ASEAN, chính quyền Mỹ còn đề nghị Thái Lan, láng giềng gần gũi của Myanmar, thuyết phục chính quyền nước này giải quyết vấn đề Aung San Suu Kyi. Theo quy định của ASEAN, Myanmar sẽ giữ chức chủ tịch luân phiên ASEAN vào năm 2006. Nhưng trước đó, Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) với tư cách là các bên đối thoại của ASEAN tuyên bố không chấp nhận việc Myanmar lãnh đạo ASEAN vì cho rằng Myanmar không tôn trọng tự do và dân chủ. Các nước này đe dọa tẩy chay các hội nghị của ASEAN nếu Myanmar đảm đương chức vụ Chủ tịch ASEAN [137]. Lúc đầu, Myanmar còn phản đối nhưng sau đó đã chấp thuận không giữ chức vụ này với sự tác động trực tiếp của Thái Lan. Ngày 26/7/2005, Ngoại trưởng Myanmar U Nyan Win chính thức tuyên bố tại Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN quyết định rút lui của Myanmar với lý do vì muốn “tập trung nỗ lực cho việc hoà giải và thực thi tiến trình dân chủ trong nước”. Tuyên bố của Myanmar đã giải toả sự căng thẳng giữa ASEAN với Mỹ và EU và tỏ ra không làm cho ASEAN phải vi phạm nguyên tắc truyền thống của mình. Tuy nhiên, việc ASEAN chấp nhận thực tế này cũng chính là một sự nhượng bộ của ASEAN trong quan hệ với Mỹ [57,358].

Vài năm trở lại đây, với những nói lỏng cấm vận và nỗ lực đối thoại của chính quyền Obama đặc biệt là chuyến thăm đầu tiên của Ngoại trưởng Mỹ trong suốt 50 năm qua tới Myanmar, Mỹ và ASEAN đã tìm được tiếng nói chung trong vấn đề này. Các lãnh đạo ASEAN hoan nghênh sự tham gia tiếp tục của Mỹ với Chính phủ Myanmar. Đồng thời, ASEAN và Mỹ khuyến khích Myanmar tiến hành cải tổ chính trị và kinh tế để tạo điều kiện hoà giải dân tộc. Với những nỗ lực của cộng đồng ASEAN cùng sự ủng hộ của Mỹ, ta có thể kỳ

vọng ở một nền kinh tế Myanmar được giải phóng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong khu vực cũng như thương mại và đầu tư nội khối. Điều này sẽ là một cú hích tích cực với khu vực ASEAN và với khả năng hiện thực hóa mục tiêu dài hạn về một Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

*Tác động tiêu cực*

Nếu như ASEAN vừa muốn Mỹ tăng cường can dự vào khu vực, lại vừa muốn giữ vị trí “cân bằng” một cách tương đối trong quan hệ với các nước lớn, Hiệp hội này sẽ phải đối mặt với một số thách thức. Là một láng giềng của ASEAN, hơn nữa, là một cường quốc đang trỗi dậy nhanh chóng, Trung Quốc, tất nhiên, không muốn chứng kiến ASEAN và Mỹ xích lại gần nhau. Chính sách “xoay trục” của Mỹ khiến Trung Quốc lo ngại Mỹ muốn thúc đẩy quan hệ với các nước khác trong khu vực nhằm kiềm chế Trung Quốc, vì vậy, làm dấy lên lo ngại cạnh tranh Mỹ - Trung sẽ trở nên khốc liệt hơn [118].

Do đó, Trung Quốc có thể sẽ phản ứng lại theo một số cách. Kịch bản thứ nhất là Trung Quốc sẽ tăng cường lôi kéo các nước thành viên ASEAN, đặc biệt là các nước Đông Nam Á “lục địa”, nhằm gây chia rẽ nội khối, thông qua các hoạt động viện trợ kinh tế và ảnh hưởng về chính trị. Kịch bản thứ hai là Trung Quốc có thể sẽ hành xử hung hăng hơn nữa trong các vấn đề của khu vực nhằm thử mối quan hệ đồng minh của Mỹ với các nước Đông Nam Á, cũng như cảnh báo các nước láng giềng khu vực không nên xích lại quá gần một cường quốc trong hay ngoài khu vực để chống lại Trung Quốc. Những hành động của Trung Quốc trong tranh chấp chủ quyền trên biển Đông vừa qua là minh chứng rõ nhất cho kịch bản này. Kịch bản cuối cùng, Trung Quốc có thể sẽ xích lại gần hơn với Nga trong cả hợp tác song phương và giải quyết các vấn đề quốc tế, và thúc đẩy nhóm BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) nhằm tạo thế cân bằng hơn trong quan hệ với phương Tây.

### **3.2. Triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ tới năm 2020**

#### **3.2.1. Một số dự báo về tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương**

*Thứ nhất*, châu Á - Thái Bình Dương nói chung và ASEAN nói riêng ngày càng trở thành khu vực tăng trưởng nhanh và năng động nhất thế giới. Hòa bình, hợp tác và phát triển sẽ vẫn là xu thế chủ đạo, ít khả năng xảy ra chiến tranh trên phạm vi toàn cầu, kéo theo sự can dự của nhiều nước, tuy nhiên, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột tôn giáo, sắc tộc, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Xu thế toàn cầu hóa - khu vực hóa thể hiện rõ ở khu vực với sự tham gia tích cực của tất cả các cường quốc, làm tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau và khuyến khích các nước đặt ưu tiên vào việc tìm kiếm các biện pháp hòa bình để giải quyết xung đột, tranh chấp. Cuộc chiến chống khủng bố Hồi giáo cực đoan và li khai, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong khu vực là công việc khó khăn, nhưng giúp mang lại một môi trường ổn định cho khu vực, vì thế, tạo nên nhu cầu hợp tác giữa các quốc gia.

*Thứ hai*, các cường quốc tiếp tục điều chỉnh chính sách đối ngoại với khu vực theo hướng gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng. Cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trên các lĩnh vực ngày càng quyết liệt, ảnh hưởng sâu sắc tới tình hình khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Thế và lực của Trung Quốc không ngừng gia tăng, trong khi sức mạnh của Mỹ tiếp tục bị căng trải trên các khu vực, khiến cho biểu đồ cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung thay đổi theo hướng thu hẹp khoảng cách giữa hai cường quốc. Tuy Mỹ, trong tương lai gần, sẽ tiếp tục ở vị trí siêu cường số 1 thế giới, song Trung Quốc từng bước giành thế chủ động và khẳng định vai trò, vị thế trên một số vấn đề, lĩnh vực và khu vực cụ thể. Tranh chấp chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á sẽ ngày càng tăng, trên cả bình diện song phương và các diễn đàn đa phương. Trong khi Trung Quốc vừa tranh thủ viện trợ kinh tế vừa gây sức ép về chính trị để mở rộng ảnh hưởng tại khu vực thì Mỹ sẽ có xu hướng củng cố quan

hệ song phương với các đồng minh truyền thống trong khu vực (như Philippines và Thái Lan), mở rộng quan hệ “đối tác mới” với một số nước khác (như Malaysia, Việt Nam), đồng thời lôi kéo các nước thành viên ASEAN tham gia vào các hợp tác đa phương do Mỹ lãnh đạo như TPP, hợp tác Mỹ - hạ nguồn Mê-kông.

Nhật Bản sẽ tiếp tục có những cải cách quan trọng nhằm nâng ảnh hưởng về chính trị trong khu vực Đông Nam Á, hướng tới tương xứng với sức mạnh về kinh tế. Chính sách “hướng Nam” của Nhật cùng với sự gia tăng viện trợ kinh tế, thương mại và đầu tư vào các nước thành viên ASEAN sẽ giúp Nhật nâng cao khả năng cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc tại khu vực. Ấn Độ sẽ tiếp tục đà tăng trưởng ổn định, trở thành một trong những nền kinh tế hàng đầu châu Á, động lực phát triển kinh tế cho khu vực. Trong thế kỷ XXI, Ấn Độ đẩy mạnh chính sách “hướng Đông” nhằm tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á, góp phần gia tăng và cạnh tranh ảnh hưởng tại khu vực.

*Thứ ba*, ASEAN sẽ tiếp tục phát triển năng động về kinh tế và cuối năm 2015 đánh dấu mốc Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên ba trụ cột APSC, AEC và ASCC. Vị thế và vai trò trung tâm của ASEAN (ASEAN centrality) trong kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ tăng lên nếu như ASEAN giữ được đoàn kết nội khối và vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn trong khu vực. Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn một số thách thức trong quá trình phát triển của ASEAN như: sự chia rẽ nội khối do các nước lớn tăng cường lôi kéo các nước thành viên ASEAN và có những thời điểm và trong những vấn đề cụ thể, các nước ASEAN để lợi ích quốc gia lấn lướt lợi ích chung của cả Hiệp hội; sự chênh lệch và gia tăng khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên ASEAN; sự nổi lên của các vấn đề an ninh phi truyền thống như chủ nghĩa khủng bố quốc tế, nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, dịch bệnh lây lan,... Vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông giữa một số

quốc gia thành viên ASEAN và Trung Quốc sẽ tiếp tục căng thẳng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định trong khu vực.

### ***3.2.2. Những cơ hội đem lại từ việc ASEAN tăng cường lôi kéo sự “dính líu” của Mỹ vào khu vực***

Ở một chừng mực nhất định, việc ASEAN nỗ lực lôi kéo sự “dính líu” và “can dự” của Mỹ vào khu vực Đông Nam Á sẽ mang lại cho các nước trong khu vực những cơ hội mới để củng cố hòa bình và ổn định khu vực, ngăn ngừa phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phát triển kinh tế giữa các quốc gia [8].

*Trong lĩnh vực chính trị*, mặc dù sức mạnh tổng hợp đang suy giảm một cách tương đối, nhưng Mỹ vẫn là siêu cường thế giới, nên hợp tác với Mỹ sẽ tạo điều kiện cho các nước vừa và nhỏ tăng cường vị thế quốc gia trên trường quốc tế, ít nhất vì nếu Mỹ quan tâm thì sẽ tạo đòn bẩy cho các đồng minh của Mỹ quan tâm hơn. Đồng thời, khi ASEAN lôi kéo Mỹ tích cực can dự vào các diễn đàn đa phương trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ giúp tạo thế cân bằng chiến lược tại khu vực. Cạnh tranh giữa các nước lớn, trong chừng mực nào đó, sẽ tạo điều kiện cho các nước vừa và nhỏ tranh thủ để cải thiện quan hệ với các nước lớn. Ngoài ra, việc ASEAN nỗ lực vươn lên, đóng vai trò “người cầm lái” trong các cơ chế đa phương tại khu vực và Mỹ công nhận vai trò này, phần nào giúp nâng cao uy tín của ASEAN trên trường quốc tế, từ đó, góp phần vào hòa bình, ổn định khu vực.

*Trong lĩnh vực an ninh - quân sự*, việc phát triển quan hệ ASEAN - Mỹ tạo điều kiện để Mỹ tăng cường hợp tác với các nước Đông Nam Á nói chung, như chuyển giao công nghệ, bán các loại vũ khí hiện đại, và hỗ trợ vũ khí (mang tính phòng vệ), huấn luyện và tập trận chung với các nước đồng minh nói riêng. Điều này giúp các nước trong khu vực đa dạng hóa đầu vào của ngành công nghiệp quốc phòng, tăng khả năng đảm bảo chủ quyền quốc gia và ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp. Trong vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển Đông, ít nhất việc Mỹ công khai tuyên bố ủng hộ

tự do hàng hải và duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982, là có lợi cho ASEAN và các bên có tranh chấp ngoài Trung Quốc. Việc Mỹ tích cực tham gia tại các diễn đàn an ninh đa phương như ADMM+, ARF cũng góp phần tăng cường xây dựng lòng tin giữa quân đội các nước. Mỹ sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm và hỗ trợ năng lực cho các nước Đông Nam Á trong việc ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống đang nổi lên, đe dọa đến tình hình an ninh khu vực, như tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, buôn bán ma túy, tội phạm công nghệ cao,...

*Trong lĩnh vực kinh tế*, việc ASEAN lôi kéo Mỹ tăng cường “can dự” vào khu vực góp phần thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động thương mại, đầu tư và viện trợ, tạo điều kiện cho các nước Đông Nam Á tranh thủ được vốn, khoa học và công nghệ của Mỹ và các đồng minh phương Tây, phục vụ cho mục tiêu phát triển. Chính quyền Obama đưa ra cam kết giúp đỡ xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN để ASEAN có thể trở thành một thị trường duy nhất và cơ sở sản xuất chung sau 2015. Gần đây, Mỹ đẩy mạnh hơn nữa hợp tác kinh tế với một số nước ASEAN thông qua ký Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA)<sup>5</sup>, thúc đẩy đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do, Hiệp định Hợp tác đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

### **3.2.3. Những thách thức đặt ra cho quan hệ ASEAN - Mỹ**

Mặc dù quan hệ ASEAN - Mỹ đã phát triển nhanh chóng, cả trên bình diện đa phương và song phương từ năm 2009, nhưng hiện vẫn tồn tại những khác biệt trong mỗi quan hệ này.

*Khác biệt trong chính sách đối với Mỹ của các nước thành viên ASEAN*

Lập trường chung của ASEAN trong quan hệ với Mỹ hiện nay là thúc đẩy hợp tác toàn diện, xây dựng Kế hoạch hành động 2016 - 2020 để hiện thực hóa tuyên bố về việc nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược ASEAN - Mỹ được

<sup>5</sup> Mỹ đã ký TIFA với các nước Indonesia, Philippines, Malaysia, Campuchia và Việt Nam.

thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ lần thứ III, được tổ chức tháng 11/2015, tại Malaysia. Tuy nhiên, lợi ích và chính sách đối ngoại của 10 nước thành viên ASEAN với Mỹ là khác nhau. Các nước thành viên ASEAN hiện bị chia thành ba nhóm nước chính trong quan hệ với Mỹ: *Thứ nhất*, nhóm các nước có quan hệ đồng minh và đối tác chiến lược gồm: Philippines, Thái Lan và Singapore. Mỹ là một trong những nước ở vị trí ưu tiên trong chính sách đối ngoại của các nước này và quan hệ với Mỹ khá toàn diện, đặc biệt, trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng, bao gồm cả viện trợ quân sự, hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố ở Đông Nam Á và lĩnh vực kinh tế. *Thứ hai*, nhóm các nước có quan hệ đối tác toàn diện và đối tác mới gồm: Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Các nước thuộc nhóm này có quan hệ với Mỹ trên nhiều lĩnh vực khác nhau, từ hợp tác về kinh tế, văn hóa - giáo dục, các vấn đề an ninh phi truyền thống đến hợp tác chống khủng bố, nhưng mức độ quan hệ thấp hơn so với các nước thuộc nhóm thứ nhất, đặc biệt trên lĩnh vực hợp tác về an ninh – quốc phòng và chống khủng bố. *Thứ ba*, nhóm các nước nghiêng hơn về phía Trung Quốc và vẫn giữ quan hệ song phương và đa phương với Mỹ, gồm: Campuchia, Lào và Myanmar.

*Khác biệt về vấn đề dân chủ, nhân quyền*

Thúc đẩy dân chủ nhân quyền luôn là một trong những nhóm hành động chủ chốt của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và tại Đông Nam Á nói riêng. Mỹ luôn ủng hộ những nỗ lực bảo vệ nhân quyền và thúc đẩy các xã hội dân sự trong ASEAN. Chính quyền Obama đã chọn cách vừa hỗ trợ tài chính, như các chương trình viện trợ thông qua các NGOs để khuyến khích thúc đẩy nhân quyền, vừa gây sức ép chính trị, buộc các nước phụ thuộc về kinh tế phải cải cách chính trị, sửa đổi luật pháp phù hợp với tiêu chuẩn và lợi ích của Mỹ, nhằm đưa các nước này từng bước đi vào quỹ đạo ảnh hưởng của mình. Hàng năm, Bộ Ngoại giao Mỹ vẫn đưa ra các bản Báo cáo chỉ trích vấn đề mất nhân quyền ở các nước ASEAN, đồng thời, tổ chức các Hội nghị nhân quyền và thông qua các tổ chức nhân quyền quốc tế để ủng hộ các phong trào đòi dân chủ,

nhân quyền, tự do báo chí, tự do tôn giáo, nhất là ở những nước có chế độ chính trị đối lập với Mỹ.

Mỹ cho rằng cải cách dân chủ trong ASEAN sẽ giúp ASEAN mạnh hơn, tuy nhiên, sự phát triển dân chủ ở các nước thành viên ASEAN rất khác nhau. Theo Tổ chức Free House, trong số 10 nước ASEAN, chỉ có 1 nước là “tự do”, 3 nước có “tự do một phần” và 6 nước “không có tự do”. Đáng chú ý, tuy Việt Nam đã tiến hành cải cách sâu rộng về kinh tế, xã hội, song vẫn nằm trong danh sách các nước “không có tự do”.

Việt Nam là một trong số các thành viên của ASEAN có nhiều bất đồng về vấn đề dân chủ nhân quyền với Mỹ. Đối với Việt Nam, Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng con bài “dân chủ, nhân quyền, tôn giáo” gây sức ép. Ngày 20/5/2009, Ủy ban Đối ngoại Hạ viện Mỹ đã thông qua Dự luật thẩm quyền quan hệ đối ngoại (H.R.2410), trong đó có điều khoản bổ sung đề nghị Bộ Ngoại giao Mỹ đưa Việt Nam trở lại “Danh sách các nước cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo”. Tiếp đó, ngày 21/5, Thượng Nghị sĩ Barbara Boxer đã đệ trình lên Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ “Dự luật thúc đẩy tự do, nhân quyền và luật pháp tại Việt Nam” (S.1159) [154].

Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Michael W. Michalak họp báo tại Hà Nội (03/02/2010) tiếp tục phản đối việc Việt Nam xét xử các nhân vật vi phạm pháp luật mà họ gọi là những người bất đồng chính kiến. Trong các cuộc tiếp xúc với Bộ Ngoại giao Việt Nam, Đại sứ quán Mỹ vẫn còn gấn việc cải thiện tình hình dân chủ, nhân quyền của Việt Nam với các hoạt động lớn trong quan hệ hai nước trong năm 2010, tuy nhiên với thái độ mềm mỏng hơn, không cản trở nhiều đến những nỗ lực thúc đẩy quan hệ chung Việt - Mỹ. Ông Kurt Campbell, trợ lý Ngoại trưởng, phụ trách các vấn đề Đông Á và Thái Bình Dương, cho biết: “Chúng tôi đã nói rõ rằng, để quan hệ Hoa Kỳ và Việt Nam tiến tới mức độ kế tiếp, đòi hỏi một số bước quan trọng ở phía Việt Nam để giải quyết cả hai vấn đề: các trường hợp cá nhân và các mối lo ngại về nhân quyền, nhưng cũng có

nhieuu thach thuc hon mang tinh he thong, ket hop voi quyen tu do phat bien, tu do lap hoi”.

*Khac biet ve quan niem ve phat trien*

Mỹ là nước chủ trương tự do hóa thương mại, vì thực chất, thương mại tự do rất có lợi cho những nền kinh tế lớn và mạnh như Mỹ. Nhưng thực tiễn quan hệ kinh tế quốc tế của Mỹ và một số điều luật trên cho thấy, mức độ bảo hộ của Mỹ là khá cao. Có thể hiểu một cách đơn giản là ở lĩnh vực nào tự do thương mại có thể đem lại lợi ích cho Mỹ, thì Mỹ thúc đẩy các nước khác phải thực hiện tự do hóa thương mại; còn lĩnh vực nào, mặt hàng nào mà Mỹ không thể cạnh tranh nổi, hoặc khó cạnh tranh thì Mỹ thực hiện bảo hộ; nói cách khác, Mỹ không để chịu thiệt ở bất cứ mặt hàng nào, lĩnh vực nào, người chịu thiệt vẫn là những nước yếu hơn Mỹ, kể cả bạn hàng đồng minh. Vậy nên các nước ASEAN cũng không phải là ngoại lệ, Mỹ áp dụng chính sách bảo hộ rất cao và cũng đòi hỏi rất cao sự phát triển kinh tế theo hướng thị trường ở các nước ASEAN. Mục tiêu của Mỹ là tự do hóa thương mại, mở cửa các thị trường nước ngoài, giảm hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan. Trong việc ký kết các hiệp định khu vực, Mỹ đồng thời thúc đẩy phát triển thương mại tự do khu vực và thúc đẩy các nước cùng mở rộng tự do hóa thương mại ra toàn thế giới.

Mặc dù chủ trương thúc đẩy tự do hóa thương mại toàn cầu, Mỹ vẫn có nhiều công cụ quan trọng để thực hiện chính sách quan hệ kinh tế quốc tế của mình như luật về các hiệp định thương mại, cải cách thương mại, thuế quan, cạnh tranh, đàm phán thương mại quốc tế, các quy định về Đối xử quốc gia (NT), Tối huệ quốc (FMN) hay Quy chế quan hệ thương mại bình thường (NTR), Hệ thống Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP). Đồng thời Mỹ cũng áp dụng khá nhiều biện pháp hạn chế về định lượng hàng hóa nhập khẩu, chẳng hạn như hạn ngạch nhập khẩu, hạn chế tự nguyện nhập khẩu... Bên cạnh đó, Mỹ cũng thường áp dụng các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời, như các quy định về chống bán phá giá và thuế đối kháng, các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh

toán, các điều luật trợ giúp xuất khẩu và thi hành các hiệp định thương mại (có các điều khoản trừng phạt kinh tế), các quy định về nguồn gốc xuất xứ, các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, lợi ích kinh tế, trả đũa thương mại và bảo vệ môi trường, Đạo luật về buôn bán với các nước thù địch, Đạo luật về kiểm soát ma túy, cấm vận kinh tế... đều là những quy định hết sức nghiêm ngặt. Ngoài ra, Mỹ cũng áp dụng rất nhiều ràng buộc trong quan hệ kinh tế với nước khác khi cung cấp viện trợ kinh tế, hay các loại tín dụng. Những ràng buộc này thường liên quan đến cải cách kinh tế, điều chỉnh luật pháp, nhân quyền, tự do tôn giáo... là những vấn đề rất nhạy cảm trong các vấn đề chủ quyền và công việc nội bộ của các quốc gia.

#### ***3.2.4. Triển vọng ASEAN điều chỉnh quan hệ với Mỹ***

Dựa vào cơ sở hoạch định những định hướng đối ngoại của ASEAN với Mỹ (như đã phân tích ở chương I), có thể nói, “quan hệ đối ngoại” này sẽ được điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến của kiến trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) nói chung, sự biến thiên của các nhân tố Mỹ, Trung Quốc và ASEAN nói riêng và tính toán chiến lược của ASEAN trong quan hệ với Mỹ. Triển vọng đến năm 2020, quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ có thể diễn ra ba kịch bản sau:

##### ***Kịch bản 1: ASEAN sẽ ngã theo Mỹ chống Trung Quốc***

Kịch bản này chỉ xảy ra trong trường hợp cạnh tranh Mỹ - Trung tiếp tục gia tăng và Mỹ tỏ ra lấn lướt Trung Quốc trên mọi lĩnh vực, thậm chí, Mỹ sẽ chi phối kiến trúc khu vực CA-TBD thông qua các cơ chế đa phương do ASEAN làm chủ đạo. Mỹ sẽ tiếp tục giữ vai trò số 1 trong kiến trúc khu vực CA-TBD, một mặt, Mỹ đẩy mạnh cơ chế “trục - nan hoa” như trong thời Chiến tranh lạnh, mặt khác, Mỹ tham gia và chi phối các cơ chế đa phương trong khu vực do ASEAN làm chủ đạo. Trong trường hợp này, ASEAN sẽ không còn giữ được vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc như hiện nay. Mỹ sẽ lôi kéo các nước đồng minh, ASEAN và các nước khác trong khu vực nhằm cân

bằng quyền lực (balance of power) chống lại sự trỗi dậy của Trung Quốc, một cường quốc mới nổi muốn phá vỡ kiến trúc khu vực hiện hành. Việc Mỹ chủ động vào cuộc chơi đa phương ở châu Á nhằm đối phó với ảnh hưởng của Trung Quốc được so sánh với việc Mỹ chủ động ủng hộ liên kết châu Âu sau Chiến tranh thế giới II nhằm tạo ra một châu Âu mạnh và liên kết chặt chẽ, đối phó với ảnh hưởng của Liên Xô [68,18].

Kịch bản này cũng có thể sẽ xảy ra nếu Trung Quốc công khai xưng bá ở CA-TBD, muốn gạt ảnh hưởng của Mỹ và các cường quốc khác, như Nhật Bản, Ấn Độ, ra khỏi khu vực. Tuy nhiên, về sau, nội bộ Trung Quốc sẽ bị phe điều hâu, dân tộc cực đoan chi phối. Trung Quốc đứng trước hiểm họa sụp đổ hoặc tan rã từ bên trong (vì những vấn đề như chủ nghĩa ly khai nổi lên ở Tây Tạng, Tân Cương, Đài Loan tiến đến độc lập ngoài tầm kiểm soát, khủng hoảng kinh tế - chính trị...).

***Kịch bản 2: ASEAN sẽ lạnh nhạt hơn trong quan hệ với Mỹ và nghiêng nhiều hơn về phía Trung Quốc***

Nếu ASEAN lạnh nhạt hơn trong quan hệ với Mỹ, có thể mối quan hệ ASEAN - Mỹ sẽ quay trở lại như trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX.

Trong kịch bản này, cạnh tranh Mỹ - Trung tăng lên ở khu vực CA-TBD và phần thắng nghiêng về phía Trung Quốc. Một trật tự mới trong khu vực dần định hình: sức mạnh của Mỹ suy giảm và Mỹ không còn vai trò đáng kể trong kiến trúc an ninh khu vực, ngược lại, Trung Quốc vươn lên, chi phối kiến trúc khu vực CA-TBD và tích cực lôi kéo các nước thành viên ASEAN. Trọng tâm chính sách đối ngoại của Mỹ sẽ đặt ở châu Âu và Trung Đông, đối với Đông Nam Á, Mỹ sẽ quay trở lại chính sách “trung lập tích cực” như dưới thời Tổng thống Bush II. Vì thế, quan hệ ASEAN - Mỹ sẽ dần lạnh nhạt, song Mỹ vẫn cố gắng duy trì sự hiện diện ở khu vực, ít nhất là quan hệ với các đồng minh truyền thống.

Kịch bản này sẽ xảy ra khi hội tụ các điều kiện: Sức mạnh của Trung Quốc vượt trội cả về kinh tế và quân sự, cộng với chủ nghĩa dân tộc lên cao khiến Trung Quốc ngày càng tự tin hơn, quyết đoán và cứng rắn hơn trong việc bảo vệ lợi ích của mình và trong cạnh tranh Trung – Mỹ. Về phía Mỹ, các chính sách của Mỹ đối với khu vực CA-TBD không hiệu quả, hoặc Mỹ bị sa lầy trong cuộc chiến chống Nhà nước Hồi giáo (ISIS) ở Trung Đông, cộng thêm những khó khăn trong nước, chẳng hạn như khủng hoảng kinh tế - tài chính. Mỹ sẽ không chú trọng quan hệ với các đồng minh trong khu vực, lơ là trong quan hệ với ASEAN cũng như các cơ chế đa phương khác và dần mất đi vai trò vốn có trong khu vực. Về phía khu vực, chủ nghĩa khu vực ngày càng phát triển, các nước đồng minh của Mỹ trở nên độc lập hơn và không còn phụ thuộc vào Mỹ. Các nước lớn khác có nhiều chính sách tăng cường vai trò trong các cơ chế đa phương khiến vai trò của Mỹ dần mờ nhạt.

***Kịch bản 3: ASEAN sẽ tiếp tục giữ vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với Mỹ - Trung Quốc và vươn lên đóng vai trò trung tâm trong kiến trúc khu vực CA-TBD đang định hình***

Sau khi ASEAN - Mỹ đã ra tuyên bố nâng cấp quan hệ lên tầm đối tác chiến lược, ASEAN sẽ vẫn tiếp tục tăng cường lôi kéo sự “dính líu” của Mỹ vào khu vực, song mối quan hệ ASEAN - Mỹ sẽ chỉ phát triển trong khuôn khổ nhất định, sao cho không làm méch lòng người láng giềng khổng lồ Trung Quốc và ASEAN vẫn giữ được vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn. Mỹ vẫn tiếp tục chính sách “xoay trục”, quay trở lại châu Á và “tăng cường can dự” vào khu vực Đông Nam Á như hiện nay và ASEAN có điều kiện đóng vai trò “trung tâm” trong một số cơ chế hợp tác đa phương trong khu vực.

Trong kịch bản này, đặc điểm của quan hệ Mỹ - Trung vẫn tiếp tục là vừa cạnh tranh vừa hợp tác, với mặt cạnh tranh nổi trội. Bất đồng Mỹ - Trung bộc lộ công khai trên các vấn đề kinh tế, an ninh quốc phòng, ngoại giao, dân chủ nhân

quyền, li khai,... Tuy nhiên, hợp tác vẫn được duy trì, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, do nền kinh tế Mỹ - Trung về cơ bản, phụ thuộc vào nhau chặt chẽ và lợi ích của hai nước cũng gắn bó với nhau trên nhiều vấn đề, nhất là các vấn đề an ninh phi truyền thống. Mỹ và Trung Quốc tiếp tục cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á với mục tiêu giành vị trí chủ chốt trong kiến trúc khu vực CA-TBD.

ASEAN vẫn có cơ hội duy trì vai trò “trung tâm” của mình trong một số cơ chế hợp tác đa phương ở CA-TBD với điều kiện ASEAN phải đẩy mạnh liên kết nội khối, sau khi xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN và lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn, tạo ra cân bằng ảnh hưởng của các nước lớn ở khu vực.

Những điều kiện để kịch bản 3 xảy ra gồm: Kinh tế Mỹ tiếp tục xu thế phục hồi dù còn chậm chạp và chính quyền Mỹ (dù Đảng Cộng hòa hay Đảng Dân chủ nắm quyền) tiếp tục chính sách coi trọng CA-TBD nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Tình hình các điểm nóng khu vực như Triều Tiên, biển Đông... trở nên căng thẳng nhưng chưa đến mức nổ ra khủng hoảng quy mô lớn. Các điểm nóng khác trên thế giới ở Trung Đông, Trung Á, vấn đề khủng hoảng người di cư hay vấn đề Ukraine... có thể vẫn sẽ tiếp diễn nhưng Mỹ sẽ không dồn toàn lực vào đây để giải quyết và chia sẻ trách nhiệm với các đồng minh. Điều này sẽ cho phép Mỹ “tích cực can dự” ở CA-TBD.

**Đánh giá:** Trong số 3 kịch bản nêu trên, kịch bản thứ 3 có khả năng xảy ra nhất trong tương lai ngắn hạn. Trục Mỹ - Trung sẽ vẫn là trục chính chi phối kiến trúc khu vực CA-TBD và quan hệ đối ngoại của ASEAN với Mỹ cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự biến thiên của mối quan hệ Mỹ - Trung. Trong tương lai gần, một trong hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc sẽ chưa thể vượt trội, lấn lướt cường quốc kia về mọi mặt như kịch bản 1 hoặc 2 nêu ra. Sau khi căng thẳng Mỹ - Trung lên đến đỉnh điểm sau Hội nghị ARF 17 năm 2010, cả Mỹ và Trung Quốc đều có những bước điều chỉnh theo hướng mềm mỏng, hòa hoãn hơn và tránh đối đầu.

### **3.3. Khuyến nghị chính sách của Việt Nam**

#### ***3.3.1. Khuyến nghị chính sách đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn nói chung***

Mục tiêu nhất quán và xuyên suốt của Việt Nam trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại là duy trì và bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng, hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước. Mục tiêu sách lược trong tương lai ngắn hạn nên là giữ vững hòa bình, ổn định trong nước và khu vực, tiếp tục thúc đẩy quan hệ với các nước lớn nhằm phục vụ lợi ích phát triển của Việt Nam, nhưng không để bị lôi kéo vào các tập hợp lực lượng trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn, tránh rơi vào hoàn cảnh các nước lớn thỏa hiệp, bắt tay hoặc cạnh tranh nhau gây tổn hại lợi ích quốc gia, lợi ích chung của khu vực.

Để thực hiện được mục tiêu sách lược ấy, Việt Nam cần tiếp tục thực hiện chính sách độc lập, tự chủ nhưng phải chủ động hơn nữa trong đa dạng hóa, tăng cường quan hệ với các nước lớn trên các mặt kinh tế - thương mại, chính trị - an ninh, kể cả hợp tác quốc phòng, tranh thủ cơ hội thúc đẩy các quan hệ đi vào chiều sâu và thực chất, tạo sự đan xen lợi ích của các nước lớn ở Việt Nam. Khi tham gia các hoạt động hợp tác an ninh, quốc phòng song phương với các nước lớn khác như Mỹ, Nga,... Việt Nam cần chú ý không để các hoạt động hợp tác đó bị suy diễn là có hàm ý liên minh, liên kết nhằm tạo thế bao vây, kiềm chế Trung Quốc.

Là một nước thuộc khu vực Đông Nam Á, Việt Nam một mặt chịu ảnh hưởng rất lớn từ chính sách an ninh với khu vực của Mỹ, đồng thời cũng chịu tác động không nhỏ từ những hành động của Trung Quốc. Yêu cầu đặt ra là Việt Nam phải khéo léo xử lý tốt mối quan hệ giữa hai bên theo hướng cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, không bị hút vào bên nào, đồng thời hưởng lợi từ chính sách của cả hai phía. Đây là một nghệ thuật đòi hỏi sự khéo léo, linh hoạt uyển chuyển trong phương cách ngoại giao của Việt Nam.

Việt Nam đã có quan hệ hải quân tốt đẹp với các nước láng giềng như: Trung Quốc, Campuchia, Philippines, Singapore, Thái Lan... Các hoạt động hợp tác như tuần tra chung, lập đường dây nóng, hợp tác cứu hộ, cứu nạn... đã đạt được nhiều thành tựu, đem lại lợi ích thiết thực cho hải quân và nhân dân các nước, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa Việt Nam với các nước và xây dựng môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực.

Phát triển quan hệ hải quân với Trung Quốc là một hướng ưu tiên trong quan hệ đối ngoại Quốc phòng của Việt Nam, mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai nước. Hiện nay mối quan hệ đó đã đạt được nhiều thành tựu, hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn đại biểu cấp cao, giao lưu sĩ quan hải quân, tuần tra chung, lập đường dây nóng và gần đây nhất đã tiến hành diễn tập cứu hộ, cứu nạn trên biển.

Việt Nam chủ trương phát triển quan hệ quốc phòng với Mỹ trên cơ sở hai bên cùng có lợi và những nguyên tắc của chính sách đối ngoại. Ngoài các chuyến thăm của tàu Hải quân Mỹ như đã nêu trên, Việt Nam cũng đón tàu hải quân của các nước khác như: Ấn Độ, Pháp, Australia, Nhật Bản... Việc phát triển quan hệ hải quân nằm trong chính sách phát triển quan hệ đối ngoại Quốc phòng với tất cả các nước nói chung và quan hệ hải quân với các nước nói riêng.

Trong tương lai gần, nếu kịch bản 3 xảy ra, Mỹ tiếp tục chính sách “tăng cường can dự” với ASEAN thì sẽ có những tác động cả tích cực và tiêu cực đến Việt Nam. Với vai trò là một trong những thành viên năng động và có vị thế nhất định trong ASEAN, Việt Nam sẽ đón nhận những tác động tích cực nhiều hơn nếu như chúng ta khéo léo và cân trọng trong triển khai chính sách với Mỹ. Trong bối cảnh Mỹ - Trung gia tăng cạnh tranh, nếu Việt Nam thúc đẩy quan hệ với Mỹ sẽ khiến Trung Quốc, người láng giềng khổng lồ, tăng nghi ngờ Việt Nam, cho rằng Việt Nam liên minh liên kết với nước lớn khác nhằm bao vây, kiềm chế Trung Quốc. Từ đó, Trung Quốc có thể sẽ ra những biện pháp hoặc chính sách bất lợi cho ta. Việt Nam cũng có thể rơi vào thế bị “kẹt” trong quan

hệ với Mỹ - Trung nếu không thể hiện được tính độc lập, tự chủ của mình. Đồng thời, Việt Nam cũng cần đề phòng gia tăng căng thẳng hoặc có sự thỏa hiệp giữa Mỹ và Trung Quốc có thể sẽ tác động đến mình.

Tác động tích cực nhất đến Việt Nam là với vị thế địa – chính trị và vai trò hiện nay của Việt Nam trong ASEAN và trên trường quốc tế, nhiều nước lớn, điển hình nhất là Mỹ và Trung Quốc, đều tranh thủ, lôi kéo Việt Nam trên cả hai mặt kinh tế và chính trị. “Hiện tượng Việt Nam” tái xuất hiện do Việt Nam lại trở thành một điển hình của nước nhỏ phải chung sống và đối phó với một nước lớn tham vọng bá chủ thế giới [68,21]. Trong thời gian tới, các nước lớn có khả năng sẽ coi trọng đầu tư và thương mại với Việt Nam để tranh thủ vị trí địa chính trị, địa kinh tế đang lên của Việt Nam, tranh thủ các lợi thế nước ta có được do ở cạnh Trung Quốc và cũng để phân tán bớt rủi ro khi bị phụ thuộc quá nhiều vào nền kinh tế Trung Quốc. Như vậy, Việt Nam có điều kiện hơn bao giờ hết để thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, đưa các quan hệ đi vào chiều sâu. Quan hệ Mỹ - Việt cũng không phải một ngoại lệ.

Có thể nói, quan hệ Mỹ - Việt đang ở giai đoạn “nồng ấm nhất” kể từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1995. Mỹ hiện ưu tiên phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam [153]. Về chính trị, Mỹ đánh giá cao vai trò tích cực của Việt Nam trong ASEAN và cộng đồng quốc tế. Trong chuyến thăm Việt Nam tháng 2/2010, Phó Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ phụ trách khu vực Đông Nam Á Scot Marciel cho biết: Mỹ tiếp tục coi trọng tăng cường quan hệ sâu rộng với Việt Nam vì những lợi ích chiến lược lâu dài, coi Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực, muốn Việt Nam đóng vai trò quốc tế lớn hơn và hợp tác với Mỹ nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực. Về kinh tế, Mỹ khẳng định ủng hộ các công ty Mỹ đầu tư ở Việt Nam. Đại diện Thương mại Mỹ đề nghị hai bên tích cực hợp tác giải quyết một số vấn đề phía Mỹ quan tâm làm cơ sở để Mỹ đẩy nhanh xem xét cấp Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GPS) cho

Việt Nam, công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường và là “nước đang phát triển” theo cam kết của Hiệp định thương mại song phương BTA và WTO.

### ***3.3.2. Khuyến nghị chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ và ASEAN***

#### ***Trong quan hệ với Mỹ***

Trong quan hệ với Mỹ, trước mắt, Việt Nam cần tích cực đối thoại để xây dựng khuôn khổ đối tác chiến lược với Mỹ. Bên cạnh việc tăng cường hợp tác chính trị, kinh tế, giáo dục, khoa học công nghệ, cần chủ động tăng cường ngoại giao quốc phòng, ngoại giao an ninh; tích cực đối thoại và hợp tác quốc phòng - an ninh hơn trong các khuôn khổ đa phương có Mỹ tham gia (như các hoạt động diễn tập tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai, thảm họa); quan tâm và hợp tác hơn trong các vấn đề Mỹ có lợi ích như chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, kiểm soát xuất khẩu, an ninh hạt nhân.

Việt Nam luôn thực hiện chính sách quốc phòng dựa vào sức mình là chính để bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam luôn giữ vững quan điểm độc lập tự chủ, chủ trương không tham gia liên minh quân sự, không dựa vào nước này để chống nước kia. Hơn nữa, những bài học trong quá khứ cho thấy, chỉ có thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình và tự vệ, độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế thì mới bảo vệ được chủ quyền lãnh thổ và các lợi ích quốc gia khác.

Trong bối cảnh Mỹ đang xúc tiến các hoạt động hợp tác với các nước Đông Nam Á, có thể thấy mặt bên kia của những lời “khuyến bảo”, “cảnh báo” thực chất là sự e ngại trước mối quan hệ đang có nhiều tiến triển giữa Mỹ và các nước trong khu vực. Đây chính là tiền đề cho việc đa phương hóa giải quyết các tranh chấp ở biển Đông, cũng là điều mà Trung Quốc không hề mong muốn và luôn tìm cách né tránh suốt thời gian qua.

Truyền thống dựng nước và giữ nước để lại cho Việt Nam nhiều bài học quý báu. Trong đó, bài học lớn nhất là độc lập, tự chủ. Trong lịch sử hiện đại, để đối đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ suốt 20 năm, Việt Nam đã nhận

được nhiều sự trợ giúp của bạn bè quốc tế, trong đó có Trung Quốc. Thế nhưng, nếu chỉ trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài, nhân dân Việt Nam không thể nào hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Bởi hơn ai hết, dân tộc Việt Nam thấu hiểu quan niệm “không có đồng minh vĩnh viễn cũng không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh cửu” đã và đang chi phối các mối quan hệ quốc tế và lịch sử đất nước của mình như thế nào. Bước vào kỷ nguyên mới, đối thoại và hội nhập, độc lập, tự chủ không đồng nghĩa với chủ nghĩa biệt lập. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với các nước trên thế giới, đồng thời, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam luôn chủ trương giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua con đường đàm phán hòa bình, trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi. Do đó, Việt Nam nhìn nhận sự phối hợp các bên có lợi ích đan xen trong vấn đề biển Đông thể hiện thái độ trách nhiệm với an ninh chung trong khu vực, kiềm chế các lực lượng bá quyền gây hấn, khiêu khích mưu đồ áp đặt luật chơi ích kỷ và thách thức luật pháp quốc tế.

### ***Trong quan hệ với ASEAN***

Hoà bình, an ninh và ổn định ở Đông Nam Á, khu vực địa lý mà Việt Nam là một bộ phận, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với an ninh và phát triển của nước ta. Các nước ASEAN nằm ở vị trí địa chính trị chiến lược của châu Á-Thái Bình Dương, với các nền kinh tế phát triển năng động và tuyến đường biển quan trọng lớn thứ 2 trên thế giới chạy qua. Đây cũng chính là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng mạnh mẽ của các nước lớn, vừa là thách thức, song cũng mở ra những cơ hội cho các nước trong khu vực. Sau những bài học kinh nghiệm của thời kỳ đất nước bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã nhận thức rõ rằng duy trì quan hệ hữu nghị với các nước láng giềng, tạo dựng môi trường khu vực thuận lợi để bảo đảm an ninh và phát triển đất nước là nền tảng quan trọng, là ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại thời kỳ Đổi mới. Câu ngạn ngữ “bán anh em xa, mua láng giềng gần” của cổ nhân để lại càng đúng trong bối cảnh này. Từ Hội

ngệ Trung ương III khóa VII (tháng 6/1992) đến nay, ASEAN luôn được xếp ở vị trí ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đại hội Đảng XI (2011) đã đề ra chủ trương: “Việt Nam sẽ chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, duy trì và củng cố vai trò quan trọng của ASEAN trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương” [12,237], đồng thời, xác định nhiệm vụ: “Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh” [12,64].

Trên cơ sở chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Đảng tại Đại hội XI, trong thời gian tới, việc tham gia hợp tác ASEAN cần quán triệt các tư tưởng chỉ đạo sau đây: (i) Tham gia hợp tác trong ASEAN phải luôn bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi trên cơ sở các tuân thủ nguyên tắc cơ bản của Hiến chương ASEAN và luật pháp quốc tế; đưa quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với ASEAN cả về song phương và đa phương phát triển một cách vững chắc, cả bề rộng lẫn bề sâu, nhằm phục vụ hai mục tiêu chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa trung bình vào năm 2020. (ii) Quá trình tham gia ASEAN phải có sự gắn kết chặt chẽ với tổng thể việc triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, cần có lộ trình, biện pháp cụ thể, rõ ràng, hợp lý. Hợp tác trong ASEAN đã được triển khai khá toàn diện trên mọi lĩnh vực, do đó quá trình này phải được tiến hành có hệ thống, sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả ở tất cả các bộ phận tham gia hợp tác trong ASEAN phù hợp với sự chuẩn bị ở trong nước, bảo đảm quán triệt đúng chủ trương, đúng định hướng của Đảng đã đề ra trong hợp tác chắc chắn và hiệu quả.

(iii) Hợp tác trong ASEAN luôn có sự đan xen lợi ích khác nhau của các nước trong khu vực, do đó đây là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa có cơ

hội vừa có thách thức; cần kiên định nguyên tắc cơ bản đã được thống nhất trong Hiến chương ASEAN; tinh táo, khéo léo và linh hoạt trong mọi tình huống, bảo đảm hài hòa lợi ích của Việt Nam, tính đến lợi ích chung của Cộng đồng ASEAN, các đối tác hợp tác với ASEAN và giữ vững đoàn kết trong ASEAN.

(iv) Thể hiện và phát huy vai trò là một thành viên nòng cốt, năng động, có trách nhiệm trong những vấn đề lớn, quan trọng để Hiệp hội phát triển đúng hướng, phù hợp với các mục tiêu, nguyên tắc nêu trong Hiến chương ASEAN và phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Một trong mục tiêu quan trọng của ASEAN mà chúng ta cần tích cực thúc đẩy là sự hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 với 3 trụ cột là an ninh-chính trị, kinh tế và văn hóa-xã hội và không ngừng hoàn thiện sự phát triển của Cộng đồng sau năm 2015.

Phương châm chủ đạo khi tham gia ASEAN từ nay đến năm 2020 vẫn sẽ là chủ động, tích cực và có trách nhiệm, như tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị. Theo đó, một mặt, Việt Nam chủ động cùng ASEAN thúc đẩy và tăng cường hợp tác, liên kết khu vực, trước hết là đưa Cộng đồng ASEAN đi vào hình thành đầy đủ và hiệu quả sau 2015. Song song với đó, Việt Nam sẽ tích cực cùng các quốc gia thành viên đề cao vai trò, vị thế của ASEAN, nhất là đẩy mạnh đối thoại, hợp tác, nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức đặt ra, duy trì và củng cố hoà bình, an ninh và ổn định ở khu vực. Để làm được điều này, Việt Nam cần nỗ lực phối hợp thúc đẩy đoàn kết, thống nhất trong Hiệp hội, đồng thời, tiếp tục mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ giữa ASEAN với các đối tác, qua đó, xác lập vai trò trung tâm của ASEAN trong các tiến trình đối thoại và hợp tác hiện có cũng như trong kiến trúc đang định hình ở khu vực.

Trong bối cảnh tình hình khu vực và quốc tế ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, các nguy cơ đe dọa hoà bình, an ninh ở khu vực còn tiềm ẩn, có thể bùng phát bất cứ lúc nào, để đảm bảo mục tiêu duy trì môi trường hoà bình, ổn định ở khu vực để phát triển, Việt Nam cần kiên trì thúc đẩy ASEAN giữ vững các định hướng đã thống nhất gồm: Phát huy vai trò và nâng cao giá trị của

các khuôn khổ, diễn đàn và cơ chế đối thoại, hợp tác và xây dựng lòng tin, các công cụ đảm bảo hòa bình và an ninh khu vực do ASEAN khởi xướng; Không ngừng củng cố và hoàn thiện các chuẩn mực ứng xử, đẩy mạnh các biện pháp xây dựng lòng tin nhằm ngăn ngừa xung đột, giải quyết hoà bình các tranh chấp, khác biệt trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế và các thỏa thuận chính trị đã có.

Quá trình hình thành và phát triển của Cộng đồng ASEAN sau 2015 sẽ đặt ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt các nước thành viên, trong đó có Việt Nam, trước những thách thức mới. Tham gia ASEAN trong giai đoạn phát triển mới này của Hiệp hội, Việt Nam cần xác định rõ những lợi ích có thể khai thác từ Cộng đồng ASEAN, các thế mạnh có thể phát huy, những vấn đề có thể tranh thủ ở ASEAN để hỗ trợ cho mục tiêu an ninh và phát triển của đất nước. Bên cạnh đó, cần chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó với các vấn đề nảy sinh, nhất là trong bối cảnh việc hội nhập và liên kết sâu sẽ tất yếu dẫn đến va chạm lợi ích giữa các quốc gia thành viên, chưa kể đến sức ép và tác động từ bên ngoài.

### **Tiểu kết chương**

Từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, ASEAN đã thu được những thành công đáng kể, cả trong việc phát triển và củng cố nội khối và quan hệ đối ngoại. Mỹ là một trong những đối tác chính của ASEAN và việc ASEAN phần nào chủ động điều chỉnh những định hướng đối ngoại trong quan hệ với Mỹ góp phần giúp ASEAN đạt được các mục tiêu chung đã đề ra, về an ninh, phát triển, nâng cao vị thế trên trường quốc tế và tăng cường đoàn kết, củng cố nội khối. Những điều chỉnh đó của ASEAN và thành tựu thu được đã có tác động tích cực và tiêu cực đến bản thân ASEAN, Mỹ và rộng hơn là đến kiến trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang định hình.

Có một số ý kiến cho rằng Mỹ đang suy giảm một cách tương đối sức mạnh tổng thể, gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm trên phạm vi toàn cầu. Trong khi đó, Trung Quốc là cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ (nền kinh tế Trung Quốc hiện đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Mỹ, và Trung Quốc đang

đầu tư cho việc hiện đại hóa quốc phòng, đặc biệt là hải quân và không quân) và có tham vọng lớn (rõ rệt nhất là tham vọng mở rộng chủ quyền trên biển Đông, xây dựng “con đường tơ lụa” trên biển, “giấc mơ châu Á - Thái Bình Dương” [121]). Hiện nay, các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, đang gia tăng cạnh tranh ảnh hưởng ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, triển vọng đến năm 2020, kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn chưa thể đảo ngược. Do đó, quan hệ ASEAN - Mỹ vẫn sẽ tiếp tục phát triển theo chiều hướng tích cực và ASEAN sẽ một mặt, củng cố đoàn kết nội khối, nhằm tăng thế và lực trong quan hệ đối ngoại, sau khi Cộng đồng ASEAN được thành lập cuối 2015, mặt khác, tranh thủ Mỹ như một đối trọng để kiềm chế tham vọng mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á và tăng cường lôi kéo Mỹ “can dự”, “dính líu” nhiều hơn vào khu vực. Trong bối cảnh các nước lớn vừa cạnh tranh vừa hợp tác, ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng cần khôn khéo trong xử lý quan hệ với các nước lớn, cố gắng giữ vị trí cân bằng tương đối.

## KẾT LUẬN

Trải qua 49 năm tồn tại và phát triển, ASEAN chưa có chính sách đối ngoại chung, do mô hình phát triển của ASEAN không giống với EU và mức độ liên kết của ASEAN thấp hơn và Phương cách ASEAN (ASEAN Way) với cách tiếp cận tiệm tiến. Tuy nhiên, ASEAN có quan hệ đối ngoại (external relation) và lập trường chung về Mỹ, bởi các nước thành viên ASEAN có nhiều điểm đồng về lợi ích trong phát triển quan hệ với Mỹ. Quan hệ ASEAN - Mỹ, từ 1967 đến 2016, đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm với những đặc điểm khác nhau. Sau quá trình nghiên cứu đề tài: “Những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”, luận án rút ra được những kết luận sau:

*Thứ nhất*, tuy là tập hợp của 10 quốc gia vừa và nhỏ trong khu vực Đông Nam Á, hợp tác còn lỏng lẻo và không có lãnh đạo nhóm, nhưng ASEAN vẫn có sự chủ động nhất định trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh. Nếu như vào cuối thập kỷ 60 và trong thập kỷ 70 của thế kỷ XX, năm nước thành viên sáng lập ASEAN là những nước nhỏ, nghèo đói và mới giành độc lập nên các nước đồng minh của Mỹ phải dựa vào sự viện trợ, đầu tư của Mỹ để phát triển kinh tế và ô bảo hộ về mặt an ninh thì từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, ASEAN-6 đã giảm dần sự lệ thuộc vào Mỹ. Sau Chiến tranh lạnh, ASEAN phát triển nhanh cả về lượng (mở rộng lên thành ASEAN-10) và chất (Hiến chương ASEAN được phê chuẩn và có hiệu lực từ 2008) nên tăng dần tính độc lập, tự chủ trong quan hệ với Mỹ.

*Thứ hai*, mối quan hệ giữa ASEAN và Mỹ là quan hệ giữa tập hợp các nước vừa và nhỏ với một siêu cường thế giới. Về mặt lý thuyết, trong mối quan hệ giữa nước nhỏ và nước lớn, nước lớn với tiềm lực vượt trội và tư duy nước lớn, thường giữ vai trò chủ động hơn và chi phối quan hệ song phương nhiều hơn. Vì thế, trong quá trình phối hợp đối ngoại giữa các nước thành viên ASEAN và hoạch định ra lập trường chung của ASEAN trong quan hệ với Mỹ,

ASEAN luôn phải tính đến chính sách của Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương nói chung và quan điểm với ASEAN nói riêng. Tuy có những thời điểm và trong một số vấn đề bị chia rẽ, nhưng nhìn chung, ASEAN đã có những điều chỉnh hợp lý và ứng xử khôn khéo, góp phần đạt được những mục tiêu đề ra trong quan hệ với siêu cường.

*Thứ ba*, trong quá trình điều chỉnh quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh, ASEAN chịu sự tác động bởi cả các nhân tố khách quan và chủ quan, trong đó, nhân tố chủ quan là quyết định. Nhân tố chủ quan là mục tiêu và lợi ích của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh. Những nhân tố khách quan bao gồm: sự thay đổi về bối cảnh quốc tế và tương quan so sánh lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh, tính toán và lợi ích của Mỹ đối với ASEAN và quan hệ ASEAN-Mỹ trong Chiến tranh lạnh. Chính xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, toàn cầu hóa - khu vực hóa đã tạo môi trường thuận lợi để ASEAN tiến hành đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và cố gắng giữ vị trí cân bằng tương đối trong quan hệ với các nước lớn, giữ vai trò “trung tâm” trong các cơ chế hợp tác đa phương về kinh tế, an ninh - chính trị trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tất cả những nhân tố khách quan và chủ quan này đã tạo điều kiện để ASEAN phát huy tính độc lập - tự chủ và ngày càng chủ động hơn trong quan hệ với Mỹ, hạn chế được sức ép từ siêu cường thế giới.

*Thứ tư*, từ sau Chiến tranh lạnh, ASEAN đã điều chỉnh về lập trường chung với Mỹ, sau đó điều chỉnh những nội dung quan hệ, thể hiện qua Thông cáo chung của các cuộc họp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN và Tuyên bố chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Mỹ. Cuối cùng, ASEAN điều chỉnh về cách thức triển khai quan hệ ASEAN - Mỹ trên thực tế từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Lập trường của ASEAN với Mỹ được chia theo các vấn đề lớn, còn phần nội dung quan hệ và triển khai quan hệ dựa theo các giai đoạn phát triển của ASEAN với Mỹ.

*Thứ năm*, sự điều chỉnh định hướng đối ngoại của ASEAN với Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay là đúng đắn và thu được nhiều thành tựu đáng kể. Khi mới thành lập năm 1967, ASEAN chỉ gồm 5 thành viên, những quốc gia vừa và nhỏ mới giành được độc lập và trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp. Đến nay, ASEAN đã mở rộng lên 10 thành viên, cùng chung mục đích phấn đấu xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định, an ninh và thịnh vượng chung. Trong suốt hơn 4 thập kỷ phát triển đó, Mỹ luôn là một trong những đối tác quan trọng nhất của ASEAN, góp phần giúp ASEAN đạt được những thành tựu nói trên. Trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, chưa bao giờ ASEAN có được cơ hội như hiện nay: ASEAN có quan hệ “đôi bên cùng có lợi” với tất cả các cường quốc trên thế giới và hướng tới vị trí trung tâm (ASEAN Centrality) trong kiến trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang định hình.

Tuy nhiên, hiện nay và trong tương lai gần, ASEAN đã và sẽ phải tiếp tục đương đầu với một số thách thức trong quan hệ với Mỹ. Nếu ASEAN muốn giữ được tính chủ động một cách tương đối trong quan hệ với Mỹ như hiện nay, ASEAN cần nỗ lực để vượt qua những thách thức này. Có lẽ thách thức lớn nhất đối với ASEAN hiện nay là tinh thần đoàn kết, bởi Đông Nam Á đang là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ. Thách thức tiếp theo do lợi ích quốc gia của mỗi nước là khác nhau trong quan hệ với Mỹ, hơn nữa, các nước thành viên ASEAN, trong những thời điểm khác nhau và đối với từng vấn đề, đặt lợi ích quốc gia lên cao hơn lợi ích chung của cả Hiệp hội, nên hiện nay, mỗi nước ASEAN lại theo đuổi chính sách đối ngoại riêng với Mỹ: từ đồng minh truyền thống, đối tác chiến lược đến đối tác toàn diện, đối tác mới,...

*Thứ sáu*, nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ ASEAN-Mỹ với các mục tiêu chiến lược an ninh, phát triển của Việt Nam, lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương phải nỗ lực làm hết sức mình vì sự phát triển của quan hệ ASEAN-Mỹ. Trong thời gian qua, với tinh thần “chủ động, tích cực có trách

nhiệm”, ngoại giao Việt Nam đã đóng vai trò tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển của quan hệ ASEAN - Mỹ, tham gia giải quyết nhiều vấn đề quan trọng đối với hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực. Việt Nam tích cực, chủ động tham gia, đồng thời phát huy vai trò là cầu nối giữa các nước ASEAN và Mỹ trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng và khu vực.

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á, chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn là một đặc điểm lớn trong chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Việt Nam chủ trương phát triển quan hệ cân bằng với các cường quốc trong khu vực, vận dụng linh hoạt hình thức hợp tác - đấu tranh trong từng vấn đề cụ thể, trên nguyên tắc lấy lợi ích quốc gia làm cốt lõi, hạn chế ảnh hưởng hoặc can thiệp từ bên ngoài./.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Phú Tân Hương (2010), “Phát triển điện hạt nhân ở Đông Nam Á - có thể tăng cường an ninh con người?” *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (82), tháng 9.
2. Pacific Forum CSIS Young Leaders (2010), “The Nuclear Lexicon Project: Breaking down the Complexities of Nuclear Science for Policymakers”, *Issues & Insights*, Vol.10 - No.25, Singapore, November, [http://csis.org/files/publication/issuesinsights\\_v10n25.pdf](http://csis.org/files/publication/issuesinsights_v10n25.pdf)
3. Tiago Mauricio, Miyuki Fujii and Phu Tan Nguyen (2013), “The Dangerous Seas of Northeast Asia”, *Real Clear Defense*, September 18, [http://www.realcleardefense.com/articles/2013/09/18/the\\_dangerous\\_seas\\_of\\_northeast\\_asia\\_106867.html](http://www.realcleardefense.com/articles/2013/09/18/the_dangerous_seas_of_northeast_asia_106867.html)
4. Nguyen Phu Tan Huong (2014), “ASEAN’s perspective towards the US under the Obama Administration”, *International Studies*, No. 30 (June).
5. Nguyễn Phú Tân Hương (2014), “Quan hệ Mỹ - ASEAN dưới thời Tổng thống Obama”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (98), tháng 9.
6. Nguyễn Phú Tân Hương (2015), “Nguyên nhân ASEAN điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10 (187).

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Lê Văn Anh (2009), *Quan hệ Mỹ - ASEAN 1967-1997: Lịch sử và Triển vọng*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
2. *Bản tin tham khảo TTXVN*, số 28/7/1981, Hà Nội, Thư viện Quân đội.
3. Trần Kim Bảng (2011), *Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Bin (chủ biên) (2001), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đỗ Thanh Bình (chủ biên) (2008), *Lịch sử thế giới hiện đại*, tập 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Bộ Ngoại Giao (1998), *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Lý Thực Cốc (1996), *Mỹ thay đổi lớn chiến lược toàn cầu*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
8. Lê Văn Cương - Tạ Quang Chuyên (2012), “Mỹ trở lại châu Á và tác động của nó đến an ninh khu vực”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, ngày 13/9.
9. Phạm Cao Cường (2005), “Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á từ sau sự kiện 11/9”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 6.
10. Nguyễn Văn Dân (2003), *Khủng bố và chống khủng bố với vấn đề an ninh quốc tế*, NXB Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
11. Luận Thùy Dương (2010), “Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á”, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 1/2010.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị - Quốc gia, Hà Nội.

13. Đinh Quý Độ, (2000), *Chính sách kinh tế của Mỹ đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
14. E. Grebentsicop (1992), *Đối thoại Mỹ - ASEAN trong bối cảnh mới của khu vực châu Á – Thái Bình Dương*, Thông tin lý luận, Hà Nội, số 12.
15. Dương Phú Hiệp và Vũ Văn Hà (2006), *Cục diện Châu Á – Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Học viện Quan hệ Quốc tế, *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Học viện Ngoại giao (2002), *Từ điển thuật ngữ Ngoại giao Việt – Anh – Pháp*, NXB Thế giới.
18. Nguyễn Anh Hùng (2010), “Chính sách đối ngoại của Mỹ hiện nay, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 1.
19. Nguyễn Quốc Hùng (1990), *Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương (1967-1990)*, Trung tâm châu Á – Thái Bình Dương, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
20. Nguyễn Lan Hương (2010), “Điều chỉnh quan điểm nhận thức trong chính sách đối ngoại của chính quyền G. W. Bush”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 11.
21. Nguyễn Lan Hương (2011), “Điều chỉnh các mục tiêu và ưu tiên trong chính sách đối ngoại dưới thời Tổng thống George W. Bush”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 5.
22. Nguyễn Phú Tân Hương (2014), “Quan hệ Mỹ - ASEAN dưới thời Tổng thống Obama”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (98), tháng 9.
23. Nguyễn Phú Tân Hương (2015), “Nguyên nhân ASEAN điều chỉnh trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 10 (187).
24. Vũ Thị Lan Hương (2010), *Quan hệ Mỹ - ASEAN từ 2000 đến nay*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện Ngoại giao, tháng 7.

25. Trần Khánh (chủ biên) (2014), *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á ba thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
26. Trần Khánh (2010), “Những hoà giải ban đầu giữa ASEAN và Việt Nam thời điểm trước và sau 1975”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9.
27. Trần Khánh (2007), “Thái độ của Mỹ đối với tiến trình hợp tác ASEAN+3”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, tháng 1.
28. Trần Khánh (2010), “Lợi ích chiến lược của các nước lớn tại Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
29. Vũ Khoan (2007), “An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại”, trong *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, Tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, tập 2, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội, NXB. Thế giới.
30. Lê Linh Lan (2004), *Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay*, Học Viện Quan hệ Quốc tế, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Trịnh Xuân Lãng (2007), “Một vài suy nghĩ về chính sách của ta đối với các nước ASEAN và đối với Mỹ từ năm 1975-1979”, trích trong Nguyễn Vũ Tùng, *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, Tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, tập 2, Học viện Quan hệ Quốc tế, NXB. Thế giới, Hà Nội.
32. Phạm Bình Minh (Chủ biên) (2010), *Cục diện thế giới đến 2020*, NXB. Chính trị Quốc gia.
33. Phạm Bình Minh (Chủ biên) (2010), *Định hướng chính sách đối ngoại Việt Nam đến 2020*, NXB. Chính trị Quốc gia.
34. Phạm Quang Minh (2012), *Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam 1986-2010*, NXB. Thế giới, Hà Nội.
35. Nguyễn Thu Mỹ (1998), *ASEAN hôm nay và triển vọng trong thế kỷ XXI*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Nguyễn Thu Mỹ (2010), “Phản ứng chính sách của ASEAN trước sự biến động địa chính trị Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4 (121).
37. Hoàng Đình Nhân (2009), *ASEAN trong quan hệ Mỹ - Trung từ sau Chiến tranh lạnh đến nay*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Ngoại giao, tháng 7.
38. Phạm Cao Phong (2003), “Quan hệ Mỹ - Trung: Đối tác chiến lược hay đối thủ chiến lược?”, trong *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*, Học viện Quan hệ Quốc tế, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Dương Văn Quảng - Nguyễn Thị Thìn (2010), “Bàn về vấn đề Phân tích chính sách đối ngoại”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4 (83), tháng 12.
40. Lê Văn Sang, Lê Kim Sa, “Tình hình kinh tế Mỹ và tác động tới khu vực châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 39.
41. Lê Văn Sang (1996), “Chiến lược Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 1, Trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ.
42. Linh Oanh (2013), “Thế cờ vây của Mỹ tại châu Á – Thái Bình Dương”, *Báo Quân đội nhân dân*, ngày 04/03/2013.
43. Nguyễn Thiết Sơn (2012), *Quan hệ Hoa Kỳ - ASEAN 2001-2020*, NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
44. Nguyễn Thiết Sơn (2004), *Hoa Kỳ - Kinh tế và Quan hệ Quốc tế*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
45. Nguyễn Hồng Thao (2009), “Yêu sách “đường đứt khúc 9 đoạn” của Trung Quốc dưới góc độ Luật pháp Quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số tháng 12.
46. Phạm Đức Thành và Trương Duy Hoà (2002), *Kinh tế các nước Đông Nam Á – Thực trạng và triển vọng*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

47. Trần Đình Thiên (2005), *Liên kết kinh tế ASEAN: vấn đề và triển vọng*, NXB Thế giới, Hà Nội.
48. *Thông tấn xã Việt Nam* (2012), “Thế kỷ Thái Bình Dương bị trì hoãn lâu ngày của Mỹ”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, thứ bảy, ngày 07/01.
49. *Thông tấn xã Việt Nam* (2011), “Thế tiến thoái lưỡng nan của ASEAN”, Tin tham khảo Thế giới, ngày 4/11, số 249.
50. *Thông tấn xã Việt Nam* (2011), “Về mối quan hệ ASEAN – Trung Quốc”, Tài liệu tham khảo đặc biệt 5/11.
51. *Thông tấn xã Việt Nam* (2004), “Những thay đổi của quan hệ Mỹ - ASEAN từ sau sự kiện 11/9 đến nay”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, (207-TTX), ngày 07/9.
52. *Thông tấn xã Việt Nam* (2011), “Về mối quan hệ ASEAN – Trung Quốc”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 5/11.
53. Lê Thị Thu (2013), “Điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ đối với Đông Nam Á trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống B. Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 5 (182).
54. Cao Huy Thuần, “Trung Quốc: Một dấu hỏi”, Bài đọc tại Hội thảo ở New York City, 15-16/8/1998, đăng trong *Thời Đại* (Paris) số 3, 1999.
55. Lê Khương Thùy (2003), *Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN trong và sau Chiến tranh lạnh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Lê Khương Thùy (2010), “Sự điều chỉnh chính sách Đông Nam Á của chính quyền B.Obama”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 12.
57. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2007), “Quan hệ Mỹ - ASEAN những năm đầu thế kỷ XXI”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “*ASEAN - 40 năm nhìn lại và hướng tới*”, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tháng 9.
58. Lê Bá Thuyên (1997), *Hoa Kỳ - Cam kết và Mở rộng*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

59. Lê Đình Tĩnh – Bùi Quốc Khánh (2013), “Đông Nam Á và chiến lược “Tái cân bằng” của Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (93), tháng 9.
60. Lại Văn Toàn (1998), *Thông tin về sự điều chỉnh chính sách của một số nước lớn đối với Đông Nam Á thời kỳ sau Chiến tranh lạnh*, Viện Thông tin KHXH, Hà Nội.
61. Hoàng Anh Tuấn (1995), “ASEAN: Những điều chỉnh chính sách sau Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 5, tháng 3.
62. Trần Lê Minh Trang (2011), “Sự gia tăng can dự của Mỹ ở biên Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 12 (141).
63. Trần Lê Minh Trang (2001), *Quan hệ ASEAN – Mỹ từ những năm đầu thập niên 90 đến nay*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội, tháng 7.
64. Phạm Quốc Trụ (2009), “Quan hệ ASEAN – Trung Quốc thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4 (79), tháng 12.
65. Tạ Minh Tuấn (2007), “Vai trò của Mỹ trong các cơ chế an ninh “mềm” ở Châu Á – Thái Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*.
66. Nguyễn Vũ Tùng (2007), *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, Tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, tập 2, NXB. Thế giới.
67. Nguyễn Vũ Tùng (2010), “Sống chung với nước láng giềng lớn hơn: Thực tiễn và chính sách”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 2 (81), tháng 6.
68. Viện Nghiên cứu chiến lược Ngoại giao (2010), Báo cáo *Quan hệ giữa các nước lớn thời gian gần đây và tác động đối với Việt Nam*, Hà Nội.

### **Tiếng Anh:**

69. Acharya, Amitav (2001), *Constructing Security Community in Southeast Asia: ASEAN and the Problem of Regional Order*, Routledge: the Taylor and Francis Group.
70. Acharya, Amitav (2013), *The making of Southeast Asia: International Relations of a Region*, Cornell University Press.

71. Acharya, Amitav, *Ideas, Identity, and Institution-Building: from the ASEAN Way to the Asia-Pacific Way*, *The Pacific Review*, Vol.10, No.3.
72. Acharya, Amitav (1999), *Reordering Asia: "Cooperative Security" or Concert of Powers?* Institute of Defence and Strategic Studies, RSIS, Working Papers, 01/7/1999.
73. Alagappa, Muthiah (2002), *Asian Security Order: Instrumental and Normative Features*, Stanford University Press.
74. ASEAN Secretariat (1997), *ASEAN Economic Co-Operation Transition and Transformation*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.
75. *ASEAN – US Symposium* (2008), Institute of Southeast Asian Studies.
76. Buzan, Barry and Segal, Gerald (1996), *Rethinking East Asian Security*, *Survival*, vol.36, No.2.
77. Christopher, Hill (2003), "The Changing Politics of Foreign Policy", *Basingstoke: Palgrave Mac millan*.
78. Clinton, Hilary (2011), "America's Pacific Century", *Foreign Policy*, No.11.
79. Department of Defense, Office of International Security Affairs (1998), *The United States Security Strategy for the Asia-Pacific Region*, November.
80. Goh, Evelyn (2013), "Evaluating Southeast Asian Strategies for Managing Great Power Resurgence", paper presented at the Conference: "The Growth of Chinese Power and Changing Security Dynamics in Asia", S.Rajaratnam School of International Studies, 22 February.
81. Goh, Evelyn (2008), "Great Powers and Hierarchical Order in Southeast Asia: Analyzing Regional Security Strategies", *International Security*, Vol.3, No.3.
82. Graham, Euan (2013), "Southeast Asia in the US Rebalance: Perceptions from a Divided Region", *Contemporary Southeast Asia*, Vol.35, No.3.

83. Hathaway, Robert M. and Lee, Wilson (2005), *George W. Bush and East Asia: A First Term Assessment*, Washington: Woodrow Wilson International Center for Scholars.
84. Ho, Benjamin (2012), "ASEAN Centrality: Year of Big Power Transitions", *RSIS Commentaries*, No. 028/2012, 20 February.
85. Ikenberry, John G. (2004), "American Hegemony and East Asian Order", *Australian Journal of International Affairs*, Vol.58, No.3, 9/2004.
86. Ikenberry, John G. and Tsuchiyama, Jitsuo (2011), "Between Balance of Power and Community: the Future of Multilateral Security Cooperation in the Asia-Pacific" in Moller, Jorgen Ostrom (2011), "*How will Asia shape the world?*" Institute for Southeast Asia Studies (ISEAS).
87. Kerry, J. Robert, Manning, Robert A. (2001), *The United States and Southeast Asia: A Policy Agenda for the New Administration*, Report of an Independent Task Force Sponsored by the Council on Foreign Relations.
88. Koh, Tommy, Woon, Watler and Wei, Chan Sze (2007), "The ASEAN Charter", *PacNet*, No. 33, 6 September.
89. Leifer, Michael (1989), *ASEAN and the Security of South-East Asia*, Routledge Revivals.
90. Lord, Winston (1996), *US Foreign Policy Towards Asia – Pacific*, Manila, January 23.
91. Lyon, Rod and Clegg, Will (2011), *Changing Pace: ASPI's Strategic Assessment 2011*, Institute of Strategic Studies, Australia.
92. Nguyen Phu Tan Huong (2014), "ASEAN's perspective towards the US under the Obama Administration", *International Studies*, No. 30 (6/2014).
93. Nye, Joseph S. (1997), "China's Re-emergence and the Future of the Asia-Pacific", *Survival*, Vol.39, No.4, Winter 1997/1998.

94. Ott, Marvin C. "Southeast Asia and the United States: Policy without Strategy", *Pacnet Newsletter*, No. 21.
95. Severino, Rodolfo C. (2006), "South East Asia in search of an ASEAN Community", *Insight from the former ASEAN Secretary General*, Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS).
96. Shambaugh, David (2004), "China engages Asia: Reshaping Regional Order", *International Security*, Vol.29, No.3.
97. Shambaugh, David (2013), "Assessing the US "pivot" to Asia", *Strategic Studies Quarterly*, Summer 2013.
98. Seng, See Tan (2011), "Singapore's View of the United States' Engagement in the Asia-Pacific", *Asian Affairs*, 3/2011.
99. Seng, See Tan (2011), "America the Indispensable: Singapore's View of the United States' Engagement in the Asia-Pacific", *Asian Affairs: An American Review*, Vol.38, No.3, 3/2011.
100. Singh, Malminderjit (2013), "Singapore – US Bilateral Trade up 60 Percent over Past Decade", *The Business Times*, 3/3/2013.
101. Sukma, Rizal (2010), *ASEAN and Regional Security in East Asia*, Panorama – KAS.
102. Tay, Simon (2012), "ASEAN needs a coherent policy on China and the US", *The Nation*, March 20.
103. Thayer, Carlyle A. (2012), "ASEAN's Code of Conduct in the South China Sea: A Litmus Test for Community-Building?", *The Asia-Pacific Journal*, Vol.10, Issue 34, No.4.
104. *The New York Times*, 13/6/1972.
105. U.S. President Executive Office (1999), *A National Security Strategy for a New Century*, National Security Council Report, December.

### Các trang web

106. Acharya, Amitav (2011), “ASEAN 2030: Challenges of Building a Mature Political and Security Community”,  
<http://www.amitavacharya.com/sites/default/files/ASEAN%20in%202030-Acharya%20Paper%20Revised%20Draft.pdf>, truy cập ngày 10/7/2015.
107. Alden, Chris (2011), “Foreign Policy Analysis”, the London School of Economics and Political Science,  
[http://www.londoninternational.ac.uk/sites/default/files/programme\\_resources/lse/lse\\_pdf/subject\\_guides/ir2137\\_ch1-3.pdf](http://www.londoninternational.ac.uk/sites/default/files/programme_resources/lse/lse_pdf/subject_guides/ir2137_ch1-3.pdf), truy cập ngày 10/7/2015.
108. “ASEAN Calls For Suu Kyi Release”, *The Nation*,  
[http://nationmultimedia.com/2009/05/19/regional\\_30103022.php](http://nationmultimedia.com/2009/05/19/regional_30103022.php), truy cập ngày 11/3/2015.
109. “Chairman’s Statement of the 2<sup>nd</sup> ASEAN – United States Summit”, Nay Pyi Taw, Myanmar, 13 November 2014, <http://www.mofa.gov.mm/wp-content/uploads/2014/11/asean-us-chairmans-statement.pdf>, truy cập ngày 15/01/2015.
110. “China’s Currency Reserves Surge to Record Fueling Calls for Stronger Yuan”, <http://www.bloomberg.com/news/2010-10-13/china-s-currency-reserves-surge-to-record-fueling-calls-for-stronger-yuan.html>, truy cập ngày 28/10/2013.
111. “China Congratulates ASEAN on Signing of Charter”, *People’s Daily Online*, 20/11/2007,  
<http://english.people.com.cn/90001/90776/90883/6306210.html>, truy cập ngày 15/7/2014.
112. Chongkittavon, Kavi (2010), “US, China and ASEAN: A new Strategic Triangle”, *The Nation*, <http://www.nationmultimedia.com/home/US->

- [China-and-Asean-A-new-strategic-triangle-30138770.html](#), truy cập ngày 09/7/2015.
113. Clinton, Hilary (2010), “Remarks on Regional Architecture in Asia: Principles and Priorities”, Honolulu, Hawaii, <http://www.state.gov/secretary/20092013clinton/rm/2010/01/135090.htm>, truy cập ngày 10/5/2015.
114. Hùng Cường, “Ngân sách quốc phòng Trung Quốc năm 2014 tăng 12,2%”, <http://vov.vn/thegioi/ngan-sach-quoc-phong-trung-quoc-nam-2014-tang-122-313727.vov>, ngày 05/03/2014.
115. Diola, Camille, “Deeper trade relations cannot stop war over South China Sea”, <http://www.philstar.com/headlines/2014/05/28/1328264/deeper-trade-relations-cannot-stop-war-over-south-china-sea-expert>, truy cập ngày 20/7/2015.
116. Luận Thùy Dương, “Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á”, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2010/487/Chinh-sach-cua-My-doi-voi-khu-vuc-Dong-Nam-A.aspx>, truy cập ngày 18/7/2015.
117. “Fact sheet: 2<sup>nd</sup> ASEAN – US Summit”, November 13, 2014, <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2014/11/13/fact-sheet-2nd-asean-us-summit>, truy cập ngày 11/4/2015.
118. Glaser, Bonnie S., “Pivot to Asia: Prepare for Unintended Consequences”, [csis.org/files/publication/120413\\_gf\\_glaser.pdf](http://www.csis.org/files/publication/120413_gf_glaser.pdf), truy cập ngày 20/7/2015.
119. “Giới thiệu về Học viện Không Tử”, [http://college.chinese.cn/node\\_1941.htm](http://college.chinese.cn/node_1941.htm), truy cập ngày 12/11/2014.
120. Tiến Hoàng (2011), “Những khó khăn của nền kinh tế Mỹ”, *Tạp chí Công sản*, tại <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Binh-luan/2011/12723/Nhung-kho-khan-cua-nen-kinh-te-My.aspx>, truy cập ngày 20/03/2014.

121. Vũ Hoàng, “Tập Cận Bình nêu giấc mơ châu Á – Thái Bình Dương”, <http://www.vca.org.vn/chinh-tri/the-gioi/10509-tap-can-binh-neu-giac-mo-chau-a-thai-binh-duong.html>, truy cập ngày 23/11/2014.
122. Nguyễn Quốc Hùng, “Thế giới sau Chiến tranh lạnh - Một số đặc điểm và xu thế”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 28 (1999), <http://dau.edu.vn/en/introduction/history-and-development.html?id=436:so-28-the-gioi-sau-chien-tranh-lanh-mot-so-dac-diem-va-xu-the>, truy cập ngày 20/7/2015.
123. “Joint Communique of the 35<sup>th</sup> ASEAN Ministerial Meeting”, Bandar Seri Begawan, 29-30/7/2002, <http://www.asean.org/news/item/joint-communique-of-the-35th-asean-ministerial-meeting-bandar-seri-begawan-29-30-july-2002>, truy cập ngày 09/10/2015.
124. “Joint Communique of the 37<sup>th</sup> ASEAN Ministerial Meeting”, Jakarta, 29-30/6/2004, <http://www.asean.org/news/item/joint-communique-of-the-37th-asean-ministerial-meeting-jakarta-29-30-june-2004-3>, truy cập ngày 09/10/2015.
125. “Joint Communique of the 42<sup>nd</sup> ASEAN Foreign Ministers Meeting”, Phuket, Thailand, 20/7/2009, <http://www.asean.org/news/item/joint-communique-of-the-42nd-asean-foreign-ministers-meeting-acting-together-to-cope-with-global-challenges-phuket-thailand-20-july-2009>, truy cập ngày 20/9/2015.
126. “Joint Communique of the 44<sup>th</sup> ASEAN Foreign Ministers Meeting”, Bali, Indonesia, 19/7/2011, “ASEAN Community in a Global Community of Nations”, <http://www.asean.org/images/archive/documents/44thAMM-PMC-18thARF/44thAMM-JC.pdf>, truy cập ngày 20/9/2015.
127. “Joint Communique of the 48<sup>th</sup> ASEAN Foreign Ministers Meeting”, Kuala Lumpur, Malaysia, 04/8/2015, “Our People, Our Community, Our Vision”,

[http://www.asean.org/images/2015/August/48th\\_amm/JOINT%20COMMUNIQUE%20OF%20THE%2048TH%20AMM-FINAL.pdf](http://www.asean.org/images/2015/August/48th_amm/JOINT%20COMMUNIQUE%20OF%20THE%2048TH%20AMM-FINAL.pdf), truy cập ngày 20/9/2015.

128. “Joint Communique the First ASEAN – US Dialogue”, Manila 8-10/9/1977, <http://www.asean.org/asean/external-relations/united-states/item/joint-communique-the-first-asean-us-dialogue-manila-8-10-september-1977>, truy cập ngày 09/10/2015.
129. “Joint Press Statement The Tenth ASEAN-US Dialogue”, Washington, D.C, 20-21, June 1991, <http://www.asean.org/news/item/joint-press-statement-the-tenth-asean-us-dialogue-washington-dc-20-21-june-1991>, truy cập ngày 16/6/2015.
130. “Joint Press Statement The Eleventh ASEAN – US Dialogue”, Bandar Seri Begawan, 15-16/3/1993, <http://www.asean.org/news/item/joint-press-statement-the-eleventh-asean-us-dialogue-bandar-seri-begawan-15-16-may-1993>, truy cập ngày 10/7/2015.
131. “Joint Press Statement 16<sup>th</sup> ASEAN – US Dialogue”, Washington DC, 29/11/2001, <http://www.asean.org/news/item/joint-press-statement-16th-us-asean-dialogue-washington-dc-29-november-2001>, truy cập ngày 10/7/2015
132. “Joint Press Statement 17<sup>th</sup> ASEAN – US Dialogue”, Bangkok, 30/01/2004, <http://www.asean.org/news/item/joint-press-statement-17th-asean-us-dialogue-bangkok-30-january-2004>, truy cập ngày 10/7/2015.
133. “Joint Press Statement of the 19<sup>th</sup> ASEAN – US Dialogue”, Bangkok, 23/5/2006, <http://www.asean.org/resources/item/joint-press-statement-of-the-19th-asean-us-dialogue-bangkok-23-may-2006>, truy cập ngày 15/7/2015.

134. “Joint Statement – 1<sup>st</sup> ASEAN – US Leaders’ Meeting”, Singapore, 15/11/2009, <http://www.asean.org/news/item/joint-statement-1st-asean-us-leaders-meeting-singapore-15-november-2009>, truy cập ngày 20/8/2015.
135. “Joint Statement of the 4<sup>th</sup> ASEAN-US Leaders’ Meeting”, <http://www.asean.org/news/asean-statement-communicues/item/joint-statement-of-the-4th-asean-us-leaders-meeting>, November 20, 2012, truy cập ngày 11/10/2014.
136. Phạm Bình Minh (2014), “Building Strategic, Comprehensive Partnerships – Viet Nam’s Soft Power”, <http://english.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=410&print=true>, truy cập ngày 14/9/2015.
137. Morris, Kylie, “Asean's Face-Saving Solution”, <http://news.bbc.co.uk/2/hi/asia-pacific/4719713.stm>, truy cập ngày 20/7/2015.
138. Hoàng Khắc Nam (2008), “Công ty Xuyên quốc gia - chủ thể Quan hệ Quốc tế”, *Tạp chí Khoa học – ĐHQGHN*, Khoa học xã hội và nhân văn 24, tr.157-167, [http://js.vnu.edu.vn/xhvn\\_3\\_08/b5.pdf](http://js.vnu.edu.vn/xhvn_3_08/b5.pdf), truy cập ngày 18/7/2015.
139. “Nhìn lại năm 2013: Những chuyển động lớn ở châu Á – Thái Bình Dương”, Theo Nhân dân, [iseas.vass.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/noidung/tintuc/Lists/ChinhTriAnNinh&ListId](http://iseas.vass.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/noidung/tintuc/Lists/ChinhTriAnNinh&ListId), truy cập ngày 30/8/2014.
140. “Obama names Philippines as key link of US with ASEAN”, <http://m.koreanherald.com/view.php?ud=20090801000002#jyk>, truy cập ngày 15/7/2015.
141. “Overview of ASEAN-US Dialogue Relations”, <http://www.asean.org/23222.htm>, truy cập ngày 18/11/2014.

142. “Overview of ASEAN - US relations”, June 2013,  
<http://www.asean.org/news/item/overview-of-asean-us-dialogue-relations>,  
truy cập ngày 20/7/2015.
143. Piles, Powell, “Pressure on Myanmar”,  
[www.cnn.com/2003/WORLD/asiapcf/southeast/06/18/myanmar.powell/index.html](http://www.cnn.com/2003/WORLD/asiapcf/southeast/06/18/myanmar.powell/index.html), truy cập ngày 11/3/2015.
144. Prak, Chan Thul, “China pledges \$548 million in aid to ally Cambodia”,  
<http://www.reuters.com/article/2013/04/10/us-cambodia-china-idUSBRE93909D20130410>, truy cập ngày 20/7/2015.
145. Như Quỳnh, “Mỹ cần ASEAN”,  
<http://www.sggp.org.vn/thegioi/cuasothe gioi/2014/4/347405/>, truy cập  
ngày 25/4/2014.
146. “Tài liệu cơ bản về ASEAN”,  
[http://www.mofa.gov.vn/vi/ctc\\_quocte/un/nr090311103654/nr090311141455/nr090311143224/ns091120165430](http://www.mofa.gov.vn/vi/ctc_quocte/un/nr090311103654/nr090311141455/nr090311143224/ns091120165430), truy cập ngày 20/7/2015.
147. Chí Tâm, “Nhìn lại Tuyên bố năm 1992 của ASEAN về biển Đông”,  
<http://biendong.net/binh-luan/761-nhin-li-tuyen-b-nm-1992-ca-asean-v-bin-ong.html>, truy cập ngày 14/10/2014.
148. Trần Trường Thủy, “Tam giác Trung Quốc - ASEAN - Mỹ tại Biển Đông: Lợi ích, chính sách và tương tác”, <http://nghiencuubiendong.vn/nghiencuu-vietnam/3426-tam-giac-trung-quoc-asean-my>, truy cập ngày 22/10/2014.
149. Trần Trường Thủy, “Tam giác Trung Quốc - ASEAN - Mỹ tại Biển Đông: Lợi ích, chính sách và tương tác”, <http://nghiencuubiendong.vn/nghiencuu-vietnam/3426-tam-giac-trung-quoc-asean-my>, truy cập ngày 22/10/2014.

150. Nguyễn Ngọc Trường, “Về vai trò của ASEAN và Biển Đông”,  
<http://biendong.net/binh-luan/842-v-vai-tro-asean-va-bin-ong.html>, truy cập ngày 22/10/2014.
151. “Tuyên bố chung Việt Nam – Hoa Kỳ”, 26/7/2013,  
<http://mnews.chinhphu.vn/story.aspx?did=177489>, truy cập ngày 20/9/2014.
152. “Tuyên bố Cebu về Đề cương Hiến chương ASEAN”,  
<http://www.asean.org/19257.htm>, truy cập ngày 20/9/2014.
153. “Tuyên bố Tầm nhìn chung Hoa Kỳ - Việt Nam”  
[http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/mobile/usvn\\_joint\\_vision\\_statement0715.html](http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/mobile/usvn_joint_vision_statement0715.html), truy cập ngày 13/9/2015.
154. “Text of the Vietnam Human Rights Act of 2009”,  
<http://www.govtrack.us/congress/bills/111/s1159/text>, truy cập ngày 10/9/2015.
155. “Trung Quốc tăng ngân sách quốc phòng – Thế giới lo ngại”,  
<http://www.petrotimes.vn/the-gioi-phang/ho-so-su-kien/2012/03/trung-quoc-tang-ngan-sach-quoc-phong-the-gioi-lo-ngai>, truy cập ngày 19/4/2012.
156. “US – ASEAN”, *East – West Center*,  
<http://www.asiamattersforamerica.org/asean/what-is-asean>, truy cập ngày 16/11/2014.
157. *US-ASEAN Business Council*, “Almost \$100 billion of US Goods and Services Exports Go to ASEAN”, <https://www.usasean.org/why-asean/trade>, truy cập ngày 16/11/2014.
158. *Vientiane times*, “China woos Laos with grants, aid”,  
<http://www.nationmultimedia.com/aec/China-woos-Laos-with-grants-aid-30218459.html>, truy cập ngày 10/03/2014.

159. Thạch Vũ, “Những chuyển động lớn ở châu Á – Thái Bình Dương”,  
[http://nhandan.com.vn/mobile/mobile\\_thegioi/mobile\\_tintuctg/item/21947602.html](http://nhandan.com.vn/mobile/mobile_thegioi/mobile_tintuctg/item/21947602.html), truy cập ngày 19/12/2013.
160. Thạch Vũ (2013), “Nhìn lại năm 2013: Những chuyển động lớn ở châu Á – Thái Bình Dương”, ngày 20/12/2013,  
<http://www.nhandan.org.vn/thegioi/tin-tuc/item/21947602-nhung-chuyen-dong-lon-o-chau-a-thai-binh-duong.html>, truy cập ngày 18/11/2014.
161. “2011 là năm châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ”,  
<http://www.vietnamplus.vn/Home/2011-la-Nam-chau-AThai-Binh-Duong-cua-My/201112/117380.vnplus>, truy cập ngày 02/03/2014.
162. Voicu, Ioan “Towards a Strategic Partnership between the USA and ASEAN”,  
<http://www.assumptionjournal.au.edu/index.php/abacjournal/article/view/114>, truy cập ngày 20/8/2015.
163. Vụ Hợp tác Kinh tế đa phương, *Bộ Ngoại giao*, “APEC - Sự hình thành và phát triển”, tháng 10/2009,  
<http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr091019080134/nr091019085342/nr091019085619/nr091028145119/ns091029133217>, truy cập ngày 15/7/2015.
164. West, John (2014), “President Obama’s Pivot to Asia is All About China”, *Asian Century Institute*, 24 May,  
<http://asiancenturyinstitute.com/international/628-president-obama-s-pivot-to-asia-is-all-about-china>, truy cập ngày 15/7/2015.

## PHỤ LỤC

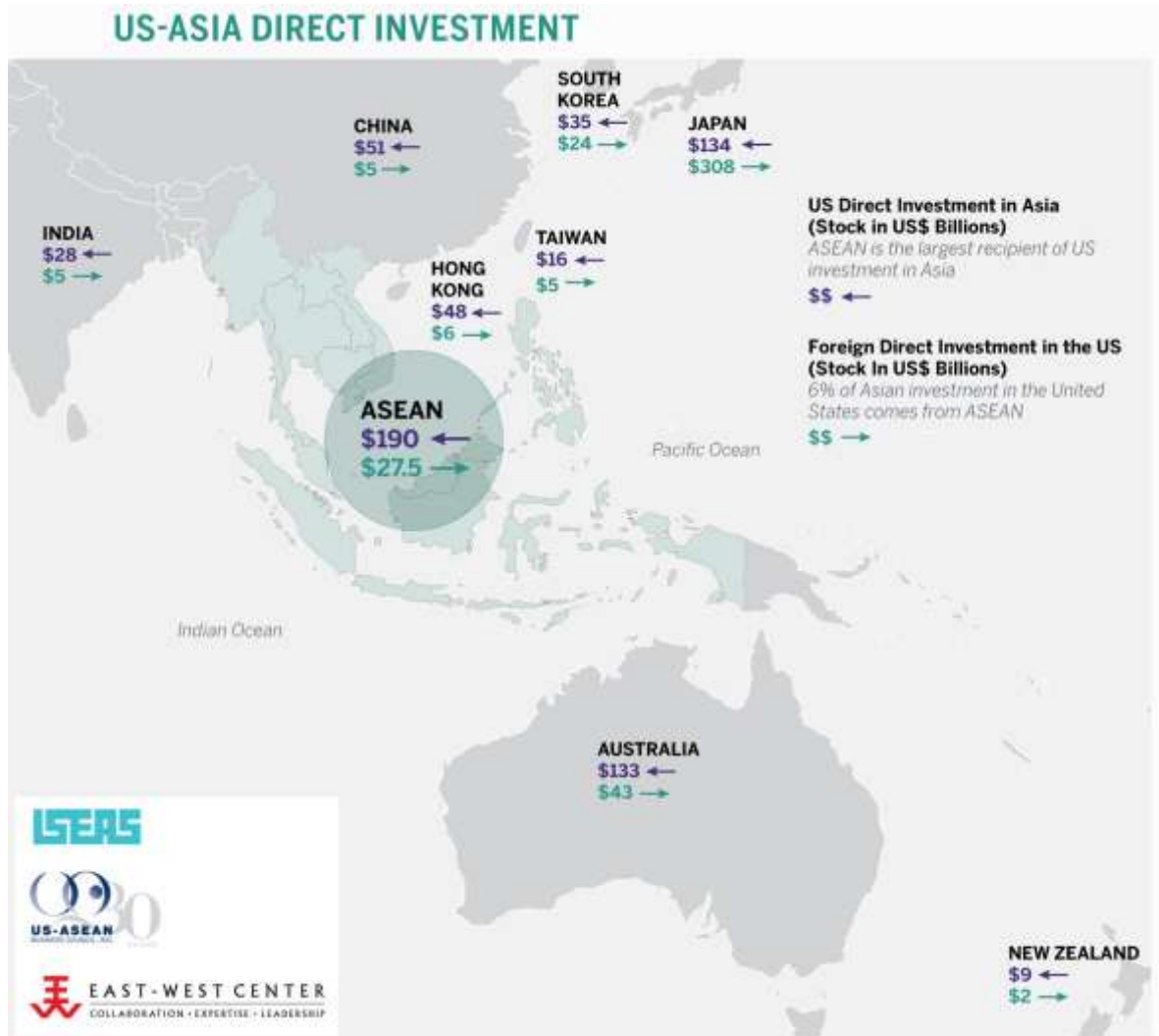
### Phụ lục 1: ASEAN ở trung tâm của khu vực châu Á - Thái Bình Dương năng động

#### ASEAN IS AT THE CENTER OF A DYNAMIC ASIA-PACIFIC REGION



Nguồn: <https://www.usasean.org/why-asean/what-is-asean>, truy cập ngày 16/11/2014.

## Phụ lục 2: ASEAN là điểm đầu tư số 1 của Mỹ ở châu Á

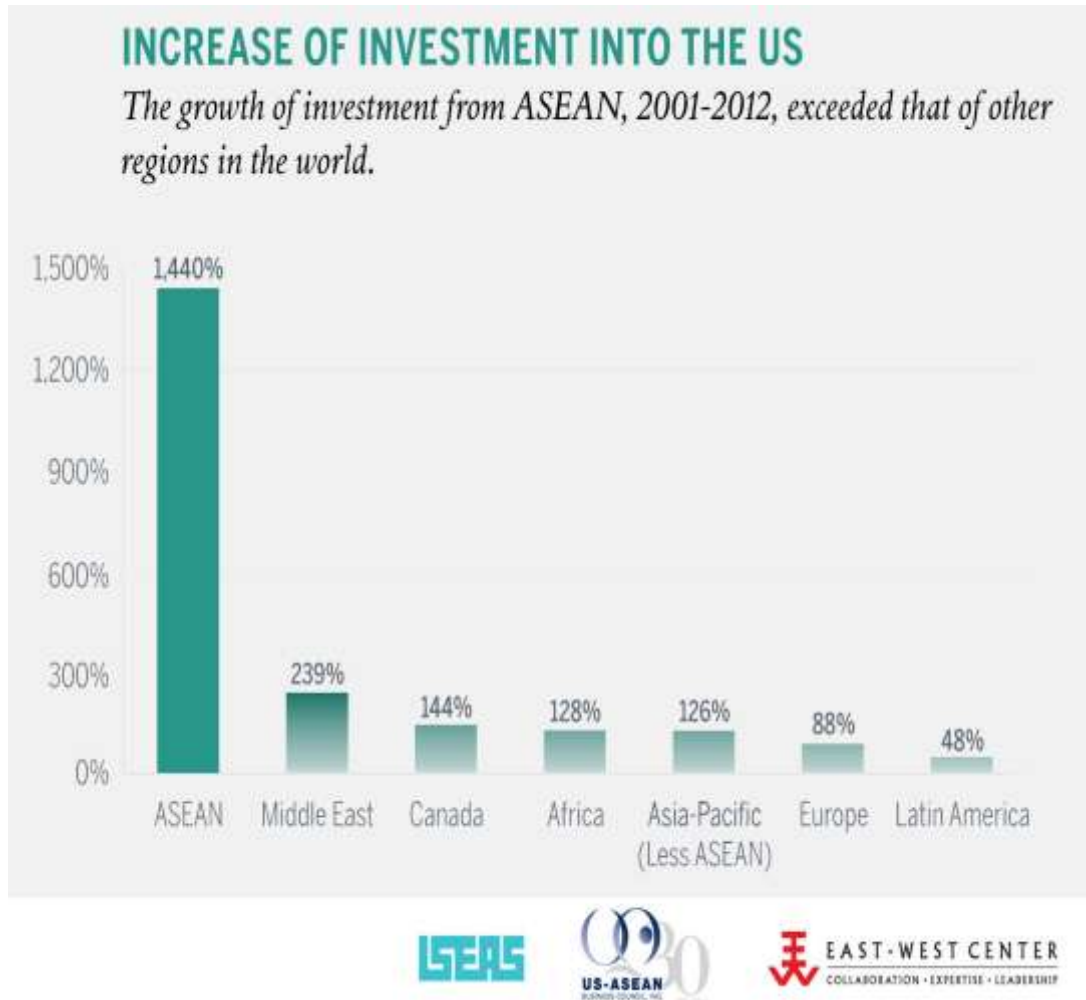


“Mỹ đầu tư vào ASEAN xấp xỉ \$190 tỉ năm 2012, tăng từ \$71 tỉ năm 2001 và tốc độ tăng trưởng hàng năm là 9%. ASEAN chiếm gần 1/3 tổng số đầu tư của Mỹ vào châu Á, nhiều hơn tổng số đầu tư của Mỹ vào Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Hồng Kong, Đài Loan và New Zealand”.

Nguồn: <https://www.usasean.org/why-asean/investment>,

truy cập ngày 16/11/2014.

### Phụ lục 3: Sự gia tăng đầu tư của ASEAN vào Mỹ

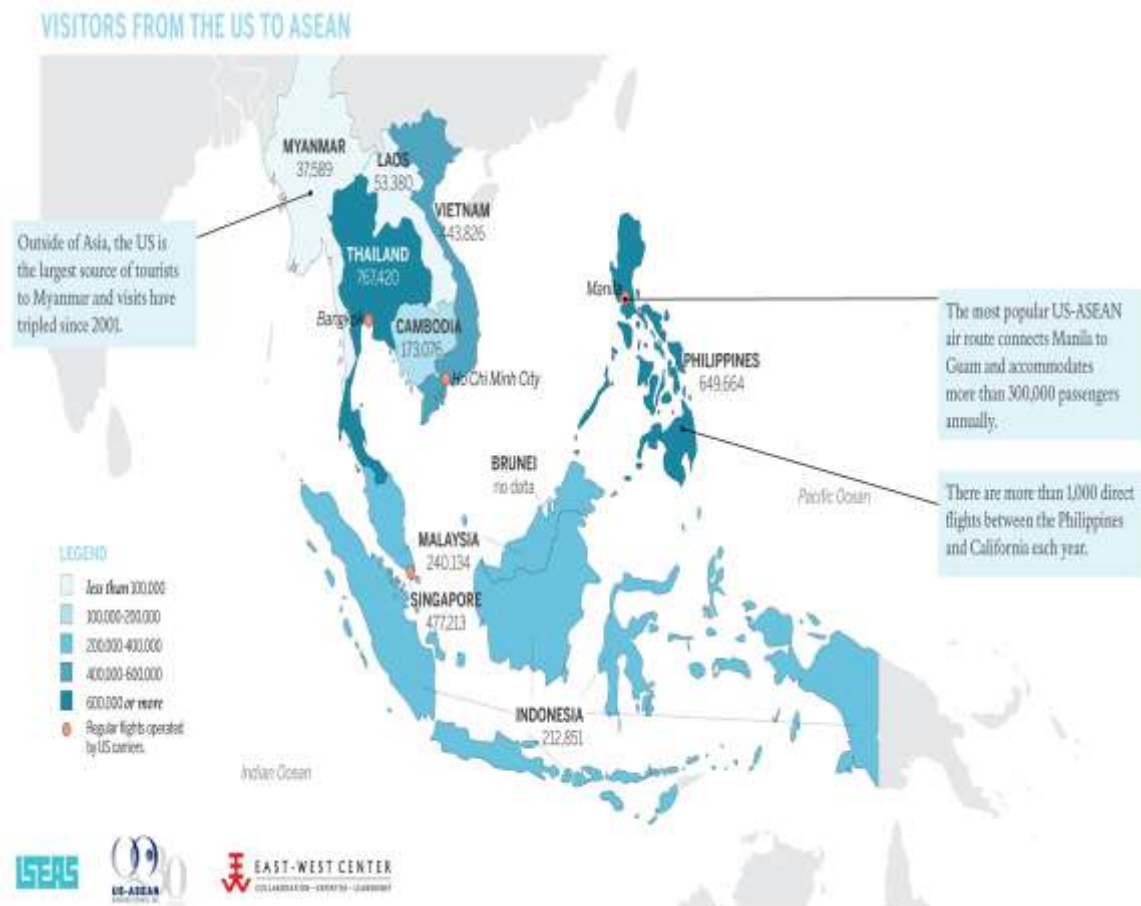


“ASEAN đầu tư vào Mỹ tăng 1,44%, từ \$1,8 tỉ năm 2001 lên \$27,5 tỉ năm 2012. Đầu tư của ASEAN vào Mỹ nhiều hơn gấp 5 lần tổng đầu tư của Trung Quốc vào Mỹ và vượt tổng đầu tư của Trung Quốc, Hong Kong, Ấn Độ, Đài Loan và New Zealand vào Mỹ”.

Nguồn: <https://www.usasean.org/why-asean/investment>,  
 truy cập ngày 16/11/2014.



## Phụ lục 5: Các thương gia và khách du lịch từ các nước ASEAN đến Mỹ và từ Mỹ đến ASEAN



“ASEAN và Mỹ có quan hệ chặt chẽ với hơn 3 triệu khách du lịch và thương gia Mỹ đến ASEAN năm 2012 và các thương gia và khách du lịch đến từ các nước ASEAN đã tiêu hơn \$4 tỉ tại Mỹ. Thái Lan, Philippines, Singapore và Việt Nam là bốn điểm thu hút nhiều khách du lịch và thương gia Mỹ nhất trong số các nước ASEAN”.

Nguồn: <https://www.usasean.org/why-asean/travel-tourism>, truy cập ngày 16/11/2014.

**Phụ lục 6: Bài phát biểu của Chủ tọa Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN -  
 Mỹ lần thứ III (tổ chức tại Kuala Lumpur, ngày 21/11/2015)**

“Nhân dân, Cộng đồng, tầm nhìn của chúng tôi”

**CHAIRMAN’S STATEMENT OF THE 3RD ASEAN-UNITED  
 STATES SUMMIT, KUALA LUMPUR, 21 NOVEMBER 2015  
 “OUR PEOPLE, OUR COMMUNITY, OUR VISION”**

1. The 3rd ASEAN-United States Summit was held on 21 November 2015 in Kuala Lumpur, Malaysia. The Meeting was chaired by the Honourable Dato’ Sri Mohd Najib Tun Abdul Razak, Prime Minister of Malaysia. The Meeting was attended by all Heads of State/Government of ASEAN Member States. The United States was represented by the Honourable Barack Obama, President of the United States of America. The Secretary General of ASEAN was also in attendance.

2. We, Heads of State/Government of ASEAN and the United States, had a frank and constructive discussion on strengthening ASEAN-United States relations as well as a productive exchange of views on regional and global issues of common concern.

3. *We welcomed the United States support for the establishment of the ASEAN Community*, which is a culmination of an almost five-decade long effort of regional integration that is aimed at building towards a politically cohesive, economically integrated and socially responsible, and a truly people-oriented, people-centred ASEAN Community. The ASEAN Leaders encouraged the United States to contribute towards the realisation of the vision and goals outlined in the ASEAN 2025: Forging Ahead Together.

4. The ASEAN Leaders also *appreciated the United States continued support for ASEAN’s central role in the evolving rules-based regional architecture through ASEAN-led processes*, in particular the ASEAN Plus One mechanism, the East Asia Summit, the ASEAN Regional Forum, the ASEAN Defence Ministers’ Meeting-Plus and the Expanded ASEAN Maritime Forum (EAMF), as well as the United States support for the strengthening of the East Asia Summit as it commemorated its 10<sup>th</sup> anniversary in 2015.

5. *We endorsed the United States request to elevate the ASEAN-United States dialogue relations to a strategic level*. We acknowledged the continued support of the United States for Southeast Asia’s rapid economic growth and maintaining peace and stability. *We adopted the Joint Statement on the ASEAN-United States Strategic Partnership which elevated the ASEAN-United States dialogue*

*relations to a new height by launching the ASEAN-United States Strategic Partnership that is forward looking and comprehensive.* We decided to commemorate our strategic partnership with a special summit to be held in the United States in the first half of 2016.

6. We noted the successful implementation of the Plan of Action to Implement the ASEAN-United States Enhanced Partnership for Enduring Peace and Prosperity 2011-2015 which has been instrumental in furthering our dialogue relations and promoting the establishment of a peaceful, stable, integrated, prosperous, and caring ASEAN Community in 2015.

7. We welcomed the Plan of Action to Implement the ASEAN-United States Strategic Partnership (2016-2020) which identified priorities and measures to be carried out by both sides to further enhance political-security, economic and sociocultural cooperation and realise the full potential of the ASEAN-United States partnership. This Plan of Action would serve as the blueprint of ASEAN-United States dialogue relations and we shall endeavour to implement all identified measures over the next five years.

8. We reaffirmed our commitment to prevent and combat transnational crimes particularly trafficking in persons, sea piracy, counter terrorism and trafficking of wildlife. We will continue to work together in counter terrorism programmes, including through regional cooperation against foreign terrorist fighters and sharing of best practices to counter violent extremism, as well as the implementation of the ASEAN Convention on Counter-Terrorism. We welcomed the signing of the ASEAN Convention Against Trafficking in Persons, Especially Women and Children and its Plan of Action which the United States supports through technical assistance, capacity building and information sharing.

9. We reaffirmed the importance of maintaining peace, security and stability, as well as upholding freedom of navigation in and over-flight above the South China Sea. We shared the concerns expressed by some Leaders over the recent and on-going developments in the South China Sea, including land reclamation, which have eroded trust and confidence amongst parties, and may undermine peace, security and stability in the South China Sea. We noted proposals put forward by various parties to address current and on-going developments as well as to lower tensions in the South China Sea.

10. We welcomed the commitment of ASEAN Member States and China in ensuring the full and effective implementation of the Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea (DOC) in its entirety, as well as to work towards the early establishment of an effective Code of Conduct in the South China Sea (COC). We emphasised the importance for the states concerned to resolve their differences and disputes through peaceful means, in accordance

with international law including 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea.

11. We *pledged to continue our economic cooperation to increase trade and investment as well as create job opportunities in both regions*, and welcomed the establishment of the ASEAN Economic Community by the end of this year. We noted the progress of the ASEAN-United States Trade and Investment Framework Arrangement and the ASEAN-United States Expanded Economic Engagement (E3) Initiatives, which would enhance ASEAN-United States economic relationship. We also welcomed the exploration of new topics to expand our cooperation in the area of trade and investment. We also noted that the ASEAN-US Roadshow will be held in the United States in 2016.

12. We underscored our joint support for the ASEAN Connectivity through Trade and Investment (ACTI) Programme. We welcomed the major progress of the ASEAN Single Window, which the United States has provided technical and financial support to since 2007, the launch of the ASEAN-United States Innovation Challenge Programme, as well as the expansion of ASEAN-United States cooperation with the United States – ASEAN Business Council to support Small and Medium-Sized Businesses, including the upcoming ASEAN SME Academy.

13. We also welcomed the new dialogues between ASEAN and the United States which commenced this year on ICT and aviation, and its ongoing support for greater broadband connectivity in ASEAN as well as on aviation safety.

14. We *noted the conclusion of the Trans-Pacific Partnership which is aimed to promote economic growth, support the creation of jobs; enhance innovation, productivity and competitiveness; raise living standards and reduce poverty; and promote transparency and good governance; and contains strong labour and environmental protections*. The TPP could complement efforts being undertaken by ASEAN towards the establishment of the ASEAN Economic Community and beyond.

15. We *expressed our commitment to further enhance maritime cooperation* through, among others, developing maritime connectivity as well as improving the governance of trans-boundary fishing and traceability of fishery products to address Illegal, Unreported and Unregulated (IUU) fishing based on relevant regional and international standard and instruments. We look forward to further capacity building and other work in this area during 2016. We welcomed the United States announcement of its five-year Oceans and Fisheries Partnership to promote sustainable marine fisheries and combat illegal, unreported, and unregulated fishing.

16. We reiterated our commitment under the ASEAN-United States Joint Statement on Climate Change 2014 to continue working together through a wide

range of activities towards a low carbon economic growth trajectory, enhancing the adaptive capacity of ASEAN to current impacts of climate change and building more climate resilient societies. We recognised the need for urgent and concrete action to address climate change and reaffirmed our commitment to closely cooperate towards the adoption of an ambitious protocol, another legal instrument or an agreed outcome with legal force applicable to all parties under the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC) at the Twenty First Conference of the Parties (COP 21), to be held in Paris, France in December 2015.

17. We reaffirmed our commitment to enhance cooperation in disaster management and emergency response in line with the ASEAN Agreement on Disaster Management and Emergency Response and its Work Programme. We expressed our appreciation to the United States for its continued support for the ASEAN Coordinating Centre for Humanitarian Assistance on Disaster Management (AHA Centre) especially in responding to humanitarian assistance needs in the region and providing support for the victims of natural disaster.

18. *We recognised the great importance of youth development in ASEAN and welcomed the United States initiative to promote people-to-people exchange through various programmes and initiatives in particular the Young Southeast Asian Leaders Initiatives (YSEALI), Fullbright Scholarship Programme and the BD-United States English Language Enrichment Programme. We welcomed the new class of the ASEAN-United States Science and Technology Fellows. We encouraged the United States to continue its collaboration with ASEAN on youth development programmes under the ASCC Blueprint 2025.*

19. We noted the United States programs for women entrepreneurs in ASEAN as well as United States technical support for a victim-centric approach to domestic violence in ASEAN. We welcomed the announcement of a new five-year commitment for the ASEAN-United States Science Prize for Women.

20. We are determined to protect the human rights of women, children, youth and the older persons as well as those of migrant workers, persons with disabilities, members of ethnic minorities groups, people in vulnerable situations and marginalised groups, and promote their interest and welfare in ASEAN's future agenda including through the ASEAN 2025: Forging Ahead Together.

21. We reaffirmed our commitment to ASEAN's efforts to narrow the development gap and enhance sub-regional integration through various initiatives including the Initiative for ASEAN Integration and the Lower Mekong Initiatives (LMI).

22. *We are also determined to continue all our cooperation on economic, social*

*and environmental matters* consistent with and in support of the 2030 Agenda for Sustainable Development and the Sustainable Development Goals adopted by the UN General Assembly on 25 September 2015 to promote the well-being of the peoples of ASEAN and the United States.

23. We *emphasised the importance of sustaining our dialogue relations at the highest level* and looked forward to the 4th ASEAN-United States Summit to be held in Lao PDR in 2016.